

N. 41739

LOẠI SÁCH
DANH NHÂN
VIỆT NAM

Những vì sao Đất nước



tập năm

THANH NIÊN



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách

NHỮNG VÌ SAO ĐẤT NƯỚC
(TẬP NĂM)

Tác giả

NGUYỄN ANH – VĂN LANG – QUỲNH CƯ

Nhà xuất bản

THANH NIÊN

Năm xuất bản

1978

Nguồn sách: Dr. No

Chụp và chuyển text: Dr. No

Kiểm tra chính tả: vqsvietnam,
mopie,
Dr. No,
ThanhLeVN2020

Biên tập ebook: Gassie

Ngày hoàn thành: 16/03/2021

LOẠI SÁCH DANH NHÂN VIỆT NAM

Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «**SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG**» của diễn đàn
TVE-4U.ORG

Cảm ơn các tác giả **NGUYỄN ANH – VĂN LANG – QUỲNH CƯ**
và nhà xuất bản **THANH NIÊN** đã chia sẻ với bạn đọc những kiến
thức quý giá.

LÝ THƯỜNG KIỆT

I

Chiếc cáng gấm màu tía, hôm nay từ trong hoàng thành trở về phường Thái Hòa muộn hơn hẳn mọi ngày. Khi qua gian nhà ông già thợ mộc ở đầu phường, rèm cáng cũng không vén mở như thường lệ, khiến cho chủ nhà, nhác thấy bóng cáng từ xa, đã xẩm nắm thu xếp đồ nghề, đứng chực sẵn ở thềm để chấp tay chào đón như mọi lần cáng đi qua, hôm nay phải ngơ ngẩn đứng nhìn theo mãi cho đến khi hai người lính hộ vệ chạy gần theo cáng đã khuất hẳn vào trong vòm cổng đồ sộ của tòa phủ đệ dựng khang trang ở giữa phường¹.

Những người dân phường Thái Hòa² hôm nay cũng nhận ra vẻ khác thường trong cung cách trở về sau buổi dự đại triều của con người vẫn được trọng vọng nhất phường này. Mấy bà lạ dòng rồi miệng cụm ngay lại để xì xào:

- Quan Đôn quốc Thái úy³ hôm nay hẳn có việc trọng đại...
- Hay là sức lực ngài gặp lúc bất an?

Đứa cháu nhỏ của ông già thợ mộc, thấy ông quay vào nhà, dáng dấp chăm chiêu, cũng lặng lẽ đến gần, nắm lấy bàn tay gân guốc, ngược mắt dò hỏi. Khẽ xoa mái tóc trái đào, ông già thợ mộc gật gật đầu, nhưng chỉ dỗi mắt ra xa, yên lặng suy nghĩ: “Phải, việc triều chính bây giờ đang gặp phải những chuyện tày trời, Quan Đôn quốc Thái úy phen này tất phải vất vả đương đầu...”.

Là người cùng phường lại đồng tuổi với quan Đôn quốc Thái úy, tuy thân phận cách vời, nhưng ông già thợ mộc biết rõ lắm về người đứng đầu triều đình nhà Lý bây giờ. Bởi, từ thuở hàn vi, khi chưa được làm Thiên tử nghĩa nam⁴ và được ban quốc tính⁵, khi còn là chú bé mang tên Ngô Tuấn, quan Thái úy ngày ấy với người thợ mộc này đâu có phải là chỗ xa lạ gì! Những cánh cung, ngày càng có yêu cầu phải cứng mạnh hơn, để cho cánh tay ngày ấy còn mảnh dẻ tập giương dây, phóng tên suốt đêm ngày, chẳng phải do bàn tay thợ này miệt mài chế tạo thì là tay ai? Những thành đất, lũy cát, dựng lên hết kiểu này đến cách khác, để cho khối óc còn non trẻ khi ấy thử tính hết cách công phá lại bố phòng, cũng chẳng phải do bàn tay thợ này vất vả xây đắp thì là tay ai?⁶ Đến khi là một chàng trai hai mươi tuổi, được sung chức Kỵ mã hiệu úy⁷ thì bộ yên cương của viên quan võ trẻ tuổi Ngô Tuấn cũng chẳng phải do bàn tay thợ này dụng công làm thì là tay ai?

Chỉ có từ khi được bổ vào ngạch thị vệ để chuyên hầu vua, nhất là từ khi quyết chí tự hoạn⁸ để vào làm việc hãn trong cung cấm, trải chưa đầy một giáp⁹ đã nổi tiếng nội đình: từ chức Hiệu úy, ít lâu sau đã thăng chức Thái bảo, đứng hàng thứ tư trong triều, rồi chức Thái phó - thứ hai trong triều, để rồi bây giờ, bước hãn lên ngôi Đôn quốc Thái úy đầu triều, Ngô Tuấn - Lý Thường Kiệt mới phải xa người cộng sự cùng tuổi cùng quê với mình. Tuy nhiên, dựng phủ đệ ở phường cũ, mỗi khi từ triều về nhà, có bao giờ Lý Thường Kiệt lại quên vén cánh rèm tía để tỏ mối tình thân xưa cũ với người thợ mộc, nay đã cùng với mình, cứ mỗi ngày một cao tuổi dần lên?

Trong khi người thợ mộc già phường Thái Hòa nghĩ ngợi như vậy thì tại sảnh đường giữa tòa phủ đệ rộng lớn, Lý Thường Kiệt cũng đang trầm ngâm suy tính bên chiếc án thư. Trước mặt ông, mở hé tờ mật trình vừa từ

nơi viên châu phía nam gửi về. Đã xem xong bức mật thư, nhưng hẳn trong tờ trình có điều phải suy nghĩ, cho nên nét mặt vị đại thần đứng đầu triều Lý mới u ám đăm chiêu thế kia! Xoay mãi chén sâm trên tay nhưng không nhấp giọng, Lý Thường Kiệt cúi đầu suy tính nhiên man, thỉnh thoảng lại thốt lên khe khẽ: “Chà, Lý Đạo Thành! Lý Đạo Thành...”.

Hồi lâu, như tạm dứt khỏi mạch suy nghĩ, Lý Thường Kiệt với tay đặt tờ trình mật vào trong chiếc tráp nhỏ ở góc án thư, đoạn gõ một tiếng vào chiếc chuông đồng nhỏ treo bên cạnh án. Bóng viên quan hầu thân tín hiện ra ở nơi cửa ngách, chấp tay, cúi đầu.

– Có tin tức gì từ Ung Châu¹⁰ chưa? Lý Thường Kiệt hỏi khẽ.

– Dạ bẩm, người của ta phái đi đã kịp về tới nơi... Viên quan hầu cũng khẽ khàng trả lời.

– Cho vào hầu ngay!

Tươi nét mặt nhưng vẫn không hết vẻ bồn chồn, Lý Thường Kiệt sửa lại bộ triều phục, tựa mình vào án thư, đợi. Một lát sau, từ nơi cửa ngách, hấp tấp tiến ra một bóng người khoác áo cà sa, cung kính vái chào:

– Trình quan Đôn quốc Thái úy, tiểu tử đã về!

– Miễn lễ – Lý Thường Kiệt chỉ chiếc đôn đặt cạnh án thư cho người khoác áo nhà sư – Bây giờ, người khá vất vả nói cho ta hay công việc bên Tổng triều rồi hãy thảo tờ trình kỹ lưỡng sau.

– Dạ bẩm, tình hình ngoài biên lúc này rất khó. Tiểu tử nhờ tấm áo khoác này và tờ bằng sắc của nhà chùa nên mới tạm che mắt được người Tổng ít lâu¹¹ - Ngồi nhìn trên chiếc đôn, người thám tử của Lý Thường Kiệt vừa sửa lại nếp áo vừa nói nhỏ – Tổng triều vừa cử quan Kinh lược an phủ sứ mới của Quảng Tây là Lưu Di thay Thẩm Khởi¹². Di mới nhận

chức đã hạ lệnh cấm ngay người Việt ta sang đất Tống buôn bán, đề phòng việc trà trộn dò xét tình hình của chúng. Khắp vùng Tả, Hữu Giang đều được lệnh phải nộp thuế bằng nhóc để tích trữ binh lương. Lại ra sức bắt dân vùng Khê Động tập trận, huy động cả thuyền muối để tập thủy chiến...

– Quân đội chính quy của Tống triều đóng tại Ung Châu hiện nay động tĩnh thế nào?

– Dạ bẩm, vẫn có một “tướng” gồm năm nghìn quân chức sẵn để đón và nhập vào đại binh từ phía bắc chưa biết lúc nào sẽ bất thần kéo xuống. Nhưng họ vừa chia quân, đặt năm trại Hoành Sơn, Vĩnh Bình, Thái Bình, Cổ Vạn và Thiên Long bao quanh thành Ung về phía nam, sát biên giới với ta để che chở cho Ung Châu, đề phòng ta đánh úp...

– Chà, bọn này xảo quyệt thật - Lý Thường Kiệt chột nghiêng rằng thốt lên, nhưng rồi lại giữ giọng nhẹ nhàng nói với người thám tử lợi hại: Người hãy lui về nghỉ ngơi tĩnh dưỡng và làm tờ trình cho thật đầy đủ!

Đợi cho tấm áo cà sa nhẹ nhàng lách vào tấm cửa gác, Lý Thường Kiệt mới vươn tấm thân lực lưỡng đứng dậy, đi lại vài bước quanh án thư. Suốt buổi đại triều dự bàn công việc quốc gia đại sự với các đình thần, trở về đến phủ đệ lại dồn dập tình hình biên viễn bắc nam, vị võ tướng đương tuổi năm mươi nhăm sung sức làm việc mà cũng đã thoáng thấy thấm mệt. Nhưng, trước khi lục tráp, cầm lấy tờ mật trình về cự thái sư Lý Đạo Thành ở châu Nghệ An¹³ để mang sang gian tư thất tiếp tục tra xét, Lý Thường Kiệt còn dặn với vào tấm cửa gác:

– Truyền sẵn sàng võng cang để canh năm ngày mai ta vào bệ kiến Hoàng thái hậu!

*

* *

Khi Ý Lan trở thành Hoàng thái hậu Nhiếp chính và Lý Thường Kiệt trở thành Tể tướng, Lý triều đang buổi hưng thịnh, quả cũng đang cần những con người sắc sảo và năng nổ ấy để cần giữ các giường mối, đối với tình thế trong nước, ngoài biên, khiến cho non sông đang đà khởi sắc, càng nhanh chóng thịnh cường.

Đúng là như cá gặp nước, Hoàng thái hậu Nhiếp chính Ý Lan và quan Đôn quốc Thái úy Lý Thường Kiệt, ở những địa vị mới của mình, đã thả sức thi thố những biện pháp dựng nước yên dân, khiến cho chỉ trong một thời gian ngắn mà thế nước và sức dân đã mạnh hẳn lên. Tiếng khen từ khắp nơi bay về càng làm nức lòng người nắm giữ quyền binh và càng thôi thúc lo toan những việc lớn hơn nữa, vào những lúc như lúc này...

Sau khi dâng hầu trà nước xong, đám thị vệ và cung nữ đã lặng lẽ rút cả ra ngoài, gian điện Tập Hiên trở lại không khí trang nghiêm, im ắng. Khi ấy, Lý Thường Kiệt mới nói rõ ý định vào chầu của mình:

– Tâu Hoàng thái hậu, thần vừa thu được những tin tức đáng ngại ở mạn biên cương phía Bắc. Tống triều như vậy là càng ngày càng ráo riết mưu toan xâm lấn. Chiến tranh sớm muộn ắt phải xảy ra, không tránh khỏi. Cho nên thần đã quyết định: Ngồi chờ giặc đến, không bằng đem quân ra trước...¹⁴

Ý Lan mở tròn đôi mắt:

– Xưa nay chỉ có việc giặc đến thì ta đánh, chứ có bao giờ lại xảy ra việc nước nhỏ đánh trước nước lớn như vậy đâu?

– Tâu Hoàng thái hậu, binh lực Lý triều mà thần ra công xây dựng bấy lâu, nay đã đủ mạnh để làm việc đó¹⁵. Vả chăng thần cũng sẽ chỉ nhằm vào thành Ung Châu là trung tâm chuẩn bị các cuộc ra quân xâm lược của Tống triều để mà triệt phá, còn sau đó thì sẽ lui về huy động thêm dân binh đánh giặc trên đất nhà...

– Thôi được, việc binh nhung là sở trường của khanh, ta để khanh mặc sức lo liệu...

– Tâu thái hậu - Lý Thường Kiệt bỗng trở nên đắn đo – Như vậy là thần sẽ phải càn quân ra ngoài cõi một thời gian chưa biết bao lâu. Trong khi đó, công việc trong triều trăm phần bề bộn, không người cáng đáng giúp thái hậu là việc thần lo nghĩ đêm ngày. Cho nên, thần mới tính đến Lý Đạo Thành...

Lần này thì Ý Lan ngạc nhiên thật sự:

– Khanh quên rằng Lý Đạo Thành là người đã tôn phò Thượng Dương, kẻ thù của ta rồi sao? Vả lại, phải chăng trước đây khanh không phải là người chủ trương đưa Đạo Thành đi khỏi triều đình?

– Tâu thái hậu, Lý Đạo Thành là lão thần của Lý triều, một thời giữ quyền tể tướng nên cũng là người biết việc - Lý Thường Kiệt quả quyết - Phạm lỗi, Đạo Thành bị đổi đi coi châu Nghệ An, nhưng việc ấy không phải là không gây chấn động trong lòng người. Chừng nào mà thần còn ở giữa triều đình thì sức chấn động ấy đành phải lắng xuống. Nay thần phải cất quân ra ngoài, việc triều đình sẽ không biết thế nào để lường được. Mà ở nhà nếu không yên thì tướng ra ngoài cõi cũng không thể đánh giặc...

Chờ một lát cho nét mặt Hoàng thái hậu Nhiếp chính dịu lại, Lý Thường Kiệt nhẹ nhàng tiếp:

– Vả chẳng, Lý Đạo Thành từ khi vào coi châu Nghệ cũng không để xảy ra đi đâu tiếng gì. Thần vừa được mật trình là ở nơi viễn châu ấy, Đạo Thành đã cho dựng chùa và mang theo thần vị của tiên đế để thờ. Đành rằng vua không được tế ở nhà thần bộc, cha không được thờ ở nhà con thứ¹⁶, nhưng việc làm ấy của Đạo Thành cũng chứng tỏ là Đạo Thành không có ý gì khác. Vậy nên, nếu bây giờ Hoàng thái hậu lại cho gọi Đạo Thành về triều, trao lại cho Lý lão thần chức Tể tướng như cũ, thần chắc chắn là chẳng những Đạo Thành sẽ hết lòng thay thần giúp thái hậu gánh vác công việc triều chính, mà lòng người ở đâu cũng đều sẽ yên hết!

Vừa nói, Lý Thường Kiệt vừa lấy trong bọc ra tờ mật trình công việc ở châu Nghệ An dâng lên Ý Lan. Liếc qua tờ trình, Hoàng thái hậu nhà Lý bâng hoàng hồi lâu rồi nhìn thẳng vào mắt người đối diện mà truyền phán:

– Quan Đôn quốc Thái úy! Không phải chỉ là việc quân sự mà cả việc chính trị nữa, khanh cũng là người khác vời. Tâm huyết của khanh với Lý triều và nước Đại Việt ta, cũng vừa sâu nặng, vừa rộng mở. Ta thật mừng mà có được một đại thần như khanh...

II

Những đợt gió lạnh cuối mùa thổi lộng trên sông Cầu. Trời đã sắp sang tháng Ba năm Đinh Tỵ¹⁷. Dãy chiến lũy dựng dài tít tắp trên bờ phía nam của dòng sông rộng, tua tủa nhô cao những cọc tre gai nhọn lên bầu trời xám âm u của miền trung du đất nước¹⁸.

Trên một vọng tiêu đầu sông, người thợ mộc già phường Thái Hòa ở kinh thành co ro trong tấm áo lính rộng thùng thình. Từ giữa năm ngoái,

nghe tin giặc Tống sắp vượt biên vào cõi, rất đông người kinh thành đã cùng với người từ khắp các miền đất nước đổ cả về một vùng dọc sông này, theo lệnh nguyên súy Lý Thường Kiệt, cấp tốc dựng lũy cắm chông, xây nên phòng tuyến khổng lồ này để chặn giặc. Người thợ mộc già phường Thái Hòa, khi ấy chẳng đợi phải ai mời giục, đã lẳng lặng xách hòm đồ nghề nhập cùng đoàn trai tráng trong phường, góp vào công trình thổ mộc vĩ đại này những nhát đục đẽo sắc bén, lợi hại của một đời làm thợ của mình. Kịp khi giặc tràn đến bờ bắc sông Cầu, nghe tin triều đình tuyển mộ thêm quân lính chống giặc, ông già Thái Hòa lại lẳng lặng đi gửi hòm đồ nghề, nhận lấy cây giáo và bộ áo lính ở nơi mộ quân, cùng với đủ hạng tuổi tác trong dân các miền, lúc này cũng đều hăm hở kéo lên chiến tuyến sông Cầu với một niềm tin sắt đá mà giản dị: có Thái úy Lý Thường Kiệt bách chiến bách thắng làm nguyên súy trong trận này. Và họ sẵn sàng theo lệnh Lý nguyên súy mà đổ máu ở ngay chính nơi họ đã đổ mồ hôi theo lệnh Lý nguyên súy ngày nào. Riêng ông già thợ mộc ở phường Thái Hòa thì đã sẵn mối quan hệ từ bao lâu nay với Lý Thường Kiệt, nên càng sẵn sàng tỏ rõ nghĩa khí của mình với vị nguyên súy Lý triều cùng quê, cùng tuổi.

Trong tấm áo dân binh kinh thành, ông già bỗng nhận thấy một bóng người cao lớn đang từ phía trong dòng nhằm hướng vọng tiêu của mình, bước tới. Nắm chắc ngọn giáo dài trong tay, ông lão vươn người, neho mắt nhìn. Bóng người đã tiến đến gần, cao lớn, đường bệ, nhưng lại khoác áo lính thường! Một khuôn mặt vuông vức với bộ râu ba chòm thật tốt, nom quen quen lạ lạ, ẩn dưới chiếc nón bịt chóp nhọn của lính phòng thành.

Người dân binh già vội vã nghĩ đến phận sự. Xăng tiếng, ông lão đòi người vừa tới đưa trình thẻ quân. Chẳng nói chẳng rằng, người lính phòng

thành cao lớn chậm rãi lấy ra từ trong ngực áo một chiếc thẻ tre in hai chữ son đỏ “Vũ Thắng”¹⁹, đưa cho ông lão. Nhận ra hiệu quân của một đạo binh nổi danh tri ều đình mà tất cả các hàng dân binh cùng phõĩ thuộc chiến đấu ở đây đi ầu kiềng nề, người lính già có phần rụt rè khi trao lại tấm thẻ cho người vừa tới. Nhưng ông lão vẫn không quên liếc nhìn lại một lần nữa khuôn mặt chắc chắn đã từng gặp mà vẫn không sao gọi nhớ rõ ràng được.

Lơ đãng quài tay c ần lại chiếc thẻ quân, người lính phòng thành cao lớn xoay người, dưới đôi lông mày nét mác, nhìn sang bên kia sông. Phía đó, xa tít, có những bóng người nhỏ xíu, mang sắc phục lạ, đang lằng xằng bên những cỗ máy bắn đạn đá, đặt ở rìa rừng. Phía sau chúng, l ầu trận như bát úp, chạy dọc mãi theo tri ền sông đến tận cùng t ần mắt. Nhô lên trên rừng l ầu trận đó là những ngọn cờ hiệu, chiếc cao, chiếc thấp, chiếc to, chiếc nhỏ. Không nhìn được rõ chữ, nhưng cũng có thể đoán được ra những tên “Triệu”, “Hoàng”, “Vương”, “Miêu”... in trên những lá cờ ấy của bọn tùy tướng, những tên đã từng nhiều phen tung quân sang phá lũy của ta, toan mở đường tiến thẳng tới kinh thành Thăng Long. Bởi đấy chính là đại binh viễn chinh của Tống tri ều.

Một tràng tiếng hét lớn bỗng dội bật lên trên sông nước ngăn đôi trận địa hai bên:

– Này quân ăn cướp! Có giỏi thì dẫn xác sang đây làm keo nũa đi!

Giọng quát tháo r ền r ền như sấm động, vang xa đến hàng dặm, tưởng như không phải thoát ra từ cổ họng người thường nữa. Chiếc nón chóp của người cao lớn mặc áo lính Vũ Thắng vội xoay ngay về phía có tiếng hét. Từ một vọng tiêu xa xa dọc chiến lũy, một dáng hình lực lưỡng đang giơ cao ngọn giáo, vươn người về phía bên kia sông, đâm dứ như trêu chọc quân địch.

Một nét cười thoáng hiện giữa chòm râu chải mượt trên khuôn mặt đăm chiêu, người lính Vũ Thắng khẽ lẩm nhẩm:

– Phải là dân Hải Đông²⁰ thì mới có được cái giọng dữ dằn đến thế!

Ông già thợ mộc phường Thái Hòa thoáng nghe thấy câu ấy, cất tiếng bắt chuyện ngay:

– Quả như vậy! Dân chài biển quanh năm phải thét gió quất sóng mà!

Người cao lớn mặc áo lính thông thả quay lại, tiến một bước đến gần ngọn giáo của người dân binh kinh thành đang đứng canh chiến lũy sông Cầu, ngẫm nghĩ giây lát rồi nhận ra người quen cũ, thân mật hỏi:

– Đây, thế nào? Nhớ nhà chứ?

Ông già phường Thái Hòa hơi ngạc nhiên, một lúc rồi bỗng nói :

– A! Dạ, Quan Thái úy...

Như thấy lỡ lời vì biết đây là Lý Thường Kiệt giả trang đi thị sát trận địa, không tiện lúc nói thật, ông già phường Thái Hòa vội vàng trả lời ngay cho kịp:

– Nhớ thì cũng chẳng làm gì được! Nhưng mà... bác thì khác gì tôi nào?

Người lính Vũ Thắng cao lớn khẽ cười:

– Khác chứ! - Và đổi giọng nghiêm trang: - Liệu thế giặc ra sao? Đánh được không?

– Sao lại không đánh được? Nhưng... có điếu là... một tháng trời nhùng nhằng cầm cự mãi ở đây rồi...

Nghe câu trả lời ấy, người cao lớn mặc áo lính lẳng lặng nhìn người lính già phường Thái Hòa một lần nữa, rồi chẳng nói chẳng rằng, quay

lưng, đi xuống chân lũy.

*

* *

Ngồi trong chiếc lầu trận, nguyên súy Lý Thường Kiệt có dáng dấp chiêm suy nghĩ. Ông đã cử bỏ bộ sắc phục lính Vũ Thắng vừa cải trang đi xem xét chiến trường.

Tình hình chiến tranh đã diễn ra đúng như sự tính toán nấu nung trong bộ óc quân sự thiên tài của ông. Bằng đòn “đem quân ra trước”, ông đã chớp nhoáng đánh hạ thành Ung Châu, triệt phá hàng loạt căn cứ tiền phương của giặc, đập nát cơ sở chuẩn bị chiến tranh của chúng. Rồi đó, giữa lúc triều đình nhà Tống nháo nhào đối phó, ông đã ung dung đưa quân về dựng nhanh phòng tuyến sông Cầu, sẵn sàng chờ giặc. Hiệp đầu của trận đánh, đã giành được phần thắng oanh liệt. Đến hiệp thứ hai này, ông cũng sẽ phải giành được phần thắng lớn như thế.

Trong hiệp này của trận đánh, quyết tâm xâm lược và phục thù của Tống triều thật là lớn. Vì vậy mà, tuy vấp phải vô vàn gian khó do thất bại ở hiệp đầu, Tống triều vẫn gắng sức huy động một đạo binh lớn gồm 10 vạn lính chiến và 20 vạn lính hậu cần²¹ tràn xuống đất đai Đại Việt. Bằng kế sách “nhử địch vào sâu”²², cắt rời thủy quân và bộ binh của chúng, rồi chặn chúng ở phía trước, phá chúng ở phía sau, Lý Thường Kiệt đã làm cho các cánh quân viễn chinh của giặc phải nhiều phen lao đao, khốn đốn. Nhưng quân giặc cũng đã gây cho vị nguyên súy Lý triều những gian lao vất vả chẳng kém. Bữa trước, một mũi nhọn kỵ bộ của giặc, do các tùy tướng Miêu Lý, Hoàng Kim Mãn chỉ huy, đã bất thần vượt bến Như

Nguyệt²³, phá được một đoạn phòng tuyến của ta và những toan tràn thẳng đến Thăng Long. Thế trận tướng đã bị đảo lộn, nhưng sau đấy, đại binh của ta được đi đầu từ phía sau lên, đã cố sức dồn được bọn giặc về bên kia sông.

Lý Thường Kiệt biết rằng đấy là những cố gắng cuối cùng của giặc trong hiệp thứ hai này của trận đánh. Bọn tùy tướng của giặc có thể còn hung hăng, nhưng những tên chủ soái của chúng: chánh tướng Quách Quì, phó tướng Triệu Tiết – những danh tướng của Tống tri ầu mà ông đã dày công theo dõi từng cử chỉ và ý đồ – thì rõ ràng đã bại hoại tận gan ruột rồi! Thám tử của ta, được tung sang trận giặc, vừa báo về một mật lệnh của chính tướng Quách Quì mà họ đã dò được: “Phải án binh bất động, không ai được đánh nữa, kẻ nào bàn đánh sẽ bị xử chém!”²⁴

Như vậy là đã sắp đến lúc chuyển sang hiệp cuối cùng của toàn bộ cuộc chiến: phản công. Các hoàng tử Hoảng Chân và Chiêu Văn, đi đầu bát thủy quân Đại Việt tập kết ở khúc cuối sông Cầu, đã được lệnh của nguyên súy Lý Thường Kiệt chuẩn bị vượt sông tấn công vào quân doanh Quách Quì đóng ở mạn ấy. Còn đích thân nguyên súy Lý Thường Kiệt thì sẽ dẫn đại binh, dùng ngay đường bến Như Nguyệt mà giặc đã sử dụng, đánh thẳng vào quân doanh của Triệu Tiết đóng sâu ở chỗ đối diện, bên kia sông. Đây sẽ là những đòn sấm sét của quân đội Đại Việt, nhằm quét giặc Tống ra khỏi cõi bờ, giữ yên non sông gấm vóc mà suốt một đời theo đuổi binh nghiệp, Lý Thường Kiệt không lúc nào vơi nhiệt huyết dâng tràn tài năng và lòng thành của mình.

Một cơn gió mạnh lùa qua màn cửa, lọt vào trong lều. Cành hoa mai cắm trên án thư rơi nhẹ mấy cánh xuống cuốn binh thư đọc dở, mở dưới bóng hoa. Nhìn những cánh hoa trắng đã ngả sang màu ngà, vị nguyên súy Lý tri ầu th ầm nhủ:

– Thế là sắp hết xuân rồi...

Và ông mỉm cười: “Xuân này, mãi chuyện chống giặc, ta chưa khai bút được bài thơ xuân nào...”

Bất giác, trước mắt Lý Thường Kiệt hiện ngay ra hình ảnh một chú học trò nhỏ, tóc để trái đào, ngày nào cũng men theo con đường xanh mướt thướt tha bóng liễu ven hồ Mù Sương²⁵ để từ phường Thái Hòa ngược lên phường Bái Ân²⁶ theo học ở trường tập văn của danh sư Lý Công Ẩn đông nghịt học trò. Thầy Lý Công Ẩn tuy nhiều học trò như vậy mà ngày ấy vẫn đặc biệt chú ý đến trò nhỏ Ngô Tuấn, tướng võ lộ thật rõ, nhưng làm thơ thì lại thật hay...

Hồn thơ bỗng thức dậy trong lòng vị nguyên súy Lý triều. Xung quanh vẫn yên lặng như tờ. Nhìn đắm đắm vào mấy cánh hoa nằm trên những dòng chữ binh pháp, Lý Thường Kiệt lại thấy thấp thoáng giữa những nét chữ hiện dần ra cả một vườn mai trắng rực ở trước cung vua, trong ngày ông vào cung bái biệt để làm lễ xuất quân. Vua Lý Nhân Tông, vừa mười hai tuổi, vẫn theo đúng điển lễ, xúng xính tẩm hoàng bào, tự tay dắt ngựa dẫn cỗ xe trần của vị đại nguyên súy lăn bánh một quãng đường. Đi theo cạnh cỗ xe, một bên là Hoàng thái hậu Nhiếp chính Ý Lan, một bên là Thái sư Tể tướng Lý Đạo Thành, trịnh trọng vịn tay vào thành xe, đẩy chậm. Và rồi, trước khi rời tay đẩy xe để chiến mã tung vó đưa Lý Thường Kiệt ra chiến trường, Tể tướng Lý Đạo Thành mới từ viễn châu Nghệ An trở về còn ân cần nắm lấy tay người cộng sự trọng đại của mình, đoán chắc với quan Đôn quốc Thái úy rằng, mọi việc ở nhà, sẽ có người hết lòng lo liệu, để cho vị tướng ở cõi ngoài vững trí, yên tâm...

Một niềm phấn chấn trào dâng lâng lâng khắp tâm hồn, Lý Thường Kiệt thông thả với tay cầm lấy cây bút lông dần vào nghiên mực. Đôi mày

nét mác nhú lại rồi giãn ra, Lý Thường Kiệt dẫn đo cân nhắc hồi lâu rồi bỗng ngừng cao đầu, ngẩng thẳng dậy. Vị nguyên súy Lý triều vung tay, lia nhanh cây bút trên trang giấy. Những hàng chữ đen nhánh nối nhau chạy vùn vụt, nét chữ tươi như cắt. Và cuối cùng, Lý Thường Kiệt buông bút, thông thả đứng lên. Đôi mắt nhìn mãi ra xa, nhà thơ võ tướng khẽ hắng giọng, cất tiếng ngâm ngợi:

“ Nam quốc sơn hà, Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư” ²⁷

Cầm tờ giấy thơ, Lý Thường Kiệt lại thông thả ngẩng xuống kỷ. Nhìn lại những hàng chữ còn ướt mực, nhà thơ võ tướng thấy niềm tin sắt đá ở chiến thắng và non sông của ông đã được thi phẩm thể hiện tinh tế. Nhưng làm sao truyền được niềm tin mạnh mẽ này cho quân sĩ để họ sẽ cùng ông dẫn lên trong hiệp đánh cuối cùng sắp tới?

Hình ảnh ông già cùng tuổi và cùng quê ở kinh thành vừa tình cờ gặp gỡ trên chiến lũy hiện ngay ra, khiến Lý Thường Kiệt vừa thấy cảm kích, thú vị, lại vừa thấy ái ngại, âu lo. Trận đánh cầm cự kéo dài đã khiến quân ta cũng có phần nào sốt ruột, mệt mỏi rồi chẳng? Đôi mày nét mác cau lại, vị nguyên súy Lý triều cúi đầu suy tính hồi lâu...

Bỗng nhiên, Lý Thường Kiệt lại đứng phắt dậy. Mạch nghĩ từ người lính già phường Thái Hòa đã dẫn ông đến chỗ vụt nhớ tới giọng thét như sấm rền của người lính Hải Đông trên chiến lũy. Một ý định thoáng hiện ra như làn chớp, Lý Thường Kiệt mừng rỡ truyền lệnh cho quân hộ vệ đi lên chiến lũy tìm ngay người lính Hải Đông về đầu trận của mình.

Không phải đợi lâu lắm, quân hộ vệ đã tìm được người lính Hải Đông đưa về. Chàng trai miền biển có giọng nói của Thiên lôi ấy vẫn còn ngỡ ngàng và cảm động, không hiểu vì sao lại có vinh dự được nguyên súy vời đến tận nơi trưởng lệnh để gặp mặt. Nhưng chẳng để mất thì giờ, Lý Thường Kiệt đã cho đuổi hết tả hữu ra khỏi lâu, rồi vội gọi người lính trẻ lại gần, trao cho bài thơ vừa thảo xong, và hỏi:

– Người đọc được chứ?

– Dạ, tiểu tốt cũng võ vẽ dăm ba chữ!

– Thế thì được rồi - Lý Thường Kiệt vui vẻ - Người giữ lấy bài thơ này, học cho thuộc, rồi tìm cách đọc thế nào để cho cả quân ta lẫn quân giặc đều nghe thấy, được chứ? Giọng của người là giọng trời cho đó!

Người lính Hải Đông lẩm nhẩm đọc bài thơ và chợt hiểu ra ý định sâu xa của vị chủ tướng. Chàng trai biển nở nang mặt mày, ấp úng mãi mới nói được :

– Dạ... tiểu tốt xin làm ngay..

Nhưng vừa toan vái chào chủ tướng để quay ra, người lính trẻ đã ngập ngừng dừng lại. Đoán đo một chút, chàng trai biển cố hạ giọng để nói cho được nhỏ:

– Bẩm nguyên súy... ở gần cửa sông có một... ngôi miếu thờ hai ông thần sông rất lớn²⁸ ! Dân chúng quanh miền này đều nói rằng các vị rất thiêng, vẫn thường hiển thánh để truyền dạy cho dân những đi đâu phải trái - Đổi giọng tinh nghịch, người lính Hải Đông nói tiếp - Dạ, đêm nay, tiểu tốt xin mạo muội nấp trong miếu để đọc thơ...

Lý Thường Kiệt mở to mắt lắng nghe rồi bỗng mỉm cười, nhìn chàng trai Hải Đông chằm chằm. Ý định của người lính trẻ thật táo bạo! Kết quả

lạ kỳ chắc sẽ không thể lường hết được!

Bất giác, vị nguyên súy Lý tri ầu thân mật vỗ vai người lính trẻ, khiến chàng trai biến sung sướng đỏ lựng cả mặt mày:

– Được! Làm ngay đi! Nhưng phải giả giọng cho khéo và nhớ giữ gìn cho thật cẩn mật!

*

* *

Trận đánh đột nhiên nổ ra và kết thúc nhanh chóng. Thây giặc Tống nằm ngổn ngang khắp trên hàng rào chiến lũy, dưới bãi đất ven sông. Hàng chục chiếc bè ghép tạm, vừa chở quân giặc vượt sông, giờ nằm vật vờ sát mé nước.

Bọn tùy tướng Tống tri ầu thấy mùa hè đã sắp tới mà vẫn chưa qua nổi sông C ầu, đã cố gắng thuyết phục được chủ tướng Quách Quỳ lao một cánh quân nữa sang sông, đánh thông một l ần nữa con đường máu tiến về kinh đô Đại Việt. Nhưng quân ta đã tìm ngay chúng lại ở bến sông và diệt sạch, không còn một mống! Chưa bao giờ quân ta lại xuất trận dũng mãnh đến thế. Tin báo giặc vượt sông tiến công vừa đưa về đến l ầu trận của Lý Thường Kiệt, và vị nguyên súy Lý tri ầu vừa đi ầu bát tướng sẽ kéo quân ra bến sông trợ chiến, thì lực lượng quân quan canh phòng chiến lũy đã tự lực cả phá quân giặc r ồi.

Trên bến sông, Lý Thường Kiệt gặp lại người thợ mộc phường Thái Hòa. Ngọn giáo dài của người dân binh, trong lúc xung sát, đã bị gãy làm đôi: cán nằm lại trong tay chủ, còn mũi thì vẫn ghim ở ngực một tên giặc

nằm dưới chân lũy. Người lính già, một tay cầm cây giáo gãy, một tay nắm thanh kiếm chuôi ngà vừa cướp được của một tên tùy tướng giặc, phấn chấn nói với Lý Thường Kiệt:

– Bẩm nguyên súy, quân ta quả là có thần nhân giúp rập thật! Chẳng thế mà hôm nay một địch mười mà vẫn không núng!

Lý Thường Kiệt khẽ mỉm cười, hỏi:

– Thần nhân nào ?

– Bẩm nguyên súy, người không nghe thấy sao? Tất cả anh em chúng tôi ở đây đều nghe rõ tiếng thần sông trong miếu truyên thơ đêm trước. Giọng thơ vang như sấm động, nhắc đi nhắc lại đến mấy lần. Quân Tống bên kia sông cũng nghe thấy, đưa nào đưa nấy đều sợ hãi mất mật²⁹...

Người lính già nói một hơi dài. Lý Thường Kiệt vẫn giữ nụ cười trên khóe miệng:

– Bài thơ như thế nào?

– Dạ, anh em chúng tôi ở đây đều bảo nhau học thuộc cả. Thơ thần chỉ có bốn câu như thế này...

Ông già hăm hở đọc lại một lượt bài thơ “Sông núi nước Nam”. Nghe lại chính thơ của mình, qua giọng đọc sôi nổi của người lính vừa lập chiến công, Lý Thường Kiệt cũng thấy xúc động dạt dào. Vị nguyên súy Lý triều bảo người lính già cùng tuổi, cùng quê với mình:

– Quân ta có những người hăng hái dũng mãnh đánh giặc giữ nước như ông, thì có khác gì được thần giúp!

Lý Thường Kiệt chưa dứt lời thì trên bờ sông, tiếng thét lớn như hôm đi thị sát ông đã gặp, lại bỗng dội cao trên mặt nước:

– Đây, quân ăn cướp! Có giỏi thì dẫn xác sang đây làm keo nĩa đi!

Đó chính là người lính trẻ vùng Hải Đông. Lý Thường Kiệt và người thợ mộc phường Thái Hòa cùng quay nhìn ra dòng sông Cầu đang cuộn trôi xuôi những xác giặc. Bên trận quân Tống vắng lặng như tờ. Nhìn cảnh ấy, Lý Thường Kiệt nghĩ đến những đòn cuối cùng của trận đánh mà nhân đà phấn chấn này của quân sĩ, ông sẽ cho phóng ra, sớm hơn dự tính.

*

* *

Không khí trong gian lầu trận của vị nguyên súy Lý triều bỗng trở nên căng thẳng khác thường. Hai chiếc bản nhỏ kê gần hai bên cửa lầu, tùm tùm những tùy tướng chuyên trách các việc truyền tin và phát lệnh. Quân tế tác³⁰ nối dài hai dãy từ đấy ra ngoài, sẵn sàng chạy hiệu. Đám thân quân hộ vệ chủ tướng xúm xít trước cửa lầu trận. Và phía sau, thủ túc của những đô tướng mà Lý Thường Kiệt đã cất cả về các cánh quân đang giấu kín trong miên, cũng túc trực để sẵn sàng mang lệnh từ nơi lầu trận của Lý nguyên súy về các nơi đóng quân của các đô tướng.

Chính giữa gian lầu trận, oai nghiêm trong bộ giáp trụ sáng loáng, Lý Thường Kiệt ngồi thẳng người trên chiếc ghế trái da cạp. Chiếc kỷ thấp, đặt vừa tầm tay phải, lộ nhô những ống lệnh tiễn, mỗi ống mang một loại thẻ tre có dấu son khác nhau, để tiện đánh dấu những hiệu lệnh tiến, lui, công, thủ, của vị chỉ huy tối cao trong loạt trận đánh sắp mở màn.

Với sáu vạn chiến binh dưới trướng³¹, Lý Thường Kiệt đã cân nhắc nát óc để có thể giáng những đòn trí mạng vào đại binh Tống triều trong hiệp này. Lũ quan quân xâm lược ở bên kia sông đã dồn lực lượng của chúng

thành hai cụm : một ở trước Thị Cầ³², do chính chủ tướng Quách Quì chỉ huy, một ở trước Như Nguyệt, do phó tướng Triệu Tiết chỉ huy. Suy đi tính lại, Lý Thường Kiệt đã quyết định nhằm chính vào cánh quân Triệu Tiết này để hạ một đòn trời giáng, tạo một chấn động toàn bộ cho đại quân Tống triều. Muốn vậy, phải làm cho Triệu Tiết bị bất ngờ trong sự trễ tràng phòng ngự của hắn, và tốt hơn nữa thì hút bớt được cả lực lượng của hắn đi. Như thế thì, tuy đánh đòn chủ công, nhưng sẽ chỉ dùng được kỳ binh ở Như Nguyệt. Còn chính binh thì sẽ trống gióng cờ mở, tấn công vào quân doanh Quách Quì ở phía Thị Cầ. Trong lúc quân Tống dồn cả vào chỗ mà chúng tin chắc là chính trận như thế, kỳ binh sẽ bất ngờ ra quân đánh đòn chính ở Như Nguyệt. Sự biến hóa kỳ ảo của binh pháp như thế, chắc chắn bọn Quách Quì, Triệu Tiết sẽ không thể lường được.

Người lính tế tác đầu tiên từ phía Thị Cầ chạy tin về lều trận của nguyên súy Lý triều đã đưa tin tức tới trước cửa. Lý Thường Kiệt chống tay lên thành ghế, nhõm người về phía trước, nghe một viên tùy tướng báo lại :

– Các hoàng tử Hoằng Chân và Chiêu Văn đã dẫn bốn trăm chiến thuyền chở hai vạn quân vượt sông, vừa hò reo quát tháo, vừa đánh vào trại giặc...

Trận đánh đã mở màn! Gian lều nguyên súy hoạt động hẳn lên. Và tin tức cứ thế mà nối nhau báo về

– Quân ta đã giao chiến cùng quân giặc. Tống binh bị chết rất nhiều. Tiền quân Tống triều đã tháo chạy vào trong núi!

– Chủ tướng Quách Quì của giặc đã tự dẫn đạo thân binh của hắn ra ứng cứu, thấy cả hiệu cờ của các tùy tướng Yên Đạt, Lý Tường, Diên Chủng...

Lý Thường Kiệt rút ra một cây lệnh tiễn:

– Truyền cho hai hoàng tử không được ham đánh. Hễ giặc có thêm viện binh kéo tới thì phải lui quân!

Lính chạy hiệu từ ngoài lều trận, phóng ngựa lao đi như tên bắn, trong khi từ phía Thị Cầu, tin tức vẫn chạy ngược trở về

– Quân ta đang tiến sâu vào đất giặc. Đã cướp được một lá cờ tướng...

– Chủ tướng Quách Quỳ đã phải cho gọi thêm quân của Triệu Tiết đến ứng phó!

Đôi mày nét mác của Lý Thường Kiệt thoáng giãn ra khi nghe tin này, nhưng rồi lại cau lại khi có tin báo tiếp:

– Xuất hiện hai đạo kỵ binh của giặc. Cờ hiệu dẫn đầu mang tên các tùy tướng Trương Thế Cự và Vương Mẫn!

Lý Thường Kiệt rút nhanh cây lệnh tiễn thứ hai:

– Truyền cho hai hoàng tử tránh kỵ binh của giặc mà đưa quân trở về!

Giặc đã phải tung ra những đạo binh tinh nhuệ lợi hại nhất của chúng. Như vậy là đòn đánh dư bằng chính binh của ta đã có hiệu quả. Chỉ còn ngại là các tướng trẻ của ta quá ham đánh mà không tính đến tổn thất...

Lý Thường Kiệt lại chọn lấy cây lệnh tiễn có dấu hiệu khẩn cấp nhất mà truyền lệnh:

– Hoàng Chân, Chiêu Văn phải lập tức lui quân !

Trời đã ngả về chiều. Trận đánh mở màn có thể kết thúc. Lý Thường Kiệt với chiếc ghế hổ, bước ra cửa lều trận. Phía Đông, nơi trận đánh vừa nổ ra, nền trời bỗng đùn lên một đám mây đen, mỗi lúc một lớn. Dưới nền

trời vẫn vụ đó, một bóng ngựa phi như tên bắn trở về Lý Thường Kiệt bước vào lều, và nghe được một tin báo dữ dội:

– Quân ta đã trở về bờ nam ngạn. Nhưng chiến thuyền của hai hoàng tử đi sau cùng, bị trúng đạn từ máy bắn đá của giặc. Các hoàng tử và đội thân quân đều chìm theo thuyền³³...

Trận đánh lẽ ra đã thành công lớn, nếu không có tổn thất này! Nhưng Lý Thường Kiệt chỉ yên lặng một lúc rồi đánh nét mặt lại. Rút một loạt lệnh tiễn, ông truyền cho các đô tướng của mình, đúng giờ Tý³⁴ đêm nay, sẽ phải bất ngờ vượt sông, xung trận. Lý Thường Kiệt đã quyết định khai thác ngay những thuận lợi mà trận đánh mở màn vừa tạo ra. Và cũng là để trả thù cho những người vừa hy sinh vẻ vang cho hiệp đánh cuối cùng này.

Lệnh truyền xong, vị nguyên súy Lý triều chậm rãi tiến ra cửa lều. Và đi thẳng đến chỗ bố trí đám thân quân của mình.

Đêm ấy, nguyên súy Lý Thường Kiệt đã thân chỉ huy đạo kỳ binh ở phía mặt trận Như Nguyệt đánh trúng vào quân doanh Triệu Tiết, rất đúng lúc và đúng dự định. Đòn sấm sét từ chính tay ông giáng xuống lũy Tống binh đang hý hửng, khảng tảng sau trận đánh ở phía mặt trận Thị Cầu, đã dẫn đến kết quả ghê gớm: quá nửa quân doanh Triệu Tiết bị tiêu diệt³⁵!

Và, sau trận ấy, cũng đúng như dự kiến thiên tài của vị nguyên súy Lý triều, cả đạo binh viễn chinh của Tống triều đã bủn rủn rung động, không sao gượng lại nổi, nên đã buộc phải cuốn cờ, rùng rùng rút chạy khỏi cõi bờ Đại Việt³⁶.

III

Ra khỏi cuộc chiến tranh chống Tống với vòng hào quang chiến thắng quanh vương miện, vương quốc Đại Việt sải chân bước nhanh trên con đường cường thịnh, văn hiến. Vua Lý Nhân Tông cũng trưởng thành và ngày càng tỏ ra là một hoàng đế trị vì có bản lĩnh. Đã đến lúc Hoàng thái hậu Ý Lan phải cuốn lá rèm vẫn ngời niếp chính ở đại điện Càn nguyên để lui về cấm cung, yên hưởng hạnh phúc nhàn tản của người làm mẹ vua. Tể tướng Lý Đạo Thành già yếu, đã mất 5 năm sau ngày chiến thắng. Giữa triều đình, chỉ còn lại Đôn quốc Thái úy Lý Thường Kiệt, giờ đã lên hàng lão thần đáng trọng vọng với tuổi sáu mươi ba, và càng được trọng vọng bởi công lao không ai sánh nổi trong suốt những tháng năm hết lòng dựng nước và giữ nước vừa qua.

Uy tín của vị lão thành ở giữa triều đình khiến sự trị vì của nhà vua mười bảy tuổi Lý Nhân Tông có phần kهن vương. Nhận thấy vùng đất phía nam của địa bàn Đại Việt khi ấy cần phải mở mang, gây dựng cho kịp với miền đất quanh kinh kỳ, hoàng đế Lý triều quyết định đổi vị lão thần của mình vào trị nhậm lâu dài ở nơi xa xôi đó.

Cả triều đình ngơ ngác, bàng hoàng trước quyết định của nhà vua. Nhưng triều thần chỉ thấy quan Đôn quốc Thái úy, không chút nề hà, đã vui vẻ rời kinh thành, ra đi.

Mười chín năm vào sống ở Thanh Hóa, Lý Thường Kiệt đã làm thay đổi hẳn miền đất này. Tài năng, đức độ và sự năng nổ của một nhân vật từng trải nhiều năm đảm nhiệm những việc trọng đại của cả một quốc gia, hẳn thừa để giúp ông thi thố những công đức chỉ trên một miền đất nước như miền Thanh Hóa³⁷. Tuy vậy triều đình vẫn trông ngóng ông. Thăng Long mong đợi ông. Và tòa phủ đệ ở phường Thái Hòa cũng chờ đợi ông... Cho đến một ngày, tòa phủ đệ ấy, sau mười chín năm vắng lặng,

bỗng nhiên lại tấp nập những bóng thợ thuyền và lính tráng vào ra, dọn dẹp, sửa sang, tô điểm gấp gáp những chỗ đồ nát, vỡ hỏng ở trong nhà, ngoài vườn...

Người thợ mộc già ở phường Thái Hòa, cùng quê và cùng tuổi với Đôn quốc Thái úy, dĩ nhiên cũng sẽ có mặt ở tòa phủ đệ vốn chẳng xa nhà mình. Ông lão ngoại tám chục tuổi, giờ đã già yếu lắm, nhưng mối tình gắn bó tự nhiên với người đồng tuổi đồng hương đáng kính trọng thì vẫn như xưa. Hòm đồ nghề của ông lão vẫn cùng với bàn tay cặm dùi đục, tuy không còn vững vàng chuẩn xác nữa, nhưng vẫn tham gia mê mải vào đủ mọi việc trong tòa phủ đệ. Và vừa làm việc, ông lão vừa lắng tai nghe ngóng những thợ bạn chuyện trò rôm rả bên bồn hoa, trên giàn giáo...

Chẳng ai bảo ai mà các câu chuyện cứ dồn lại quanh những điếm gờ mà gần đây, mỗi ngày lại mỗi thêm nhiều. Chẳng hạn, một người lính tròn mắt kể lại câu chuyện Thái sư Lê Văn Thịnh - người thay quan Đôn quốc Thái úy làm tể tướng ở triều đình - bỗng nhiên đi thi thố phép lạ lọc được ở nước Đại Lý³⁸ để hóa thành hồ dữ, toan hại vua³⁹. Một người thợ sợ hãi nhắc lại cảnh trời rung đất chuyển năm Dần vừa qua⁴⁰. Một người thợ nữa kể chuyện đi chôn những xác người mắc dịch năm Thìn⁴¹...

Các chuyện lạ cứ râm ran bên tai người thợ mộc già, trong khi ông lão chỉ yên lặng ngẫm nghĩ: đấy chẳng qua chỉ là điếm trời xui khiến đế hoàng thượng phải nhớ đến vị lão thần ở nơi xa mà gọi về đó thôi!

Quả nhiên, đúng như vậy! Quan Đôn quốc Thái úy Lý Thường Kiệt đã nhận được chiếu chỉ của hoàng đế trị vì triệu về kinh thành sau mười chín năm xa vắng. Tòa phủ đệ ở phường Thái Hòa đang được sửa gáp cũng là vì lẽ đó...

*

* *

Trong gian sảnh đường vừa mới được sửa sang lại, Lý Thường Kiệt đang ng ỡ tiếp chuyện riêng người thợ mộc già cùng tuổi, cùng phường với mình. Nép bên ông lão phường Thái Hòa là một cô gái mới chín tuổi nhỏ mà đã hết sức đẹp xinh, linh lợi. Cô gái bé lé mắt qua vai áo ông già mà nhìn vị đại quan đầu triều đường bộ tựa mình vào án thư ở trước mặt. Thân hình to lớn, đôi lông mày nét mác trên khuôn mặt phương phi, vẫn là bóng dáng vị nguyên súy trên chiến lũy sông Cầu từ năm xưa mà cô bé hằng nghe truyền tụng. Duy chỉ có đầu tóc và bộ râu ba chòm dài mượt đến rốn của vị lão thần thì đã bạc trắng như cước r ỡ...

Tiếng người thợ mộc già run run nói với Lý Thường Kiệt :

– Tôi thì đã xuống sức quá thể, cho nên lần ra quân đánh giặc này, chắc là không còn dịp để xin cấp giáo theo hầu dưới trướng được nữa. Thật không tâm cho tôi, con cháu ruột già chẳng còn ai nữa để cậy nhờ việc này. May mà có đứa cháu nuôi đây... - Ông lão chỉ vào cô bé - Cháu nó tên Hoa, họ Trần. Bố nó vốn người Thanh Hóa, từng được gọi ớn mưa móc của quan Đôn quốc Thái úy khi người trị nhậm trong đó, nhưng chắc Ngài chẳng có dịp để ý đến. Giờ thì cha con ra làm ăn ở phường Đại Bi ở cạnh phường Thái Hòa ta đây⁴². Cha con nó biết tôi là chỗ có thể thưa chuyện với quan Đôn quốc Thái úy, nên mới cậy tôi trình với Ngài để xin mở lượng cho cả cha con nó cùng được tòng chinh phen này... Tôi biết đây là việc khó, vì cháu nó là phận gái, nhưng thấy cha con nó quá tha thiết, nhất là con bé thì cứ sôi lên vì chuyện đánh giặc, nên thân già này dù sao cũng thấy ấm lòng, coi như có nó để thay cho phận mình đóng góp với nước non...

Lý Thường Kiệt lặng người bên án thư trước sự việc lạ lùng mà tràn đầy hào khí đó. Không thể nào từ chối những tấm lòng nhiệt tình như thế, ông để cho hai ông cháu người thợ mộc tạm ra về, rồi sau đó, bước lên chiếc cang gấm màu tía vào triều với tâm trạng bưng bưng cảm kích.

Vua Lý Nhân Tông hôm nay mở đại triều ở điện Cần Nguyên để nghe đình thần nghị bàn việc ra quân đánh giặc ở biên giới phía nam. Đây cũng là đi đầu mà thiên hạ đang xốn xang chờ đợi. Bởi từ nhiều hôm trước, khi những bóng ngựa lưu tinh từ phía nam sải vó phóng như bay ra kinh thành, dân chúng các phường phố đã nhanh nhay túm tụm lại để nghe ngóng sự tình. Thế rồi, một đồn mười, mười đồn trăm, tin dữ cứ thế mà bay đi: vua Chế Ma Na của nước Chiêm Thành đã động binh vào cướp đất ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính⁴³ ! Nước Đại Việt bị xâm phạm! Chắc chắn là phải có chiến tranh! Thế là, không ai bảo ai, mọi người đều rộn rịch thu xếp, chuẩn bị. Việc đã thành nếp rồi!

Trong khi đó, chuyện bàn nghị giữa triều đình cũng đang vào lúc sôi nổi. Một vị văn quan xuất ban quì tâu:

– Muôn tâu thánh thượng, người Chiêm động binh phen này, ngoài Chế Ma Na là tay kiệt liệt, còn có phản thần Lý Giác ở Nghệ An chạy sang ám trợ. Giác là kẻ học được pháp thuật lạ, có thể biến được cỏ cây thành người⁴⁴. Chúng thần rất lấy làm lo lắng...

Vua Lý Nhân Tông từ trên bệ ngọc châu mày phán:

– Vậy trăm muốn hỏi các khanh xem ai là người có thể dẹp yên được giặc?

Câu hỏi vừa bay ra, cả trăm cặp mắt trong tòa đại điện đều đổ dồn cả về chỗ Lý Thường Kiệt, râu tóc bạc phơ, đang đứng sừng sững như một

cột trụ ở đầu hàng văn võ bá quan. Từ võ ban, một bóng người quì xuống:

– Muôn tâu bệ hạ, việc này phi quan Đôn quốc Thái úy thì không còn ai lo nổi...

Vua Nhân Tông từ trên bệ ngọc lại chau mày:

– Quân giặc là tay kiệt liệt. Vì thế phải chọn tướng trẻ mà cho đi đánh nó. Thường Kiệt dự việc binh lâu năm, nay đã già rồi. Nếu bây giờ trầm lại giao cho việc binh thì không đành lòng trăm muốn đãi kẻ lão thần!

Cả gian điện yên lặng, một không khí yên lặng, nặng nề kéo dài. Chính lúc ấy, Lý Thường Kiệt từ từ rời chỗ đứng tiến ra giữa sân rồng. Đã có lệ miễn quỳ lạy cho các đại thần trên tám mươi tuổi, thành ra vị Đôn quốc Thái úy râu tóc một màu trắng toát chỉ vòng tay giơ cao trước mặt mà cất giọng sang sảng:

– Muôn tâu thánh thượng, tôi vốn là kẻ đã tự rèn cho mình cái nghiệp của người làm tướng. Trước đây, mấy lần ra quân⁴⁵, tôi may mắn được thành công. Đó là nhờ đức thiêng của Bệ hạ và sự gắng sức của các tướng thần. Nay lại nhờ ơn nước, tôi được dự vào hàng ngôi cao, lộc trọng. Thế mà nếu cứ ngồi yên xem giặc kiêu rông, thì tôi có chết cũng nhất định không nhắm được mắt!⁴⁶.

Đưa bàn tay gân guốc vuốt mạnh chòm râu bạc. Lý Thường Kiệt bừng bừng nét mặt, đưa cặp mắt sáng quắc nhìn khắp hàng bá quan văn võ. Cả triều đình nhà Lý bàng hoàng đứng lặng. Chỉ có vua Nhân Tông lật đật bước xuống chín bậc thềm rồng, cảm động nắm lấy bàn tay vị lão thần.

Việc chọn tướng đi đánh giặc như vậy là đã được quyết định.

*

* *

Triều đình nhà Lý và kinh thành Thăng Long lại một lần nữa đưa tiễn Lý Thường Kiệt ra đi. Trong lễ xuất quân long trọng mà hào hùng, sau khi thân dắt cỗ xe trận của vị nguyên súy đi một quãng đường, vua Lý đã trở về hoàng cung. Bây giờ, đã đến lúc quan Đôn quốc Thái úy xuống xe, lên ngựa.

Hai người lính hộ vệ thân tín đỡ vị lão tướng trèo lên lưng chiến mã. Dưới lá cờ súy mang một chữ “Lý” cực lớn, Lý Thường Kiệt lỏng tay cương cho con ngựa bạch cao lớn thông thả gõ móng, dẫn đầu đoàn quân gươm giáo sáng lóa, trùng điệp kéo đi.

Nhìn người lão tướng vươn mình trên lưng ngựa, râu tóc, giáp trụ và sắc ngựa một màu trắng toát, nhiều người dân kinh thành cảm động không cần nổi nước mắt. Phải, con người lại một lần nữa ra đi kia, thật đã suốt một đời chẳng biết nề hà gì. Cần hy sinh một phần thân thể cũng như cả gia đình và dòng dõi riêng tư để cho được việc lớn, con người đó đã chẳng nề hà. Cần phải đảm đương những việc tày trời trong lúc vận nước như nghìn cân treo sợi tóc, con người đó cũng đã chẳng nề hà. Vinh quang đã đến tột đỉnh, nhưng cần phải rời bỏ cả danh vị lẫn chức quyền, con người đó cũng đã chẳng chút nề hà. Và bây giờ, gần chót cuộc đời, nhưng khi cần phải bảo toàn bờ cõi, con người đó lại cũng chẳng hề nề hà... Nhìn vị lão thần suốt một đời tận tụy vì non sông Đại Việt đang ra đi chinh chiến như thế, có người đã quay mặt gạt thẩn những giọt nước mắt thương cảm cho khỏi sái buổi ra quân.

Trong khi đó, vị lão tướng vừa chẵn tám mươi năm tuổi, vẫn vững vàng trên yên ngựa, nhìn thẳng về phía trước, dẫn đầu đoàn quân truy đi. Không phải để ý nhiều, Lý Thường Kiệt cũng biết rõ lòng dân đối với mình. Vị lão tướng còn biết chắc rằng, trong đám đông chen chúc tiến mình kia, thế nào cũng có mặt ông già thợ mộc phường Thái Hòa suốt đời gắn bó với mình như hình và bóng. Vị lão tướng cũng còn biết rõ là, trong hàng quần dài dặc đằng sau lưng mình, có cả cô gái nhỏ tên Hoa, từ nay cũng bắt đầu gắn bó với sự nghiệp của mình, nên đã được lệnh cải trang thành con trai để cùng cha theo quân ngũ ra trận mạc, đánh giặc như sở nguyện⁴⁷.

Nghĩ về những con người như thế của các thế hệ dân nước Đại Việt đang ở quanh mình, vị lão tướng thấy mình hoàn toàn có đủ sức mạnh để giành toàn thắng trong trận này.

VĂN LANG

TRẦN HƯNG ĐẠO

I

Đánh bại quân xâm lược Nguyên, bắt tướng giặc Ngột Lương Hợp Thai⁴⁸ cùng đám tàn quân phải nhục nhã rút chạy như lũ chuột về nước, vua Trần Thái Tôn⁴⁹ liền mở tiệc khao thưởng các tướng, phủ dụ ba quân ngay trong cảnh đổ nát vì giặc tàn phá ở kinh đô. Trong việc ban thưởng các tướng có công đánh thắng kẻ địch mà vó ngựa của chúng từng băng qua sa mạc Trung Á, tràn tới trung tâm châu Âu, vượt qua Vạn Lý Trường Thành, giày xéo khắp đất Tống mệnh mông, riêng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chưa được vua Trần Thái Tôn đánh giá công bằng. Nhớ lại, giữa lúc đất nước đang chuyển mình dữ dội trước họa xâm lược mạnh như giông bão của giặc Nguyên, đe dọa quét sạch từng gốc cây ngọn cỏ nước Đại Việt, giữa lúc vua Trần đang lúng túng chưa chọn được vị tướng tài nào đem quân đi chặn giặc thì chính Trần Quốc Tuấn là người đầu tiên tình nguyện xin đi cự giặc. Lĩnh ấn Tiết Chế đem quân lên mạn Hưng-hóa bày trận, Trần Quốc Tuấn tỏ rõ là vị tướng xông xáo mưu trí, am hiểu việc dụng binh, khiến cho quân giặc không thể xem thường sức mạnh và khí phách quân dân Đại Việt. Trong đà tiến như vũ bão về Thăng Long, gặp một địch thủ có biệt tài về chiến trận, quân giặc đã phải dừng lại ở Hưng-hóa, đủ thời giờ cho vua Trần đi đầu bát binh mã, lấy lại tinh thần và làm những việc cần thiết trước khi chủ động rút khỏi Thăng Long. Đến khi Ngột Lương Hợp Thai phát hiện ra rằng quân Trần rất mỏng, định giáng đòn búa bổ, bắt sống vị tướng trẻ dũng cảm tài trí của nước Đại Việt thì

chúng bị một đòn lừa tức hộc máu mồm. Trần Quốc Tuấn làm như bày trận đánh lớn nhưng kỳ thực là tiến hành một cuộc rút lui chiến lược bảo tồn lực lượng, để sau đó không lâu, cùng Thái Sư Trần Thủ Độ chỉ huy quân Trần bất ngờ tiến đánh Đông Bộ Đầu, quét sạch quân giặc ra khỏi kinh đô, làm cho bại tướng Ngột Lương Hợp Thai lần trốn về đến Nguyên triều vẫn chưa hết khiếp đảm. Trong chiến công hiển hách đánh bại đạo quân xâm lược tinh nhuệ bậc nhất thế giới lúc ấy, có đóng góp lớn của Trần Quốc Tuấn. Lẽ ra là con An Sinh Vương Trần Liễu, là người gọi Trần Thừa (sau được tôn làm Thái Tổ) là ông nội, gọi vua Trần Thái Tông là chú ruột và là anh Thiên Cảm sau này trở thành hoàng hậu Thiên Cảm, vợ vua Trần Thánh Tông⁵⁰ thì với thiên tài Trần Quốc Tuấn đáng được phong quyền cao chức trọng. Vậy mà khi luận công, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn không được vua Trần đánh giá đúng mức. Mặc dù vậy, Trần Quốc Tuấn cũng không lấy đó làm điếu hận tâm lăm. Vị tướng xuất chúng của đời Trần chưa đầy ba mươi tuổi ấy⁵¹ lại nhớ đến câu chuyện đau lòng cũ: Ngày ấy, thân phụ Trần Quốc Tuấn là Trần Liễu có người vợ yêu là công chúa Thuận Thiên, con vua Lý Huệ Tông, đang có mang. Thái sư Trần Thủ Độ thấy vua Thái Tông chưa có con, nên đã ép Thuận Thiên lấy Thái Tông. Vì lý do đó, Trần Liễu dấy binh chống lại triều đình. Nhưng Trần Liễu bị Trần Thủ Độ đánh bại. Trần Liễu phải đi thuyền độc mộc, giả làm một người đánh cá đến thuyền vua Trần Thái Tông để xin hàng. Trần Thái Tông không những tha tội cho anh mà còn phong cho anh đất An Sinh làm Thái ấp⁵². Tuy vậy Trần Liễu vẫn căm Trần Thái Tông đã cướp mất vợ mình. Có lần, Trần Liễu đã bảo Quốc Tuấn rằng:

– Sau này, nếu con không vì ta mà lấy lại thiên hạ thì ta sẽ không sao nhắm mắt được khi đã nằm xuống đất.

Cũng bởi nuôi ý ấy nên ngay từ khi Trần Quốc Tuấn còn nhỏ, Trần Liễu đã kén những người tài trong nước đến dạy Quốc Tuấn học. Nhờ thông minh tuyệt vời lại hiếu học, Quốc Tuấn đã sớm nắm được tinh hoa của mọi sách vở và sớm nổi tiếng là người văn võ xuất chúng. Những người có dịp gần Quốc Tuấn, nghe Quốc Tuấn bàn về thao lược hoặc có dịp nghe Quốc Tuấn hầu vua giảng nghĩa lý kinh sách, nhất là xem Quốc Tuấn đem những hiểu biết của mình sau khi đọc binh pháp Tôn Tử của Tôn Vũ và phép dụng binh của Ngô Khởi diễn làm đồ trận để dạy các tướng, đều phải thán phục, kinh ngạc trước thiên tài quân sự của vị vương tử rất đẹp trai ấy.

Nhớ lại câu chuyện đau lòng đã qua để cắt nghĩa sự hiềm khích chưa dứt hẳn của vua Trần Thái Tông, tuyệt nhiên Trần Quốc Tuấn không cho lời cha nói là phải. Chứng cứ là trước khi cần trọng binh, Trần Quốc Tuấn đem lời cha mình hỏi thử hai gia nô là Yết Kiêu và Dã Tượng. Cả hai đều nói :

– Làm việc ấy đâu được giàu sang một thời thật đấy nhưng tiếng xấu để mãi nghìn thu. Bây giờ đại vương chẳng giàu rồi ư? Chúng tôi thề rằng thà chết già làm gia nô còn hơn làm hàng quan vô trung vô hiếu.

Có một lần, Trần Quốc Tuấn hỏi người con lớn là Hưng Vũ Vương Trần Quốc Hiến:

– Người xưa làm nên giàu có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, vậy ý con nghĩ sao?

Hưng Vũ Vương thưa:

– Giả sử đối với họ khác còn không nên làm, huống chi là chỗ họ nhà ta.

Trần Quốc Tuấn khen ý của Quốc Hiến.

Lần khác, Trần Quốc Tuấn hỏi người con thứ ba là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng. Quốc Tảng thưa:

– “Xưa Tống Thái Tổ chỉ là một ông lão làm ruộng mà thừa thời dấy vận lấy được thiên hạ”.

Nghe vậy, Trần Quốc Tuấn nổi giận tuốt gươm kể tội Quốc Tảng:

– “Xưa nay, kẻ loạn thần là từ đưa con bất hiếu mà ra. Nói đoạn, ông toan càn gươm giết Quốc Tảng. Quốc Hiến phải khóc xin lỗi cho Quốc Tảng, Quốc Tuấn mới tha”.

Năm tháng qua đi, sống ở Thái Ấp Vạn Kiếp không phải không có lúc Trần Quốc Tuấn thấy lòng mình day dứt. Nhưng là người biết nắm vững sợi cương gìn giữ lòng mình trước những dốc đứng của tâm hồn. Trần Quốc Tuấn luôn đặt lợi nước lên trên quyền lợi của dòng họ. Những tháng năm sống xa kinh thành, xa quyền thế, xa cuộc đời bận rộn, Quốc Tuấn thấy niềm vui trong việc tiếp xúc với nhân dân, với việc luyện binh và hơn hết là thú vui đọc sách, học binh thư. Chính trong căn phòng đọc sách rộng rãi, thoáng mát và yên ắng giữa Vương phủ Hưng Đạo ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn đã dày công nghiên cứu, say mê viết cuốn “Binh thư yếu lược”, phòng lúc cần đến để rèn dạy các tướng. Theo Trần Quốc Tuấn, mọi việc đầu động và diễn biến không ngừng. Phải lo trước những đi đâu có thể xảy ra là bốn phận của kẻ làm tướng.

II

Giữa vương phủ ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn sắc mặt giận dữ nghe sứ giả của thượng hoàng Trần Thánh Tông báo tin giặc Nguyên đang sửa soạn đại binh sang đánh Đại Việt. Trong tờ chiếu gửi Trần Quốc Tuấn, thượng hoàng dặn ông suy nghĩ trước kế đánh giặc, để ba ngày sau, sẽ trình bày ở hội nghị các vương hầu ở bến Bình Than⁵³.

Thế là chiến tranh đã bắt đầu! - Trần Quốc Tuấn tự nhủ khi đã tiễn sứ ra về. Trong suy nghĩ của con người am hiểu binh thư như Trần Quốc Tuấn, chiến tranh không phải bắt đầu từ lúc hai bên dàn trận giáp chiến, mà bắt đầu từ trước đó rất nhiều. Cuộc chiến tranh mà nhân dân Đại Việt sắp phải thực sự đương đầu - một cuộc chiến tranh chắc chắn sẽ vô cùng khốc liệt - đã được bộ óc vĩ đại Trần Quốc Tuấn tiên đoán từ trước lúc ông dành tất cả tâm huyết viết Binh thư yếu lược. Nghĩa là từ khi cuộc đương đầu với kẻ thù còn ở địa hạt ngoại giao, bằng việc Hốt Tất liệt⁵⁴ phong cho chú họ vua là Trần Di Ái⁵⁵ làm “An Nam Quốc Vương”, và trắng trợn lập ra “An Nam Tuyên úy ti”⁵⁶, với tên Sài Thung, đương chức thượng thư bộ Lễ triều Nguyên làm “An Nam tuyên úy sứ đô nguyên soái” đi kèm bù nhìn Di Ái sang Đại Việt. Trần Quốc Tuấn căm giận nhớ lại những tội ác tày trời của giặc hơn hai mươi năm về trước và hàng loạt yêu sách trịch thượng, vô lý của Nguyên triều từ đó đến nay đối với nước Đại Việt. Những cảnh giết người đốt làng xóm, tàn phá kinh thành, cướp bóc hãm hiếp của giặc vẫn còn hằn sâu trong tâm trí Trần Quốc Tuấn. Lần này đem quân sang rửa vết nhục thất trận cũ, chắc sự hung tợn tàn bạo của giặc còn gấp bội. Tổ quốc đang đứng trước hiểm họa xâm lược chưa từng có. Đối với kẻ giặc từng đánh bại nhiều nước, làm cỏ nhiều dân tộc, chúng sẽ không ngần ngại gì mà không làm những điều tàn tệ nhất ở Đại Việt. Không thể được - lòng Quốc Tuấn sôi sục - không thể để giặc hoành hành tội ác trên giang sơn

gấm vóc này; phải chặn không cho giặc phạm tới một ngọn cỏ, một lá cây của nhân dân Đại Việt.

Bởi vậy, kế sách đánh giặc cần phải được trù liệu ngay từ bây giờ. Không trù liệu sớm là có tội với vua, với nước. Trần Quốc Tuấn suy nghĩ về một thế cuộc rộng lớn. Phải tạo cho dân tộc một sức mạnh như nước đổ từ thế cao nghìn nhẵn. Nhưng cái gì là cội rễ của cái thế cao nghìn nhẵn ấy? Quân giỏi, tướng giỏi? Vua, tôi đoàn kết? Trên dưới thuận hòa? Trần Quốc Tuấn căng thẳng suy nghĩ. Những kinh nghiệm đánh giặc hơn hai mươi năm trước và kiến thức uyên thâm về binh thư sau bao nhiêu năm nghiên ngẫm, vận dụng, đã giúp cho Trần Quốc Tuấn sớm tìm ra ngu ồn gốc của sức mạnh ấy. Theo ông, muốn tạo cho dân tộc có thế mạnh áp đảo quân giặc có binh hùng tướng mạnh như quân Nguyên, đi ều cốt yếu là phải quy tụ được ý chí trăm họ về một mối. Trăm họ chính là gốc rễ của cái thế cao nghìn nhẵn ấy. Phải lấy trăm họ làm binh, cổ vũ cả nước đấu sức lại mà đánh. Phải xem sức trăm họ là sức mạnh của khí thiêng sông núi. Chỉ có dùng sức mạnh ấy mới đánh thắng được giặc, giữ được nước. Nhưng muốn huy động được sức mạnh ấy, tri ều đình phải khoan nới sức dân, rủ lòng thương yêu muôn dân, phải có những đạo quân cha con sẵn sàng sinh tử vì vua, vì nước, và đi ều cốt tử bậc nhất lúc này là tri ều đình phải có được sự nhất trí tập trung mọi cố gắng cho cuộc chiến đấu một mất một còn của dân tộc. Trần Quốc Tuấn chợt nhớ đến những lời trăng trối của Phụng Ki ền vương. Dẫu lòng mình đã dứt khoát không bận tâm đến câu chuyện đau lòng ấy, nhưng sự bất hòa giữa Trần Quốc Tuấn và Chiêu minh đại vương Trần Quang Khải, lâu nay khiến ông chẳng dễ quên. Bởi vậy nghĩ đến hiện trạng mình, Trần Quốc Tuấn thấy băng khuâng vô hạn. Trần Quang Khải được phong tước đại vương từ năm mười tám tuổi, hiện

vừa giữ chức thái sư, vừa giữ chức Thượng tướng quân, nắm cả quyền tướng văn, tướng võ. Còn ông thì đã lui về Thái Ấp sống như một hiền triết: đọc sách, nghỉ ngơi ngắm sự đời và học binh thư. Mỗi bất hòa giữa ông và Chiêu minh đại vương dường như cả nước đều biết. Người ta đồn chùng hai vị tướng tài không thể cùng đứng ngang hàng trong triều. Người ta gán ghép hai người gồm nhau về tài cầm quân và so bì trước hơn kém nhưng thiên hạ ít người biết đến nguồn gốc sâu xa của mỗi bất hòa ấy. Thực ra mỗi bất hòa ấy không phải vì chuyện riêng tây mà là hai ngành trưởng, thứ. Hơn thế, là người trọng yếu của hai ngành trưởng, thứ. Mỗi bất hòa ấy còn có dây mơ rễ má từ chuyện xưa giữa Trần Liễu với vua Trần Thái Tông, cho nên giữa Hưng Đạo vương và Chiêu Minh đại vương, chắc vua sẽ nghe theo Trần Quang Khải, hơn nữa Thượng hoàng với Trần Quang Khải là chỗ anh em ruột thịt. Vậy thì - Trần Quốc Tuấn nghĩ - ta sẽ hành động ra sao khi Tổ quốc lâm nguy? Suy nghĩ căng thẳng khiến Trần Quốc Tuấn thấy không khí trong chính đường trở nên ngột ngạt. Ông đứng dậy bước ra ngoài. Các võ sĩ hộ vệ lặng lẽ đi theo. Ra hiệu cho họ ở lại chính đường, Trần Quốc Tuấn chậm chạp đi về cuối Thái Ấp trong ráng chiều vàng, nét mặt phương phi và kiên nghị của vị tướng năm mươi tuổi trông càng thêm rắn rỏi. Trần Quốc Tuấn dừng lại bên quả đồi kề sát địa giới Thái Ấp. Xa kia, rặng núi Yên Tử đã chuyển sang màu tím ngắt. Chuông chùa Kiếp Bạc buông hồi ngân nga trong thinh không. Trên cánh đồng mùa, gia nô Thái Ấp và dân hương Vạn Kiếp mãi mê công việc đồng áng. Ngắm nhìn khung cảnh hùng vĩ, thân thiết ấy, lòng Quốc Tuấn thanh thản trở lại. Những kỷ niệm thời thơ ấu, những đêm trăng vắng vặc với lời trăng trối của Phụng Kiên vương và những ngày miệt mài nghỉ ngơi ngắm sách binh thư như cùng sống lại trong lòng Trần Quốc Tuấn. Ta đã không coi lời cha là phải -

Quốc Tuấn đắm mình suy nghĩ - có lẽ nào ta lại đặt lợi ích của gia tộc lên trên lợi ích của đất nước? Chẳng lẽ chỉ vì cá nhân mình mà không hết lòng lo cho giang sơn lúc nguy biến? Hãy biết gạt đi những vấn vương làm cho trí óc kém minh mẫn – Trần Quốc Tuấn thì thàn với chính mình - Đánh giặc là công việc lớn nhất trong chiến tranh, cho nên, mọi người phải tập trung sức lực trí tuệ cho việc đánh giặc. Trong lúc quốc loạn này, nếu ta và Chiêu Minh đại vương còn xung khắc nhau thì thật là bất hạnh cho nước Đại Việt. Bởi vậy, chính ta phải chủ động dẹp mối bất hòa với Chiêu Minh đại vương. Hơn thế, phải cùng Chiêu Minh đại vương chung lo việc nước.

*

* *

Ngay đêm ấy trước sân chính đường Vương phủ Hưng Đạo ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn đã triệu tất cả tân binh và quân gia nô đến hầu. Hàng trăm ngọn đèn lồng được thắp sáng, soi rõ khuôn mặt đắm chiêu của các con trai Hưng Đạo vương, các gia tướng Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Địa Lô và các hiên sĩ Trương Hán Siêu, v.v... Khi tướng sĩ đã tề tựu, Trần Quốc Tuấn chậm rãi:

– Giặc Thát lãn nửa lăm le xâm lấn Đại Việt. Vó ngựa cuồn cuộn loạn của chúng lãn nửa định phá trụ kinh đô Thăng Long và bao làng xóm yên lành. Các người đã tận mắt nhìn sứ giặc nghênh ngang giữa kinh đô, uốn tấc lưỡi cú vọ làm nhục triêu đình, đem tẩm thân chó dê khinh lòn tổ phụ. Nếu không chặn tay chúng lại, nước này còn được chăng? Ta và các người còn được chăng? Trong lúc quốc gia lâm nguy, nếu tướng sĩ không tập luyện cho thành xương đồng da sắt, không tập luyện để giương cây cung cứng có

sức khỏe bạt non, khí thế nuốt trâu thì làm sao lúc giặc phạm tới bờ cõi, các người có thể đánh đập đầu chúng? Thế nên từ nay, các người phải khổ luyện không tiếc thân, một người địch được nhiều người để làm rạng danh cho núi sông, không hổ thẹn với tiền nhân đã bỏ bao nhiêu máu xương để xây dựng nước và giữ nước...

Từng lời, từng lời của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn như truyền thêm dũng khí cho dân binh và quân gia nô Vạn Kiếp. Tiếng reo hò đáp lại của tướng sĩ từng đợt rộ lên làm náo động canh khuya.

Cuộc hội binh bất thường vừa giải tán thì Trương Hán Siêu bước đến trước mặt Trần Quốc Tuấn:

– Thưa Đại vương! Các bộ lão hương Vạn Kiếp và các hương kế cận xin được ra mắt đại vương. Cặp mắt Trần Quốc Tuấn sáng ngời:

– Cháu hãy dẫn ngay các bộ lão vào chính đường. Rồi ông ra lệnh cho quân hầu sửa soạn rượu đãi khách.

Chỉ một chốc sau, một đoàn các bộ lão các hương xung quanh vùng Vạn Kiếp, xúng xính trong những tấm áo the nhuộm thâm, kéo tới chính đường.

Trần Quốc Tuấn chấp tay chào các bộ lão và mời vào phòng khách. Một cụ già râu tóc bạc phơ, chậm rãi :

– Thưa Đại vương muôn vàn yêu kính: Dân chúng tôi nghe tin giặc phạm đến cõi bờ. Nay mai quan gia sẽ hội vương hầu bàn kế đánh giữ. Chúng tôi tưởng đã già nhưng không thể thấy quốc biến mà bình tâm được. Mất nước là mất hết. Còn nước là còn tất cả. Tiếc mình sức yếu không ra trận được, chỉ xin đại vương cho con em chúng tôi được đứng

dưới cờ đại vương, quyết chiến với giặc, cứu giang sơn khỏi họa diệt vong.

Một nỗi xúc động lớn lao tràn ngập lòng Trần Quốc Tuấn. Lời nói và việc làm của các bô lão càng củng cố thêm chủ trương nuôi sức dân để cố kết lòng dân, phụng sự nghiệp lớn mà bấy lâu Trần Quốc Tuấn ấp ủ. Các bô lão là tượng trưng cho lòng dân cả nước. Sức mạnh của thế hệ già nua được triều đình liệt vào bậc long lão ấy là ở chỗ biết đem uy tín của mình, động viên con cháu sẵn sàng hiến thân cho dân nước, bảo vệ Tổ quốc. Nếu các bô lão trăm người như một, đều có hành động nghĩa cả ấy thì quả là giặc đã chọn lầm đối thủ. Dựa vào các bô lão, ta có thể huy động cả dân tộc ra trận. Lòng dân chính là pháo đài kiên cố nhất, ý chí trăm họ sẽ là tòa thành vững chắc bảo đảm cho chiến thắng hoàn toàn giữ vững non sông xã tắc. Trần Quốc Tuấn thấy ngời lên niềm tin mãnh liệt. Ta sẽ tâu vua hỏi ý các bô lão - Quốc Tuấn thề nhủ - qua các bô lão mà hiệu triệu trai tráng xả thân vì nước. Trong sự xúc động ấy, Trần Quốc Tuấn từ tốn :

– Lo cho vận nước, các cụ đã tự nguyện dâng con em mình cho nước, đây là hành động cao cả rất đáng nêu gương. Xin hỏi các cụ đi đầu nữa: quân giặc thì nông cuồn hung hãn, chiến trận lại xảy ra trên đất nước ta, tránh sao khỏi tổn thất cho trăm họ?

– Thừa Đại vương! Nước mất thì nhà tan - một cụ đáp – vậy nên, có giữ được nước mới yên được nhà.

– Phải, phải đấy! Thừa Đại vương. Nhiều cụ đồng tình.

Trần Quốc Tuấn mời các cụ uống rượu rồi nâng cốc:

– Trăm họ có thể hy sinh từ niềm vui, lẽ sống đến tài sản, tính mạng để chống giặc giữ nước! Trăm họ là sức mạnh vô địch. Chính các cụ dạy ta đi đầu ấy. Ta hứa sẽ tâu lên Quan gia việc làm nghĩa hiệp của các cụ.

Mỗ trong vương phủ cậ̀n canh ba. Linh gia nô đỏi nhau đót đèn lợ̀ng đi tuậ̀n. Tiễn các bô lão về ṛồi, Trậ̀n Quốc Tuấn lại tiếp tục suy nghĩ về những công việc phải làm. Ông vui mừng tìm thấy chỗ dựa to lớn, quyết định trong kế hoạch phá giặc đang hình thành trong đậ̀u ông.

*

* *

Không hẹn mà nên, tất cả các vương hầu khắp nước đậ̀u kéo đến bên Bình Than trước ngày hội sư. Bởi vậy chiệ̀u ấy, khi đoàn thuyền Trậ̀n Quốc Tuấn đến Bình Than, ông đã thấy dọc hai bên bờ sông, đủ các loại thuyền đậu dài san sát mang cờ hiệu của các vương hầu bốn phương tụ về.

Hay tin đoàn thuyền của Hưng Đạo Vương Trậ̀n Quốc Tuấn đã đến, cả bên sông dày đặc thuyền và cờ hiệu của các vương hầu bỗng sôi động hẳn lên. Sự có mặt của vị tướng tài từng lĩnh ấn Tiết Chế quân Trậ̀n đánh bại đại binh giặc hơn hai mươi năm trước, đã đem lại niềm vui và lòng tin tưởng cho các vương hầu khắp nước. Trên thuyền tướng, Trậ̀n Quốc Tuấn thông thả vén bức rèm the, bước ra khoang ngoài. Trong nắng chiệ̀u, giữa rừng cờ phất muôn màu, vẻ mặt kiên nghị của Trậ̀n Quốc Tuấn ánh lên rạng rỡ.

Bổng gia tướng Yết Kiêu bước đến cúi đậ̀u:

– Thừa đại vương! Có quan thượng tướng Thái sư đến thăm đại vương.

Quay về phía sau, Trậ̀n Quốc Tuấn sửng sốt thấy Chiêu Minh đại vương Trậ̀n Quang Khải đi trên chiếc thuyền nhỏ không trưng cờ hiệu, đã

áp mạn vào thuyền tướng của mình.

– Thật hân hạnh được đón tiếp Thượng tướng - Trấn Quốc Tuấn cúi chào, giọng thân mật.

Trần Quang Khải, người đứng đầu triều, hiện thân tóm cả quyên tướng văn tướng võ ấy, nhanh nhẹn bước lên thuyền lớn, giọng cởi mở:

– Vì mong gặp quốc công bàn đại sự, tôi xin quan gia cho đi trước. Chẳng hay quốc công có được mạnh giỏi không ?

Dẫn khách quý vào buồng thuyền tướng, Trần Quốc Tuấn nói vui:

– Thượng tướng trông thì biết. Tôi đủ sức lôi giặc ra giữa sông mà dìm.

Trần Quang Khải bật cười sảng khoái, Ông hiểu vị tướng kiệt xuất triều Trần mượn câu nói vui để ám chỉ chỗ yếu cơ bản của giặc là thủy trận. Chính Trần Quang Khải tâm xin vua hội sư không phải ở kinh đô mà trên bến sông này cũng ngần có ý ấy. Hai bộ óc lớn của triều Trần lúc ấy đã gặp nhau vì thấy cần dựa vào nhau để chăm lo việc nước và sự nhạy cảm được ý đồ của nhau, đã khiến cho Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải xóa đi rất nhanh mỗi hiềm khích cũ.

Hai người bắt tay ngay vào việc nước. Sau lúc thông báo các mặt tinh thần và lực lượng của vương hầu, Trần Quang Khải chợt hỏi Trần Quốc Tuấn:

– Hình như Quốc công có một môn khách mới ở đất giặc về?

Quốc Tuấn thấy không cần giấu người chỉ huy quân Trần lúc ấy:

– Tôi đã phái người ấy đi khi bọn giặc Sài Thung ngông nghênh không tiếp Thượng tướng, lại cho lính lấy mũi sắt nhọn chọc vào đầu tôi⁵⁷. Nghĩa là lúc cuộc chiến đã báo trước không thể tránh được. Con người mẫn cán,

tận trung với nước ấy đã trả lời đầy đủ, rõ ràng những điều tôi muốn biết về địch quân.

Nhắc đến Sài Thung, Trần Quang Khải chau mày:

– Sài Thung xác xược thật nhưng chưa phải là kẻ thù ghê gớm nhất. Lần này giặc phái đại binh sang chính là lúc ta phải diệt tan ngu ồn gốc bạo lực, cuồn chiến của chúng. Thời kỳ ta chịu lép vì sức chưa đủ, của chưa nhiều đã qua rồi. Phải đánh cho giặc khiếp đảm đến ba đời. Việc đi đầu binh khiển tướng, tôi chẳng thể bằng quốc công. Có chiến tranh, mọi việc phải xếp lại. Tôi đã tâu quan gia trao ấn Tiết chế cho Quốc công. Chúng ta phải hợp sức đánh bại quân thù.

– Lúc nào tôi cũng sẵn lòng giúp Quan gia và Thượng tướng việc đi đầu bát binh mã, đánh thắng giặc.

Trần Quang Khải hỏi:

– Ngày mai, Quan gia sẽ cùng các vương hầu nghị kế. Việc gây khí thế ấy là cần. Nhưng lập kế ra quân, Quan gia đã riêng cậy nhờ quốc công. Quốc công đã nghĩ đến việc đó chưa?

Trần Quốc Tuấn cười mở:

– Dụng binh cần hiểu rõ kẻ địch của mình. Hiểu địch rồi mới lập kế ra quân. Mà lập được kế rồi, ba phần đã thắng hai.

Chiêu Minh đại vương phẫn chấn, quên cả giữ gìn:

– Không phải không có người ngại e Quốc công còn bận lòng đến chuyện cũ. Lòng Quốc công sáng như sao Khuê. Vẫn đoán Quốc Công đã trù liệu kế phá giặc từ lâu.

– Dã tâm của kẻ giặc, ai mà không thấy. Binh thư dạy: mạnh mà bị bất ngờ cũng có thể thua.

Trần Quang Khải trở lại thăm chiêu:

– Vừa qua trong cung Quan Triều, tôi được đọc những tờ sớ tấu của các tướng trấn thủ biên thùy. Ở mặt Bắc, giặc động binh năm mươi vạn, nguyên soái giặc là Thoát Hoan, con trai thứ chín của Hốt Tất Liệt, tướng tiên phong là Ô Mã Nhi. Ở mặt Nam, nguyên soái giặc là Toa Đô đã kéo mười vạn quân đổ bộ lên đất Chiêm Thành. Nghe Quan gia nói Quốc công tâu gấp cử quân đi cứu Chiêm Thành. Vì sao vậy?

– Xâm lược Chiêm Thành, cánh quân Toa Đô chính là một gọng kìm giương sẵn để đánh nước ta đó. Bởi thế, đem quân giúp Chiêm Thành đánh Toa Đô chẳng qua là để bẻ trước cái gọng kìm đó mà thôi.

– Việc rất nên, tôi sẽ tâu thêm với quan gia. Về đạo binh của Thoát Hoan, Quốc công nghĩ thế nào?

Trần Quốc Tuấn chậm rãi:

– Những tên tướng giặc mà Thượng tướng vừa kể chỉ là loại tướng dững. Thoát Hoan từng chinh chiến nhiều năm nhưng lần này là lần đầu tiên cần một đạo quân lớn. Hắn đang thèm khát chiến công nên dễ bị khích. Khi bị khích, hắn dễ liều lĩnh, để hở những chỗ yếu trong thế trận. Tướng Ô Mã Nhi người Hốt Tất Liệt, đánh ngựa giỏi nhưng dốt thủy trận. Tất cả chúng chưa đủ bản lĩnh cần quân lớn.

Thần phục những hiểu biết tường tận của Trần Quốc Tuấn về quân giặc nhưng Trần Quang Khải chưa hết băn khoăn:

– Vậy bộ não của quân giặc theo Quốc công là ai?

– Tra cứu nhiều nguồn tin, tôi biết đó là A Lý Hải Nha. Tên này giỏi dùng mẹo, đã từng hạ hàng chục thành Tống. Toa Đô, Ô Mã Nhi đều coi hắn là sư phụ.

Trần Quang Khải khẽ thở dài:

– Hình như gia thần nhà Tống là Lý Hằng cũng là một tướng đáng gờm.

– Đúng vậy - Trần Quốc Tuấn xác nhận - nhưng Thoát Hoan không ưa gì chúng. Sự không nhất trí ấy là chỗ yếu của giặc.

– Tôi hoàn toàn yên lòng vì bọn tướng giặc không tên nào xứng là địch thủ của Quốc công. Nhưng còn quân giặc? Chúng chuyên đánh ngựa, một địch nổi trăm đến như mưa giông, đi như gió cuốn, thật đáng ngại.

– Đây là sự thật. Nhưng bên chỗ mạnh vô địch ấy, giặc lại kém thủy trận. Xem vậy, biết đánh thì vẫn thắng. Vả chăng, đối với giặc dữ, muốn thắng chúng, chẳng những ta cần có tướng giỏi, quân giỏi mà quan trọng hơn là huy động được cả nước vào trận. Lực lượng, ý chí trăm họ bao giờ cũng là cội nguồn của chiến tuyến dân tộc.

Cuộc đàm đạo giữa hai vị tướng trụ cột triều Trần kéo dài suốt cả chiều ấy. Đến khi Trần Quang Khải vui vẻ cáo lui, Trần Quốc Tuấn phác cử chỉ ngăn lại. Ông đến bên Chiêu Minh đại vương cười hóm hỉnh:

– Biết Thượng tướng bận, việc nước ít có dịp tẩm gội, tôi đã mật sai gia nhân đun nước để sẵn. Nay xin được tắm cho Thượng tướng.

Không thể chối từ, Trần Quang Khải, vui vẻ nói:

– Đến cả cõi lòng tôi, Quốc công cũng đã gột rửa, huống chi là thân thể. Được Quốc công thân tắm cho thật là may mắn!

Trời tối dần. Bên Bình Than dậy lên ngàn vạn ngọn đèn lồng đủ màu sắc, trên các thuyền của vương hầu. Cũng từ chiều, dân chúng quanh vùng đã kéo đến đứng đông đặc hai bên bờ sông. Trên bến, dưới thuyền đầu nào nức không khí buổi xuất quân.

II

Hội nghị Bình Than diễn ra cực kỳ sôi nổi và kết thúc tốt đẹp. Khi thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông đem việc lớn của xã tắc ra hỏi, các vương hầu mỗi người một ý nhưng rồi đều nhất trí với kế đánh mà Trần Quốc Tuấn đã dày công chuẩn bị. Hội nghị càng phấn khởi và cảm động khi Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải tâu vua xin nhường quyền tiết chế thống lĩnh binh mã các đạo cho Trần Quốc Tuấn. Đo lường được uy tín tuyệt đối của Trần Quốc Tuấn đối với các vương hầu, sau lúc trở về kinh thành, vua Nhân Tông đã làm lễ trao ấn kiếm Tiết Chế cho Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn. Việc cất cử ấy đã làm cho quân và dân Đại Việt vô cùng phấn khởi. Nhân dân vững tin vào cuộc chiến đấu mà vị Tiết Chế chẳng những là một thiên tài quân sự, biết nhìn xa thấy rộng mà còn là người có phẩm chất đạo đức trong sáng, nặng tình thương dân và yêu quân lính như cha con trong nhà. Bởi vậy, từ kinh đô Thăng Long đến các thôn cùng xóm vắng, trai tráng nào nức tập luyện võ nghệ, sẵn sàng nghe theo mệnh lệnh của Tiết Chế. Các bể lò rèn nôi lửa suốt ngày đêm để rèn vũ khí. Hiểu được lòng ngưỡng mộ của nhân dân đối với mình, Trần Quốc Tuấn thấy rõ lần này chỉ có thể đánh thắng giặc.

Ngày rời Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn tưởng dăm bữa nửa tháng sẽ trở về Nhưng ấn Tiết Chế lưu ông ở lại kinh đô với khối lượng công việc to lớn, nặng nề chưa từng thấy. Việc sắp đặt tướng lĩnh, luyện quân, dự đoán các mũi tiến quân của giặc, giả thiết những khó khăn nhất có thể xảy ra, tìm cách đối phó, đã cuốn hút Trần Quốc Tuấn đến nỗi ông không còn thì giờ dành cho riêng mình. Tuy vậy, Trần Quốc Tuấn làm việc rất thận trọng. Trong việc duyệt lại kế hoạch chống giặc, ông không bỏ qua một chi tiết nhỏ. Ông làm việc với từng tướng, hiểu chỗ mạnh chỗ yếu của từng

người. Ông phán bảo những sự suy nghĩ nông cạn của họ, thành thật khen những ý tưởng táo bạo, cách nhìn nhận tình hình mới mẻ, dự kiến được mọi tình huống để chủ động thực hiện mệnh lệnh của ông. Các tướng tùy tùng của ông nhận rõ mặc dù bận rộn, ông chưa hề cáu gắt với bất cứ ai. Ông muốn cấp dưới dám nói những suy nghĩ riêng, uốn nắn họ để họ hiểu thấu phương lược dụng binh của ông, thực hiện nó một cách mưu trí.

Chính trong những ngày khẩn trương ấy, muốn các vương hầu tướng lĩnh có thêm năng lực chỉ huy quân đội, Trần Quốc Tuấn xúc tiến mở những lớp học binh thư. Vua Nhân Tôn vốn dòng tướng võ, tự cho mình là giỏi, nhưng chỉ dự mấy buổi nghe Trần Quốc Tuấn giảng về nghệ thuật cầm quân, đã tôn Trần Quốc Tuấn là bậc thầy. Thấy vua và mọi người ca ngợi Trần Quốc Tuấn như thần thánh, thượng hoàng Thánh Tôn nửa tin nửa ngờ. Một lần, lấy cớ xem xét các vương hầu học binh thư, thượng hoàng đến giảng võ đường để nghe Trần Quốc Tuấn giảng về nghệ thuật tiến lui, các cơ hội đánh giặc. Ngay từ đầu, thượng hoàng đã bị Trần Quốc Tuấn chinh phục bởi nội dung bài giảng mẫu mực, lối nói rành mạch, khúc chiết:

– Dụng binh phải biết rõ tình hình của địch. Thực hư thế nào rồi nhằm vào chỗ nguy mà đánh. Địch mới ở xa đến, hàng ngũ chưa ổn, có thể đánh; ăn mà chưa phòng bị, có thể đánh; đương rồi ren, có thể đánh; nhọc mệt, có thể đánh; chưa được địa lợi, có thể đánh; lỗi thời không theo, có thể đánh; lặn lội đường dài, quân sau chưa nghỉ, có thể đánh; qua sông nửa chừng, có thể đánh; đường hiểm, đường hẹp, có thể đánh; cò xí loạn động, có thể đánh; tướng lìa quân sĩ, có thể đánh; lòng sợ, có thể đánh. Phàm gặp các trường hợp đó, nên kéo quân tinh nhuệ để xung đột trước, rồi sau chia quân mới đến, cứ việc đánh gấp, không phải ngờ gì nữa.

Cả lớp học chăm chú theo dõi như nuốt từng lời vị tiết chế có học vấn uyên thâm.

Những người dụng binh giỏi không phải chỉ biết đánh - Trần Quốc Tuấn phân chân, tiếp - Thế có lúc không thể đánh ngay được thì nên kéo dài: thế địch rất sắc, tạm phải chờ nó lơ là; Địch đến rất nhiều, tạm phải chờ nó trễ nải; gọi quân chưa đến, phải chờ tập hợp được; người mới phụ chưa hiệp, phải chờ cho họ tin; mưu kế chưa nên, phải chờ cho nó lớn mạnh lên; thời chưa đánh được thời tạm dừng đánh. Động là phải thắng; quân ra phải vẹn toàn. Việc binh không có thử.

Thật là một tay cự phách, một con người mẫn tiệp hiểm thay, - thượng hoàng tự nhủ.

Bỗng từ giữa giảng võ đường, một người đứng vụt dậy, giọng đứt đoạn:

– Thừa Quốc công Tiết chế. Quốc công Tiết chế vừa răn dạy cách đánh, cháu nghe mà sáng mắt ra. Nhưng gặp thế giặc mạnh, có khi phải trốn chạy, binh thư có nói đến không ?

Tiếng cười nhất loạt nổi lên. Thượng hoàng nhận ra trang thiếu niên vừa hỏi câu hỏi “ngộ nghĩnh” ấy là Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản. Hoài Văn vì không được dự hội nghị Bình Than đã tức giận bóp nát quả cảm trong tay và sau đó chiêu binh mai mã luyện tập nghiêm chỉnh, cũng đã được Quốc Công Tiết chế thu dụng - Thượng hoàng nhớ lại - thực ra câu hỏi của Hoài Văn có ý lăm – thượng hoàng nghĩ - chỉ có cách nói năng còn quá bồng bột mà thôi. Thượng hoàng nhìn về phía Trần Quốc Tuấn chờ đợi, lòng vui vẻ lạ thường.

Vừa khi ấy, Hưng Đạo vương mỉm cười độ lượng, cất cao giọng:

– Binh thư, không nói đến việc trốn chạy. Người Đại Việt chúng ta càng không được nói đến câu ấy. Tuy nhiên, việc binh nên nhằm vào chỗ dễ mà tránh chỗ khó. Uy dữ thì hết, sắc nhọn thì gãy. Cho nên, địch đem quân đến, thế bách, muốn thắng ngay, thì ta c ãm. Địch đánh có lợi, ta đánh không có lợi thì ta c ãm. C ãm cho nó đã mệt, bấy giờ ta nổi dậy mà đánh, thì sức vẹn mà công nhiều. Đánh gấp thì thừa cơ, lợi hoãn thì c ãm lại. Thấy chắc thì phòng, thấy mạnh thì tránh. Trêu cho nó tức, nhún cho nó kiêu, địch nhàn thì khiến cho địch nhọc, kéo dài để b ền sức mình, c ãm lâu để làm khốn địch. Dùng sau làm trước, đó là đi ầu bó của phép binh.

Nhi ều tiếng th ần thì thán phục nổi lên. Thượng hoàng Thánh tôn được sự sùng kính vị Quốc công tiết chế trong ánh mắt của từng tướng lĩnh. Một người giỏi giang, một bậc kỳ tài xưa nay - Thượng hoàng xác nhận và bỗng thấy lo lắng.

Kẻ có tài thường dễ kiêu căng. Cho nên cũng là cách nhắc khéo mọi người, thượng hoàng vẫy tay ra hiệu r ồi hỏi Tr ần Quốc Tuấn:

– Trong binh thư có nói đến tướng dũng, tướng tri và tướng nhân. Vậy Quốc công hãy nói cho tướng lĩnh nghe về tướng nhân để làm gương chung.

– Tâu Thượng hoàng! xin cho th ần được tùy tiện bộc bạch những suy nghĩ còn thô thiển. Tướng tài, mà không có nhân đức thì lợi bất cập hại. Tướng nhân phải thanh liêm về của cải, tiết kiệm về tiêu dùng, lơ là về rượu, giữ mình theo lễ; thờ b ề trên lấy trung; vui lo cùng quân lính; lấy của địch mà không tích trữ; nghe mưu mà dùng người; gặp ngờ mà phán đoán; dũng mà không lấn người; nhân mà không bỏ phép; giấu tội nhỏ, r ần lỗi lớn; phạm tội không kể là thân, thưởng công không nghĩ đến thù, người già thì nâng đỡ, người trẻ thì vỗ về; người sợ thì làm cho yên lòng; người

lo thì làm cho vui. Có kiện thì xử đoán, có lạm thì xét rõ; có giặc thì đánh dẹp; kẻ ngang ngược thì giết; kẻ phục tùng thì tha; người mất thì cho được lại; người quên thì nhắc bảo cho; người quy thuận thì cho tước; người hung bạo thì trấn trị; gần người mưu trí, xa người gièm pha. Trong quân có người ốm, tướng phải thân hành đem thuốc đi điều trị, quân có người chết, tướng phải khóc thương; quân đi thú xa thì sai vợ con đến nhà thăm hỏi; phàm có khao thưởng thì chia đều cho quan và quân; khi có hành động thì phải họp tướng tá lại để bàn, mưu đã định rồi sau mới đánh; tướng với binh có cái ân hòa rượu⁵⁸, hút máu⁵⁹, thế gọi là nhân tướng.

Thượng hoàng Thánh Tôn nét mặt rạng rỡ:

– Thực không ngờ Quốc công Tiết chế trong một lúc nghĩ được nhiều đến thế. Nếu ai cũng làm được như lời răn của Quốc công Tiết chế, nước Đại Việt sẽ vô địch. Trong cuộc đọ sức với giặc Mông Thát này, nước Đại Việt phải vô địch. Đáp lại lời Thượng hoàng, cả giảng võ đường rung lên trong tiếng hò :

– Thượng hoàng muôn tuổi! Quốc công tiết chế trường thọ! Nước Đại Việt vô địch!

*

* *

Ra quân dẹp giặc phải một lần truyền hịch. Công việc cuối cùng phải làm trước lúc động binh này, đã được Trần Quốc Tuấn suy nghĩ từ lâu. Cái khó không phải ở chỗ bút pháp có điều luyện hay không mà là có truyền được niềm tin tất thắng, làm dậy lên hào khí dân tộc cho chủ tướng và sĩ

tốt hay không. Với sức nghĩ phi thường, bằng tài diễn đạt, Trần Quốc Tuấn đã đem vào bài hịch cả khí thế hùng hực ra quân của dân tộc. Ngọn bút song chu⁶⁰ trong tay Trần Quốc Tuấn lướt nhanh trên giấy lụa. Tưởng như chính ông phải vội lắm mới ghi kịp những ý liên tiếp nảy ra trong đầu. Giữa lúc ấy, lần nữa, sứ Nguyên bắt tin buộc vua Trần nếu không đầu hàng thì hãy sửa soạn đón binh mã Thiên triều sang hỏi tội. Trong thế thúc bách, Nhân Tông triệu Trần Quốc Tuấn vào cung Quan Triều. Bỏ qua nghi lễ vua tôi, vị vua trẻ hỏi Trần Quốc Tuấn:

– Nguyên Triều huy động năm mươi vạn binh sắp tràn vào nước ta, chưa kể mười vạn binh Toa Đô ở Chiêm Thành đánh ra. Vậy Quốc công tiết chế cần bao nhiêu binh để chống lại?

– Tâu Quan Gia: Giặc có sáu mươi vạn quân. Muốn đánh thắng, ta phải có gấp đôi số quân ấy. Nhưng ta không thể có được số quân ấy⁶¹. Vậy chỉ trông vào binh lính, ta khó mà cự giặc.

Vua Nhân Tông đỡ ngay lời:

– Chúng ta không thể dâng nước cho giặc!

– Lão thần chưa nói cạn lời – Trần Quốc Tuấn vội đáp - một nước nhỏ chống lại một nước lớn có binh hùng tướng mạnh phải có cách đánh riêng. Việc cần kíp lúc này là phải huy động được sức người, sức của của trăm họ mới có đủ lực lượng chống lại giặc mạnh. Muốn vậy, phải nói sức dân để làm cái chức rễ sâu gốc vững. Nghĩa là phải lấy dân làm căn bản, xem dân là gốc nước. Đối với cái gốc ấy phải trồng cho sâu, vun cho vững, chứ không nên những nhiều dân, sưu cao thuế nặng làm kiệt sức dân.

Vua Nhân Tông đắm chiêu:

– Đây là việc làm lâu dài. Còn trước mắt?

– Tâu Quan gia! Quan gia hãy xuống chiếu phủ dụ muôn dân, động viên tất cả trai tráng phải liêu chết đánh giặc ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Khi không chống nổi thì mọi người phải đem theo toàn bộ của cải, thóc lúa lui vào rừng; nếu phải đốt cả nhà cũng không tiếc để khi giặc đến, chúng không cướp được lương ăn, không nơi cư trú. Đến đâu giặc cũng thiếu lương thảo, phải làm mọi việc, từ bắc cầu cống, kiếm lương ăn đến làm nhà ở. Như vậy chẳng bao lâu giặc sẽ kiệt sức. Từ đó chúng sẽ nản lòng, tinh thần bạc nhược. Đợi đến lúc ấy ta dốc sức đánh vài trận là quét giặc dữ.

Không kìm được niềm vui, vị vua trẻ, tính khí còn bồng bột ấy cười lớn và câu chuyện trao đổi giữa hai người cứ thế phát triển.

Vừa khi ấy Thượng hoàng Thánh Tôn bước vào. Hiểu được đầu đuôi câu chuyện của Quan gia với Trần Quốc Tuấn, Thượng hoàng khen:

– Ý Quốc công Tiết chế phải lắm, cần làm ngay. Còn việc sắp xếp các tướng, Quốc công đã định xong chưa?

– Tâu Thượng hoàng, việc đó thần đã có dự kiến,

– Toa Đô là tướng lắm mưu nhiều mẹo, trải việc đời. Quốc công cử ai đi chặn?

– Mặt ấy xa triều đình, cần người có bản lĩnh cần quân. Chỉ có Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải mới đảm đương nổi.

Vua Nhân Tôn kinh ngạc:

– Chiêu Minh đại vương? Còn việc triều chính?

Trần Quốc Tuấn chậm rãi:

– Tâu Quan gia! Nước có chiến tranh, đánh giặc là việc lớn nhất. Chỉ có thượng tướng mới đi đầu khiến nổi mặt trận ấy!

- Mặt bể, Quốc công đã chọn được người chưa? Thượng hoàng hỏi.
- Người ấy phải là vị tướng đánh thủy giỏi nhất nước.
- Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư phải không?
- Việc cần kíp, thần đã lạm sai Nhân Huệ vương đem binh thuyền ra Vân Đồn tập cho quen sóng biển để rồi dễ dàng trận mạc trên sóng nước.

Vua Nhân Tôn phán:

- Việc an nguy của xã tắc, trẫm đã phó thác cho Quốc công. Quốc công cứ tùy tiện định liệu... Còn mặt biên thù, nơi xảy ra những trận đầu với giặc?

Nơi ấy lão thần xin đi đốc chiến bởi vì biết thắng đã khó, biết lui quân để thắng càng khó hơn.

Thượng hoàng vui vẻ:

- Kế đánh giữ, Quốc công đã lập xong, chỉ còn truyềnhịch xuất quân.
- Cả việc ấy nữa, thần sửa soạn đã xong.

*

* *

Tổ quốc lâm nguy. Hưng Đạo vương quyết định làm lễ duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu. Vào những ngày này, không khí Thăng Long náo nức lạ thường. Trên bộ, binh các đạo kéo về ầm ầm như sấm động. Dưới sông, thuyền chiến ken đặc các bên. Từ các phố, bãi tập đến các chợ, đâu đâu cũng sôi sục hào khí ra quân chống giặc.

Sáng sớm hôm ấy, sau lúc quân Long Dực, Hồ Dực lên ngựa đi trước mở đường, Trần Bình Trọng chỉ huy quân tả, hữu Thánh Dực hộ vệ vua Nhân Tôn từ cửa Việt Thành đến Đông Bộ Đầu. Ngay sau kiệu rồng, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải uy nghi trên lưng ngựa chiến, cùng cất bước. Bấy lâu, bận trăm công nghìn việc, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, nhưng Trần Quốc Tuấn vẫn quắc thước lạ thường. Đến bến Đông, vua Nhân Tôn xuống kiệu thân giữ cương ngựa cho Trần Quốc Tuấn bước xuống. Các quan văn võ đại thần và trên hai mươi vạn binh lính, đứng lặng dõi theo vua cùng Trần Quốc Tuấn bước lên đài cờ.

Vua xúc động nắm tay Trần Quốc Tuấn:

– Việc lớn của xã tắc, uy danh nước Đại Việt, trăm Phó Thác cho Quốc Công.

Trần Quốc Tuấn đáp:

– Lão thần thề đem cái chết đổi lấy thanh danh cho Bệ hạ, cho dân nước.

Vua Nhân Tôn ban cho Trần Quốc Tuấn kiếm quý, hàm ý trao cho ông toàn quyền hành động. Trần Quốc Tuấn quỳ xuống đỡ lấy kiếm. Sau đó, đeo cây kiếm quý, Trần Quốc Tuấn xuống đài cùng các tướng tùy tùng đi xem xét các cơ hội thủy binh và bộ binh. Dù binh đông đến ức vạn, nhưng không cần nhìn cờ hiệu, Trần Quốc Tuấn vẫn nhận ra nét khác biệt giữa các đội. Đội quân lực lưỡng nổi tiếng gan dạ, rất giỏi võ nghệ đứng ngay dưới đài là quân Thánh Dực túc vệ thượng đô của Trần Bình Trọng. Đội quân ăn mặc gọn gàng, đẹp mắt, có cả một đoàn kỵ binh hùng hậu kia là quân của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Đội quân đông nhất, binh khí tua tủa, đứng sát mép nước chính giữa là quân của Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn đặc biệt phấn chấn tự hào khi nhận ra

đội quân thủy của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư vừa ở Vân Đồn về, da mặt sạm đen nắng và gió biển, khỏe mạnh và rất có kỷ luật. Và đây, đội quân thiếu niên của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, tươi tắn đứng dưới lá cờ đại mang sáu chữ kiêu hãnh: “Phá cường địch, báo hoàng ân”⁶². Đi xong một lượt, Trần Quốc Tuấn trở lại đài cờ. Một hồi trống đại ngân vang, vọng vào không trung. Dứt tiếng trống, Trần Quốc Tuấn uy phong lẫm liệt hét lớn:

– Bớ ba quân!

Tiếng dạ xé gió nhất loạt nổi lên.

– Ta phụng mệnh Quan gia thống đốc quân sĩ ra phá giặc.

Chúng ta thề quyết xông pha trận mạc như hùm beo, đánh cho lũ giặc nông cuồng kia phải tan tác như chim muông, mảnh giáp không còn, đem lại vinh quang muôn đời cho nước Đại Việt, làm rạng danh cho Quan gia.

Quân sĩ đồng thanh dạ ran.

Nhìn rừng cờ xí rợp trời, nhìn tướng sĩ mặt ngời sáng, đầy sĩ khí, Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc như được chung đúc lại, khiến cho ông càng thấy có đủ sức gánh vác sứ mạng nặng nề

– Trong lễ xuất sư này ta có mấy lời nhắn nhủ các người - Trần Quốc Tuấn rút tờ hịch trong tay áo, tờ hịch mà ông đã soạn bằng cả tâm huyết và bằng tấm lòng yêu nước thương dân cháy bỏng của ông. Tờ hịch ông viết không phải bằng lối văn khoa cử, miệt mài gọt giũa tiểu xảo mà bằng thứ văn hùng hực khí thế chiến đấu, gói gọn các tư tưởng, tâm hồn ông – “Ta từng nghe nói: Kỷ Tín đem thân chết thay, cứu thoát Hán Cao Tổ⁶³. Do Vu lấy lưng đỡ giáo cho Sở Chiêu vương⁶⁴. Dục Nhượng nuốt than báo thù cho chủ⁶⁵. Phàn Khoái chặt tay, cứu nạn cho nước⁶⁶...

Tiếng loa xướng họa lời Quốc công tiết chế được truyền đi khắp hàng quân, tới cả từng khối đông dân chúng tụ tập suốt hai bờ sông, gây nên những xúc động lớn.

– “Huống chi ta và các người sinh ra giữa buổi rối ren, lớn lên nhằm thời nguy cấp, mắt thấy sứ giặc đi lại đường sá nghênh ngang, uốn lưỡi cú vọ xỉ mắng triều đình... Các người ở dưới trướng ta, đã lâu nắm giữ binh quyền, không có áo thì ta cho mặc, không có cơm thì ta cho ăn, thăng chức, cấp lương, cấp thuyền, cấp ngựa...” Trần Quốc Tuấn nhìn bao quát hàng quân. Bằng trái tim mình ông thấy rõ bài hịch của ông đã có sức truyền cảm lớn. Phải, kẻ thù sẽ biết đến lòng căm hờn và ý chí quyết thắng của nhân dân Đại Việt. Chúng sẽ phải nếm đủ các ngón đòn, ở bất kỳ đâu, vào bất cứ lúc nào. Chúng sẽ rã rời, mệt mỏi và khiếp sợ. Và, khi ấy trước đội quân thân yêu, tràn đầy khí phách này xốc tới, giặc chạy đâu cho thoát.

Trong niềm phấn khởi ấy, Trần Quốc Tuấn đọc tiếp đoạn cuối:

– “Bởi vì như vậy tức là các người không hề nghĩ đến mối thù không đội trời chung, điềm nhiên không lo rửa nhục không nghĩ đến việc dẹp giặc, không siêng năng luyện sĩ tốt. Như thế là trở giáo hàng giặc. Rồi đây, khi đã tan giặc, các người sẽ phải để thẹn muôn đời, còn mặt mũi nào đứng giữa trời đất nữa? Vì vậy, ta viết bài hịch này để các người rõ bụng ta”⁶⁷.

Trần Quốc Tuấn dứt lời Tiếng reo hò như sấm động đáp lại:

– Quan gia vạn tuế! Quốc công Tiết chế vạn tuế! Nước Đại Việt hùng cường vạn tuế! Hơn hai mươi vạn tướng sĩ đua nhau gào thét đến vỡ cả giọng.

Ngay sau đấy, nghe hiệu lệnh, cờ nào đội nấy diễu đi trong tiếng trống rung trời, tinh kỳ rợp đất. Ở dưới sông, các thuyền chiến rùng rùng chuyển

động r ồi phút chốc lao đi, tạo nên những đợt sóng dữ dội, táp mạnh vào bờ như muốn cuốn phăng đi những người đứng gần mép nước. Trần Quốc Tuấn nhìn những đoàn quân thân thiết, khí phách hiên ngang diễu qua trước mặt, lòng rạt rào cảm xúc.

Thốt nhiên, một tiếng hét vang như sấm nổi lên:

– Sát Thát! Sát Thát.

Tiếng binh sĩ hòa theo thành từng đợt như không bao giờ dứt. Đôi mắt quắc sáng của Trần Quốc Tuấn mở to. Ông vui sướng nhận ra vị tướng vừa hét vang ấy là Phạm Ngũ Lão, một chàng trai đan sọt có chí lớn vừa được ông tiến dẫn lên quan gia h ồi đầu năm.

Lễ duyệt binh đã kết thúc, Theo lệnh Trần Quốc Tuấn, các đạo quân tiến v ề mặt trận đã được nhận lãnh.

Trần Quốc Tuấn vái vua Nhân Tôn:

– Xin kính chúc Quan gia an khang, trường thọ.

Vua cảm kích:

– Quốc công Tiết chế xin vì trẫm, vì nước mà giữ gìn sức khỏe.

Trần Quốc Tuấn gặp lại Trần Quang Khải:

– Xin Thượng tướng cho truyền lệnh đi các lộ ngay đêm nay.

Trần Quang Khải thân ái c ầm tay Trần Quốc Tuấn:

– Quốc công Tiết chế hãy yên lòng! Kế đã lập, quân đã xuất, thắng lợi đã c ầm chắc trong tay. Chúng ta định ninh lời thềkhải hoàn với kinh thành yêu dấu.

Trần Quốc Tuấn bước lên mũi thuyền trước. Nắng long lanh trong mắt vị Tiết chế trông đẹp như một thiên th ần.

III

Vào những ngày rét nhất trong mùa đông năm 1284, ở quân doanh Vạn Kiếp, Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn được quân tể tác⁶⁸ báo tin:

Năm mươi vạn quân Nguyên do Thái tử Thoát Hoan bắt đầu xuất quân tiến vào nước ta. Trần Quốc Tuấn vội sai người phi báo về kinh đô, mặt khác, phái thêm các tướng Lê Phụ Trần, Nguyễn Khoái, Trần Quốc Toàn v.v... gấp đem binh tăng cường cho mặt trận phòng giữ biên thù. Chính trong những giờ phút thử thách hiểm nghèo ấy, vua Nhân Tông y lời Trần Quốc Tuấn, triệu các bô lão về điện Diên Hồng hỏi kế đánh giữ. Trần Quốc Tuấn được vua vời về kinh cùng thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải lo tổ chức hội nghị. Đúng như dự đoán của vị Quốc công Tiết chế triều Trần, các bô lão trăm người như một, nhất quyết tâu vua đòi đánh. Nghe tiếng hét “đánh” rung lên như sét nổ ở điện Diên Hồng của các bô lão khắp nước, Trần Quốc Tuấn hiểu rằng, đằng sau các đạo binh đã và sắp lên đường chặn giặc của ông, cả dân tộc đều đứng dậy. Đại binh của Trần Quốc Tuấn được cả kinh thành tiễn đưa, lên tới Lạng Sơn thì giặc cũng vừa tiến vào địa phận Đại Việt. Giặc Nguyên đã mở tới ba mặt trận để từ ba phía Đông bắc, Tây bắc và chính Nam dồn lại chiếm kinh đô Thăng Long ép đánh quân ta, hoàn toàn như dự kiến của vị tiết chế quân Trần. Soát lại kế phòng giữ, Trần Quốc Tuấn yên tâm. Ở mạn Tây bắc, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đã đem binh đi từ tháng trước. Ở mặt chính Nam, Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải cũng sắp lên đường. Còn ở mặt trận chính do Trần Quốc Tuấn thân đốc suất, việc bài binh bố trận cũng đã làm xong.

Mặc dù đã được chuẩn bị đầy đủ từ trước, nhưng trước thế giặc mạnh, đạo quân Trần từ các hướng Đông bắc, Tây bắc phải làm một cuộc rút lui

chiến lược để bảo toàn lực lượng. Ở mặt trận chính sau những thắng lợi ban đầu, Trần Quốc Tuấn phải rời bản doanh từ Lạng Sơn về Lạng Giang, rồi lại phải lui về Vạn Kiếp.

Đã từng đánh nhau với kỵ binh giặc Nguyên hơn hai mươi năm về trước, nhưng lần này Trần Quốc Tuấn thấy rõ chúng mạnh hơn gấp bội.

Đặt quân doanh ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn gấp huy động thêm binh mã. Trong hoàn cảnh hiểm nghèo ấy, dân binh các lộ Hải đông, Vân Trà, Ba Điểm đã tình nguyện đến hội dưới cờ ông rất đông. Một nỗi xúc động lớn đến với Trần Quốc Tuấn những con người phú quý vinh hoa thường chẳng bao giờ được hưởng, vậy mà khi vận nước cần đến thì họ tận tụy dốc lòng dốc sức xem việc nước như việc nhà. Vì vậy, chẳng mấy chốc Trần Quốc Tuấn đã có một đạo binh đông tới hai mươi vạn người. Với đạo binh ấy, Trần Quốc Tuấn bày trận “tắm nước” đợi giặc.

Giữa lúc ấy ở kinh đô, biết tin quân Trần bị đánh lui hầu hết các mặt trận, hai vua Trần vô cùng lo lắng. Bởi vậy, hai vua Trần cùng Triều đình rời cung thất, để lại cả kinh thành trống rỗng, chạy ra Hải Đông⁶⁹, không thiết gì ăn uống. Vua Nhân Tông cho vời Trần Quốc Tuấn đến hỏi:

– Trẫm nghe trong truyện Mạnh Tử có nói “Tranh đất, đánh nhau giết người đây nơi đờng áng”. Nay thế giặc to lắm, chống lại không nổi, và dù có chống được, thì dân hại, hay là trẫm hàng đi để cứu mạng cho muôn dân?

Đọc được nỗi lo lắng, mất tinh thần của vị vua trẻ. Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn cả quyết, đáp:

– Ra trận thua được là chuyện thường, chỉ cần bảo tồn được lực lượng và trận cuối cùng ai sẽ thắng. Vả lại, chỉ sợ kẻ giặc tiến binh thận trọng như tằm ăn lá chứ không sợ giặc hùng hổ, hung hãn. Nay Thoát Hoan tiến binh

như gió lốc, nghênh ngang không coi ai ra gì, chính là điểm thua đã báo vậy.

Vua đăm chiêu:

– Chuyện sau thì chưa rõ nhưng trước mắt quân ta không cự nổi giặc mặc sức tàn sát dân lành. Chẳng thà hàng đi để cứu dân, đợi dịp khác sẽ lấy lại nước.

– Tâu quan gia! Không phải giặc đã thắng. Các tướng Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Trần Quốc Tuấn cũng đã đánh lui giặc. Thế đánh chưa có lợi thì ta lui cho kiêu lòng giặc. Chứng cứ là tướng lĩnh chưa ai phải bỏ thân ở chiến trường.

Dừng lại nén xúc động, Trần Quốc Tuấn lại tiếp, giọng đau khổ:

– Vẫn biết bụng Bệ hạ muốn hàng là vì lòng nhân đức, nhưng còn tôn miếu, xã tắc? Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu lão thần đi đã. Đầu lão thần còn thì xã tắc cũng còn. Xin Bệ hạ đừng lo.

– Chẳng riêng gì trăm, triều đình hoàng tộc đâu lo lắng. Hiều bụng trăm, Quốc công hãy cố đánh lấy vài trận để yên bụng trăm và quần thần.

Trần Quốc Tuấn nén giận:

– Việc tiến lui lão thần đã có phương lược. Đánh mà chắc thắng mới đỡ tổn hại xương máu binh lính. Huống chi, giặc hùng hổ tiến sâu vào đất Đại Việt khác nào chúng đi vào chỗ chết. Quân tể tác từ các nơi vừa cho hay: những vùng đất giặc chiếm được cứ 30 dặm, chúng đặt một trạm quân, 60 dặm một trại ngựa, mỗi trại 300 quân trấn giữ để hộ vệ cho việc chuyển lương và cướp lương thảo. Như vậy, giặc sẽ cần bao nhiêu quân khi tiến sâu vào Đại Việt? Đi đến chết của chúng đã lộ.

Vị vua trẻ thoáng vui:

- Gần Quốc công, nghe Quốc công phân giải, trăm thấy yên lòng.
- Tâu quan gia! Lão thần biết chắc rằng quân giặc sẽ không còn tung hoành được đến mùa hè này. Ta sẽ ca khúc khải hoàn vào lúc ấy. Lão thần xin lấy đầu đảm bảo lời nói ấy.

Vua Nhân Tôn vái Trầ n Quốc Tuấn:

- Vận nước nhờ Quốc công sẽ được an hưởng cảnh thái bình, thịnh trị.

Trầ n Quốc Tuấn cáo lui. Ông vội trở về quân doanh Vạn Kiếp.

*

* *

Trần Vạn Kiếp do đích thân Quốc công Tiết chế Trầ n Quốc Tuấn dày công bố trí, chẳng mấy chốc đã bị quân Nguyên do tướng Ô Mã Nhi phá vỡ. Thừa thắng, Thoát Hoan tung quân đánh Vũ Ninh, Đông Ngàn, chiếm Đông Bộ Đầu. Và, sau khi đánh lui được đạo binh tinh nhuệ bậc nhất triều Trầ n do Bảo Nghĩa vương Trầ n Bình Trọng chỉ huy, Thoát Hoan đem đại quân tràn vào Thăng Long.

Giữa tổng hành dinh vừa được lập ở Thăng Long, Thái tử Thoát Hoan nói với Bình chương A Lý Hải Nha, người được xem là linh hồn đạo quân xâm lược Nguyên:

- Ông thường tỏ ra dè dặt đối với dân man Việt. Nay hẳn đã thấy, chúng đã tan tác dưới gót chiến mã của ta. Ngay cả Hưng Đạo Vương tiết chế của quân chúng, người mà các ông luôn tỏ ra sợ hãi về tài dùng binh, trước uy danh của Thái tử Thiên triều, cũng chỉ còn biết chạy.

A Lý Hải Nha nét mặt không vui, đáp:

– Thừa chủ soái! Ta thắng nhanh nhưng tôi có 4 điếu nghi ngại. Thứ nhất, quân man triều tuy thua trận nhưng số bị giết thật không đáng kể. Đường như chúng chưa liều mạng quyết đánh. Lẽ thứ hai, quân man triều rút chạy nhưng dân binh vẫn luôn luôn tiến đánh chúng ta. Ta thắng mà quân thua thiệt nhiều. Lẽ thứ ba, man triều khéo dụ dỗ dân man bỏ chạy, tự phá phách nhà cửa, vườn tược, cất giấu thóc lúa khiến quân ta khốn đốn về lương thảo. Lẽ thứ tư, quân man triều bị bắt không đưa nào chịu hàng phục. Trên tay chúng đều thích chữ “sát Thát” rất đổi đáng giận. Chỉ bấy nhiêu điếu đủ tỏ ra tiết chế quân man giỏi điếu khiến dân man. Xem vậy, chủ soái phải cẩn thận lắm mới được.

Máu hiếu thắng của Thoát Hoan bốc lên:

– Mới có 20 ngày, ta đã lấy được kinh đô Nam man. Bất quá một tháng nữa ta sẽ làm cỏ cả nước này cho ông xem.

Dứt lời, Thoát Hoan triệu các tướng Khoan Triệt, Lý Hằng tới ra lệnh:

– Ta giao cho các người trọng trách phải đem năm vạn binh đi bắt bằng được man vương đem về nộp cho ta rồi lĩnh thưởng.

Vừa lúc ấy Ô Mã Nhi từ Đông Bộ Đầu tới, ra mắt Thoát Hoan:

– Xin chúc mừng Trấn Nam Vương⁷⁰ đã hạ được kinh thành giặc. Mọi việc thế là sắp được định đoạt.

Thoát Hoa mặt mày nở nang:

– Nếu không có tướng quân đánh bại đại binh của Hưng Đạo Vương ở Vạn Kiếp, ta chưa dễ lấy nhanh được kinh thành này.

Ô Mã Nhi đổi giọng :

– Thừa chủ soái! Hôm qua man triều cho tên Đỗ Khắc Chung đi sứ. Tiểu tướng mạn phép chủ soái tiếp hấn. Xem ra man triều thua to mà vẫn

chưa mở mắt.

– Tướng quân hãy kể việc tiếp sứ cho nghe.

– Thừa chủ soái – Ô Mã Nhi hớn hở, đắc ý – câu đầu tiên tiểu tướng hỏi sứ man: ai đã xui quân man thích những chữ bất kính Thiên tri ầu trên tay? Hấn đáp: việc thích chữ đó là tự bụng trung nghĩa của binh lính, chẳng cần ai xui. Tiểu tướng vặn hỏi: Thấy đại quân Thiên tri ầu đến sao vua tôi nhà ngươi không trở giáo cùng nhau đến yết kiến, lại đi chống mệnh? Châu châu đá xe r ỡ sẽ ra sao!

– Hấn đáp sao? Thoát Hoan tròn mắt, hỏi.

Sứ man đáp: quân Nguyên tri ầu ỷ thế sức họ thì thú cùng đường phải cấn, chim túng thế phải mổ, huống chi là người. Tiểu tướng hạch: Vậy sứ đến đây có việc gì. Hấn đáp: tri ầu đình hấn muốn giảng hòa với chúng ta.

– Tướng quân trả lời ra sao? Thoát Hoan sốt ruột, hỏi.

– Ti ầu tướng quát: Nay đại quân mượn đường sang đánh Chiêm Thành, nếu man vương thân đến đây ra mắt, thì trong cõi yên ổn, sợi tóc cũng không ai đụng chạm đến; nhược bằng không đến thì chỉ trong giây phút, giang sơn phẳng nhẵn như không. Nói r ỡ, tiểu tướng cho hấn về tâu với chủ.

– Hay hay - Thoát Hoan khen – tướng quân nói hợp ý ta lắm. Cư xử cao thượng lắm.

A Lý Hải Nha xen vào:

– Thừa chủ soái! Quốc vương Nam man không thực bụng hòa đâu. Họ sai sứ sang dò xét nội tình ta đó thôi.

– Ta đâu bận tâm đến chuyện ấy - Thoát Hoan đáp – R ỡ quay sang phía Ô Mã Nhi, hấn đổi giọng, tiếp – trước đây ta đã hẹn với tướng quân

Toa Đô, khi đem đại binh vào Đại Việt, Toa Đô sẽ khởi binh từ Chiêm Thành đánh ra. Nhưng sao tới nay vẫn chưa thấy Toa Đô động tĩnh gì. Vậy ta phiến tướng quân hãy gấp đem binh vào đó tiếp ứng cho Toa Đô rồi cùng hợp sức đánh ra. Khi ấy vua tôi Nam man chỉ có độn thổ mới thoát chết.

Hạ xong mệnh lệnh ấy, Thoát Hoan lạnh lùng nói với A Lý Hải Nha:

– Rồi ông sẽ thấy ta bắt vua tôi Nam man bỏ rọ đem về dâng vua cha ra sao! Ta sẽ bắt cả nước này làm tôi mọi. Còn Hưng Đạo Vương – con người mà bọn văn quan các ông thường nhắc tới với sự sợ hãi – dẫu có phép tàng hình cũng không thoát khỏi nguy khốn khi hai đạo binh của ta đánh dồn lại.

A Lý Hải Nha cố giấu sự mỉa mai trong câu nói:

– Tôi xin có lời mừng trước những dự định tốt đẹp của chủ soái.

Ngay sau đấy, Thoát Hoan vui đầu vào yến tiệc, chơi bời không bận tâm đến việc binh bị.

*

* *

Trần Quốc Tuấn đang trải qua những khó khăn thử thách vượt quá sức mình. Ngay sau khi trận Vạn Kiếp bị vỡ, ông phải lấy lại niềm tin cho hai vua Trần, vừa đưa vua Trần đi lánh giặc vừa phải theo sát tình hình các mặt trận để chỉ đạo kịp thời. Những tin tức từ các mặt trận đưa về rất xấu :

Ngày 21 tháng giêng năm Ất Dậu (1285), trong trận giao chiến ác liệt với cánh quân của Quan Triệt, Lý Hằng ở Thiên Mạc⁷¹, Bảo nghĩa vương

Trần Bình Trọng đã bị giặc bắt rồi bị giết⁷².

Ngày 1 tháng hai, Chương Hiến hầu Trần Kiện và Lê Tắc trấn giữ Thanh Hóa đã đem tất cả gia quyến sang hàng giặc⁷³.

Ngày 2 tháng hai, các tướng Trần: Nguyễn Tất Dũng, Đinh Xá bị tử trận ở Thanh Hóa.

Ngày 3 tháng ba, đạo quân của vua Trần ở Đại Hoàng Giang⁷⁴ bị giặc phục đánh. Bọn Văn Nghĩa hầu Trần Tú Viên và Văn Chiêu hầu Trần Văn Lộng trốn sang hàng Thoát Hoan.

Trần Quốc Tuấn đặc biệt choáng váng khi nhận được tin đạo quân của thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải bị quân Toa Đô có bọn Trần Kiện giúp sức, đánh thua ở Nghệ An.

Mấy ngày sau tin dữ đưa về Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, kẻ từng thềm khát ngôi vua, thềm khát cả chức tiết chế quân Trần, đã đem cả gia quyến sang hàng giặc⁷⁵.

Trước tình hình ấy, mặc Trần Quốc Tuấn can gián, vua Trần sai Trung Hiến hầu Trần Dương đi thương thuyết với Thoát Hoan. Vua còn đưa cả quốc muội An Tư công chúa⁷⁶ dâng Thoát Hoan để xin được thư nạn nước.

Mặc dù phải đương đầu với hàng loạt khó khăn chìm ngập trong hàng đồng công việc hệ trọng, Trần Quốc Tuấn không hề nao núng. Ông bám sát các chiến trường và làm việc không kể ngày đêm để chỉ đạo các tướng cách đối phó với giặc và tìm sơ hở của giặc.

Nhận thấy mưu đồ của giặc đang muốn từ hai mặt Bắc Nam đánh kẹp lại chủ lực quân Trần sau lúc quân Ô Mã Nhi đã gặp quân Toa Đô ở Thanh Hóa, Trần Quốc Tuấn thấy cần tung thêm lực lượng chặn ngay đạo quân

này. Trần Quốc Tuấn lập tức phái danh tướng Phạm Ngũ Lão đem quân vào Nghệ An hợp sức với Trần Quang Khải phá giặc.

Ít lâu sau tin vui báo về Trần Quang Khải và Phạm Ngũ Lão đã đánh lui quân Toa Đô, Ô Mã Nhi. Các tướng giặc đang cướp đường chạy ra Thăng Long, hiện chúng đã tới Trường Yên⁷⁷.

Tình hình đã đổi khác, Trần Quốc Tuấn dời quân doanh về Thiên Trường⁷⁸. Ông phát hiện thấy quân giặc đã mất tinh thần. Hơn thế, chúng đang vấp phải một khó khăn lớn, không sao chạy đủ lương thảo nuôi quân. Như vậy, thời cơ phản công đã đến. Ông hướng cuộc phản công chiến lược đầu tiên không phải vào đạo quân của Thoát Hoan, đạo quân đang kiêu căng khinh địch mà vào đạo quân của Toa Đô đã mệt mỏi vì chiến tranh với Chiêm Thành từ năm 1283, nhất là vì cuộc hành quân từ Chiêm Thành ra Bắc. Bởi vậy, Trần Quốc Tuấn triệu tập các tướng về quân doanh Thiên Trường. Trong cuộc họp cơ mật ấy, vị Tiết chế quân Trần xin vua Trần cho lệnh bắt đầu phản công và chọn tuyển giặc Nguyên xây dựng trên sông Hồng làm hướng tiến đánh trước tiên. Ba trận đánh lớn mở màn cho cuộc phản công chiến lược đã được Trần Quốc Tuấn quyết định. Đích thân Trần Quốc Tuấn sẽ chỉ huy đánh đại đồn A Lỗ⁷⁹ để gây khí thế cho toàn quân, làm mất nhuệ khí của giặc. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đánh tiếp vào cửa Hàm Tử⁸⁰. Rồi đó, căn cứ Chương Dương⁸¹ sát phía Nam thành Thăng Long sẽ do Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải đảm nhận.

Chỉ mấy ngày sau, trận đánh mở màn do chính Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo chỉ huy nhằm vào A Lỗ đã bùng nổ. Quân Trần xung trận với khí thế ngất trời, đánh tan tác cánh quân của Vạn Hộ Lưu Thế Anh, buộc tên tướng giặc gian hùng, xảo quyệt này phải tất tả tháo chạy.

Khí thế quân Trần lên nhanh như diều gặp gió.

Mấy ngày sau, Trần Quốc Tuấn được báo Trần Nhật Duật và các phó tướng Nguyễn Khoái, Trần Quốc Toản có tướng Tống Triệu Trung giúp sức, đã cả phá quân giặc ở Hàm Tử.

Sau hai trận thua lớn, quân xâm lược Nguyên mất hết tinh thần. Nhân cơ hội ấy, Trần Quốc Tuấn phái thêm các tướng Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản giúp sức Trần Quang Khải tiến đánh căn cứ Chương Dương. Chỉ sau một trận xung sát ác liệt, căn cứ Chương Dương với một đạo binh thuyền không lờ bảo vệ mạn Nam kinh thành Thăng Long của giặc đã bị đánh tan nát. Mất Chương Dương, quân Thoát Hoan ở Thăng Long sẽ lâm nguy. Bởi vậy, Thoát Hoan đã phái nhiều cánh quân đi cứu viện. Nhưng tất cả những cánh quân này đều bị phục đánh tơi bời. Vòng vây xiết dần vào tổng hành dinh quân giặc ở Thăng Long. Đến lượt Thoát Hoan dốc hết đại quân ra quyết chiến. Nhưng quân hấn đại bại. Đến lúc phải rút chạy trở về, Thoát Hoan kinh hoàng thấy quân Trần do Phạm Ngũ Lão chỉ huy đã xuất kỳ bất ý tràn vào Thăng Long từ trước. Thoát Hoan phải dẫn tàn quân cướp đường chạy lên Bắc Giang.

Hay tin đạo quân của Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản đã khôi phục kinh thành đuổi đại binh Thoát Hoan chạy lên Bắc Giang và Toa Đô, Ô Mã Nhi đang cụm lại ở Tây Kết, Trần Quốc Tuấn quyết dốc toàn lực đánh những trận cuối cùng, quét sạch giặc Nguyên ra khỏi bờ cõi. Bộ óc mẫn tiệp đã giúp vị Tiết chế sớm hoạch định được kế đánh táo bạo, chính xác, có hiệu quả lớn. Trước hết, Trần Quốc Tuấn gấp phái đi những cánh quân chặn những đường rút của giặc, truyền hịch đi các lộ kêu gọi dân binh nổi lên quét giặc trừ gian. Rồi đó, ông đem toàn quân đánh mạnh vào hai đạo binh giặc ở Tây Kết và Bắc Giang.

Quyết diệt gọn đạo quân giặc hiện đóng thành ba trại ở Tây Kết, Trần Quốc Tuấn đi đầu ba cánh quân do các tướng Lê Phụ Trần, Hà Chương; Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái; Hưng Vũ vương Quốc Hiến, Hưng Hiến vương Quốc Uy, các gia tướng Cao Mang, Đại Hành đem cả thủy hơn một vạn quân đánh thẳng vào Tây Kết. Để chặn đường chạy ra biển của giặc, Trần Quốc Tuấn còn sai Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng đem ba ngàn quân phục sau núi Tây Kết. Chỉ sau một trận giao chiến ác liệt, ba trại giặc do các tướng Đường Ngột Đãi, Ô Mã Nhi, Toa Đô thống lĩnh gồm hơn năm vạn quân, bị đánh tơi tả. Các tướng giặc đem tàn quân tháo chạy ra biển, đã lọt vào trận phục kích tài tình do sự tính toán chính xác của Trần Quốc Tuấn. Danh tướng Toa Đô bỏ xác trong đám loạn quân⁸². Ô Mã Nhi phải cướp thuyền con lén chạy ra bể⁸³ để lại hơn năm vạn quân bị giết và bị bắt sống.

Sau chiến thắng Tây Kết, một thế trận lợi hại của một thiên tài quân sự được triển khai. Và ngay từ đầu, tướng giặc Thoát Hoan đã mắc vào bẫy, tỏ rõ sự ngu xuẩn đến đần độn trước vị Tiết chế lỗi lạc của quân Trần. Ấy là trước khi thân đem đại binh lên đánh Thoát Hoan, Trần Quốc Tuấn đã cử Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái đem ba vạn quân lên đường núi, phục sẵn trong rừng sậy bên khúc sông ở Vạn Kiếp. Sáng suốt hơn, Trần Quốc Tuấn còn cử các con mình là Hưng Vũ vương Quốc Hiến, Hưng Hiến vương Quốc Uy đem ba vạn quân đi đường Hải Dương ra Quảng Yên, chặn được giặc về châu Tư Minh.

Không thể hiểu nổi ý đồ chiến lược của Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo, Thoát Hoan ý còn mười vạn binh trong tay quyết bày trận đương đầu với đại quân Trần. Nhưng tên tướng tự phụ, từng tuyên bố sẽ bắt vua Trần và Tiết chế Trần Hưng Đạo bỏ rọ đem về nước, hơn thế,

muốn biến nhân dân Đại Việt thành tôi mọi của hần, đã bị đánh gục. Lần đầu tiên sức mạnh ghê gớm nhất của giặc Nguyên đụng phải Trần Quốc Tuấn và chịu thất bại ê chề. Không thể đương đầu nổi trước những dòng thác quân Trần xung trận trong khí thế ngất trời, quân bộ, quân kỵ của giặc từng mảng, từng mảng bị quét sạch. Thoát Hoan kinh hoàng dẫn tàn quân tháo chạy.

Đến Vạn Kiếp, quân giặc lại bị ba vạn quân Trần do Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái bỗng bất ngờ xuất hiện, chặn trước chặn sau tiếp đánh. Lý Hằng, tên Tổng gian bán rẻ dân tộc, theo gót giặc Nguyên sang xâm lược Đại Việt đã bị bắn chết tại trận. Thoát Hoan hồn xiêu phách lạc phải chui vào ống đồng đặt trên xe mới thoát chết. Tàn quân giặc nhốn nháo tìm đường chạy về châu Tư Minh. Nhưng trên đoạn đường ấy, Quốc Hiến, Quốc Uy chờ giặc. Thêm tướng giặc Lý Quán tử trận.

Sáu mươi vạn giặc Nguyên xâm lược Đại Việt cuối cùng chỉ còn ít tên tháo chạy được về nước.

*

* *

Đem đạo binh chiến thắng trở về, quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo đã được dân chúng Thăng Long nô nức đổ ra đứng đông đặc hai bên đường cung kính chào đón.

– Quốc công tiết chế vạn tuê!

Quân dân reo hò, tung hô tưởng đến võ lừng ngực khi Trần Quốc Tuấn oai phong, lẫm liệt trên lưng ngựa chiến dẫn đầu đoàn quân đi tới. Tiếng hò

reo, tung hô từng đợt dậy lên theo bước chân đoàn quân thắng trận. Trên lưng ngựa chiến, Trần Quốc Tuấn mỉm cười đáp lại dân chúng. Mái tóc ông thêm bạc sau nhiều tháng gối đất nằm sương ở chiến trường nhưng trông ông quắc thước lạ lùng. Trần Quốc Tuấn biết rõ dân chúng Thăng Long đã dành cho ông những tình cảm tốt đẹp nhất. Trong niềm hân hoan đến tột đỉnh ấy, Trần Quốc Tuấn chợt buồn: chiến thắng này to lớn, vẻ vang thật nhưng nhân dân Đại Việt đã phải đổi bằng biết bao xương máu và nước mắt? Những ai trong số dân chúng đi đón ông phải gánh chịu những đau thương mất mát? Ông nghĩ đến dân. Bởi vì ông biết sở dĩ có được chiến thắng to lớn, vĩ đại này là nhờ vào sức dân đem lại. Cho nên, giữa cảnh tượng nức lòng trong ngày vui chiến thắng, Trần Quốc Tuấn bỗng thấy rung động niềm biết ơn vô hạn đối với muôn dân. Ý chí trăm họ quả là tòa thành vững chắc đảm bảo cho chiến thắng hoàn toàn, giữ vững non sông xã tắc. Chân lý ấy, qua thử thách của chiến tranh, càng chói ngời, định ninh trong lòng vị tướng thiên tài.

Nhưng Trần Quốc Tuấn không nghĩ được nhiều. Bởi vì ở phía trước ông đã nhìn thấy thượng hoàng Thánh Tôn, vua Nhân Tôn và thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải cùng quần thần thân ra đón ông. Ta sẽ nói gì với quan gia trong ngày vui chiến thắng này? Sau chiến tranh có biết bao việc phải làm - Trần Quốc Tuấn thầm nghĩ. Nhưng ta sẽ không nói nhiều. Ta chỉ lưu ý quan gia phải biết thương dân, khoan nói sức dân và chăm lo đến đời sống của muôn dân, những người đã làm nên chiến thắng. Rồi đó, ta xin lui về thái ấp Vạn Kiếp nghỉ ngơi và viết sách “Vạn Kiếp tông bí truyền thư”, cuốn sách đã được thai nghén trong chiến tranh⁸⁴.

Kiều hai vua Trần đã tới gần. Trần Quốc Tuấn thông thả dừng cương ngựa...

QUY NH CƯ

LÊ LAI

I

Lê Kiêu lặng im. Cặp mắt già nua của ông long lanh mở rộng, soi thẳng vào viên đội lệnh và tốp lính huyện Lương Giang. Bầy lâu la này muốn làm gì ông? Thoạt nghe ba hồi trống vang lên một cách khác thường vào giữa buổi, từ đình Trung làng Dưng Tú⁸⁵ chuyển về các xóm ngõ, ông thẩn nghĩ: hẳn là có chuyện. Quả vậy. Lại hạch sách, dọa nạt. Mấy năm gần đây, ở phủ Thanh Hóa này, tên tri phủ Lương Nhữ Hốt núp chân giặc Minh, hèn hạ chúng, đã vớ tay đến các huyện, xã, hương, ấp... Chúng lập sổ kê khai hộ khẩu, đặt các chức lý trưởng, giáp thủ, đôn đốc dân chúng làng bản phải phu phen, cống nạp. Cái làng Dưng Tú hẻo lánh và cả vùng đất Lam Sơn⁸⁶ bên ngoài kia nữa, từ bao đời, dân cư chỉ có yên vui làm ăn. Những nẻo đường nhỏ hẹp dọc theo các lũng hoặc viền hai bên dòng Lương Giang⁸⁷ cũng đủ cấy cấy, có thóc gạo ăn quanh năm. Ấy là chưa kể đến nguồn lợi không bao giờ cạn của rừng núi. Đất lành chim đậu. Nhiều người từ nơi khác đã tìm đến lập nghiệp, cùng với thổ dân ở đây biến vùng này thành một nơi có thể nói là trù phú. Từ khi giặc Minh giả danh phù Trần diệt Hồ để cướp nước ta, vùng đất này có được yên ổn đâu. Nếu như ở miền biển, giặc mở các trường mò ngọc trai, săn đồi mồi, thì ở vùng núi rừng này, chúng lại bắt dân phải nộp hương liệu, chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, rùa chín đuôi, chim đậu ngược, vượn bạc má⁸⁸.

Dân làng Dưng Tú này cũng đã nhiều người phải bỏ xóm làng đi phu phen, binh lính xây dựng thành lũy cho giặc; phải điều đứng vì cung đồn

trâu bò, thóc gạo cho quan lại đủ cấp, đủ cỡ. Rồi đó, dân Dựng Tú và Lam Sơn liên núi kề rừng bảo nhau không chịu khuất phục, cung đốn cho chúng nữa. Vì vậy chúng thường giở chuyện đe dọa, cướp phá. Dân làng một lòng hễ giặc kéo đến đông thì chạy vào rừng lẫn tránh, chúng đánh trống họp dân thì không một ai ra mặt. Tên đội lệnh huyện Lương Giang và tốp lính đập đến thủng trống vẫn không thấy một ai. Hỏi đến lý trưởng, giáp thủ thì chưa có người giữ chức ấy, chúng hùng hổ ập đến nhà Lê Kiêu, tróc nã người giữ chức phụ đạo⁸⁹ cần đầu, dạy dỗ dân làng Dựng Tú. Thấy có lính huyện đến, Lê Kiêu buông sách xuống sập, ngẩng nhóm dậy. Không đợi chủ nhà chào hỏi, viên đội lệnh sấn sổ ngẩng phịch xuống phản kê giữa nhà, trước bàn thờ tổ tiên của Lê Kiêu. Hấn hất hàm hỏi:

– Nghe trống lệnh điểm mặt, sao các người không ra đình làng?

Lê Kiêu trừng mắt nhìn, không trả lời. Ông đưa tay cài hàng khuyết áo năm thân nhuộm chàm che kín lồng ngực xương xương, to rộng của mình. Gần sáu mươi năm trời làm chủ vùng đất này, Lê Kiêu còn có sợ ai. Ông hỏi lại:

– Các người đến làng tôi có việc gì?

– Việc gì à? Giữ chức phụ đạo ở đây, ông dạy dỗ dân làng như thế nào, mà mấy năm nay không có lấy được một con trâu, một hạt thóc nộp cho cấp trên? Phép nước không dung tha quân phản nghịch.

Lê Kiêu khùng khỉnh đáp:

– Dân tôi không theo giặc, không nuôi giặc, không giúp rập chúng làm hại giống nòi mà bảo là phản nghịch à?

Tên đội lệnh giận tím ruột. Sẵn có ý nghĩ dân vùng này chống lại lệnh trên, hấn trút giận vào ông già Lê Kiêu cứng đầu cứng cổ đang gườm

gườm nhìn hấn:

– Chúng mày trời lão già này lại, giải về huyện cho ta!

Tên đội lệnh vừa dứt lời, một tiếng hét từ trong buồng bên vang lên:

– Khoan! - Một người đàn ông trạc 40 tuổi, mình trần tròng trọc, mang một con dao rừng rộng bản bên vôi khố vụt chạy ra, đứng chắn ngang trước mặt Lê Kiêu quát lên:

– Các người không được chạm đến bố ta, có giỏi thì bắt ta đây!

Viên đội lệnh hơi chột dạ. Nhưng với thanh đoản đao trong tay, lại có thêm năm người lính cấp giáo hộ vệ, hấn không lùi bước, truyền lệnh:

– Bắt cả hai bố con về huyện!

Lê Kiêu nói với con trai:

– Lê Lân con, để yên xem chúng làm gì được bố!

Người con trai đầu của Lê Kiêu bước lại gần tên đội lệnh, dứ nắm tay rần chắc trước mặt hấn:

– Muốn yên thân thì rút! Đây không phải là đất sống của các người. Một hạt thóc lép, một sợi lông đuôi trâu nộp cho giặc, dân làng Dựng Tú này cũng không có, nghe rõ chưa?

Tên đội lệnh đã thấy rõ dân làng này quyết tâm chống lại lệnh trên, mà người cầ đầu chính là bố con Lê Kiêu. Hấn nhìn quanh. Năm gian nhà gỗ thênh thang, vững chãi, nối liền với hai dãy nhà ngang bằng những nhà cầ nhỏ nhỏ. Phía trước sân, dãy bạch lúa lợp rơm rạ dựng lù lù, dựa lưng vào vách tường đá. Xa hơn, giàn gióng chuồng trâu chiếm một vùng dưới gốc rừng cây thưa. Những căn nhà sàn đậu trên sườn dốc. Tất cả bằng tre nứa gỗ lạt, chỉ cần một mồi lửa là lập tức thành tro bụi. Hấn suy tính: đốt nhà là hạ sách. Ở đây, vào lúc này chúng chỉ có sáu người, kể cả hấn. Làng này bị

đốt, thì lũ chúng khó mà sống thoát về được huyện, cứ bắt hai bố con về rồi hãy hay. Khoát tay ra lệnh cho mấy tên lính chĩa giáo vào Lê Lân, hấn xông đến ông già Lê Kiêu. Bàn tay của hắn chưa nắm vững cổ áo Lê Kiêu thì đã phải buông vội ra vì cái gạt mạnh của người con trai thứ hai của Lê Kiêu là Lê Lai từ trong buồng kín xông ra. Theo chân Lê Lai, ba thiếu niên trạc 15, 17 tuổi, con của Lê Lai - cũng cắp dao rừng xông ra với bố. Năm tên lính hoảng sợ vội thu giáo, ngơ ngác đợi lệnh, còn viên đội lệnh từ hùng hổ đến sợ xanh mặt. Trước mắt hắn, một người trạc 35 tuổi, cao hơn hắn một đầu, có dáng vóc vạm vỡ, nước da rám nắng, làm cho hắn sợ hãi. Hình đôi giao long màu xanh chàm xăm trên lồng ngực cuộn cuộn, vắt về đôi vai to rộng càng tăng thêm sức mạnh đôi tay của Lê Lai. Mỗi bước chân Lê Lai tay không tiến lại gần làm cho viên đội lệnh lùi bước. Đến một lúc chạm lưng vào vách, hắn đành phải dừng lại tìm cách chống đỡ. Lê Lai quát vào tai hắn:

– Đánh giết các người chỉ làm cho bẩn tay, ta không thèm. Nghe đây, tất cả bỏ vũ khí xuống!

Viên đội lệnh và năm tên lính ngoan ngoãn vâng lời. Lê Lai đồng dục hô lớn:

– Bước ra sân! xếp hàng một!

Nhìn sáu người lạ mặt răm rắp theo lệnh của bố, Lê Lô, Lê Lộ, Lê Lâm phì cười. Riêng Lê Lâm ít tuổi nhất, cậu ước gì mình lớn thêm vài tuổi nữa để được theo bố tập trận như anh vẫn thường cùng người lớn tập luyện ngoài núi. Ở đây cũng tập nhưng lại khác. Bố giận giữ, còn người tập thì da mặt lại tái mét như da bàn chân ngâm lâu dưới bùn. Lê Lâm ngơ ngàng nhìn bố bước ra sân. Động ầm ầm, âm vang của Lê Lai đập vào tai bọn lính:

– Quan thầy lữ người ta cũng không sợ, huống chi bọn đầy tớ. Ta tha cho về, bảo nhau kiêng đất này, dùng có vắc mặt đến hạch sách, dò la mà toi mạng cả lữ. Bước!

Năm tên lính theo viên đội lệnh lùi lũi ra cổng. Bầy chó săn tinh khôn của Lê Kiêu sủa gâu gâu, sấn sổ bám chân lữ chúng đến tận dốc ngõ. Trong nhà, Lê Lai sai bảo Lê Lô:

– Con thu nhặt thanh đoản đao và năm ngọn giáo, chỉ đâu đem ra bãi tập phát cho anh em chưa có vũ khí.

Lê Kiêu ngồi xuống sập. Ông vuốt râu nhìn đàn con cháu. Ông vẫn tưởng đàn cháu của ông đã theo chân mọi người chạy tản vào rừng, chỉ có hai con trai của ông ở nhà để giữ làng. Không ngờ cả ba đứa cháu đều không chịu chạy trốn. Mai đây, khi lâm sự, lữ con cháu này sẽ làm vẻ vang cho dân làng Dưng Tú, làm đẹp mặt cho tổ phụ ông⁹⁰. Từ khi giặc Minh xâm lược, ông vẫn nhắc nhở bà con giữ làng, thà chết không làm tay sai, không hèn hạ, phục dịch lữ giặc. Đàn con cháu của ông đã làm theo lời ông. Làng Dưng Tú này cũng vậy. Trai tráng đều theo đứa con trai thứ hai của ông, liên kết với chúa Lam Sơn là Lê Lợi để mưu chuyện lớn. Ông vẫn thầm nhắc: “Hậu sinh khả úy”. Con trai Lê Lai của ông không chỉ lo việc giữ làng Dưng Tú như ông khuyên bảo, mà còn tính chuyện nổi dậy đánh đuổi giặc Minh, thu phục cả đất nước Đại Việt. Sức già có hạn. Ông xin nhường bước cho đàn trẻ thả sức vẫy vùng. Được như vậy thì tổ tiên ông nằm dưới lòng đất Dưng Tú này cũng lấy làm vinh hạnh. Ông sinh hạ được hai con trai: Lê Lãn và Lê Lai. Cả hai đều khỏe mạnh. Nhưng xem ra Lê Lai dũng mãnh, mưu lược hơn Lê Lãn, nhiều. Cả huyện Lương Giang này đều biết Lê Lai cùng với Lê Lợi bên huyện Lỗi Dương kết bạn keo sơn, cần đâu khắp vùng thượng du phủ Thanh Hóa này. Ông có nghe tin

phong thanh tri phủ Lương Nhữ Hốt thường cho tay chân lui tới dò la hành tung của Lê Lợi và con trai ông. Trước sự việc vừa xảy ra, ông thấy ngại ngại. Ông hỏi Lê Lai:

– Công việc đến đâu rồi con?

– Dạ, mọi việc đang sửa soạn gấp, còn phải nuôi thêm uy, dưỡng thêm sức mới nổi dậy được bố ạ.

Lê Kiêu băn khoăn lo lắng:

– Cử sự thì phải có lương thảo, quân lính. Liệu các con lấy đâu cho đủ?

Công việc chuẩn bị kín đáo của Lê Lợi ở bên phía Lam Sơn làm sao Lê Kiêu biết được. Nơi ấy, lúa gạo đã chất đầy kho dựn, hào kiệt khắp nơi về ứng nghĩa đã đông, còn sĩ tốt không phải ai xa lạ, chính là hàng ngàn gia nhân của Lê Lợi vừa cày ruộng vỡ nương vừa luyện tập đó thôi. Chẳng nói đâu xa, ở làng Dị Hào này, một khi nổi dậy thì trai tráng trong làng từng theo Lê Lai tập luyện sẽ cấp giáo vùng dậy. Còn lương thực thì nhà nào cũng sẵn sàng ứng cấp cho chúng con lo việc nghĩa. Lê Lai nói với bố:

– Vâng, mọi việc đều tính toán kỹ. Một khi phát cờ nổi dậy thì phải có đầy đủ cả chứ ạ.

– Giặc Minh đông lại mạnh. Bố có nghe nói chuyện các vua Trần nổi dậy bị giặc dìm về tận Hóa Châu, lao đao lận đận mãi mà nghiệp lớn vẫn không thành. Phải xem đó để liệu lượng từng đường đi nước bước đấy con ạ.

Lê Lai giảng giải cho bố rõ:

– Con có biết việc đó. Các vua Trần khác, các con khác. Các vua Trần không được lòng dân nên bị đánh bại. Còn các con theo lòng dân nổi dậy, lấy rừng núi hiểm trở làm chỗ dựa. Ngày nào núi rừng còn sừng sững

đứng đó thì giấc Minh đừng có hồng đánh dẹp được nghĩa quân. Mà nghĩa quân còn thì sớm muộn giấc cũng bị quét sạch.

Niềm tin sắt đá toát ra từ lời nói đơn giản, mộc mạc của Lê Lai làm cho cha càng vững tâm. Lê Kiêu hỏi con:

– Bao giờ thì cử sự?

– Dạ, còn phải làm lễ hội thề xong rồi mới phát cờ nổi dậy được.

Lê Kiêu vuốt râu cười khà. Nghe nói mấy tiếng “hội thề” ông nghĩ đến sự tích “Đào viên kết nghĩa” của Lưu Bị, Quan Vân Trường và Trương Phi thời Tam Quốc. Ông vẫn thần thán phục tình nghĩa của ba người ấy. Ông gật gù:

– Ủ, cũng phải. Anh em kết nghĩa mưu việc lớn, phải cùng lòng hết sức vì nước quên mình, sống chết có nhau mới phải đạo làm người và hợp với nghĩa cả đó con ạ!

II

Mặt trời nhô lên đầu núi. Màn sương mù trắng xóa, dày đặc, bao phủ khắp nơi tan dần. Núi rừng Lam Sơn hiện ra mỗi lúc một rõ nét. Những cánh rừng chàm tốt tươi mơn mớn phô bày sức sống mãnh liệt của mình qua màu xanh quen thuộc dưới nắng xuân ấm áp. Từng cơn gió nhẹ từ phía đông quạt về lướt trên đồng ruộng, trườn lên sườn núi, xoáy tròn trong các lũng sâu để rồi lại bung ra lang thang kết bạn với cây rừng. Trời Lam Sơn mỗi lúc như một cao thêm. Từng đám mây trắng lác loài giạt về chân trời để lại một màu xanh trong lồng lộng. Trên một mỏm đá bằng phẳng thuộc Lam Sơn đất trời đã thoáng mát càng vắng, vào một ngày đầu tháng hai

năm Bính Thân⁹¹, mười tám người từ bốn phương họp lại cùng nhau làm lễ hội thề, một lòng giết giặc trả nợ nước thù nhà.

Mặt trời vừa đứng ngọ, ba hồi chiêng trống vang rền như gọi hồn thiêng của sông núi về Lũng Nhai này chứng kiến lời thề của những người con ưu tú của dân tộc. Đứng cạnh Lê Lợi, Lê Lai nắm chặt đốc kiếm, trang nghiêm trong bộ võ phục màu chàm, mắt không rời làn khói trầm bốc lên ngùn ngụt trên những phiến đá xếp cao làm bàn thờ tế cáo trời đất.

Mà hàng tháng trời trước đây, chúa Lam Sơn bàn với Lê Lai về việc làm lễ hội thề. Chỉ một việc chọn đất làm lễ cũng đã bàn đến nát lý. Có người bàn nên làm lễ ở ngay đình làng cho ai nấy cũng tham dự để khích động lòng người. Có người bàn nên chọn ngôi đền thờ thần núi để làm lễ. Cuối cùng Lê Lợi và Lê Lai đã chọn mảnh đất bằng phẳng trên sườn núi cao, hoang vắng, và chỉ có mười tám người tâm huyết tham dự mà thôi. Từ đó Lê Lai được Lê Lợi giao việc sửa soạn cho ngày lễ. Ngay từ khi chọn mảnh đất hội thề này, Lê Lai đã nghĩ rằng đây không phải là buổi phô trương thanh thế, mà chỉ là cuộc hội thề kết nghĩa keo sơn của mười tám anh em từ khắp nơi tụ họp về Lam Sơn ngấm nuôi chí lớn. Vì vậy Lê Lai muốn giữ nguyên vẹn cảnh quan hùng vĩ thiêng liêng của rừng núi Lam Sơn, mà không bày đặt sắp xếp gì phiền phức. Ngoài mấy phiến đá to chông cao, hướng về phía mặt trời mọc là nơi đặt bó trầm hương còn có mấy tảng đá vuông vắn kê phía trước, đặt xôi nếp, bò thui và vò rượu làm lễ vật. Trong số mười tám người đến dự hội thề, ngoài những anh em bà con bạn bè của Lê Lợi, Lê Lai ở quanh vùng, còn có những người từ xa xôi tìm về Lam Sơn tụ nghĩa như Nguyễn Trãi ở Đông Quan, Lưu Nhân Chú ở Thái Nguyên... Tất cả đều quen biết nhau, thường ngày đã từng bàn mưu tính kế, trù liệu chờ ngày khởi sự. Lúc này, trong không khí uy nghiêm của

lễ hội thề ai nấy đều im lặng, đường hoàng trong các bộ võ phục màu chàm, màu nâu quen thuộc, hoặc trang trọng với cặp áo dài khăn lượt, mang dáng dấp một văn nhân. Tất cả đều chấp tay quỳ trước bàn thờ trời đất. Lê Lai cũng vậy. Thường ngày Lê Lai vẫn nổi tiếng là một người ăn to nói lớn, khi vui chuyện cười nghiêng ngửa, cũng có lúc nổi giận, quát tháo như hổ gầm. Nhưng lúc này Lê Lai lặng im, thỉnh thoảng gặp Lê Lợi bàn soạn nhỏ nhẹ. Dường như không ai muốn để cho lời nói, tiếng cười thông thường của mình làm khuấy động vẻ yên tĩnh trang nghiêm của núi rừng hùng vĩ. Mọi người đều để cho những ý nghĩ cao cả, những tình cảm thiêng liêng của mình hòa với anh linh của sông núi trong thời khắc mà ai nấy đều tự nguyện kết nghĩa cùng nhau gắn vận mệnh bản thân mình với vận mệnh của dân tộc, của đất nước.

Ba hồi chiêng trong dóng dả vang rền. Trời cao xanh lộng lộng như nghiêng mình chào xuống, rừng núi quay đầu, còn xa xa, đồng ruộng, xóm làng như chuyển động, tất cả đều hướng về Lũng Nhai. Trên bệ đá cao, làn khói trắng xóa tung lên vẫn vù vù rồi tan dần trong nắng, để lại mùi hương ngào ngạt hòa lẫn với mùi thơm của hoa rừng cỏ núi đang nở rộ vào mùa xuân. Chiêng trống ngừng bật. Tiếng tâm sự rì rào của cây rừng như tạm lắng xuống nhường cho lời thề thiêng liêng của Lê Lợi, thay mặt cho mười tám người tâm huyết, sang sảng vang lên:

“Chúng tôi, phụ đạo chính ở lộ Khả Lam, nước A-Nam cùng với bọn Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lô, Lưu Trung, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Lê Hiêm, Vũ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Võ, Phạm Cuống, Lê Lý, Đinh Lan, Trương Chiến, xin đem lễ vật kính dâng lên tâu cáo với Hiệu thiên thượng đế, hậu thổ địa hoàng cùng các vị thần sông, núi, danh lam ở trong nước, cúi xin các vị chứng giám mà

thưa rằng: Có bè bạn ở phương xa đến kết giao vui vẻ, đã nói ra thì phải giữ lòng tin, vì thế nên phải có lễ tấu cáo.

“Nay phụ đạo chính ở nước chúng tôi là Lê Lợi cùng với bọn Lê Lai cho đến Trương Chiến, mười tám người tuy quê quán họ hàng có khác nhau, nhưng đã kết nghĩa anh em thề cùng như chung một tổ. Phận vinh hiển dẫu có khác nhau, nguyện tình cùng họ không bao giờ khác. Nay nhân giặc Ngô xâm chiếm nước Nam, tàn sát nhân dân rất là khỗ sở, nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trường Chiến, mười tám người chung sức đồng lòng, giữ vững đất nước, làm cho nhân dân ăn ở yên lành, thề chết sống dẫu phải cùng nhau, không dám quên lời thề ước.

“Chúng tôi cúi xin trời, đất và các vị thần linh chứng giám ban cho trăm phúc, tự thân mình, nhà mình con cháu trong họ hàng dẫu được yên vui, cùng hưởng lộc trời.

“Nếu Lê Lợi, Lê Lai cho đến Trương Chiến sinh lòng này khác, cầu ơn hiện tại, núp bóng quân thù, không cùng đồng lòng, quên lời thề ước, chúng tôi cúi xin trời, đất, thần linh giáng cho trăm vạ, từ mình cho đến nhà mình, con cháu, họ hàng dẫu bị tru diệt, chịu hết hình phạt của trời.

“Xin có lời thề”⁹².

Văn thề vừa dứt, tất cả mọi người dẫu phục xuống làm lễ cúng vái trời đất - rồi chấp tay lặng im quỳ nhìn khói trầm vờn vục. Khi khói hương vừa tan, Lê Lợi đứng dậy tự tay châm lửa đốt văn thề. Những mảnh tro tàn quần queo nát vụn từ tay Lê Lợi tung lên bay tỏa, hòa hợp với núi rừng. Lê Lợi tiến về phía vò rượu, rút gươm, nhẹ nhàng ấn mũi kiếm sắc bén vào đầu ngón tay trở. Ba giọt máu đỏ thắm từ đầu ngón tay chứa Lam Sơn nổi nhau rơi vào vò rượu. Theo bước Lê Lợi, Lê Lai đưa ngón tay lên miệng, lại ba giọt máu nữa nhỏ xuống. Cứ như vậy, cho đến người thứ mười tám,

rượu trong vò từ trắng trong đã ngả sang màu hồng nhạt. Lễ vật được đem xuống đặt trên nền đất núi. Mọi người quây quần bên nhau. Vò rượu hồng được chuyền tay. Thịt bò nướng xèo xèo trên lửa đỏ bốc lên mùi béo ngậy cùng với hương thơm của xôi nếp. Không khí trang nghiêm của buổi lễ hội thề đã qua, giờ đây mọi người vui cười, ăn uống thoải mái.

Ngồi cạnh Lê Lợi, Lê Lai nâng cao lưỡi gươm còn găm tảng thịt bò nướng trên mũi nhọn, vui kể cho mọi người nghe câu chuyện tước vũ khí và tổng cổ bọn lính huyện Lương Giang xảy ra ở làng Dục Tú. Có tiếng thét lên:

– Sao không chém cổ chúng đi?

Lê Lai xua tay:

– Giết phường chó chết đó làm gì. Tôi thề sẽ khai gươm bằng đầu một tên giặc Ngô.

Lê Lợi đập tay vào đôi vai vạm vỡ của Lê Lai cười lớn:

– Phải đó!

Lê Lai quay sang hỏi Lê Lợi:

– Bao giờ mới cử sự để tôi được khai gươm, thừa chủ tướng?

Lê Lai đã hỏi đúng điều mọi người đang mong đợi. Ai nấy đều ngừng lại, chăm chú nghe câu trả lời của vị chúa tể đất Lam Sơn Lê Lợi thông thả cất từng tiếng rành rọt:

– Ngày cử sự ư? Còn phải gấp rút chỉnh bị thêm binh mã lương thực. Gặp thời cơ thuận tiện ta sẽ phát cờ nổi dậy khiến giặc không kịp trở tay. Ngày ấy không còn xa lắm...

III

Ngày ấy đã xảy ra vào buổi đầu tháng giêng năm Mậu Tuất⁹³.

Khi ngọn cờ Bình Định Vương phất cao trên đất Lam Sơn cũng là lúc đất nước Đại Việt đang trải qua những ngày đón xuân mới tung bừng nhộn nhịp. Tin vui truyền đi làm nô nức lòng người. Còn bề lũ giặc Minh: Tổng binh Phong thành hầu Lý Bân, đô đốc Phương Chính, tham tướng Trần Trí, Thái giám Sơn Thọ, Mã Kỳ... từ Đông Quan cho đến Tây Đô đều giật mình hoảng sợ. Bảy ngày sau, giặc Minh cho Mã Kỳ cùng quân tướng đem đại quân từ Tây Đô lên Lam Sơn. Anh em Lê Lãn, Lê Lai và con trai cùng nghĩa quân Lam Sơn bắt đầu chạm trán với quân thù, trải qua những ngày gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt.

Từ Lam Sơn về Lạc Thủy⁹⁴, rút về Chí Linh⁹⁵ để rồi lại trở về Lam Sơn, cuộc chiến đấu đã diễn ra liên tiếp: mai phục tiêu diệt hàng ngàn quân giặc, đánh lui Mã Kỳ ở Lạc Thủy, bị vây khốn nặng nề phải rút về Chí Linh ẩn náu chịu đựng hàng hai tháng trời bị tuyệt lương, lấy măng tre củ rừng làm cái ăn để sống đợi ngày⁹⁶. Giặc rút về Tây Đô, nghĩa quân lại trở về Lam Sơn với một lực lượng ít ỏi, chỉ vãn vẹn còn hơn một trăm người⁹⁷. Lại những ngày đắp lũy, tuyển quân, tích lương, sắm sửa binh mã. Nghĩa quân Lam Sơn được nuôi dưỡng, hồi phục trong vòng tay của bà con nhân dân Lam Sơn thân yêu.

Tổng binh Phong thành hầu Lý Bân phải ra quân. Nghĩa quân rút về rừng núi phía Tây mai phục ở Mường Một. Gặp tổn thất nặng nề, quân tướng chết và bị thương quá một nửa, Lý Bân phải rút về Đông Quan⁹⁸.

Hơn một năm sau, vào tháng tư năm Kỷ Hợi⁹⁹, lần đầu tiên nghĩa quân tập kích tấn công đồn giặc. Đồn Nga Lạc bị đánh tan, tên ngụy quan

Nguyễn Sao bị bắt sống, trên ba trăm tên giặc bị tan xác. Ở Đông Quan, Lý Bân nghe tin mà hoảng sợ, vội vã truyền lệnh đi đầu một số quân đông mạnh gấp bội mọi lần, phải lòng diệt cho bằng được nghĩa quân Lam Sơn.

Lần thứ hai, Bình Định Vương Lê Lợi quyết định rút về Chí Linh.

Núi non trùng điệp sừng sững một góc trời đông nam đất Thanh Hóa. Vách đá dựng đứng tường chừng như vít kín lối đi, nhưng rồi một lỗ hẹp lại mở ra như cổng trời vời vọi cho nghĩa quân từ Nga Lạc tìm về nơi ẩn náu. Con đường rút về Chí Linh khá hiểm trở. Sau mấy ngày đêm trèo non lội suối, Bình Định vương cùng nghĩa quân đã có mặt an toàn ở Chí Linh. Quân sĩ luân phiên canh giữ các lối vào và chia nhau nghỉ ngơi cho lại sức. Giặc Minh quỷ quyệt, theo riết vây hãm nghĩa quân trong vùng núi rừng hoang vu hiểm trở. Chóp núi sừng sững, vách đá chênh vênh với những cánh rừng âm u chìm trong lỗ sâu che chở nghĩa quân tránh được mũi nhọn của giặc. Nhưng cũng chính nơi đây, vùng núi hoang vắng, cách biệt với các bản mường, làng chạ, lại là đi đầu lo ngại cho việc tìm kiếm lương thực của đoàn quân khởi nghĩa. Các lối mòn thông thương với bên ngoài đều bị giặc bịt kín. Lương thực ít ỏi mang theo đã vơi cạn trong khi tìm về nơi ẩn náu. Lại những ngày tướng sĩ cùng quân lính chia nhau từng hạt gạo, từng mẫu củ rừng để sống cằn hơi. Ngựa chiến đã có con khuyu gối trong tàu vì đói cỏ lại lâu ngày không được một hạt thóc. Căn điện cỏ nhỏ làm nơi ngự của Bình Định Vương vừa được dựng lên, tựa lưng vào vách đá. Mái có tranh còn xanh màu lá mới chưa kịp ngả màu. Các lỗ hồng bắt đầu xuất hiện lỗ chỗ trên mái.

Nơi đây, ngày đêm Bình Định Vương Lê Lợi cùng tướng lĩnh, mưu sĩ chụm đầu bên nhau bàn kế đối phó với giặc dữ. Những ngày gian khổ thiếu ăn cùng với nỗi lo âu chông đắp làm cho ai nấy đều sòm đi. Những

nét già nua càng hằn rõ trên khuôn mặt khắc khổ của từng người. Tất cả đầu bưng bưng, mệt mỏi vì oi bức của nắng hè trong vùng núi đá khô khốc.

Đã mấy đêm liền, Lê Lai chưa chợp mắt. Không hợp mặt cùng Bình Định Vương Lê Lợi và các tướng lệnh ở điện cỏ thì Lê Lai lại cấp gươm tìm đến các đội ngũ. Với bản tính vui nhộn của mình, Lê Lai đến với nghĩa quân còn thao thức trằn trọc vì đói mệt. Ông vui chuyện, động viên mọi người bền chí, vượt qua những ngày gian khổ. Đêm nay, một đêm không trăng sao, trời tối mịt, ông đến với toán nghĩa quân canh giữ bên ngoài lèn đá. Lặng mò theo đường núi, vừa nhô ra khỏi vách đá, ông đã nghe tiếng quát hỏi của nghĩa quân gác đêm:

– Ai đó

– Ta!

– Ta là ai?

Lê Lai nhận ra tiếng nói ồm ồm vừa qua thời kỳ vỡ giọng của người con trai đầu của mình cũng theo nghĩa quân từ những ngày Bình Định Vương phát cờ nghĩa. Ông vui nhộn đáp lời:

– Bố mày chứ ai!

Trong bóng đêm mờ mịt, Lê Lai nhận ra người thân. Anh chạy lại ôm chầm lấy bố. Tuy hai bố con cùng có mặt trong đoàn quân khởi nghĩa từ ngày dựng cờ ở Lam Sơn, nhưng có mấy khi gặp nhau. Sau những trận chiến đấu ác liệt, hỏi thăm biết còn sống thế là mừng. Lê Lai lặng lẽ đưa tay xoa đầu con. Cái khuôn mặt bầu bĩnh mập mạp của đứa con đầu đã gầy sút đi nhiều. Đôi gò má xương xẩu và vành cằm nhô bạnh ra cân cán dưới lòng bàn tay của Lê Lai. Ông hỏi con:

– Tình hình anh em đồng đội ra sao con?

– Đói lắm bố ạ.

Lê Lai cười khẽ:

– Ủ, bị vây hãm trong vùng núi này lấy đâu cái ăn mà chả đói!

– Sao không rút về Lam Sơn ở bố?

Lê Lai không trả lời câu hỏi của con, ông hỏi thêm:

– Anh em có xông xáo gì không?

Lê Lô vùng ra khỏi tay bố:

– Mọi người chỉ muốn một trận sống mái với giặc. Sống thì cùng về Lam Sơn, chết thì mạng đổi mạng rồi cùng chết. Còn nằm chịu chết đói ở đây không được đâu bố ạ.

Thì ra quân sĩ, ai nấy cũng nghĩ như Lê Lai. Nhưng tiến thoái ra sao lại do Bình Định Vương định đoạt. Hai bố con cùng ngẩng xuống một tảng đá. Lê Lai vỗ vào vai con:

– Con ngủ đi một chút cho khỏe để còn sức đánh giặc. Việc canh gác đã có bố.

Lê Lô ngoan ngoãn vâng lời. Anh ước chi được leo lên lòng bố nằm ngủ như ngày nào còn bé nhỏ. Nằm ngả lưng cạnh bố, Lê Lô nghĩ đến làng Dựng Tú thân yêu của anh ở gần kề chân núi Lam Sơn. Giờ đây ông nội anh, mẹ và em ra sao? Anh thiếp đi lúc nào không biết. Cho đến lúc thức dậy, anh thấy bố vẫn lặng yên ngồi bên mình, im lìm, vững chãi như một tảng đá. Anh cất tiếng thiết tha:

– Bố!

Lê Lai cầm tay con:

– Càng gian khổ, thiếu thốn, càng phải thương yêu đùm bọc đồng đội, sống chết có nhau. Không một mảy may ngã lòng nản chí, nghe không con!

– Vâng.

Lê Lai chia tay con, khi về đến điện cỏ của Bình Định Vương thì trời cũng vừa sáng tỏ. Lê Lai chưa kịp bước vào điện, người nghĩa quân giám mã đã hốt hải chạy lại:

– Thừa tướng quân, con ngựa chiến của ngài vừa ngã khụy trong tàu, không cất mình lên được nữa.

Lê Lai vội theo chân người giám mã, bước thẳng vào tàu, ngẩng lên con ngựa quý. Tốp nghĩa quân vây quanh, đứng ngoài nhìn vào. Con ngựa màu vàng chày, hông lép kẹp nằm sóng soài trên nền đất. Bốn vó duỗi thẳng, cổ vươn ra dài ngoằng dán sát mặt đất. Mới ngày nào, khi còn ở Lam Sơn, con ngựa vừa đến tuổi được nuôi dạy, chăm nom, béo khỏe là thế! Nó đã cùng Lê Lai vượt qua bao núi rừng hiểm trở. Khi mai phục xông ra giết giặc, cũng như hồi Lê Lai đưa quân vào đồn Nga Lạc bắt sống bên nguy quân Nguyễn Sao, lúc nào con ngựa cũng tỏ ra tinh khôn. Chỉ cần một thúc gót chân nhẹ bên hông hay nhích nhấc một sợi dây cương là nó đã biết được ý chủ. Nó chồm lên xông thẳng vào quân giặc, hoặc lùi lại, né sang một bên để tránh đường gươm hiểm hóc của quân thù. Lần thứ hai, nó theo chân Lê Lai trở lại Chí Linh. Lần này vì đói ăn nên kiệt sức. Bộ xương sườn của con ngựa phơi ra như một bó hom, chốc chốc nâng lên rồi lại sụp xuống. Con ngựa đang thoi thóp. Cái mõm nhợt nhạt, xám xịt của nó bè ra, đôi mắt mở trừng trừng. Vừa thấy Lê Lai đến, nó cố gắng cất đầu dậy, nhưng không được. Nó chỉ còn đủ sức ve vẩy đôi tai, Lê Lai cúi sát mặt xuống đầu ngựa. Ông đưa tay vuốt nhẹ hàng lông bờm đen dài, rũ rượi, lùa xòa trên cổ và trước trán ngựa. Từ trong khóe mắt trắng già, bất động của

con ngựa ứa ra hai dòng nước mắt. Nó thở dốc, đôi con người tròn vành vạnh đảo qua đảo lại, soi thẳng vào Lê Lai rồi dừng hẳn lại. Con ngựa chết hẳn. Giữa mùa hè oi bức mà Lê Lai cảm thấy ớn lạnh. Ông ngậm ngùi đưa tay vuốt mắt cho ngựa. Một tiếng thở dài. Ông đứng dậy, nói với tập nghĩa quân đứng bên ngoài:

– Ngựa chiến với người lính là đôi bạn thân thiết. Con ngựa này sống vì chúng ta, không may nó chết cũng vì chúng ta. Nó đỡ đần ta trong khi bị vây hãm. Các người hãy làm thịt nó đem chia đều cho anh em!

IV

Cái nắng oi ả của một ngày hè như càng tăng lên gấp bội. Nắng từ trên trời cao đổ xuống. Nắng từ vách đá hắt ra. Thỉnh thoảng một cơn gió nam len lỏi lùa vào căn cứ Chí Linh lại mang theo cái nóng hần hập của núi rừng bị nắng hè thiêu đốt. Ngôi điện cỏ của Bình Định Vương ngập chìm trong nắng lửa của một buổi trưa hè. Ánh nắng từ lỗ hồng lỗ chỗ trên mái cỏ tranh soi loang lổ trên những tấm lưng trần mồ hôi nhễ nhại. Trên hai chục tướng lĩnh của nghĩa quân được Bình Định Vương vời về đây tụ họp để bàn kế thoát hiểm.

Trước mặt mọi người, Bình Định Vương thông thả gieo từng bước một trên nền điện. Bộ võ phục màu nâu của Vương đã có đôi chỗ sờn rách. Chiếc khăn nhiễu tím buộc đầu đã bạc màu. Cảnh thiếu ăn, đói ngủ lâu ngày đã hằn rõ trên khuôn mặt vuông vắn, danh thếp của người cầm đầu nghĩa quân mới ngoài ba mươi tuổi. Ai nấy đều lặng yên chờ đợi. Một nỗi lo âu chung đang đè nặng lên tâm tư từng người. Lê Lợi dừng bước, đưa mắt nhìn khắp lượt rồi thông thả nói với tướng lĩnh:

– Vòng vây của giặc mỗi ngày một thêm dày đặc, mà ta thì lương thực đã cạn hết. Cứ như thế này, chúng ta có nguy cơ bị tiêu diệt. Mấy ngày nay nhiều người bàn nên dốc hết sức lực phá vây, mở con đường máu tìm cách thoát hiểm. Lần trước giặc vây hãm chúng ta ở đây hai tháng trời, tưởng quân ta đã chết hết. Không ngờ là vẫn còn sống và càng lớn mạnh để còn có đến ngày nay. Phen này chúng sẽ vây hãm đến cùng, không làm gì có chuyện giặc tự giải vây như lần trước. Ta chỉ còn ba đường: một là liều chết đánh giải vây, hai là bó tay, đợi giặc xông vào chịu chết, ba là đầu hàng để bảo mạng. Các người tính sao?

Trong lúc ai nấy còn yên lặng thì mưu thần Nguyễn Trãi đã lên tiếng:

– Tâu Vương Thượng, lữ tướng thần chúng tôi thề thà chết chứ không hàng giặc, còn bó tay chờ chết không phải là hành động của người trí dũng. Chỉ còn cách đánh giải vây. Nhưng, thưa Vương thượng, đánh giải vây như thế nào để bảo tồn được lực lượng? Nếu dốc toàn quân vào một cuộc đổ sức cuối cùng để rồi hy sinh tất cả thì lại không được. Đó mới là việc khó nghĩ, thưa Vương thượng.

Bình Định Vương Lê Lợi gật đầu tỏ ý tán thưởng. Từ hôm bị vây hãm, Lê Lợi đã tính đến chuyện phải mở đường máu. Nhưng quân giặc kéo đến mỗi lúc một đông, chúng quyết tâm tiêu diệt bằng được nghĩa quân. Trong khi đó lực lượng trong tay Lê Lợi chỉ còn ít ỏi, lại hao mòn, mỗi một vì chiến đấu ròng rã và chịu đựng thiếu ăn lâu ngày. Nếu dốc toàn lực đổ sức với giặc là trúng độc kế của chúng. Chỉ còn cách là một số chịu hy sinh để cho một số thoát vây, sống được, lo việc khôi phục lực lượng tiếp tục sự nghiệp còn dang dở. Nhưng ai là người sẽ hy sinh. Trước mặt Lê Lợi là những người tự nguyện lìa bỏ xóm làng, cha mẹ, vợ con thân thích, thế sống chết với giặc để cứu nước cứu nhà. Khi còn ai cũng sẵn sàng xả thân

vì nghĩa cả. Nhưng vào lúc này, nhân tài thật hiếm hoi, tuấn kiệt còn lác đác. Một người mất đi cũng để lại tổn thất nặng nề cho tất cả. Huống chi trước ngày khởi nghĩa, anh em đã thề nguyện sống chết có nhau, sướng vui cùng hưởng. Bây giờ ai còn, ai mất? Đã đến lúc vận mệnh của đất nước, sự mất còn của nghĩa cả không cho phép luẩn quẩn, đắn đo vì những tình cảm thông thường, Lê Lợi nhìn khắp lượt rồi hỏi mọi người:

– Bây giờ ai có thể làm như Kỷ Tín ngày xưa, để ta ẩn nấu trong rừng núi, mưu tính cử sự về sau?

Nghe Bình Định Vương nhắc Kỷ Tín, mọi người nghĩ đến việc làm của một trung thần giả làm Hán Cao Tổ, liều mình đầu hàng giặc, chịu chết khi Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ vây hãm nguy khốn ở Huỳnh Dương. Nhờ vậy, Hán Cao Tổ thoát hiểm, về sau gây dựng lại lực lượng diệt được Hạng Vũ. Trong lúc mọi người còn đang suy nghĩ về mưu kế của Bình Định Vương thì Lê Lai đã vụt dậy, đứng hiên ngang trước tướng lệnh. Giọng âm vang, dứt khoát của ông cất lên:

– Thần nguyện đổi lấy áo bào. Ngày sau bệ hạ thành nghiệp đế, có được thiên hạ, nhớ đến công thần mà cho con cháu muôn đời của thần được chịu ơn nước. Đó là đi đầu thần mong ước¹⁰⁰.

Lê Lợi cảm động, bước lại gần, cầm tay Lê Lai. Đôi mắt rực sáng của người cầm đầu nghĩa quân Lam Sơn rộng mở, soi thẳng vào khuôn mặt vuông vắn, cương nghị của người tướng lĩnh dũng cảm. Khâm phục, mến thương tràn đầy khóe mắt, Lê Lợi muốn ghi nhận mãi mãi trong đáy lòng mình hình ảnh người chiến hữu thân thiết quyết bỏ mình vì nghĩa cả. Lê Lợi thề nguyện với trời xanh mà cũng là thay mặt cho mọi người tỏ lòng biết ơn người trung nghĩa:

– Lê Lai có công đổi áo, sau này trăm cùng con cháu trăm và các tướng tá công thần cùng con cháu họ, nếu không nhớ đến công ấy, thì xin điện cỏ này hóa thành rừng núi, ấn báu hóa ra cục đờng, gương thần hóa ra dao thường¹⁰¹.

Nói xong, Lê Lợi lấy áo bào trao cho Lê Lai và ân cần hỏi:

– Người cần bao nhiêu quân sĩ và tướng lệnh đi theo?

– Xin cho thần năm trăm quân, hai thớt voi và một con ngựa chiến là đủ. Trước khi chịu rơi vào tay giặc, thần sẽ lôi kéo, giữ chân lũ chúng lại. Xin bệ hạ cùng các tướng lệnh ở lại kịp đem quân sĩ ăn náu, đề lo gây dựng nghiệp lớn mai sau.

Nắng hè vẫn như đổ lửa xuống rừng núi Chí Linh. Hơn hai mươi tướng lệnh lặng đi trong điện cỏ. Gian khổ, mất mát, hy sinh còn nhiều. Ai nấy đều đã tự nguyện chọn con đường hy sinh thân mình cho đất nước thân yêu được sống mãi. Trong gần hai năm quằn nhau với giặc, đã bao nhiêu người ngã xuống mà nghiệp lớn chưa thành. Giờ đây, đến lượt Lê Lai dẫn thân vào nanh vuốt của giặc cho nghiệp lớn không bị diệt vong. Ai nấy lặng người. Đau thương, căm thù sôi sục trong lòng mỗi người như cơn gió nồm nam nóng hừng hực đang lướt rào rào qua vách núi.

*

* *

– Không được! Con phải tuân lệnh Bình Định Vương!

Giọng kiên quyết gằn như quát tháo của bố làm cho Lê Lai phải yên lặng, ngậm ngùi cúi đầu. Tiếng trống ngũ liên bắt đầu thúc, Lê Lai ôn tồn

nói với Lê Lãn và Lê Lô:

– Bác và con phải cùng anh em đồng đội ở lại hộ vệ cho được Bình Định Vương cùng các tướng lệnh kịp tìm nơi ẩn náu. Mai đây, có dịp về qua nhà, các người nói Lê Lai có lời chào anh em bà con làng Dưng Tú. Còn Lê Lô, con phải dìu dắt hai em trả nợ nước thù nhà!

Dứt lời, Lê Lai nhảy lên yên ngựa. Tà áo bào bay phấp phất. Giải võng miện nhảy múa chập chờn. Con ngựa chiến đưa Lê Lai tiến về phía đầu đoàn quân. Nơi đó, Bình Định Vương Lê Lợi và các tướng lệnh đã đứng đợi để tiễn biệt đoàn quân quyết tử.

Nắng sớm tràn ngập Chí Linh. Sương mai hâu như bị quét sạch, chỉ còn lại từng đám rời rạc, chờn vờn trên chóp núi. Ngồi trên lưng ngựa, đi giữa đoàn quân, Lê Lai ngoái nhìn lại. Căn cứ Chí Linh đang khuất dần sau vách đá. Nỗi đau vĩnh biệt vừa kịp nhóm lên trong lòng Lê Lai đã bị át đi vì hận thù ngàn ngút. Núi rừng hùng vĩ của đất Thanh bao la hiểm trở là thế mà giờ đây Bình Định Vương và cả đoàn quân khởi nghĩa của Người chưa có chỗ dung thân! Quê hương thân yêu của ông, đất nước Đại Việt này có sao lại chịu cho quân giặc Ngô giày xéo? Cảnh đọa đầy rên xiết của nhân dân dưới ách tàn bạo của giặc, những ngày đói khổ, gian truân của đoàn quân khởi nghĩa, trong đó có anhem, con cái, bè bạn thân thích của Lê Lai thoáng hiện lên trong trí ông. Mới gần hai năm trời độ sức với giặc mà đã bao nhiêu tướng lệnh, quân sĩ phải bỏ thân nơi rừng núi vây bọc quanh ông. Lê Lai nghe như đó đây, những bộ xương tàn của các chiến hữu ở khe suối, ven rừng đang vùng dậy theo bước chân mình. Ông muốn hét vang cho khắp núi rừng đều nghe thấy: “Có Lê Lai đây!”.

Con ngựa chiến chồm qua một khe nhỏ. Tấm thân dũng mãnh của ông như bị hất về phía sau. Lê Lai giữ chặt cương ngựa, hỏi người lính cận vệ:

– Sắp lọt vào địa thế giặc Ngô chặn giữ chưa?

– Dạ, tìền quân báo về cho biết, sắp đến nơi rồi.

Lê Lai truyền lệnh:

– Giương cao ngọn cờ Bình Định Vương lên!

Cho đến lúc tìền quân đụng đầu với giặc, Lê Lai thúc ngựa phi về phía trước. Ông hét vang:

– Ta là Chúa Lam Sơn đây!

Thanh gươm trong tay Lê Lai vung lên, bay vù vù mở đường cho đoàn quân quyết tử dấn sâu vào trận địa giặc.

Trong cuộc giáp chiến ác liệt với quân thù, Lê Lai bị giặc bắt đem đi¹⁰². Ông không còn sống để trở về với nghĩa quân Lam Sơn nữa...

Bình Định Vương Lê Lợi, tướng lĩnh, quân sĩ, những người ở lại Chí Linh được thoát sau đó sau đó tiếp tục hoàn thành sự nghiệp cứu nước mà người anh hùng Lê Lai hằng ấp ủ và vì nó hy sinh trọn đời.

Để ghi nhớ công lao của Lê Lai, sau khi toàn thắng, Lê Lợi phong Lê Lai làm công thần hạng nhất và truy tặng chức thiếu úy, Lê Lợi còn sai Nguyễn Trãi viết hai đạo “Tiên ước thệ từ” và “Lai công thệ từ” cất trong tủ vàng để mãi mãi ghi nhớ công lao của Lê Lai. Theo lời căn dặn của Lê Lợi, con cháu nhà Lê sau này làm giỗ Lê Lai vào hôm trước ngày giỗ Lê Lợi (22 tháng 8 Âm lịch). Hiện nay ở làng Tép (Dụng Tú) quê của Lê Lai, còn có đền thờ và hàng năm có tổ chức ngày hội vào mùng tán tháng giêng và 21 tháng 8 Âm lịch, để ghi nhớ công ra người anh hùng vì nước quên mình. Nhân dân còn truyền tụng câu “21 Lê Lai, 22 Lê Lợi”.

LÊ LỢI

I

Tháng 10 năm Bính Thân, một ngày trung tuần, sông núi, cỏ cây và con người vùng đất Ninh Kiều một phen rần rập như vào hội.

Chỉ mới hai ngày trước, nơi đây dòng sông còn đỏ ngầu máu giặc và rải rác trên cánh đồng từ Ninh Kiều vào Cao Bồ¹⁰³ giặc nằm phơi xác ngổn ngang. Cuộc đọ sức giữa nghĩa quân Lam Sơn do các tướng Lý Triện, Đỗ Bí, Phạm Văn Xảo, Đinh Lễ, Nguyễn Xí chỉ huy với gần chục vạn quân của tổng binh Vương Thông kéo đến đã xảy ra như trời long đất lở. Tên tướng giặc ngông nghênh đem quân từ bên nước sang tưởng như sẽ tiêu diệt được nghĩa quân trong chớp nhoáng. Không ngờ thượng thư giặc Trần Hiệp phải bêu đầu, nội quan Lý Lượng cũng bỏ mạng, còn bản thân Vương Thông thì bị thương. Tên tướng giặc sống sót thu vội tàn binh rút về Đông Quan¹⁰⁴ để lại 5 vạn xác quân lính làm phân bón cho ruộng đồng Ninh Kiều Cao Bồ. Còn nghĩa quân Lam Sơn đã gấp gáp đưa tin báo tiếp về Lũng Giang¹⁰⁵. Bình Định Vương Lê Lợi với đại quân cùng 20 thớt voi, chia hai đường thủy bộ rời căn cứ Lam Sơn thân yêu quen thuộc, tiến đến Lũng Giang gần Ninh Kiều giữa lúc tiếng reo mừng của những người chiến thắng còn chưa tắt.

Thời tiết tháng 10 lạnh lẽo. Những cánh đồng lúa vừa mới gặt xong còn ló nhô chân rạ màu xám xám. Đó đây khắp xóm làng thơm thơm mùi lúa mới. Năm nay được mùa. Thóc lúa chưa kịp gặt ráo đồng thì giải đất

này đã gặt thu một mùa chiến thắng. Giờ đây trên đất vùng Ninh Kiều đang có mặt Bình Định Vương Lê Lợi và hầu như toàn bộ đầu não của nghĩa, quân Lam Sơn. Cả nước Đại Việt đang hướng về Ninh Kiều theo dõi từng bước chân đi của Lê Lợi. Khắp vùng kế cận, mới thoáng nghe tin Bình Định Vương hành quân ra Bắc, đã hồ hởi bảo nhau tải lương thực cùng từng đoàn trai tráng đổ về Ninh Kiều như nước chảy. Còn trong thành Đông Quan, sào huyệt của giặc cách đây chưa đầy 30 dặm đường, Vương Thông cùng bè lũ giặc cướp cũng đang nghĩ về Ninh Kiều mà giật mình thon thót.

Khi mặt trời tháng 10 vàng chói vừa chênh chếch xế chiều, Bình Định Vương Lê Lợi đi thị sát chiến trường đã về đến bản doanh, mấy ngày trước đây, ngôi đình ngói năm gian dựa lưng vào núi, lọt vào giữa chòm xóm thân yêu còn là nơi gặp gỡ của tướng lĩnh bàn kế diệt giặc trên cánh đồng Cao Bộ. Giờ đây, cũng ngôi đình này, Bình Định Vương chọn làm nơi đồn trú. Ngõa quây quần trên hàng sập gỗ kê ở gian giữa, các tướng lĩnh chờ đợi lệnh của Bình Định Vương. Cảnh chum đầu kê vai cùng bàn mưu liệu kế đối phó với giặc Minh đã diễn ra không biết bao nhiêu lần kể từ ngày đội nghĩa quân còn trứng nước, phải ẩn náu nơi núi rừng Lam Sơn. Thế mà đã 10 năm rồi, từ sau hội thề ở Lũng Nhai vào năm Bính thân (1416), 8 năm, từ khi Lê Lợi xưng vương phất cờ khởi nghĩa ở đất Lam Sơn¹⁰⁶. Từ bấy đến nay, khắp vùng rừng núi đất Thanh trùng điệp, rồi Nghệ An hiểm trở mênh mông, gót chân tướng lĩnh cùng quân sĩ đã mòn và mái tóc của Bình Định Vương đã lốm đốm bạc. Trong cuộc đọ sức với giặc, khi phá tan thành giặc, lúc phục binh giết giặc bất ngờ, hoặc bị vây khốn chí nguy, con người đang đứng trước mặt các tướng lĩnh vẫn thản nhiên, vững chãi như bàn thạch. Khó mà bắt gặp một niềm vui toát ra với

vàng trên khuôn mặt vuông vắn, có đường nét hơi thô và cặp môi dày vì ăn những đường viền rõ nét ấy. Trong nguy hiểm gian lao không hề thấy một biểu hiện lo âu hiện ra trên vầng trán phẳng lì và cặp mắt tròn lúc nào cũng rực sáng. Bình Định Vương suy nghĩ gì trên đất Ninh Kiều và lệnh của Người ra sao? Không ai dự đoán được.

Từ buổi có mặt ở Ninh Kiều, Lê Lợi đã ân cần hỏi han quân sĩ, chăm chú lắng nghe tỉ mỉ mọi điều về tình hình quân dân và chiến sự trên đất Bắc, Người đi thị sát chiến trường mà không hề phán bảo ngoài những lời ngợi khen về chiến thắng ở Ninh Kiều, Cao Bộ.

Có lẽ đây là lần đầu tiên những người cần đầu nghĩa quân Lam Sơn họp bàn chuyện diệt giặc ngay bên cạnh hang ổ chính của giặc. Trong tâm tư của mọi người, ai này đều nghĩ về Đông Quan. Lý Triện, Đỗ Bí, Phạm Văn Xảo, Đinh Lễ, Nguyễn Xí, những người vừa diệt giặc ở Cao Bộ, đuổi Vương Thông đến sát chân thành Đông Quan, chờ đợi ở Bình Định Vương lệnh san phẳng sào huyệt của giặc. Nếu như trong trận đánh vừa qua có thêm một lực lượng mạnh chặn đường rút của giặc, thì Tổng binh Vương Thông khó thoát. Biết đâu, giờ đây các tướng lĩnh lại chẳng gặp gỡ nhau trong thành Đông Quan. Vừa qua cuộc đọ sức với Vương Thông, các tướng lĩnh ở đây nhìn Đông Quan như quả chín, một cơn gió nhẹ cũng đủ làm cho rơi rụng. Chỉ có Nguyễn Trãi, vị văn thần luôn có mặt cạnh Bình Định Vương, chuyên trách việc thư từ qua lại với giặc thì hiểu thành Đông Quan hơi khác. Trong suy nghĩ của Nguyễn Trãi, thành Đông Quan không phải chỉ có mặt viên bại tướng Vương Thông và số quân sĩ sống sót chạy về. Ở đó còn có lực lượng của Trần Trí cố thủ từ trước, lại thêm Phương Chính, Lý An từ Nghệ An kéo về. Hàng nửa chục vạn quân chụm nhau trong một tòa thành kiên cố, hạ được không phải dễ. Ngồi cạnh các võ

tướng, Nguyễn Trãi vẫn nghĩ đến việc đánh vào lòng người mà ông đã đề ra từ ngày dâng “Bình Ngô sách” cho chúa Lam Sơn hơn 10 năm về trước. Dù sao, mọi người vẫn tin chắc rằng Bình Định Vương đem quân ra Bắc lần này là nhằm vào thành Đông Quan...

Quả vậy, Lê Lợi đang nghĩ đến thành Đông Quan. Không phải bây giờ, mà hai tháng trước đây, khi vây hãm thành Nghệ An, phái ba đạo quân ra Bắc, Lê Lợi đã nghĩ đến Đông Quan. Trong con mắt của người cầm đầu nghĩa quân Lam Sơn, thành Đông Quan không chỉ là một sào huyệt quan trọng trong hàng loạt hang ổ giặc cầm rả rác nhiều nơi trên đất Đại Việt, mà còn là đầu mối liên lạc với nước Minh qua hàng loạt thành trì trên con đường lên ải Bắc. Độ sức với Đông Quan là đương đầu với Tuyên Đức¹⁰⁷ và bè lũ quần thần đang ngự trị ở Yên Kinh¹⁰⁸.

Hơn tám năm quần nhau với giặc, cho đến nay Bình Định Vương Lê Lợi đã thấy rõ ngày toàn thắng đã tới gần. Nhưng từ nay tới ngày ấy còn biết bao nhiêu khó khăn nguy hiểm không thể lường hết được. Việc hành quân ra Bắc lần này của Bình Định Vương chỉ là đi thêm một nước trong thế cờ đã sắp sẵn để đi vào kết thúc. Sau mấy ngày đêm xem xét, suy nghĩ đắn đo, giờ đây Bình Định Vương hạ quyết tâm trước tướng lĩnh:

– Đánh Đông Quan! - Giọng nói của Bình Định Vương truyền ra ngắn gọn như một phát súng lệnh. Một thoáng lặng im trấn ngự năm gian đình. Tư Không Đình Lễ, vị tướng cao tuổi vừa lập công trong trận Tốt Động, thay mặt cho mọi người, chấp tay đáp lệnh:

– Tâu Vương thượng! Lũ chúng tôi vẫn mong được lệnh san phẳng thành Đông Quan để trả thù cho trăm họ.

Bình Định Vương Lê Lợi gật đầu, nhìn khắp lượt. Tiếp lời Đình Lễ, một vị tướng trẻ có dáng người vạm vỡ đứng dậy, đến trước mặt Bình

Định Vương, vòng tay cất giọng sôi nổi:

– Muôn tâu! Vương Thông sống sót, hấn cố thủ Đông Quan với một nhóm tàn binh, chỉ chờ ngày nộp mạng. Sau trận đại bại vừa qua, hấn sợ khiếp vía. Nay được Vương thượng đem quân ra đây, số phận chúng như cá nằm trên mặt thớt. Quân sĩ vẫn mong đợi lệnh hạ thành Đông Quan để được dịp đua sức lập công.

Lê Lợi xốc lại tấm da hổ trùm trên đôi vai to rộng, đưa mắt nhìn về phía thành Đông Quan. Bên ngoài, nắng hanh ấm áp. Từng cơn gió bắc thổi lọt vào năm gian đình lạnh lạnh. Bằng một cử chỉ thân thương quen thuộc như những ngày nằm gai nệm mật nơi núi rừng, Bình Định Vương bước lại gần, đặt tay lên vai vị tướng trẻ. Vết hờ hời hiện ra trong ánh mắt làm cho nét mặt của Lê Lợi bình thường có vẻ già hơn cái tuổi ngoài 40 của Người¹⁰⁹ giờ đây như trẻ hẳn lại. Đập nhẹ tay trên vai Nguyễn Xí, Lê Lợi cười nói với tướng lĩnh:

– Thành Đông Quan hiện nay có bao nhiêu quân, lương thảo nhiều hay ít? Vương Thông, Trần Trí, Phương Chính, Lý An chia nhau cố thủ ra sao? Các người có rõ không? Binh pháp vẫn dạy: Biết mình, biết người, trăm đánh trăm thắng. Phen này ta cùng các người sẽ tính chuyện với Đông Quan. Nhưng không phải vì thế mà quên đi đâu binh pháp đã dạy.

Nói đến đây Lê Lợi nhìn Nguyễn Trãi, con người từ đầu vẫn im lặng ngẫm lâu mình trong tấm áo kép bông, chăm chú lắng nghe lời bàn của tướng lĩnh. Ông vội chấp tay ngang ngực, ngược nhìn Bình Định Vương bằng đôi mắt khâm phục của người cận thần tâm phúc. Nguyễn Trãi dè dặt đáp lời:

– Dạ!

Khắp vùng đất Bắc và cả thành Đông Quan nữa, Nguyễn Trãi đã từng đặt chân tới. Sau nhiều năm bị giặc đóng chiếm hẳn có nhiều thay đổi. Những địa thế và con người Đại Việt thì trước sau vẫn là một. Nguyễn Trãi muốn bày nhiều, nhưng ông tự thấy phải dè dặt trước các tướng lĩnh vừa lập công lớn mà thâm tâm ông vô cùng kính phục. Vả lại, qua lời nói của Bình Định Vương, Nguyễn Trãi đã sớm nhận ra nước cờ hạ thành Đông Quan của Lê Lợi. Ông cảm thấy yên tâm.

Sau một lát đắn đo, Lê Lợi nói với mọi người:

– Ninh Kiều cũng không xa Đông Quan lắm nhưng dòng sông cách trở, khó khăn trong việc theo dõi mọi động tĩnh của giặc. Đây chỉ là đất trú quân lợi hại khi lực chúng ta còn nhỏ yếu. Bây giờ thế và lực của ta đã khác. Giặc trốn tránh ta, còn ta thì truy lùng tìm diệt chúng. Ta muốn dời bản doanh về sát phía Nam Đông Quan rồi hãy bàn kế hạ thành giặc, các người tính sao?

Nguyễn Trãi lặng yên, giấu niềm khâm phục đến ngạc nhiên của mình trước việc chuẩn bị hạ nước cờ thế của Bình Định Vương Lê Lợi. Còn tướng lĩnh từ người cao tuổi như Đinh Lễ cho đến người trai trẻ như Nguyễn Xí đều lấy làm vui mừng được đem quân tiến đến gần hang ổ giặc.

Sau ít ngày chuẩn bị, vào một hôm giữa ban ngày nắng ráo, Bình Định Vương Lê Lợi truyền lệnh chuyển quân. Trên các ngã đường từ Ninh Kiều về Tây Phù Liệt¹¹⁰, quân sĩ trẩy đi rầm rập. Voi chiến lưng lửng tải lương thực, khí giới lướt trên đường. Tiếng đồn Bình Định Vương Lê Lợi chuyển đại quân về sát Đông Quan lan đi khắp nơi. Các vùng phụ cận vui như mở hội. Còn trong thành Đông Quan, bề lũ Vương Thông nghe tin, lại sửng sốt bàng hoàng...

Đêm đã khuya, đô đốc Phương Chính còn trần trọc không sao ngủ được trong căn lều ở gần cửa Nam thành Đông Quan. Cuộc họp bàn của tướng lĩnh có làm cho Phương Chính yên tâm hơn. Nhưng cuộc đời càn quân của hắn đã từng gặp bao chuyện bất ngờ. Trận đại bại của Tổng binh Vương Thông vừa qua ở Cao Bộ chẳng là một chuyện bất ngờ đó hay sao? Năm vạn viện binh của quan Tổng binh từ biên giới tràn sang chưa được một tháng trời đã nếm mùi bại trận. Bản thân Phương Chính thoát khỏi vòng vây ở Nghệ An cùng Lý An vội rút về cứu nguy cho Đông Quan đã được gần một tháng mà tình hình càng thêm nguy khốn. Lê Lợi mới phái ba cánh quân ra Bắc mà quân Minh đã bị đại bại ở cách Đông Quan trên dưới 30 dặm đường. Giờ đây, chính Lê Lợi đem đại quân ra Bắc chốt ở gần Ninh Kiều, Đông Quan sẽ ra sao? Lê Lợi sẽ đánh Đông Quan. Đi đâu đó các tướng lĩnh đã thấy trước. Nhưng Lê Lợi đánh ra sao và bao giờ sẽ tiến đánh? Bàn luận đến nát đầu, mà tình thế vẫn cứ bí, tuy nhiên Phương Chính cũng thấy rằng Lê Lợi có đem tới 10 vạn quân vẫn không đương đầu nổi với Đông Quan. Ấy là chưa kể triều đình sẽ không thể để cho Đông Quan bị mất về tay quân Đại Việt. Tin tức thu lượm được cho biết cách đây mười hôm Lê Lợi đem quân ra đóng ở Lũng Giang, gần Ninh Kiều và mới ngày hôm qua lại chuyển quân doanh về Tây Phù Liệt. Việc chuyển quân tuy đường gần cũng phải mất mấy ngày, như vậy Lê Lợi có mưu tính tấn công Đông Quan cũng ít ra là vào khoảng cuối tháng. Còn nhiều ngày để lo phòng bị và cấp báo về triều đình. Trong kế sách canh giữ, Phương Chính phải đem một vạn quân trấn vùng ngoại vi Đông Quan. Giờ đây nằm trong lều tướng sát cửa Nam thành Đông Quan, Phương Chính nghe rõ mồn một từng tiếng trống càn canh của tiền quân đóng dọc theo thành Đại La dội về. Hắn không thể ngủ được, bình tĩnh khoác áo giáp, cấp thanh

trường kiếm rồi nhảy lên lưng ngựa xông ra ngoài thành. Phương Chính thúc bộ tướng lao về chân thành Đại La cùng toán dũng sĩ hộ vệ. Vừa vượt ra khỏi thành Đông Quan, một vòng đai khói lửa cùng tiếng reo hò như sấm dậy làm cho Phương Chính giật mình: “Cả 4 mặt Đông Quan đều có giặc?” Tên tướng giặc đi đầu một đội quân tinh nhuệ tiến về chặn các cửa ô phía thành Đại La.

Trong lúc bên ngoài thành, chiến trận mỗi lúc một lan rộng thì trong thành, Tổng binh Vương Thông cùng với Mã Kỳ, Sơn Thọ, Lý An, Mã Anh... chia nhau chặn giữ các cửa sẵn sàng kéo quân ra ngoài thành tiếp chiến. Đô đốc Phương Chính chưa đến được chân thành Đại La thì tiếng quân của hắn đã hối hả chạy về Tên tướng giặc gần thét giận giữ. Thanh gươm trong tay Phương Chính vung lên, hàng loạt quân lính bỏ ngũ rơi đầu. Nhưng quân lính vẫn đổ về như nước lũ. Những tiếng kêu thất thanh, hoảng sợ đập vào tai Phương Chính:

– Voi chiến! Voi chiến! - Bình Định Vương Lê Lợi đang xông vào Đông Quan!

Phương Chính không tin, thúc ngựa xéo lên quân sĩ mà xông tới. Nhưng rồi chính mắt tên tướng giặc trông thấy đàn voi chiến lướt ào ào trong ánh lửa. Và ngọn cờ Bình Định Vương thấp thoáng dẫn đầu đại quân đang hò reo, chia đường xô tới. Biết thế không chống cự nổi, Phương Chính truyền lệnh quay ngựa rút vào thành Đông Quan. Cả bốn cổng thành, quân lính xô nhau chạy vào mỗi lúc một đông, rồi hầu như bị tắc nghẽn.

Trong khói lửa rực trời, Trần Nguyên Hãn từ bến Đông Bộ Đầu đánh thốc về cửa Đông. Tư Không Đinh Lễ vượt sông Tô Lịch, đốt phá hết đồn trại bên mặt tây đã xông về cửa Đại Hưng gặp đại quân của Bình Định Vương Lê Lợi. Khi hai cánh lim nặng nề của cửa Đại Hưng hối hả đóng ập

lại, Bình Định Vương Lê Lợi truyền cho quân sĩ san phẳng hết mọi đên trại ở ngoại vi Đông Quan, chia nhau chặn giữ các mặt.

Trời đã sáng, bên ngoài thành Đông Quan xác giặc nằm ngổn ngang. Sào huyết giặc ngập chìm trong vòng đai khói lửa¹¹¹. Bốn cổng thành đóng im ỉm. Trên mặt tường thành, quân tuấn tiêu của giặc thập thò, hoảng hốt nhìn ra ngoài. Từng loạt tên bắn ra vu vơ.

Khi ánh nắng đỏ hoe của một ngày tháng 10 đẹp trời lọt qua màn sương giá, rơi xuống khắp nơi thì Bình Định Vương Lê Lợi truyền cho Trần Nguyên Hãn và Đinh Lễ:

– Bằng một trận tấn công bất ngờ¹¹² ta đã chiếm được ngoại vi thành Đông Quan, dên tướng giặc phải chui vào thành cố thủ. Các người chia quân giữ chặt, không cho một tên giặc lọt ra ngoài. Đã đến lúc chúng ta vây hãm Đông Quan rồi đó!

II

“Tổng binh Vương Thông xin giảng hòa!” Tin vui lan truyền nhanh trong quân sĩ. Ai nấy bàn tán xì xào: “Bình Định Vương có chấp thuận không? hòa hay chiến không ai rõ, chỉ biết lệnh từ Đông Phù Liệt¹¹³ vẫn truyền ra: Giữ chặt vòng vây! Bất luận lúc nào giặc từ Đông Quan nống ra phải diệt bằng hết. Ai trái lệnh, bị chém đầu trước hàng quân! Đên đại là một chuyện, còn lệnh vẫn là lệnh. Chả thế mà mới tờ mờ sáng hôm nay, một tốp giặc giả làm dân thường thừa lúc sương giá mù mịt trốn ra ngoài thành cật cỏ ngựa đã lập tức bị tóm giữ. Còn ở mạn cửa Bắc thành Đông Quan, đêm qua, ba tên giặc lẻn ra ngoài bờ sông vừa mới xuống thuyền trốn về đất Bắc đã bị giết, chết chìm trong dòng sông giá lạnh. Trong khi

đó quân sĩ vẫn được lệnh dãn về vây bọc Đông Quan tầng tầng, lớp lớp. Và Bình Định Vương, vào lúc quân sĩ xôn xao nhất, lại đang có mặt ở phía Nam Đông Quan để kiểm soát, đôn đốc việc hãm thành.

Từ mạn cầu Tây Dương đi lại, Bình Định Vương và đoàn vệ sĩ dọc theo con đường mòn bên ngoài thành Đại La đang trở về vùng Mi Động. Ngồi trên lưng ngựa nhìn về dãy thành đất nhiều chỗ bị sạt lở, Bình Định Vương cảm thấy tự hào vì đội ngũ quân sĩ do chính mình gây dựng nên. Mới ngày nào đó, còn là một nhóm người ít ỏi, lẩn tránh nơi rừng núi mà ngày nay họ đã trưởng thành, tiến thẳng về Đông Quan vây hãm giặc. Một tháng trước, nơi đây còn là chỗ đồn trú của giặc Minh do Đô Đốc Phương Chính đi đầu khiêu, người dân ngoại vi thành Đông Quan còn phải chịu đựng bao nhiêu tai họa do giặc gây ra hàng ngày. Giờ đây, ngoại vi Đông Quan là đất và người của ta cả.

Thấy bóng Bình Định Vương đi tuấn, từ trong đồn trại hai bên đường, quân sĩ nhao ra chào đón. Từng quãng, đoàn ngựa chiến phải dừng lại. Bình Định Vương mỉm cười vẫy tay chào mọi người. Cho đến gần cửa ngõ phía Nam, quân sĩ đồn trú ở đây kéo nhau ra đứng đón chật đường. Bình Định Vương phải xuống ngựa rẽ đám đông tìm vào bản doanh của Tư Không Đĩnh Lễ đóng trong vùng Mi Động. Vừa đặt chân đến đường ngoặt, Bình Định Vương Lê Lợi phải dừng lại. Trước mặt Lê Lợi, một người lính già ngoài 50 tuổi đã chấp tay đứng đón đường. Khi khuôn mặt xương xương rúm nắng của người lính ngẩng lên, Lê Lợi thoáng nhìn thấy một vết sẹo dài hằn bên má. Rồi một câu hỏi đột ngột, gần như xác xược, thốt ra từ cửa miệng người lính:

– Thưa Đại vương, có phải Vương Thông xin giảng hòa?

Câu hỏi đột ngột của người lính già làm cho Bình Định Vương phân vân khó nghĩ. Quả thật Vương Thông bị vây khốn đến lương cạn thể cùng hần đã phái người đến Đông Phù Liệt xin giảng hòa. Đi đâu đó cũng không lấy gì làm lạ. Đối phó với lũ giặc bạo tàn tráo trở ra sao, còn phải cân nhắc kỹ. Dầu sao, ở đây, trước đông đảo quân lính, Bình Định Vương không muốn giấu sự thật đó. Lê Lợi đưa tay lắc mạnh đôi vai người lính:

– Đúng! Vương Thông bị các người vây khốn, hần xin giảng hòa. Người thấy sao?

Bình Định Vương vừa dứt lời, người lính già lùi lại một bước, vung mạnh tay, vẻ giận dữ hiện ra trong ánh mắt đỏ ngầu. Người lính lớn tiếng quát:

– Sao lại hòa? Ta sống thì lũ chúng phải chết, chỉ có thế thôi. Phải giết hết, không để sót một mống mới hả dạ!

Như nhận ra mình có đi đâu không phải lẽ, người lính già bước lại gần Bình Định Vương chấp tay, cúi đầu nói ôn tồn:

– Muôn tâu Đại Vương! Gần mười năm cấp giáo theo Đại Vương, chính mắt tôi đã thấy không biết bao nhiêu chiến hữu bị ngã gục vì quân giặc bạo tàn, còn cha mẹ, vợ con tôi thì... Ngừng lại một lát người lính già hạ giọng: - Tôi hằng mong còn sống được đến ngày giết hết lũ chúng, trả thù cho người đã khuất, xin Đại Vương tha lỗi.

Nhìn thẳng vào đôi mắt đỏ hoe của người đang đứng trước mặt, Bình Định Vương cầm tay người lính:

– Không! không! người không có lỗi. Hãy theo ta cùng quân sĩ vây chặt thành Đông Quan!

Bình Định Vương tìm đường vào bản doanh quan Tư Không Đinh Lễ. Người lính già đã làm sống lại trong tâm tư Bình Định Vương những hình ảnh đau thương, thù hận của những ngày qua...

Ngày ấy, Bình Định Vương nhớ rất rõ, chưa được 10 ngày, sau khi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, ngày 16 tháng 1 năm Mậu Tuất (1418), giặc Minh do mấy tên phản bội dẫn đường ập đến Lạc Thủy gây cho nghĩa quân tổn thất nặng nề. Vợ con, thân thuộc của Lê Lợi và những người ứng nghĩa đầu bị giặc lòng bắt, giết hại. Cho đến nắm xương tàn của thân sinh Lê Lợi đã nằm yên dưới mồ cũng bị chúng quật lên¹¹⁴. Đau thương, mất mát chỉ mãi thêm sắc chí căm thù. Từ bấy đến nay Bình Định Vương cùng quân sĩ không quản thân mình, chịu đựng muôn vàn hy sinh gian khổ, quyết một lòng trả nợ nước thù nhà. Trong số những người có mặt ở Lam Sơn ngày ấy, đến nay còn lại được bao nhiêu? Người lính già kia hẳn là một nghĩa quân kỳ cựu từ những ngày mới nhóm họp.

Bước vào bản doanh quan Tư Không Đinh Lễ mà hình ảnh người lính già vẫn còn đọng lại trong trí Bình Định Vương.

Ngôi đình Đông Phù Liệt dựng trên một khu đất cao ráo, bằng phẳng. Mấy cây đa cổ thụ trước sân xòe tán rộng phủ trùm kín nửa mái đình. Liền sau hôm tấn công vây hãm thành Đông Quan, Bình Định Vương chọn nơi đây làm bản doanh. Từ bấy, ngôi đình trở nên uy nghiêm hơn, mang thêm dáng vẻ của một tòa hoàng cung. Từ ngày dấy quân đến nay, đây là lần đầu tiên Bình Định Vương cho sắp đặt một đại bản doanh khang trang đến như thế. Trên nóc tam quan, ngọn cờ đại thêu ba chữ “Bình Định Vương” treo cao, nổi bật trên nền lá cây màu xanh thẫm. Đội quân túc vệ ngày đêm tuần tiễu canh giữ. Các vệ quân chia nhau dựng đôn trại san sát, chiếm một vùng rộng lớn xung quanh ngôi đình. Chiếc sàn lát đá thềm thang, quanh

năm rêu phủ, giờ đây đã nhẵn bóng vì bước chân người qua lại rần rập. Năm gian đình làm nơi hội họp tướng lĩnh, tiếp đón quân dân từ các đạo về yết kiến Bình Định Vương. Bên trong chính tâm được sửa sang lại làm nơi nghỉ và họp bàn việc cơ mật. Hai bên giải vũ là nơi ở của quân túc vệ và trú ngụ của tướng lĩnh mỗi khi về bản doanh họp bàn kế sách. Trong số các tướng lĩnh văn võ có Nguyễn Trãi được Bình Định Vương cho ở luôn trong đại bản doanh.

Bằng vào dáng vẻ bề ngoài, ngôi đình Đông Phù Liệt quả là hoàng cung của vua nước Đại Việt. Nhưng bên trong, từ cách ăn ở, phục sức của tướng lĩnh và Bình Định Vương cho đến việc tiếp xúc hàng ngày, nơi đây vẫn còn giữ nề nếp, phong độ một bộ phận đầu não của đoàn quân khởi nghĩa. Ở đây hàng ngày không có buổi chiều, không có triều hội, mà chỉ có những hồi trống bất thường báo hiệu tướng lĩnh đến gặp mặt, họp bàn kế sách chống giặc và những cuộc tiếp khách như thường lệ của Bình Định Vương.

Từ sau khi vây hãm được thành Đông Quan, vùng đất Bắc rộng lớn gần như hoàn toàn thoát khỏi ách cai trị của giặc. Hào kiệt các nơi đua nhau nổi dậy cầm đầu các phủ lộ theo về với Bình Định Vương ứng nghĩa. Và theo đó, dân chúng khắp nơi đều hướng về Đông Phù Liệt, đợi lệnh của Bình Định Vương” Trước kia Bình Định Vương chỉ lo việc chống giặc, thì giờ đây, sau nước cờ vây hãm Đông Quan, Bình Định Vương còn phải lo cai quản đất nước. Việc lập các bộ, sảnh, viện, chọn người trông giữ và cất đặt người cai quản các phủ lộ thật là bề bộn¹¹⁵. Nhưng quan trọng và cấp thiết hơn, vẫn là việc quét sạch lũ giặc nước. Bị giam hãm ở Đông Quan, bè lũ Vương Thông sớm muộn rồi cũng bị tiêu diệt. Nhưng Vương Thông cũng chỉ là tay chân, đầu não của chúng lại trấn trị ở kinh đô phương Bắc. Vương Thông gặp thế cùng lực kiệt, Tuyên Đức sẽ cấp viện binh; Vương

Thông bị giết có thể có tên khác sang thay. Cuộc độ sức càng đến gần ngày kết thúc càng không đơn giản và quyết liệt.

Tại bản doanh Đông Phù Liệt, Bình Định Vương Lê Lợi cùng mưu thần Nguyễn Trãi đã ng ồi bên nhau qua nhiều đêm trắng vào mùa đông năm Bính Ngọ để tính chuyện với thành Đông Quan: vây hãm và gọi hàng.

Thành Đông Quan bị khốn quẫn, ngột ngạt trong vòng vây trùng điệp. Vương Thông ra quân trận nào bị tiêu diệt trận ấy nhưng vẫn chưa chịu hàng. Tên Tổng binh giặc bám lấy tờ chiếu của Minh Thành tổ trước đây nói tìm lập con cháu nhà Trần lên làm vua rồi sẽ bãi binh, Bình Định Vương bàn với Nguyễn Trãi tìm Trần Cảo¹¹⁶ lập lên làm vua, đặt niên hiệu Thiệu Khánh d ời Vương Thông vào thế phải bãi binh. Tướng giặc quyết không bãi binh mà lại sai sứ giả là Nguyễn Nhậm mang thư đến Đông Phù Liệt xin giảng hòa. Tin đó lan truyền trong quân sĩ và đang làm cho Bình Định Vương Lê Lợi phải đau đầu.

Nghe nói giặc xin giảng hòa, tướng lĩnh và quân sĩ nhiều người nổi giận. Hình ảnh người lính già ở chân thành Đại La hôm nọ còn in đậm nét trong trí Bình Định Vương.

Lê Lợi vẫn nghĩ rằng: “Hòa hay hàng, nói thế nào cũng được, miễn là giặc phải rút hết quân, trả non sông Đại Việt lại cho người Đại Việt. Dân Đại Việt không phải làm nô lệ cho ngoại bang”. Chẳng phải đến bây giờ, mà ngay từ khi dấy quân, Bình Định Vương đã từng bảo với mọi người “Ta sở dĩ cất quân đánh giặc, không phải là có lòng tham phú quý, chỉ là muốn cho người ngàn năm về sau biết ta không chịu làm tôi cho giặc tàn ngược thôi”¹¹⁷.

Đã khuya, đêm mùa đông càng thêm tĩnh mịch. Tại bản doanh Đông Phù Liệt, Lê Lợi tìm đến thư phòng của Nguyễn Trãi còn le lói ánh đèn.

Trao tờ thư xin giảng hòa của Vương Thông cho người cận thần thân tín và mưu lược đang ngồi bên án thư, Lê Lợi phán bảo:

– Ta đã suy nghĩ kỹ, “lời nói ấy cố nhiên hợp ý ta. Vả lại binh pháp nói không phải đánh mà khuất phục được quân của người là kế hơn cả”¹¹⁸.

Nguyễn Trãi kính cẩn dâng lá thư gửi thành Đông Quan vừa soạn thảo xong đáp lời:

– Tâu Vương thượng! Bấy lâu nay được Vương thượng giao cho việc soạn thảo thư từ gọi hàng giặc, thần vẫn mong có ngày quét sạch lũ chúng. Nay Vương Thông dâng thư xin rút quân về nước thì còn gì bằng.

Bình Định Vương Lê Lợi gật đầu tỏ ý hài lòng với lời bàn hợp ý của Nguyễn Trãi. Một lát lặng yên, Bình Định Vương nói tiếp:

– Nhưng bạo ngược, tráo trở là thói quen của giặc. Nay bề lũ Vương Thông bên ngoài nói xin giảng hòa, mà trong bụng vẫn ngấm đờn viện binh. Người tính sao ?

– Vâng, đi đâu đó có thể đúng như dự đoán của Vương thượng. Thần vẫn nghĩ nếu Vương Thông thực tâm rút quân về, trao trả mọi thành trì cho ta, ta sẽ giúp cho chúng về nước được thuận tiện. Nếu chúng tráo trở, tâu Vương thượng. vòng vây Đông Quan còn đó, xin Vương thượng cứ yên lòng.

Suốt đêm hôm ấy, Bình Định Vương Lê Lợi và mưu thần Nguyễn Trãi ngồi bên nhau bàn kế sách chấp nhận chuyện “Giảng hòa”. Ngoài sân, đại bản doanh Đông Phù Liệt, mưa phùn càng về khuya càng dày hạt. Gió bắc từng cơn rào rào. Tiếng trống canh canh chốc chốc lại vang lên trong đêm đông lạnh lẽo.

*

* *

Những ngày cuối năm Bính Ngọ đối với Tổng binh Vương Thông thật là nặng nề bi thảm. Nhưng dầu sao những ngày ấy vẫn trôi qua, và tết Đinh Mùi rồi sẽ đến. Hoàng cung của các vua Lý, Trần lộng lẫy, uy nghi là thế, giờ đây bị chiếm làm tổng hành dinh, cũng không làm cho Vương Thông mảy may vui thích. Những cảnh hoa đào nở rộ trên các lối vào hoàng cung càng gợi cho Vương Thông nhớ đến cái Tết của quê hương tí tì tận phương Bắc của hắ. Thanh bảo kiếm lúc nào cũng kề bên hông đôi lúc làm cho tên tướng giặc hổ thẹn. Mới đặt chân đến Đại Việt với năm vạn quân, năm ngàn ngựa mà hắ đã bại trận, một phen chết hụt để rồi chịu phải giam chân trong thành Đông Quan. Cái mộng đầu xuân Đinh Mùi ăn mừng ở Đông Quan và báo tiếp, dâng công về cho nhà vua của hắ thế là tan vỡ một cách nhục nhã. Các tướng lĩnh dưới quyền, từ Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính... đã có lần khích bác, mạt sát hắ ngay trước mặt. Nhất là trong những ngày bị vây hãm, lương thực khô cạn, quân sĩ chán nản, lòng người chia lìa. Hắ đã nhiều lần cho người lọt ra ngoài thành trốn về nước cấp báo và xin viện binh. Nhưng vẫn biệt tin tức. Không lẽ bó tay chịu chết. Đã là một viên tướng đem quân ra ngoài thành thì không phải đợi mệnh vua, hắ biết vậy và quyết định lập kế “giảng hòa” xin rút quân về nước. Nhờ đó vòng vây của quân Đại Việt có nới rộng đôi chút cho quân của hắ được ra vào mà kiếm cái ăn cho người, ngựa. Nhưng được có như vậy thôi, hắ đã phải trả một giá quá đắt: phái người đến các thành từ Tây Đô trở vào truyền lệnh đình chiến và rút quân. Điều đó có nghĩa là Bình Định Vương buộc hắ ra lệnh cho tướng sĩ của mình từ Thanh Hóa

trở vào phải bỏ giáp, hạ vũ khí. Đành vậy! Dầu sao Vương Thông cũng chuốc được cái yên tâm hơn trong những ngày sắp sửa đón Xuân, chờ đợi viện binh.

Ở cái thành Đông Quan chết tiệt này! Ngày lại ngày, Vương Thông tìm thú vui trong cuộc cờ chén rượu để tạm lãng quên mọi việc. Nhưng nào có quên được!

Mỗi sớm ngày, quân hầu chưa kịp dâng rượu sáng thì vệ sĩ đã đưa cho Vương Thông lá mật thư từ Tây đô và Tham chính Lương Nhữ Hốt xin yết kiến. Đọc thư của Đả Trung - tướng giữ thành Tây Đô, phản kháng việc giảng hòa, hấn cười gằn, truyền cho viên quan người Việt vào gặp mặt.

– Tham chính Lương Nhữ Hốt tôi, kính chào Vương đại nhân.

Vương Thông đứng dậy đưa đôi tay hộ pháp ra nắm. Viên quan cúi gập mình như sụp xuống sát đất để lạy chào. Mở đầu buổi tiếp kiến, Lương Nhữ Hốt kính cẩn, rụt rè dâng biểu Vương Thông một món quà bọc trong túi gấm:

– Thừa Vương đại nhân, tiểu quan tôi xin kính dâng ngài một ít thanh bạch quế gọi là lễ mọn của người dân đất Thanh chúng tôi.

Nghe nói đến bạch quế, Vương Thông sực nhớ đến chuyện ngày xưa các viên quan trấn trị Giao Chỉ vẫn coi quế phương Nam là món hàng quý hiếm. Vàng bạc châu báu, rượu ngon, gái đẹp, đất Bắc không thiếu mà Vương Thông cũng đã tường. Duy có quế Giao Chỉ, mà lại bạch quế nữa, thì có lẽ đây là lần đầu tiên hắn trông thấy.

Từ câu chuyện các loại quế của Giao Chỉ ngày xưa đến đất Thanh ngày nay, Lương Nhữ Hốt khôn khéo tự kể cho Vương Thông về lòng tận trung của hắn đối với “Thiên Triêu” trong những năm được người Minh cho giữ

chức tri phủ Thanh Hóa! Nhữ Hốt ca tụng công đức của Bắc quốc trong việc dạy dỗ, chấn dất người dân Việt kể từ thời Hán, Đường đến triều Minh bây giờ. Tổng binh Vương Thông lắng nghe, thán khen phục và hài lòng với viên thổ quan có hiểu biết nhiều chuyện kim cổ. Cuối cùng Nhữ Hốt nói với Vương Thông:

– Kính thưa, có lẽ đại nhân chưa biết câu chuyện về tướng Ô Mã Nhi trên đất này gần hai trăm năm trước.

– Chuyện ra sao?

– Dạ, ngày ấy người Nguyên sang nước tôi, tướng Ô Mã Nhi bị vua Trần bắt sống trên sông Bạch Đằng, khi hữu chiến, Mã Nhi được tha về nước nhưng vua Trần lại ngầm sai người đục thuyền cho chết chìm dưới biển cả.

Vương Thông phá lên cười:

– Hay! Hay lắm! - Hấn đứng dậy nhìn thẳng vào đôi mắt van lơn cầu khẩn của Lương Nhữ Hốt, nói tiếp - Ta chưa biết chuyện đó thật. Nhưng biết hay không, ta đã có kế của ta. Ô Mã Nhi ngu xuẩn chết là đáng đời! Còn ta, vỏ quít dày có móng tay nhọn, ngài đừng lo.

Quả thật việc Vương Thông xin “giảng hòa” đã làm cho Nhữ Hốt lo sợ. Cuộc đời làm tay sai cho giặc, từ chức tri phủ Thanh Hóa rồi thăng lên hữu Tham Tri, cùng với Đả Trung cố thủ trong thành Tây Đô mưu chống phá nghĩa quân là một chuỗi dài tội ác của hấn đối với dân với nước. Hơn mười năm trước, khi Nhữ Hốt giữ chức tri phủ Thanh Hóa, Lê Lợi còn là trại chủ đất Lam Sơn. Đánh hơi biết Lê Lợi chiêu mộ hào kiệt bốn phương chuẩn bị khởi nghĩa, Nhữ Hốt đã hót với Trương Phụ: “Chúa Lam Sơn vờn kẻ trốn tránh, dùng kẻ làm phản, đãi sĩ tốt rất hậu, chí nó không nhỏ đâu, nếu để giao long gặp mây mưa, thì tất không phải là vật ở trong ao nữa.

Nên sớm trừ đi để khỏi lo về sau”¹¹⁹. Giờ đây nếu Vương Thông giảng hòa với Bình Định Vương thì phường chó săn chim mồi như hắn không còn đất sống. Vì vậy Nhữ Hốt tìm mọi cách lọt vào Đông Quan đem theo thư của Đả Trung và uốn lười cò mồi ton hót với Vương Thông. Bị chủ bắt đúng thóp, Nhữ Hốt sinh ra luống cuống:

– Kính thưa đại nhân, lời nói của tiểu nhân có đi đâu gì không đúng mực, dám xin ngài đại xá.

Vương Thông xua tay:

– Không! Không! Ngài nói rất đúng về chuyện xưa, nhưng chuyện nay thì... thì các ngài chưa biết rõ đó thôi.

Tên tướng giặc phá lên cười. Hắn chồm lên, lông mày dựng ngược, ghé miệng vào tai Lương Nhữ Hốt:

– Ngài không thấy đó ư? Ta đã truyền cho quân sĩ ngày đêm vót chông tên, đào hào, đắp thêm chiến lũy. Vừa qua ta lại phái người về nước cấp báo tình hình giặc và xin thêm viện binh rồi đó...

Lương Nhữ Hốt vòng tay cúi đầu:

– Dạ! Dạ!...

Tiền chân Lương Nhữ Hốt ra về, Vương Thông nghĩ đến Tây Đô, hắn lẩm bẩm: “Rất một lũ ngu xuẩn, tham sống sợ chết!”. Hắn cảm thấy vui vui, tự hào về mưu thần chước quỷ của hắn đưa ra trong việc giảng hòa và tự cho rằng thiên hạ đều mờ tối, chỉ có mình là sáng suốt. Vương Thông bước lại gần khóm hoa đào tươi thắm đang nở rộ, mơn mớn trong nắng ấm hiem hoi của mùa đông. Hoa đẹp như nhắc với hắn: sắp sang xuân rồi. Ngắt một bông hoa đào cầm trên tay, tên tổng binh giặc thở dài. Xuân mới đến với hắn sao mà xám xịt, chỉ có hoa đào là đẹp thôi. Nhưng đây là hoa

của Đại Việt mọc trên đất Đại Việt. Bóp nát bông hoa đào trên tay, Vương Thông cúi đầu bước vào tổng hành dinh.

*

* *

Trên con đường từ ngoại vi góc đông nam thành Đại La, đội ngựa chiến đưa hai vị tướng, một già một trẻ, đi về phía nam, tìm đến đại bản doanh Đông Phù Liệt. Vị tướng có mái tóc lốm đốm bạc quay lại hỏi:

- Quan Tư Không Đình Lễ có bàn bạc, thêm gì không?
- Ngài chỉ bàn với tôi, cứ tâu bày hết.
- Được!

Đó là tướng Trần Nguyên Hãn vây giữ mặt sông Cái và tướng Nguyễn Xí vây giữ mặt Tây của thành Đông Quan. Hai người tìm về đại bản doanh của Bình Định Vương với tâm sự bất bình của người ngày đêm đối mặt với giặc.

Bước vào bản doanh Đông Phù Liệt, Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Xí đã thấy Bình Định Vương đang đi tản bộ dưới hàng hiên. Hai người chưa kịp vái chào ra mắt thì Bình Định Vương đã bước ra giữa sân đón:

- Các người từ Đông Quan về đây?

Trần Nguyên Hãn đáp:

- Vâng, thưa Vương thượng, chúng tôi ở Đông Quan về...

Bình Định Vương đón hai vị tướng vào đình, ngồi quay quần trên sàn gỗ thường làm chỗ họp mặt.

Không đợi cho Bình Định Vương hỏi thêm, Nguyễn Xí đã lên tiếng:

– Tâu Vương thượng, chúng tôi về gặp Vương thượng, xin được tâu bày tình hình Đông Quan.

– Khoan! Hãy đợi ta cho tìm Nguyễn Trãi đến cùng nghe và bàn bạc.

Nguyễn Xí đưa mắt thăm dò Trần Nguyên Hãn, Bình Định Vương như không để ý, vui vẻ rót rượu mời bộ tướng. Nguyễn Trãi bước vào, vẫn chiếc áo thụng kẹp với chiếc khăn nhiễu tím buộc đầu trùm xuống tận mang tai để che lạnh, Nguyễn Trãi khoan thai bước trên đôi dép cỏ, đến trước sập đứng thu tay:

– Kính chào nhị vị tướng quân!

Ông nói với Bình Định Vương:

– Vương thượng có lệnh triệu hạ thần?

Lê Lợi đón Nguyễn Trãi cùng ng ồi xuống sập. Vừa trao chai rượu cho Nguyễn Trãi, Lê Lợi vừa hỏi Trần Nguyên Hãn:

– Tình hình giặc ở Đông Quan ra sao?

– Tâu Vương thượng, đêm qua quân ta lại bắt được hai tên giặc lẫn ra ngoài thành có mang theo một thư của Vương Thông bọc trong sập gửi về nước.

Bình Định Vương ngắt lời:

– Xin viện binh?

– Vâng.

– Chắc các người có biết ta bắt giữ tri châu Hà Trung và Phó thiên hộ Quế Thăng ở đường Giang¹²⁰ vì chúng lợi dụng việc cùng người của ta

sang nhà Minh cầu phong mà xin viện binh theo lệnh của Vương Thông chứ?

– Dạ, Vương Thông vẫn ngần xin viện binh mà ngoài miệng lại nói giảng hòa. Lũ chúng tôi vẫn ngại vì Vương thượng quá rộng lượng với chúng.

Trần Nguyên Hãn vừa dứt lời, Nguyễn Xí vội tâu tiếp:

– Tâu Vương thượng, mấy hôm nay Vương Thông ngần cho quân sĩ lợi dụng đêm tối đào hào, đặt chông và đắp thêm chiến lũy.

– Ta có biết.

– Quan Tư Không Đinh Lễ thường bàn với tôi, nếu cứ như thế này, e rồi đây viện binh của giặc kéo sang, chúng ta trở tay không kịp. Vương Thông xảo quyệt, phản trắc, chúng tôi vẫn nghĩ rằng chấp nhận giảng hòa với hắn cũng vô ích.

Bình Định Vương Lê Lợi vẫn bình tĩnh chờ đợi lắng nghe. Không thấy ai tâu bày thêm, Lê Lợi mới đưa tay về phía Nguyễn Trãi, cất giọng chậm rãi và thân mật:

– Các người biết đó, tuy chấp nhận giảng hòa nhà ta vẫn sai Hàn lâm viện học sĩ Nguyễn Trãi đây thảo thư vạch mặt tráo trở của giặc. Gần đây ta lại gửi thư cho Vương Thông, Sơn Thọ. Nguyễn tiên sinh hãy đem bản thảo đọc lại cho các người cùng nghe.

Lục tìm lá thư, Nguyễn Trãi đọc:

– “Lại thư gửi cho Vương Thông, Sơn Thọ. ... Mới đây được ngài gửi thư và sai người đến nói hòa, tôi đã nhất nhất nghe theo. Nay thấy ở trong thành vẫn còn đào hào cắm chông, dựng rào đắp lũy, phá đồ cổ đúc ống phun lửa và đồ binh khí, thế là các ngài định đem quân về nước chăng?

hay giữ bên thành trì chẳng? Tôi đâu không thể rõ được. Sách truyện có câu “bất thành vô vật”¹²¹ là bởi lòng mà không thật thì việc gì cũng là giả dối cả. Các ngài thực không bỏ lời ước cũ thì phạm làm việc gì cũng nên lợi hại rõ ràng. Muốn rút quân thì cứ rút quân, muốn cố giữ thì cứ cố giữ, hà tất ngoài thì nói giảng hòa mà trong thì mưu tính khác? Đừng nên trước sau trái nhau, trong ngoài bất nhất như thế. Kể ra tiểu dân dẫu ngu nhưng rất sáng suốt. Tôi đây tuy hèn ngu không biết gì, nhưng tất như lời Khổng Tử nói: “Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an”¹²² thế thì nhân tình thực đối thế nào, may may cũng không thể che giấu được. Thư nói không hết”¹²³.

Nguyễn Trãi ngừng lại. Mọi người đều im lặng. Xem ra những đi đâu mình nghe biết thì Bình Định Vương đã thấu rõ lắm rồi, Trần Nguyên Hãn hết nhìn Nguyễn Trãi lại nhìn Lê Lợi với đôi mắt kinh ngạc và khâm phục. Thượng tướng Nguyễn Xí vẫn chưa yên tâm, ông vòng tay râu tiếp:

– Kính thưa Vương Thượng, lũ chúng tôi nghĩ rằng dầu sao cũng không thể nhân nhượng với giặc để chúng sống mà chờ viện binh.

Thái độ sôi nổi thẳng thắn của Nguyễn Xí càng làm cho Bình Định Vương thêm quý mến viên tướng trẻ. Lê Lợi cười, hỏi thân mật:

– Quân ta vẫn vây giữ bốn mặt thành Đông Quan đấy chứ?

– Dạ.

Bình Định Vương nói như phân trần:

– Tàn bạo và trá trở là bản tâm của giặc. Ta biết. Nhưng thử hỏi các người trong những ngày chấp thuận giảng hòa vừa qua, chúng ta được, mất những gì? Có phải rằng từ Thanh Hóa trở vào, các thành trì của giặc đều được lệnh Vương Thông phải giải giáp, rút quân. Tướng giữ thành có

tuân lệnh hay không là một chuyện, nhưng ít ra chúng cũng choáng váng, hoang mang đến nghi kỵ lẫn nhau, chia lìa mà tự tan vỡ. Nếu giặc thực tâm rút quân thì ta cho rút, đó là thượng sách. Còn ta, ta rảnh tay để lo luyện tập, củng cố thêm lực lượng, lo thu xếp việc cai quản các phủ lộ, nhằm cố kết thêm lòng người, lôi kéo khắp nơi về một mối.

Giọng của Lê Lợi mỗi lúc càng thêm sôi nổi, và đến đây thì nét mặt của ông trở nên giận dữ, cất tiếng đánh thép như truyền lệnh.

– Nay giặc tráo trở, chúng tự vạch mặt. Vòng vây của ta nói ra, nay các ngươi chỉ việc khép chặt lại! Quân dân Đại Việt căm thù giặc lật lọng sẽ cùng chúng ta vây thành diệt viện đông hơn, mạnh hơn có phải không?

Sự giận dữ của Bình Định Vương đã làm cho Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Xí hả dạ. Tâm lý bức bối, nóng nảy lúc đầu khi trở về ra mắt Lê Lợi không còn nữa, hai vị tướng nhìn nhau cùng cười. Trần Nguyên Hãn đáp lời:

– Tâu Vương thượng, bao giờ khép chặt lại vòng vây Đông Quan, tướng lĩnh chúng tôi xin chờ lệnh của Vương thượng.

III

Trên tầng cao của ngôi lầu sây cạnh bờ bắc dòng sông Cái, Bình Định Vương Lê Lợi đứng tựa vào lan can nhìn về Đông Quan. Bên kia dòng sông, thành lũy giặc hiện ra rõ mồn một. Tòa thành màu xám xịt từng quăng chìm trong làn cây cổ thụ rĩa lại lộ ra với những chòi canh nho nhỏ đậu trên mặt. Phía đông nam tòa thành, ngọn tháp Báo Thiên nhô lên cao vòi vọi. Sát bờ sông về phía nam, con đê Vạn Xuân giặc đắp cao và lũy che

chấn vi ền bên ngoài. Trong ánh nắng của một ngày mùa thu quang đ ăng, Bình Định Vương nhìn thấy rõ bóng gi ặc thấp thoáng phía sau lũy.

Ngay từ đ ầu năm, Bình Định Vương đã hạ lệnh chuyển bản doanh về Bồ Đ ề¹²⁴. Tại đây Lê Lợi đã hạ nước cờ quyết định trong cuộc đ ọ sức với gi ặc: h ăm thành, diệt viện để quét sạch gi ặc ra khỏi đất nước. Bình Định Vương trực tiếp đi ều khiển việc khép chặt vòng vây Đông Quan. Không phải chỉ có Đông Quan mà tất cả các thành của gi ặc còn cắm trên đất nước đ ều bị vây h ăm và gọi hàng. R ồi đó, thành Nghệ An, Di ễn Châu, thành Di ều Di ễn, Thị C ầu, Tam Giang đ ều ra hàng. Không kể Đông Quan, gi ặc chỉ còn chiếm giữ các thành Xương Giang, Chí Linh, Cổ Lộng và Tây Đô. Trong đó, sau Đông Quan, Xương Giang là trọng yếu hơn cả. Ngay từ cuối năm Bính Thân, Bình Định Vương đã phái Lê Sát, Lê Thụ đem quân bao vây Xương Giang cùng với việc liên tiếp đưa thư gọi hàng tướng gi ặc ở đó là đô chỉ huy Lý Nhậm. Tất cả đ ều vô hiệu, gi ặc vẫn li ều chết cố thủ đến cùng. Giờ đây, thành Xương Giang đang thu hút sự suy nghĩ của Bình Định Vương Lê Lợi: “Phải san phẳng thành Xương Giang trước khi viện binh gi ặc sang”. M ấy ngày trước đây, Lê Lợi đã phái thêm tướng Tr ần Nguyên H ãn đi ều thêm quân tăng viện cho Lê Sát, và Lê Thụ. Còn Đông Quan thì vòng vây càng ngày càng khép chặt. Bình Định Vương trực tiếp đi ều khiển các tướng Trịnh Khả r ồi Lê Vân giữ mặt Đông, Đinh Lễ, Lê Lý, Lê L ỗ và Nguyễn Chính vây giữ mặt Nam. Mặt Tây có hai vệ thiết đ ội do Thiệu úy Bùi Bị, Thái giám Lê Nguyên, chấp lệnh Lê Chưởng chỉ huy. Mặt Bắc có đến 14 vệ do Lý Triện r ồi Lê Văn An đi ều khiển.

Mới hôm qua đây, tin cấp báo từ biên ải phía Bắc đưa về viện binh gi ặc do Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy đang r ập rình tiến vào biên

giới... Lê Lợi bắn khoản chờ đợi tin tức về Xương Giang. Không hạ được Xương Giang thì kế diệt viện có cơ phải sắp xếp lại.

Xương Giang! Xương Giang bây giờ ra sao? Bình Định Vương rời lan can, bước nhẹ nhàng trên mặt sàn gỗ. Trên án thư kê trong lầu, mấy tờ thư Bình Định Vương mới đọc xong còn nằm dưới nghiên mực. Bình Định Vương ngẩng cạnh án thư, đọc lại lần lượt từng lá thư.

– Hạ thành Đông Quan! - Bình Định Vương nói một mình, lại xếp thư, cẩn thận đề dưới nghiên mực.

Gió heo may thốc vào lầu, chiếc màn trúc kêu lao xao. Tiếng trống báo hiệu có khách vang lên từ dưới chân lầu cắt ngang những suy nghĩ của Bình Định Vương về những lá thư đòi hạ Đông Quan của một số tướng lĩnh, Bình Định Vương vừa kịp quay lại thì tướng Trần Nguyên Hãn từ Xương Giang đã vờ ra mắt:

– Kính chào Vương thượng.

– Người từ Xương Giang về?

– Dạ, muôn tâu, quân ta đã hạ được Xương Giang. Các tướng giặc từ Kim Đâu, Lý Nhậm cùng bè lũ đầu tụt sát khi quân ta vào thành.

Bình Định Vương ôm chầm lấy đôi vai Trần Nguyên Hãn, reo lên:

– Hay lắm! Ta đang nghĩ về Xương Giang, vẫn lo các người không hạ được, trong khi đó viện binh của giặc sắp tràn sang.

– Muôn tâu, nhân thế thắng, dám mong Vương thượng cho quân sĩ hạ gấp thành Đông Quan. Viện binh giặc rập rình từ cuối năm ngoái, mà đến mùa thu năm nay vẫn chưa sang được! Đông Quan bị hãm lâu ngày, lực của ta ở đây lại khá mạnh, thần trộm nghĩ ta hạ xong Đông Quan, viện binh giặc có sang cũng hết chỗ dựa, không tránh khỏi bị diệt.

– Hạ Đông Quan?

Bình Định Vương trừng mắt, ngạc nhiên nhìn thẳng vào Trần Nguyên Hãn. Mái tóc hoa râm của Trần Nguyên Hãn làm cho nét mặt xương xương có nước da rám nắng của ông càng thêm già. Đây là lần thứ hai Trần Nguyên Hãn trực tiếp cầu xin hạ Đông Quan. Lần trước, khi còn ở dinh Đông Phù Liệt và lần này, trong suy nghĩ của Trần Nguyên Hãn, Xương Giang có nhiều khó khăn, giặc liêu lĩnh cố thủ nhưng rồi cũng hạ được. Còn Đông Quan, thành bền quân đông hơn, nhưng với thế lực của ta hiện nay không phải là không hạ được.

Ông khẳng khái tâu:

– Xin Vương thượng cho hạ thành Đông Quan để tuyệt nội ứng của giặc.

Bình Định Vương lắc đầu, chỉ tay vào tập thư:

– Mấy hôm nay nhiều người dâng thư đòi hạ thành Đông Quan. Không thể được!...

Trần Nguyên Hãn lặng im, tỏ ý không vừa lòng. Ông biết con người đang ngẫm trước mặt mình thường dè dặt, cân nhắc kỹ mọi việc trước khi quyết đoán. Một khi người đã quyết ý rồi thì không dễ mà lay chuyển được. Dẫu sao, vì việc nước, Trần Nguyên Hãn thấy cũng phải tâu bày cho hết nghĩa vụ của người bày tâu:

– Tâu Vương thượng!

Bình Định Vương thân mật đặt tay lên vai áo còn bám đầy bụi đường của Trần Nguyên Hãn, cất lời:

– Các người hạ được Xương Giang, lập nên công lớn, ta khen thưởng.
- Ngừng một lát, Bình Định Vương hỏi tiếp - Người biết Xương Giang

giặc có bao nhiêu quân?

– Dạ, khoảng trên dưới 2 ngàn quân.

– Ta bắt đầu vây hãm Xương Giang từ bao giờ?

Trần Nguyên Hãn nhẩm tính lại, rồi cất giọng rụt rè:

– Tàu Vương thượng, khoảng 10 tháng nay.

Bình Định Vương mở rộng đôi tay, cười cởi mở:

– Đây. Người thấy không, chỉ có 2 ngàn quân giặc với một ngôi thành bé nhỏ hơn Đông Quan nhiều cũng phải ngót một năm trời mới hạ được. San phẳng Xương Giang trước khi hạ được Đông Quan thì không phải dễ. Liễu Thăng, Mộc Thạnh đang trên đường hành quân vào Đại Việt rồi đó.

Nhìn về Đông Quan, Lê Lợi nói chậm rãi từng tiếng một:

– “Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững, hàng năm hàng tháng không lấy được, quân ta sức mỗi khí nhụt, nếu viện binh giặc lại đến thì ta chẳng trước, chẳng sau đâu có giặc, đó là đường nguy. Chi bằng nuôi sức khỏe, chứa khí hăng để đợi quân viện đến, đánh phá được quân viện thì thành tất phải hàng. Thế là một việc mà lợi hại, là kế vạn toàn”¹²⁵.

Trần Nguyên Hãn lắng nghe, thầm nghĩ: “Thì ra đi đâu quyết đoán của Bình Định Vương quả là sáng suốt hơn người”. Ông kính cẩn vòng tay đáp:

– Dạ.

Bình Định Vương dặn dò tiếp:

– Người hạ được Xương Giang, phải giữ vững lấy... Viện binh giặc sang, chúng sẽ nhằm Xương Giang trước khi vào Đông Quan đó. Ta phải biến Xương Giang thành mồ chôn lũ chúng nếu giặc bén mảng đến Xương Giang.

Súng lệnh từng loạt ba tiếng một từ dinh Bồ Đề nổ giòn giã vang đến tận phía nam thành Đông Quan. Thiếu úy¹²⁶ Lê Lý vội vàng rời bàn doanh. Con ngựa chiến lúc nào cũng sẵn yên cương trực lệnh đưa vị tướng về phía bờ sông Cái để sang dinh Bồ Đề họp mặt theo hiệu lệnh của Bình Định Vương. Đạo theo dãy thành đất Đại La, Lê Lý nhìn về phía thành Đông Quan. Thành giặc còn chìm trong sương mù trắng xóa. Con đê Vạn Xuân thấp lè tè vẫn làm nơi ẩn nấp của giặc, giờ đây, do nghĩa quân chiếm giữ sau một đêm đánh úp, và trở thành chiến lũy ngăn cản không cho giặc bèn mảng xuống mặt nước. Còn dòng sông mệnh mang, nằm giữa hai bờ cát hẹp đã thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân. Thuyền chiến của thủy quân Lam Sơn mặc sức qua lại. Vừa bước chân xuống thuyền để sang sông, Lê Lý thấy Thiếu úy Lê Vấn đã có mặt trên thuyền và báo tin:

– Thừa ngài, quan thái giám Lê Nguyễn cũng vừa mới sang sông.

Mải suy nghĩ về cuộc họp mặt khẩn cấp, Lê Lý không để ý đến lời Lê Vấn, ông hỏi:

– Ngài có biết hôm nay Bình Định Vương triệu họp có việc gì mà phải dùng đến ba loạt súng lệnh?

– Tôi cũng không rõ.

– Quân ta đã hạ được Xương Giang, ngài biết rồi chứ?

– Tôi có nghe nói. Này! Ngài đã biết tin về quan Tư Không Đinh Lễ và thượng tướng Nguyễn Xí chưa?

Thiếu úy Lê Lý vội vã hỏi lại:

– Tôi chỉ biết hai người bị giặc bắt vì không may voi sa lầy ở Mi Đông trong lúc đuổi Vương Thông, đến nay ra sao rồi? Nghe đâu quan Tư Không Đinh Lễ đã bị giặc giết thì phải.

– Đúng! Còn thượng tướng Nguyễn Xí mới vượt ngục, đã về ra mắt Bình Định Vương ở dinh Bồ Đề

Lê Lý reo lên:

– Hay lắm! Thế là chúng ta còn có thêm một thượng tướng để vây hãm Đông Quan.

Đứng trên mũi thuyền, Thiếu úy Lê Vấn nhìn vào thành Đông Quan nói với Lê Lý:

– Còn để ngày nào, chúng còn gây thêm tội ác. Ngài thấy không, mới mấy tháng nay mà ta đã mất bốn tướng tài rồi đấy. Trần Qua Động, tướng Lý Triện chịu hy sinh, Đỗ Bi bị giặc bắt, đến trận Tây Phù Liệt, chúng ta lại mất thêm quan Tư Không Đinh Lễ và thượng tướng Nguyễn Xí. May tướng Nguyễn Xí trốn về được.

– Biết đâu, phen này chúng ta được lệnh hạ thành Đông Quan.

Chiếc thuyền chiến đã đưa hai vị tướng cập bến Bồ Đề. Chỉ mới xa Bồ Đề có mười ngày mà Lê Vấn, Lê Lý thấy cảnh tượng ở đây có khá nhiều thay đổi. Khắp vùng ngoại vi Bồ Đề, quân lính đi lại rầm rập. Trai tráng các nơi kéo nhau đi lũ lượt. Hỏi ra mới biết họ về dinh Bồ Đề để ứng tuyển nghĩa quân theo lệnh kêu gọi của Bình Định Vương. Còn rải rác khắp đó đây, trên bờ sông, hai bên đường đi, dưới mặt ruộng, chỗ nào cũng thấy ngùn ngụt không gõ lạt thì tre nứa, không rơm cỏ thì thóc gạo. Mới sáng sớm mà vùng ngoại vi Bồ Đề đã ồn ào tấp nập như bước vào ngày hội. Trong khi đó, ở dinh Bồ Đề vẫn bình thường, lặng yên như không có gì thay đổi. Vẫn ngẩng đầu cao vợi vợi đứng hiên ngang với ngọn cờ đại thụ ba chữ “Bình Định Vương” reo vui trên đỉnh nóc. Chiếc sân đất rộng, cỏ mọc thưa bao quanh lầu. Vìên ba mặt sân là ba dãy nhà gỗ thấp mới

dựng, sắp xếp theo hình chữ “môn”, hướng vào giữa. Nơi đây là chỗ làm việc và trú ngụ của những cận thần được giao trông giữ các bộ, sảnh, viện mới thành lập. Vòng bên ngoài là nơi đồn trú của quân cấm vệ. Tất cả hiện ra với một vẻ trang nghiêm, bình lặng, tưởng chừng như cách biệt với cuộc sống ngày đêm đang sôi sục ở bên ngoài. Nhưng chính nơi đây lại là trung tâm của bão táp.

Vừa bước vào, thiếu úy Lê Vấn, Lê Lý đã thấy Bình Định Vương đang đứng đợi. Vấn bộ võ phục màu nâu bằng vải thô, vẫn chiếc khăn nâu buộc đầu theo hình chữ “nhân” đỡ lấy búi tóc nhô cao phía sau đỉnh, với cử chỉ thân thương quen thuộc, Bình Định Vương Lê Lợi đưa tay đón hai người:

– Tướng giữ cửa Đông, cửa Nam thành Đông Quan đã về đây rồi!

Hạ tầng ngôi lầu rộng thênh thang. Tướng lĩnh văn võ đã tề tựu đông đủ, chia nhau ngồi trên hai dãy sập. Đặt gương lệnh lên giá gỗ, Bình Định Vương đứng cạnh án thư chỉ tay về phía Trần Nguyên Hãn nói với mọi người:

– Báo tin cho các người biết, quân ta đã hạ được thành Xương Giang, Trần Nguyên Hãn đem tin thắng trận về đang có mặt ở đây, các tướng lĩnh khác phải lưu lại cẩn quân canh giữ mặt Bắc không về tụ họp được.

Tiếng reo vui nổi lên vang động. Trong tiếng cười nói khoái trá của những người chiến thắng, mọi người nghe rõ một câu nói của ai đó thét lên:

– Bây giờ đến lượt Đông Quan!

Bình Định Vương nghe rõ và nhận ra người nói câu đó là Lê Vấn, vừa ở cửa Đông thành Đông Quan về. Lê Lợi cười, gạt đi:

– Khoan!

Khi mọi người đã yên lặng, Lê Lợi cất giọng sang sảng nói tiếp:

– Hiện nay viện binh của giặc chia hai đường đang tiến vào nước ta. An Viễn hầu Liễu Thăng dẫn 10 vạn quân tiến vào cửa ải Pha Lũy, còn Mộc Thạnh đem 5 vạn quân theo đường Vân Nam. Chúng hẹn cùng hội quân ở Đông Quan. Chỉ trong ngày một ngày hai, chúng sẽ lọt vào nội địa của ta. Vận mệnh của quân dân Đại Việt chúng ta được quyết định vào lúc này đây! Thành bại trong mười năm trời chiến đấu gian lao của tướng lĩnh và quân sĩ chúng ta cũng được quyết định vào lúc này đây! Các người có mưu chước gì hay ta cho được đem ra bàn bạc.

Tin viện binh giặc kéo sang, mọi người đều đã nghe biết. Trong mấy ngày gần đây, có nhiều người dâng thư xin hạ thành Đông Quan. Nhưng vào lúc khẩn cấp, được đặt vào bàn cờ, nhìn bao quát toàn cuộc thì ai cũng thấy khó xử. Mọi người còn im lặng đắn đo thì Nguyễn Trãi đã lên tiếng. Đối với vị Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Thượng Thư bộ Lại¹²⁷ này, thế lực của giặc ra sao, ông nắm chắc như trong lòng bàn tay. Ông đã từng cùng Bình Định Vương luận bàn mưu lược đối phó với viện binh giặc và thảo thư dụ hàng từ Đông Quan cho đến Nghệ An. Ông có thể nói lại đầy đủ đi đầu mà ông đã tâu bày cùng Bình Định Vương. Nhưng trước đông đủ tướng lĩnh văn võ, Nguyễn Trãi giữ thái độ thận trọng dè dặt, chấp tay nói rõ từng tiếng một:

– Tâu Vương thượng, thần trộm nghĩ “hãm thành diệt viện” vẫn là kế hay hơn cả.

Bình Định Vương nói với các tướng:

– Đúng. Ta đã nghĩ kỹ. Giặc vốn khinh ta, cho là tính người nước ta nhát, sợ oai giặc đã lâu, nay nghe tin đại quân đến, ta tất sợ hãi. Huống chi lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều hơn ít, đó là lẽ thường. Giặc không biết tình

thế được, thua của người, của mình, không biết cơ vi qua lại của thì, của vận. Vả lại, quân cứu nguy cấp, phải lấy mau chóng làm quý, giặc tới phải đi gấp ngay. Binh pháp bảo rằng đi 500 dặm mà đến chỗ lợi thì thượng tướng què. Nay Liễu Thăng đến, đường sá xa xôi, người tất mỗi mệt, ta đem quân nhàn rồi địch quân nhọc mệt, nhất định là thắng¹²⁸. Ta diệt được viện binh giặc, thì thành Đông Quan không cần đánh, giặc cũng tự hàng.

Bình Định Vương ngừng lời, đưa mắt nhìn khắp lượt thăm dò các tướng lĩnh văn võ. Trần Nguyên Hãn quay lại hỏi Nguyễn Trãi:

– Tiên sinh có nghĩ đến nước cờ không cần nổi được viện binh?

Không đợi cho Nguyễn Trãi trả lời, Bình Định Vương vừa thoáng nghe đã đưa tay chặn lại:

– Không thể thế được! Nếu để cho viện binh giặc đến được Đông Quan, ta cùng các người sẽ ra sao? - Giọng nói của Lê Lợi mỗi lúc một thiết tha - Gần mười năm trời chống nhau với giặc, tổn bao nhiêu xương máu mới có ngày nay. Giờ đây ta tiến đến Đông Quan, giặc bị vây hãm chỉ còn chờ ngày nộp mạng dâng thành; 15 vạn chứ 50 vạn viện binh giặc, ta cũng phải quyết tâm tiêu diệt. Nếu không thì biết bao giờ ta mới rửa nhục được cho non sông. Không lẽ ta cùng các người chịu chết nhục nhã để chịu tội muôn đời với dân với nước. Không! không thể để cho viện binh giặc đến Đông Quan!

Đôi mắt rực sáng của Bình Định Vương soi thẳng vào các tướng lĩnh. Lê Lợi phán bảo:

– Ta đã hạ lệnh cho quân dân các nơi giặc đi qua làm kẻ thanh dã. Những tướng lĩnh không có mặt ở đây tức đã theo lệnh ta đang chia nhau trấn giữ ải Bắc. Trong số các người, có người ở lại đây cùng ta vây hãm

Đông Quan, một số phải đem quân đi diệt Liễu Thăng, Mộc Thạnh. Diệt viện, hãm thành! Các người nghe rõ không?

Tiếng “dạ” ran làm, vang động căn lều sậy. Cho đến lúc mặt trời đã ở giữa đỉnh đầu, Bình Định Vương Lê Lợi và tướng lĩnh còn chụm đầu bên bức họa đồ vùng phía Bắc nước Đại Việt. Bình Định Vương truyền cho tướng lĩnh phải lấy con đường Pha lữ - Chi Lăng - Xương Giang làm mồ chôn viện binh giặc.

Trong khi ở dinh Bồ Đề, Bình Định Vương còn nói về kế diệt viện thì trên ngả đường tiến vềải Bắc, từ sau chiến thắng Xương Giang, quân sĩ đã rần rập lên đường. Còn khi ngoại vi dinh Bồ Đề, người và cửa đã được đi đầu thêm về tới tập để tiếp sức cho tướng lĩnh ở lại cùng Bình Định Vương vây hãm thành Đông Quan.

*

* *

Vào một ngày trung tuần tháng 11 Đinh Mùi, trên các ngả đường dẫn vềdinh Bồ Đề, từng đoàn người lũ lượt nối nhau, chen chân bước vội vã. Như nước lũ đổ về, đến một lúc mà vùng ngoại vi dinh Bồ Đềngười đông như nêm cối, không ai chen chân lên được nữa. Người ta nô nức rủ nhau đi xem Bình Định Vương xử tội chiến tù. Cứ như thế này thì làm sao mà xem được. Cũng may trời nắng ráo. Chỉ có gió bắc lại thổi mạnh hơn mọi ngày. Cái tê buốt của một ngày mùa đông giá lạnh có giảm đi nhiều dưới nắng vàng chói chói. Từng tốp người quây tụ bên nhau trong nắng ấm. Người ta truyền kể cho nhau không biết bao nhiêu chuyện thần kỳ đã xảy ra trong hơn một tháng trời quân ta đánh tan 15 vạn viện binh của Liễu Thăng, Mộc

Thạnh. Ai nấy đều say sưa vui thích như trẩy hội. Quân ta chém chết Liễu Thăng ở Mã Yên, giết Lương Minh, Lý Khánh ở Chi Lăng, đuổi Mộc Thạnh ở ải Lê Hoa, bắt sống Hoàng Phúc, Thôi Tụ ở Xương Giang, xác giặc chônng chấtnhư núi ở Lạng Sơn, Lạng Giang, Đan Xá. Máu giặc làm tắc nghẽn Lãnh Câu, còn sống nước Xương Giang, Bình Than thì đỏ ngầu...

Bao nhiêu năm sống dưới ách của giặc Minh, hôm nay mọi người được dịp gặp nhau đông vui, không được xem Bình Định Vương xử tội chiến tù thì cũng nghe kể chuyện mừng vui chiến thắng cho hả lòng hả dạ.

Trong khi khắp vùng ngoại vi tung bừng như mở hội thì trong sân dinh Bồ Đề, thượng thư Hoàng Phúc và đô đốc Thôi Tụ ngồi thu mình bó gối trong cũi sắt. Trước mặt chúng, từng đông cờ quạt, trống chiêng, sổ sách giấy tờ, tất cả đều nhàu nát thủng rách, chất lù lù như đồng rác trên sân cỏ. Chiếc song hồ phù của Chinh lỗ phó tướng quân Liễu Thăng, hai chiếc ấn bạc hai tầng của thượng thư Lý Khánh và Hoàng Phúc nằm lổng chổng phoir mình trong nắng. Một tốp lính cận vệ tuốt gươm trần đứng canh giữ. Các quan văn võ lạng lẽ ra vào nơi hạ tầng lầu sây của Bình Định Vương.

Tất cả đều yên lặng, chỉ có ngoài xa phía cổng dinh Bồ Đề, quân lính phải vất vả mới chặn đứng được biển người lúc nào cũng lăm le tràn tới. Tiếng hò reo chốc chốc lại vang dậy. Vẫn những lời đồn đại: Bình Định Vương xử tội chiến tù...

Mặt trời đã chói với trên đỉnh lầu cao, Bình Định Vương và Nguyễn Trãi từ trong hạ tầng lầu sây đi ra, tiếp theo là các tướng Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú, Lê Sát, Lê Vấn, Lê Văn An, Lê Lý, Phạm Văn Xảo... vừa tiến lại gần, chiến sĩ nhốt chiến tù, Bình Định Vương vừa chỉ tay vào đồng cờ quạt, nói với Nguyễn Trãi:

– Phải đưa cả những thứ này vào Đông Quan.

– Vâng, thần cho giải cả người và tang vật.

Bình Định Vương quay lại hỏi Trần Nguyên Hãn và Lưu Nhân Chú đi gần phía sau:

– Còn hơn 300 tướng nữa giam giữ ở đâu¹²⁹?

Trần Nguyên Hãn tâu:

– Dạ, thần cho giam giữ mỗi nơi một ít, còn trên một vạn quân lính thì bắt nhốt ở chung quanh vùng Xương giang. Thần chỉ cho giải về đây, hai tên Hoàng Phúc và Thôi Tụ theo lệnh của Vương thượng.

Cần một quyền sở quân lên tay, lật đi lật lại vài trang rỗi quẳng xuống, Lê Lợi truyền cho mở cũi. Hoàng Phúc và Thôi Tụ ngồi trong cũi cúi đầu lo sợ. Lần đầu tiên chúng trông thấy mặt Bình Định Vương. Con người ngoài 40 tuổi với sắc phục võ tướng bình dị, có phong thái ung dung, điềm đạm ấy sẽ đối xử với chúng ra sao? Dầu sao, chúng cũng cảm thấy yên tâm hơn so với các lần đối diện cùng các tướng Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú trong nhà ngục. Bị điệu đến trước mặt Bình Định Vương, hai tên trông giấc đứng cúi đầu, thu tay về phía trước.

– Người là Hoàng Phúc?

Thượng thư giật ngừng đầu nhìn Bình Định Vương rồi lại cúi mặt đáp:

– Vâng, tôi là Hoàng Phúc.

– Giữ chức gì?

– Dạ, thượng thư.

Bình Định Vương hỏi tên tướng có nét mặt hung dữ với đôi mày rậm và vành râu hùm đen sì:

– Còn người tên gì?

– Đô Đốc Thôi Tụ.

Trước thái độ xác xược của đô đốc giặc, Lưu Nhân Chú nổi giận, quát vào tai hắn:

– Người có biết đang trả lời ai đó không?

Vẫn một giọng cộc lốc:

– Có biết, Bình Định Vương!

Lưu Nhân Chú vung cánh tay nhằm vào mặt Thôi Tụ. Bình Định Vương vội đưa tay gạt đi rồi bình thản bước lại gần hai tên tướng giặc nói chậm rãi từng tiếng một:

– Tội của lũ người đối với dân nước ta chất cao như núi. Dầu ta có giết hết lũ người cũng không đủ đền tội. Nhưng ta lấy lượng hiếu sinh tha cho các người tội chết.

Thượng Thư Hoàng Phúc ngừng mặt nhìn Bình Định Vương. Lê Lợi tiếp lời:

– Ta hỏi các người: có muốn sống để sớm được về nước không? - Hai tên tướng giặc cúi đầu, lặng im mà không đáp - tính mạng các người từ khi bước vào đất Đại Việt là nằm trong tay ta, An Viễn Hầu Liễu Thăng không đưa được lũ người đến Đông Quan thì bây giờ ta đưa các người vào Đông Quan. Các người hãy nói cho Vương Thông, Sơn Thọ biết về số phận của 15 vạn viện binh mà chúng đang ngày đêm mong đợi. Vương Thông, Sơn Thọ muốn chống lại ta thì cứ việc chống giữ, ta sẽ hỏi tội sau. Còn như các người muốn sống mà về nước thì bàn với Vương Thông, Sơn Thọ nộp thành, ta cho được toàn quân về nước. Có hai đường ấy, các người phải suy nghĩ kỹ, cân nhắc lợi hại, ta cho chọn một.

Nói xong, Bình Định Vương Lê Lợi sai Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú thu xếp việc giải Hoàng Phúc, Thôi Tụ cùng đồng ấn tín, cờ quạt, chiêng trống vào thành Đông Quan.

Hai tên tướng giặc lại bị tổng vào cũi sắt.

Ngoài cổng dinh Bồ Đề tiếng hò reo chốc chốc lại vang lên tưởng như trời rung đất chuyển. Mọi người vẫn ngong ngóng chen nhau được xem tận mắt nhà vua xử tội chiến tù...

*

* *

Trong hành dinh, Tổng binh Vương Thông lặng lẽ hồi lâu trên kỷ. Sắc mặt tên tướng giặc ngả màu dẻ, từ đỏ gay sang tái nhợt. Cái mặt sần sùi, béo phì của hắn càng méo mó, sệ xuống làm cho đôi mày rậm, xếch ngược phải sụp xuống. Vương Thông nhắm nghiền mắt và chiếc song hồ phù của Liễu Thăng, hai chiếc ấn bạc của Hoàng Phúc và Lý Khánh vẫn hiện ra rõ mồn một. Còn hình ảnh Thôi Tụ, Hoàng Phúc ngẩng thu mình trong cũi sắt vẫn ám ảnh hắn hoài, mặc dù giờ đây hắn ngẩng một mình trong hoàng cung của các vua Lý, Trần ngày trước. Cái mộng được thêm quân tăng viện của hắn sụp đổ hoàn toàn. Không còn nghi ngờ gì nữa, An Viễn Hầu Liễu Thăng bị tử trận, 15 vạn quân viện bị tiêu diệt mà thành Đông Quan của hắn giữ, mỗi ngày vòng vây càng khép chặt. Số phận của hắn và 5 vạn quân trong thành Đông Quan này sẽ ra sao? Vương Thông không dám nghĩ tới. Hắn truyền lệnh cho quân hầu:

– Rượu!

Chỉ có rượu mới giúp hẩn quên mọi việc. Mâm rượu vừa dâng lên, hẩn vồ lấy vò rượu nằng nốc một hơi. Nốc hơi thứ hai, vò rượu cạn, hẩn trừng mắt quát quân hầu:

– Rượu!

Hai vò rượu đã cạn mà Vương Thông không thấy say. Chiếc song hồ phù và hai chiếc ấn bạc lại hiện ra trong trí hẩn rõ mồn một. Chỉ có đi đâu bây giờ hẩn không thấy sợ nữa mà lại lờng lên như con hổ bị đòn. Hẩn đứng dậy rút thanh bảo kiếm, đưa ngón tay mập mạp dứt một sợi tóc thối mạnh vào lưỡi kiếm. Sợi tóc đứt làm đôi. Hẩn có dáng vẻ của một trang anh hùng hảo hán đã về già. Hẩn nói một mình:

– Gươm còn sắc, đủ để nói chuyện với Bình Định Vương!

Một cơn gió lạnh lùa vào hoàng cung. Đã sang tháng mười một rồi đó! Bên ngoài trời nặng nề, chỉ có gió và giá buốt. Vương Thông lại ngồi phịch xuống kỷ. Hơi men ngấm dần, hẩn gục đầu thiếp đi lúc nào không biết. Khi tỉnh dậy, Vương Thông thấy một phong thư của Bình Định Vương gửi đến, được quân hầu đặt trên khay dâng trước mặt. Hẩn giờ ra đọc:

“Kể ra, nhà lớn gần xiêu, một cây gỗ khôn hay chống đỡ, đề dài sắp vỡ, một vốc đất khó thể chi trì. Nếu không biết lượng sức mà cứ cưỡng làm, thì ít khi không thất bại. Việc ngày trước bất tất bàn nữa. Lấy sự thể ngày nay mà nói, chỗ trông cậy của các ông chỉ là quân cứu viện mà thôi. Ngày tháng giêng năm nay, có sắc cho bọn An Viễn Hầu, Bảo Định Bá, Thôi Đô đốc, Hoàng Thượng thư, Lý Ngự Sử cùng thổ quan là Nguyễn Huân đem quân sang hẹn trong tháng 4, tiến binh vào cõi Giao Chỉ... Quân ta đánh một trận mà tan vỡ, binh mã quân tiên phong nhất thời quét sạch, mà Tổng binh An Viễn Hầu thì chết ở trận tiền... quân ta lại đánh một trận

nữa, mà toàn quân tan hết, Bảo Định Bá bị tử trận, còn bại quân chạy tản vào rừng đầu bị quân ta bắt được... Nếu ngài biết chinh đồn quân sĩ, cởi giáp mở thành lại theo lời ước trước, thì ngài có thể toàn quân về nước... Nếu ngài còn do dự chưa quyết, tôi e tướng sĩ của tôi nhọc về chinh chiến, bỏ cả nông tang, quyết tâm đánh gấp, thế không thể ngăn. Đến lúc bấy giờ thì không làm sao được nữa... Thư này tới nơi, cúi xin trả lời cho biết.”¹³⁰.

Cái chí khí hăng say đã bay đi theo hơi men, chỉ còn lại ở Vương Thông một sự mệt mỏi, lo sợ, chán chường. Vương Thông cảm thấy cái thân già của hắn sao mà quá mệt mỏi. Đặt thư của Bình Định Vương xuống, hắn thở dài: “Chỉ còn hai con đường: hoặc là liêu chết, hoặc rút quân. Chưa có lệnh của vua mà nộp thành, rút quân thì cũng chết, mà liêu chết cố thủ thì cũng đi đến chỗ chết”. Mới đây Vương Thông đã gửi một thư cho Minh Tuyên Tông tâu bày: “Chớ tham chỗ đất một góc mà làm nhọc quân đi muôn dặm; giá sử dụng được như số quân đi đánh khi đầu, lại được 6, 7, 8 đại tướng như bọn Trương Phụ thì mới có thể đánh được; tuy nhiên có đánh được cũng không thể giữ được”¹³¹. Mười lăm vạn viện binh phái sang cũng không cứu được nguy mà lại càng nguy hơn. Tên Tổng binh tự hào về cái nhìn sáng suốt của hắn. Hắn thầm oán trách Minh Tuyên Tông mờ tối, trách bọn cận thần ở Yên Kinh không biết can ngăn nhà vua để đến nỗi lửa cháy lại đổ thêm dầu. Vương Thông đang mãi suy nghĩ về bức thư của Lê Lợi thì Thái giám Sơn Thọ tìm đến. Vương Thông trao thư cho Sơn Thọ xem. Cái đầu bạc của Thái giám Sơn Thọ lắc quây quây trên lá thư:

– Nguy! Nguy!

Vương Thông không hiểu Sơn Thọ muốn nói về cái gì, chỉ nhìn viên Thái giám già mà chờ đợi. Đã từ lâu, Sơn Thọ muốn rút quân, nhưng đầu bị

Vương Thông, Mã Anh, Phương Chính phản đối. Cho đến bây giờ Bình Định Vương cho giải Hoàng Phúc, Thôi Tụ đến Đông Quan để lũ chúng được nhìn tận mắt, Sơn Thọ lại thấy rút quân là thượng sách. Tuy vậy Sơn Thọ vẫn lắc đầu:

– Nguy! Nguy!

Tổng binh Vương Thông tỏ ý bức mình vì thái độ khùng khỉnh của viên Thái giám già này:

– Nguy thì phải tìm cách cứu nguy chứ!

Sơn Thọ đứng đĩnh:

– Vòng vây ngày càng khép chặt. Mấy ngày gần đây quân Đại Việt đào hào, đắp lũy đất đến sát chân thành Đông Quan. Xe đánh thành, rào gỗ, thang leo đã chằng chịt sẵn. Còn ta thì lương cạn... quân lính phải cần hơi... để đợi chết. Nếu không sớm liệu thì không phải đợi quân Đại Việt mà chính người của ta vì chán nản, căm giận, sẽ mở cổng thành, nộp tướng để tìm đường sống, thì cái nguy hại đó không phải là nhỏ.

Vương Thông gật đầu, yên lặng chờ đợi.

Sơn Thọ nhìn ra ngoài sân hoàng cung, ngẩng bất động. Một lát sau, Sơn Thọ quay lại:

– Giữ toàn quân về nước là thượng sách!

Vương Thông quát mắt :

– Còn lệnh nhà vua?

Sơn Thọ thở dài.

Bên ngoài hoàng cung, gió bắc vẫn từng cơn thổi vào rào. Không mưa, nhưng càng về chiều bầu trời Đông Quan càng u ám, nặng nề hơn. Vương

Thông sai quân hầu dọn rượu. Hần muốn trốn tránh sự thật, lan lãng quên trong chén rượu nồng...

IV

Trên một khu đất bằng phẳng và cao ráo ở phía Nam thành Đông Quan, như lời hẹn trước, Bình Định Vương Lê Lợi và Tổng binh Vương Thông đã dẫn đầu toàn bộ tướng của mình có mặt ở địa điểm hội thề.

Tất cả mọi người đều yên lặng. Một sự yên lặng trang nghiêm đến nặng nề. Chỉ có tiếng reo phẫn phật của hai hàng cờ đuôi nheo mặc sức tung bay. Và tiếng gió lướt rào rào trên mặt ruộng khua mấy lùm cây thưa thớt phát ra những tiếng lao xao, đầu đầu. Trên chiếc hương án sơn son thiếp vàng cao ngất ngưỡng, bộ đồ thất sự bằng đồng sáng loáng, lấp lánh dưới nắng của một ngày hạ tuần tháng 11 năm Đinh Mùi. Con nghê đậu trên nóc đỉnh đồng há miệng nhả ra một làn khói trắng xóa đang tan nhanh trước gió, mang theo mùi hương trầm ngào ngạt. Hai cành mai vàng nở rộ cắm trên đôi ống hoa, cành lá xanh tươi mơn mớn khẽ rung rinh. Trên đôi chân đèn cao lêu đêu, hai cây bạch lập cháy phẫn phật, gió tạt vào ngọn lửa vật vờ. Dọc theo hai hàng cờ quạt là hai đoàn tướng lĩnh: Bình Định Vương Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú, Phạm Vấn, Lê Ngân, Phạm Văn Xảo, Bùi Bị, Trịnh Khả, Nguyễn Chích, Lê Lý... và Tổng binh Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính, Mã Anh, Trần Trí, Lý An, Trần Tuấn, Trần Hữu... Hai đoàn tướng lĩnh đều hướng vào hương án, tuy cách nhau trong gang tấc mà mỗi bên đều mang nặng mối cừ thù.

Bè lũ Vương Thông đến nơi đây, giữa nơi trời cao đất rộng vào một ngày đẹp trời, mà tưởng như lạc vào một miền đất hoang vu xa lạ. Tất cả

đầu thù địch đối với lũ chúng. Mảnh đất phía nam thành Đông Quan này có lạ gì đối với Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính. Có lạ chăng là giờ đây, chúng mới được nhìn tận mắt những người cầm quân, thề không đội trời chung với chúng, trong 10 năm trời đã làm cho chúng thất điên bát đảo, và lúc này bắt chúng phải đến đây cúi đầu nhục nhã để được sống mà về nước.

Giữa thanh thiên bạch nhật, chiếc hương án trang nghiêm đã gọi cho Bình Định Vương nhớ lại cuộc hội thề Lũng Nhai, đã xảy ra mười một năm về trước.

Ngày ấy, trên một khu đất bằng phẳng lọt vào giữa vùng núi cao rừng rậm của đất Lam Sơn chôn rau cắt rốn, Lê Lợi cùng một số người tâm huyết thấp hương nguyện với trời xanh cùng nhau hợp sức quét sạch quân giặc cướp để trả nợ nước thù nhà. Hơn mười năm chiến đấu gian khổ hy sinh, lời thề năm ấy vẫn vang vọng bên tai Lê Lợi:

“... Nay phụ đạo chính ở nước chúng tôi là Lê Lợi cùng với bọn Lê Lai cho đến Trường Chiến mười tám người, tuy quê quán họ hàng có khác nhau, nhưng đã kết nghĩa anh em thì cũng như chung một tổ. Phận vinh hiển đâu có khác nhau, nguyện tình cùng họ không bao giờ khác.

Nay nhìn bọn giặc Ngô xâm chiếm nước Nam, tàn sát nhân dân rất là khổ sở, nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trường Chiến mười tám người, chung sức đồng lòng, giữ vững đất nước, làm cho nhân dân ăn ở được yên lành, thề chết sống đầu phải cùng nhau. Không dám quên lời thề ước...”¹³²

Mười năm qua nhanh trong trí Bình Định Vương. Từ thừa mới “dựng gậy làm cờ, 4 phương tụ họp” cho đến nay, trong số những người có mặt hội thề năm đó, có người đang đến đây cùng Lê Lợi chứng kiến lời thề chịu rút quân về nước của giặc.

Đứng sau Bình Định Vương, các tướng lĩnh nhìn bề lũ Vương Thông với con mắt thù hận. Nếu không vì tuân lệnh Bình Định Vương thì họ đã san phẳng thành Đông Quan, giết chết lũ chúng cho hả dạ. Phải đến đây cùng đứng với tướng giặc, trông thấy một lũ sát nhân đã gây bao nhiêu tội ác đối với dân Đại Việt, các tướng lĩnh có người bất bình ra mặt. Nhưng trước họ, Bình Định Vương Lê Lợi vẫn oai nghiêm, lạnh lùng đứng đó. Lê Lợi chăm chú nhìn làn khói trầm từ lư hương bốc lên nghi ngút. Họ đành phải chịu đối diện với quân thù cho đến trọn buổi hội thề.

Tiếng chiêng trống nổi nhau vang rền từng hồi làm xao xuyến một vùng đất trời phía nam thành Đông Quan. Ánh nắng đẹp đẽ, ấm áp vào lúc chính Ngọ của một ngày mùa đông như quyện vào âm thanh trầm hùng của chiêng trống để rồi cùng gió bắc từng cơn lạnh buốt bay đến tận chân trời. Bình Định Vương Lê Lợi và Tổng binh Vương Thông tách ra khỏi hàng, đứng song song trước hương án làm lễ khấn vái trời đất, núi sông và thần linh Đại Việt. Bình Định Vương Lê Lợi kính cẩn nhìn thẳng lên cột khói hương nghi ngút, thề giữ đúng lời bàn: cung cấp thuyền bè, xe ngựa, sửa sang đường sá, cầu cống, cho quân Minh được an toàn rút về nước. Trong tiếng chiêng trống đều đều thông thả, mọi người nghe rõ lời thề của Tổng binh Vương Thông:

“... Từ sau khi lập lời thề này, Tổng binh Thành Sơn hầu là Vương Thông quả tự lòng thành, đúng theo lời bàn, đem quân về nước, không thể kéo dài năm tháng để viện binh đến nơi. Lại phải theo đúng sự lý trong bản tâu, đúng lời bàn trước mà làm...

... Tổng binh Thành Sơn hầu là Vương Thông, nếu không có lòng thực, lại tự trái lời thề, người phục dịch và các thuyền đã định rồi, cầu đập, đường sá đã sửa rồi, mà không làm theo lời bàn, lập tức đem quân về

nước, còn kéo dài năm tháng để đợi viện binh; cũng là ngày về đến triều đình, lại không theo sự lý trong bản tâm, không sợ thần linh núi sông nước An-nam lại bàn khác đi hoặc cho quan quân đi qua đâu cướp bóc nhân dân, thì Trời, Đất cùng là Danh Sơn, Đại Xuyên và thần kỳ các xứ tất đem bọn quan Tổng binh Thành Sơn hầu là Vương Thông, tự bản thân cho đến cả nhà, thân thích, làm cho chết hết, và cả đến quan quân cũng không một người nào về được đến nhà...”¹³³

Vương Thông vừa dứt lời, tiếng chiêng trống cũng im bật. Tên tướng giặc đứng cạnh Bình Định Vương Lê Lợi cùng sụp xuống lạy tạ trời đất núi sông. Vương Thông cảm thấy choáng váng, đất trời dường như đảo lộn quay cuồng trước mặt hắn. Im lìm, ủ rũ như một đồng thối không hề biết di động, Vương Thông trở về hàng ngũ, cùng bày bộ tướng lên ngựa lui thủ dất nhau trở về thành Đông Quan.

Nhìn lũ giặc kéo nhau đi, Trần Nguyên Hãn tâm với Lê Lợi:

– Tâm Vương Thượng, không nhờ lệnh của Vương thượng thì lũ chúng chắc gì còn sống đến bây giờ mà thế tốt.

Trong lúc đó Nguyễn Chích, vị tướng đã từng một mình đương đầu với Trương Phụ trong nhiều năm ở vùng núi, Hoàng Nghiêu¹³⁴, trước khi theo về với Bình Định Vương cũng không nén được cảm giận. Ông hất tay về phía đoàn tướng giặc:

– Không việc gì phải lo phục dịch cho chúng về nước. Cứ để mặc xác chúng cho quân dân Đại Việt bắt phải đền tội.

Bình Định Vương Lê Lợi đứng giữa đoàn tướng lĩnh, cất giọng ôn tồn:

– Hơn mười năm trước, ta cùng các người thề “Chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước, làm cho nhân dân được ăn ở yên lành” Nay ta bắt giặc

phải thề rút quân về nước, trả non sông Đại Việt lại cho người Đại Việt, thì chẳng phải đã làm đúng lời thề xưa đó hay sao. Nay giặc sợ chết tham sống mà thực muốn cầu hòa, ta lấy toàn quân làm cốt mà cho dân được yên nghỉ”¹³⁵. Ngàn vạn năm sau, ai chẳng biết hôm nay ta đưa các người đến đây để nhận lễ đầu hàng của giặc Minh đối với quân dân Đại Việt...”

Nắng đẹp chan hòa trên nhung phục các tướng lĩnh. Trời Đông Quan cao xanh lộng lộng. Dân chúng ngoại vi Đông Quan lũ lượt đứng ngoài xa, mang theo cờ quạt đón những người chiến thắng.

Bình Định Vương đứng đó, vẫn phong thái ung dung, với nét mặt oai nghiêm bình thản như năm nào trên nền đất Lũng Nhai của núi rừng Lam Sơn. Chỉ có đi đầu sau 10 năm nằm gai nếm mật, chống chọi với quân thù, lo âu và gian khổ đã khắc họa thêm những nét già nua trên khuôn mặt vuông vắn đầy đặn của người cầm đầu đội nghĩa quân Lam Sơn năm xưa.

Giờ đây, cả ngoại vi Đông Quan đang tung bừng niềm vui của ngày hội mừng chiến thắng. Đó đây, trong các lùm cây ven bọc xóm làng, những gốc mai đang mùa nở rộ cài hoa vàng lấm tấm. Giữa mùa đông giá lạnh mà Bình Định Vương cảm thấy như mùa xuân đã về. Mùa xuân về trong sắc cờ, trong hoa mai vàng và trên nét mặt hồ hởi của mỗi người dân Đông Quan. Mùa xuân đã về trong lòng Bình Định Vương cùng các tướng lĩnh những người đã hiến dâng trọn vẹn quãng đời trai trẻ cho đất nước để giành lấy một mùa xuân bất tận cho dân tộc.

NGUYỄN ANH

LÊ QUÍ ĐÔN

I

Có khách quý từ phương xa tới thăm, gian nhà rộng của tiến sĩ Lê Trọng Thứ đầy ắp chuyện hàn huyên, văn chương thơ phú. Những tiếng cười sảng khoái, những tiếng vỗ đùi thích thú, xen với giọng ngâm nga vang vọng, vượt qua khu vườn rộng và hàng rào tre thưa, bay tỏa trên dòng nước ngả ba sông lấp lánh trước ngõ.

Mấy tuần trà đậm đã qua, cho đến khi chủ nhân toan nhấc chiếc bình nước mưa để rót thêm vào chiếc ấm đồng đang reo trên hỏa lò than hồng, thì chợt thấy nước đã cạn.

– Quý Đôn con!

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ gọi một lần, rồi hai ba lần, mỗi lúc một to, mới thấy một tiếng “Dạ !” lí nhí đáp lại. Từ dưới nhà ngang, một chú bé bảy tám tuổi, mái tóc trái đào trên đầu còn ướt bết, len lén chạy lên, lấy lưng cha để che mắt khách. Nhưng khách đã kịp nhận ra chú bé- mặc dù chú đã cố tình cúi gằm xuống để che lấp cả khuôn mặt tinh nhanh lanh lợi nữa. Vừa lúc khách thốt ra một tiếng “Ồ...” kinh ngạc kéo dài, thì chủ nhân cũng cất giọng bảo:

– Ra bể nước mưa, múc vào đây một bình !

Thành ra, chỉ khi chú bé đã nhanh nhẹn đón lấy bình nước từ tay cha, con còn chạy đi, thì chủ nhân mới kịp hỏi khách:

– Bác hẳn có điều gì khác ý ?

Khách không trả lời mà hấp tấp hỏi lại:

- Thằng bé vừa rồi là con cái trong nhà, thưa bác ?
- Thưa vâng! Mà có chuyện gì khiến bác phải bận tâm chẳng ?

Nhưng khách vẫn cứ tiếp tục hỏi:

- Cháu nó đã đi học chưa, thưa bác ?

– À, về chuyện học hành của cháu thì tôi cũng lấy làm lạ... - Chủ nhân được dịp thổ lộ - Từ năm cháu mới hai tuổi, người nhà viết hai chữ “hữu”, “vô”¹³⁶ đưa ra hỏi chơi, nhưng lần nào cháu cũng chỉ đứng. Năm tuổi, cháu đã đọc được Kinh Thi¹³⁷, lại còn võ vẽ viết văn, làm thơ. Có đi đâu là mãi chơi quá nên còn biếng học. Chắc là vì cần tình con ngựa!¹³⁸.

Chủ nhân cười xòa để kết thúc câu chuyện về con cái, trong khi khách vẫn cứ tắc lưỡi hoài:

- Thảo nào! Thảo nào...

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ thấy vậy, lại phải hỏi lần nữa:

- Vậy có chuyện gì về cháu thế bác ?

– Thế này... - Khách bây giờ mới dần dà kể rõ - Chẳng là hồi nãy, tôi ở bên sông ngoài kia, đang hỏi thăm đường về nhà bác, thì gặp thằng cháu cùng với mấy đứa trẻ chạy ở dưới nước lên. Nó nheo mắt nhìn tôi: “Ông khách đến nhà quan nghè họ Lê ở làng cháu thì chắc là phải hay chữ. Vậy nếu ông khách nói được đây là chữ gì thì cháu mới chỉ nhà cho !” Thế là nó giang ngay tay và xoạc hai chân ra - Khách ngồi trên sập, nhồm người, giơ tay làm bộ điệu - Tôi thấy thằng bé ngộ quá, mới nói vui: “Chữ “Đại” chứ gì!”¹³⁹. Thế là thằng bé ré lên cười: “Không phải !”. Tôi còn đang ngạc nhiên thì nó đã vừa ù té chạy, vừa nói với lại: “Chữ “Thái”! Thế mà không

biết !”¹⁴⁰. Bác xem, chẳng là thằng bé còn đang t òng ng òng mà ! Già đời như tôi mà còn bị cậu quý tử nhà bác nó lỡm cho đấy!

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ dờ khóc dờ cười trước câu chuyện của người bạn già, đúng lúc “cậu quý tử” rón rén trở lại với bình nước mưa trên tay. Ông đành gượng quát lớn:

– Thằng nghịch tử kia !

Nhưng khách đã vội can ngăn:

– Ấy, tôi xin bác! Để tôi hỏi nó vài câu xem sao... và vẫy Quý Đôn lại gần:

– Này, cháu, thầy cháu kể với bác là cháu đã tập làm thơ. Vậy muốn khỏi phải phạt thì cháu hãy thử làm một bài thơ, có được không ?

Chú bé lập tức ngẩng đầu, mở to cặp mắt trong vắt :

– Dạ, xin bác ra đề!

– Lại còn thế nữa a ! Khách hết từ ngạc nhiên này lại đến ngạc nhiên khác -Được! Thế thì phải làm thơ nôm, thất ngôn bát cú¹⁴¹, lấy đầu đề là “Rắn đầu biếng học”!

Chú bé chớp mắt lia lịa¹⁴², nét mặt phút chốc đanh lại, già hẳn đi đến hàng chục tuổi, vẻ hết sức căng thẳng. Lùi dần ra bậu cửa, mặt vẫn ngẩng cao, mắt dõi mãi vào một điểm vô hình nào đó, chú bé tựa người vào tấm vách, mấp máy môi trong một trạng thái xuất thần như quên hết cả mọi vật chung quanh. Và khách, được chứng kiến cảnh tượng lạ lùng chưa từng thấy ở bất cứ đứa trẻ nào như thế, còn chưa hết giật mình thì đã thấy chú bé vụt trở lại là một đứa trẻ tinh nghịch, vờ vĩnh khép nép tiến lên mấy bước, cúi đầu:

– Dạ, cháu xin đọc...

- “Được rồi, đọc đi !
- “Chẳng phải *liu diu* vẫn giống nhà !

Rắn đầu biếng học quyết chẳng tha.

Thẹn đèn *hổ lửa* đau lòng mẹ,

Nay thét *mai găm* rất cô cha.

Ráo mép chỉ quen phường lão lếu,

Lần lưng cam chịu vết roi da

Từ nay *Trâu*, *Lỗ*¹⁴³ xin siêng học

Kẻo *hổ mang* danh tiếng thế gia !”

Bài thơ đúng vần luật, rất hợp đầu đề mà ý tứ cao kỳ, lại còn mỗi câu đầy đủ một tên rắn để nhại chữ ở đầu đề, ứng tác nhanh như chớp, khiến cho khách không kịp được mình nữa, vỗ đùi đen đét:

- Thần đồng! Thằng bé này thật đúng là thần đồng !

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ cũng cố giấu vẻ hể hả, khoát tay:

- Cho ra ngoài! Phải nhớ lấy lời tự răn đấy!

Và đợi cho mái tóc trái đào bay nhảy khuất nhanh sau cửa, ông mới cao hứng kể tiếp cho khách nghe:

– Năm ngoái, bác Lê bên Liêu Xá¹⁴⁴ đến chơi nhà, gặp thằng cháu vì thấy lạ cứ nhìn mãi cặp kính ở trên mặt bác ấy, bèn mới ra cho nó vẽ câu đối: “Tứ mục!”¹⁴⁵, bắt phải đối....

– Chà ! Giản dị mà hắc búa đấy ! Vì chữ “Tứ” (四) viết quay dọc lại, cũng là chữ “Mục” (目)!

– Thừa vâng... - Tiến sĩ Lê Trọng Thứ vội kể tiếp - Thằng bé nhìn quanh quẩn, tìm ý để đối, và may quá, vừa trong ra ngã ba sông ngoài kia,

nó đã quay lại luôn: “Tam xuyên!”¹⁴⁶

Khách từ đấy chỉ còn biết xuýt xoa:

– Thằng bé này về sau văn chương sẽ ngang dọc một thời đấy !¹⁴⁷.

II

Mười bốn tuổi, “học hết cả chữ các thầy giỏi ở trong vùng” – như người đương thời vẫn nói – Lê Quý Đôn rời quê hương Sơn Nam¹⁴⁸ lên kinh đô tiếp tục “tìm thầy học đạo”.

Kinh đô Thăng Long với lầu son gác tía và đền đài miếu mạo, với “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” và với những “cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm”, không hấp dẫn được chàng thiếu niên Lê Quý Đôn bằng những kho sách đầy ắp của Bí thư các, Hàn lâm viện, Quốc sử quán¹⁴⁹, những buổi giảng sách bình văn của các danh sư ở các trường học nổi tiếng, và những cuộc đàm đạo với các đại gia uyên bác của Kinh thành.

Cậu bé thần đồng ở Sơn Nam đã dần dần khiến cho cả Thăng Long phải chú ý, không phải chỉ vì trí thông minh khác vời, mà còn vì chí hiếu học tuyệt trần của tuổi trẻ. Kịp khi triều đình mở khoa thi năm Quý Hợi¹⁵⁰ thì cả Thăng Long đều xôn xao nhưng không ngạc nhiên nữa, khi thấy những người lính xúng xính trong chiếc áo nẹp đỏ, vác những chiếc ống loa dài nghêu, trịnh trọng diễu khắp ba mươi sáu phố phường mà xướng danh các sĩ tử trúng cách, trong đó mở đầu là “Cử nhân, giải nguyên, Sơn Nam, Lê Quý Đôn, thập bát tuế”¹⁵¹. Kinh thành chỉ xôn xao và ngạc nhiên thật sự khi có kết quả của các kỳ thi năm Nhâm Thân sau đấy¹⁵²: chiếm cả bảng vàng Hội Nguyên lẫn Đình Nguyên¹⁵³ đều là Lê Quý Đôn.

Với học vị Bảng Nhãn¹⁵⁴, từ đấy, chàng trai hai mươi bảy tuổi được cả người kinh kỳ và người Sơn Nam kính trọng gọi bằng cái tên quen thuộc: Bảng Đôn ! Và người ta kháo nhau: Bảng Đôn không đi Tri phủ, Tri huyện, cũng không nhận Đốc đồng, Hiệp trấn¹⁵⁵ mà đã vào làm việc ở Hàn lâm viện!

Quả đấy là chí hướng của Lê Quý Đôn. Chính ở nơi này, Lê Quý Đôn mới có nhiều điều kiện nhất để duyệt lại, mở rộng và định hướng cho trí tuệ mẫn tiệp, uyên bác của mình. Và bây giờ cũng mới là lúc để thỏa thuê lục hết kho sách thiên kinh vạn quyển của triều đình, và thu thập về thêm những trước tác cổ kim đông tây trong thiên hạ...

*

* *

Tòa *Kính nghĩa đường* dựng không xa Hàn lâm viện, cũng chính là một hàn lâm viện thu nhỏ của riêng Lê Quý Đôn. Những giá sách, những chõng sách, những ghi chép, những bản thảo, chất ngất khắp một gian phòng rộng. Giữa núi sách vở, chữ nghĩa ấy, Lê Quý Đôn đang ngõ ã đàm đạo cùng bạn đồng học: tiến sĩ Trần Danh Lâm¹⁵⁶. Ý tứ đối trao xoay quanh chuyện văn chương thơ phú, vốn là chuyện hàng đầu của các bậc danh sĩ bấy giờ.

– Đệ gần đây có tìm được bài thơ *Sứ Giao châu* của người nước Thanh, sang ta vào đầu đời Khang Hy¹⁵⁷ - Lê Quý Đôn xoa tay nói, vẻ thích thú - lời chú của Chu Xán trong bài thơ ấy kể ra nhiều nhân tài thời xưa của ta là Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh... lại người nước Thanh là Chữ Giá Hiên cũng viết trong sách *Kiên*

bêu dư tập rằng nước Nam ta, xa Trung Quốc hàng nghìn dặm, tuy đứng về danh nghĩa thì theo giáo hóa Trung Quốc, nhưng thực ra thì tự làm chủ một nước, đặt niên hiệu, dựng phép tắc. Còn riêng về thơ văn thì có nhiều bài rất hay...¹⁵⁸

– Quả là có những bậc thức giả trong giới sĩ phu phương Bắc - Trần Danh Lâm hưởng ứng - nhưng trong bọn họ, không khỏi vẫn có kẻ nhắm mắt nói càn. Để đọc sách An Nam chí¹⁵⁹, thấy nói rằng :“Nước Nam, từ khi có Giải Tấn dạy bảo cho, mới biết xu hướng về văn học”. Thật là quá đỗi hồ đồ ! Giải Tấn là người nhà Minh, chỉ sang ta có một năm¹⁶⁰. Còn trước đó, cả mấy trăm năm, là hai triều Lý, Trần, văn hiến nước ta thật đã rực rỡ, thì ai dạy bảo ?

– À... - Lê Quý Đôn chợt nói như reo – Để để đưa quan bác xem quyển *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương tiên sinh lưu truyền từ đời Hồng Đức¹⁶¹. Trong tập này, Hoàng tiên sinh đã cố công tìm lại được nhiều thi phẩm đời Trần, một thời tưởng đã mất vì chính người Minh tàn phá...

Lần lượt trao từng tập sách mới được sao chép lại cho người đối diện trân trọng đỡ lấy, Lê Quý Đôn giữ lại tập cuối cùng, lật một trang, nói:

– Người xưa soạn loại sách này còn có những chủ kiến trác tuyệt về văn hiến cũ của nước nhà, thiết tưởng trong đám hậu sinh cũng nên có người nổi chí. Để để đọc cho quan bác nghe câu này :“Đức Lương này học làm thơ, chỉ trông vào bách gia đời Đường (của Trung Quốc), còn như thơ văn thời Lý, thời Trần (của ta) thì không khảo cứu vào đâu được. Mỗi khi nhặt nhanh ở giấy tàn, vách nát, được một vài câu, thường cầm sách mà than thở... Một nước có nền văn hiến hàng mấy trăm năm, chẳng lẽ không có quyển sách nào có thể làm cứ liệu, mà phải tìm vu vơ học ở thơ văn nhà Đường, như thế chẳng hóa ra đáng thương tâm lắm sao...”

Trao nốt tập sách cho Trần Danh Lâm, Lê Quý Đôn nói tiếp:

– Hoàng Đức Lương tiên sinh nhật nhạn thơ văn cổ, biên tập thành 15 cuốn, cũng chỉ có thể nói là mới được một hai phần trong trăm nghìn phần mà thôi. Thế nhưng, một hai phần ấy, đến nay cũng lại chỉ còn được không đầy một nửa thì kẻ hậu sinh càng đáng than tiếc đến mức nào !¹⁶²

Trần ngâm một lát, Lê Quý Đôn hạ giọng tâm sự:

– Đệ có ý định sẽ dần dần nối tiếp công việc của người đời trước mà soạn một bộ sưu tập đầy đủ những tác phẩm văn chương của nước nhà, không hiểu có nổi không...¹⁶³ - Và chợt đổi giọng sôi nổi - Nhưng đấy là việc sau này. Còn bây giờ thì, mấy năm vừa qua, có dịp xem lại các sách vở đã đọc từ nhỏ tới giờ, đệ đã soạn xong hai bộ sách này, để quan bác xem qua...

Trần Danh Lâm vội đặt bộ sách cổ của Hoàng Đức Lương xuống, đỡ lấy hai pho sách đồ sộ còn thơm mùi giấy mực của chính Lê Quý Đôn, miệng lầm nhẩm đọc tên sách : “*Thánh mô hiên phạm*” và “*Quần thư khảo biện*”¹⁶⁴. Lật giở những chương mục, mang những tiêu đề “Thành trung”, “Lập hiếu”, “Tu đạo”, “Đạt lý” của cuốn *Thánh mô hiên phạm*, Trần Danh Lâm thuận tay mở tiếp từ đầu của bộ *Quần thư khảo biện*, và sừng sốt đọc to lên một ý trong lời tựa:

– “... Nghiên cứu những vết tích của việc hưng, vong, trị, loạn ; xem xét nguyên cớ của cái được, mà răn đe sự dẫn đến cái mất...”

Không giấu vẻ thán phục, Trần Danh Lâm nhìn Lê Quý Đôn:

– Tuổi mới như quan bác mà đã trước thư, lập ngôn¹⁶⁵ được như thế này, thật đáng để bọn đệ theo đòi. Nhưng... - Trần Danh Lâm đổi giọng tinh nghịch cất vắn - đệ xin hỏi thật: cứ xem như ý tứ qua lời nói và trong

văn sách này thì đệ đoán không sai là phải chăng quan bác mấy năm nay đang chuẩn bị để có một phen xuất ngoại “đem chuông đi đấm nước người” ?

Thấy vẻ mặt và cái nhìn thú nhận của Lê Quý Đôn, tiến sĩ Trần Danh Lâm cười cười mà tiếp:

– Bây giờ thì chưa được đâu ! Quan bác đã biết cỡ lệ của triều ta rồi : đi sứ thì phải trên 50 tuổi ! Và chẳng, chúa Trịnh mới tìm được tài năng của quan bác, chắc gì đã chịu để cho quan bác ra đi lúc này...

Người bạn cùng học đã vui vẻ cáo biệt ra về mà những lời nói nửa đùa nửa thật vẫn còn đọng lại trong thư phòng. Lê Quý Đôn, một mình trước án thư, tần ngần suy nghĩ mãi về ý tứ của Trần Danh Lâm. Phải, xưa nay, ở triều đại vua Lê chúa Trịnh này, chưa có ai ba mươi tuổi mà đã được cử đi sứ nước ngoài. Nhưng rõ ràng là với Lê Quý Đôn lúc này thì việc đó rất cần. Kiến thức trong thiên hạ quả là như trời như bể. Lê Quý Đôn sẽ còn cả một đời để theo đuổi sự nghiệp tích lũy kiến thức đó. Nhưng những gì đã tích lũy được bấy lâu trong bộ óc mẫn tiệp và cần cù, đã đủ và cần phải đem so sánh, đối chiếu và cọ xát với bên ngoài. Để thử thách và để khẳng định...

Quả quyết dầm ngọn bút vào nghiên mực, Lê Quý Đôn viết nhanh tờ tâu xin chúa Trịnh :

“Người xưa vào làm quan, ắt phải lịch duyệt đó đây. Chuyển đi sứ trong ba năm cũng không phải là lâu. Thần xin vẫn được đi để xem chính sự ở Trung Quốc như thế nào, xem người và cảnh vật ở bên ấy ra sao...”¹⁶⁶

*

* *

Chuyến đi sứ năm Canh Thìn¹⁶⁷ sang triều đình nhà Thanh, đi và về mất gần ba năm. Trong hành trang của sứ bộ, Lê Quý Đôn mang theo các tập sách *Thánh mô hiền phạm* và *Quần thư khảo biện*, cùng với tập thơ *Tiêu tượng bách vịnh*, trong đó có thơ của ông và cả bản sao *Trích diễn thi lập*.

Với thi tập này, một lần gặp trong đám quan tướng nhà Thanh có người lại đem chuyện Giải Tấn đời Minh ra thách đố, miệt thị, Lê Quý Đôn đã chỉ cần lẳng lặng đưa cho tất cả xem những thi phẩm có từ trước thời Giải Tấn rất lâu, và thản nhiên nhìn vẻ mặt chưng hửng của bọn họ.

Lê Quý Đôn đã cau mày, một lần khác, ở đất Nam Ninh¹⁶⁸, khi sứ bộ Việt Nam đến gặp quan đầu tỉnh, và nghe tiếng xướng kéo dài của bọn quan nha từ ngoài cổng truyền mãi vào sảnh đường: “Di... quan... kiến...!”¹⁶⁹. Tránh để mất hòa khí trong buổi tiếp kiến đầu tiên, Lê Quý Đôn lại chỉ lẳng lặng thảo một công văn, đòi bỏ ngay kiểu cách xưng hô đó. Tiếp được công văn, quan đầu tỉnh họ Diệp của nhà Thanh kinh sợ, vội vã thảo một công văn trả lời, biện bạch rằng ngày xưa, các vua của Trung Quốc là Thuấn và Văn Vương cũng vẫn được gọi là “Đông Di” và “Tây Di”. Vậy chữ “Di” mọi rợ đó không hề có ý khinh mạn quý quốc. Nhưng đã có công văn của sứ bộ thì vẫn xin từ nay bỏ không dùng chữ “Di” nữa...¹⁷⁰.

Có người còn kể thêm một chuyện về Thanh triều muốn thử tài quan Bảng nhãn trẻ tuổi của nước Việt, đã chờ đến lúc chiều xuống và triều lên, mới mời sứ bộ đi xem một tấm bia cổ ở một ngôi chùa ven sông. Nước

triều dâng nhanh, thoát đầu còn ở chân bia, phút chốc đã đến lưng bia rồi ngập cả ngọn bia và trời chỉ đầu thì chạng vạng. Nhưng trở về quán sứ, khi người Thanh hỏi về nội dung tấm bia thì Bảng Đôn vẫn ung dung đọc lại toàn bộ văn bia không sai, không sót một chữ ! Trí nhớ của sứ bộ đã tuyệt vời, nhưng khi kinh ngạc hỏi xem Lê Quý Đôn làm sao mà đọc thi được với nước triều những hàng chữ viết dọc từ trên xuống dưới và từ phải sang trái ở trên tấm bia ấy, thì câu trả lời của quan Bảng nhãn trẻ tuổi mới làm người Thanh ngả ngửa: sứ bộ đã theo mực nước mà đọc ngang tấm bia, từ dưới lên trên, rồi sắp xếp lại trong óc trật tự của các con chữ !¹⁷¹.

Khi câu chuyện kỳ thú này truyền đến tai, Lê Quý Đôn chỉ mỉm cười. Nhưng đúng là ông đã tìm đọc được rất nhiều trong chuyến đi sứ sang nước Thanh, kể cả việc tìm đọc được những sách về thiên văn, địa lý và lịch pháp của những người châu Âu là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng¹⁷². Sự mê say và khả năng đọc sách của sứ bộ nước Việt đã cho người Thanh phải kính phục. Có một lần, đang trên đường tiến kinh thì gặp phải giông bão, sứ bộ và các quan lại nhà Thanh đi hộ tống phải nghỉ lại tại một công quán dọc đường. Hết cơn mưa gió, mọi người đều chuẩn bị tiếp tục lên đường, riêng Lê Quý Đôn thì chỉ nhìn trời rồi lại nằm dài đọc sách, quả quyết rằng sắp có bão tố trở lại. Lúc đầu, không ai tin, nhưng về sau, quả nhiên sự việc xảy ra đúng như dự báo của sứ bộ, khiến mọi người chỉ còn tròn mắt mà nhìn con người thông hiểu cả qui luật đất trời, khi ấy vẫn đang miệt mài với những trang sách... mới tìm được ở trong công quán...

Sự khâm phục đối với quan Bảng nhãn trẻ tuổi của nước Việt càng ngày càng tăng lên, khi, tới Yên Kinh¹⁷³, sứ bộ nước Việt bắt đầu tiếp xúc với các quan lại đầu triều nhà Thanh và sứ thần các nước Nhật Bản, Triều Tiên... Nghe tiếng Lê Quý Đôn, Chánh sứ Triều Tiên, Trạng nguyên Hồng

Khải Hi đã tìm cách gửi tặng sứ bộ nước Việt một chiếc quạt quý và một bài thơ để thăm dò. Lập tức, Lê Quý Đôn thảo thơ tặng lại:

“Tản Viên Khái tự Tùng sơn tú

Áp Lục ưng đồng Nhị thủy trường...”

Núi Tùng của Trìâu Tiên đã cùng non Tản của Việt Nam đua vẻ đẹp và sông Áp Lục của Trìâu Tiên cũng cùng dòng Nhị Hà của Việt Nam nổi chiêu dài trong thơ Lê Quý Đôn, khiến sứ giả Trìâu Tiên hết sức tâm đắc, thú vị. Rồi đó, biện luận và thù tạc, xướng họa và du ngoạn, các hoạt động ngoại giao của sứ bộ nước Việt chẳng những đã làm tròn sứ mạng được giao phó mà còn làm rạng danh cho xứ sở. Riêng tiếng tăm của Lê Quý Đôn thì nổi cao như sóng cồn, khiến người các nước đều tấm tắc: “Nước chúng tôi mang tiếng là lắm nhân tài, nhưng những người được như sứ giả cũng chỉ có một vài¹⁷⁴.

Con người tài năng uyên bác ấy, giờ đây, đang ngồi trong Bí thư các ở Thăng Long, thảo bài *Khải* dâng lên chúa Trịnh, tường thuật lại những đi đầu mắt thấy tai nghe và những hoạt động của sứ bộ ở nước ngoài¹⁷⁵. Trên án thư của quan Học sĩ mới nhận chức, hai bộ sách *Thánh mô hiền phạm* và *Quần thư khảo biện* vừa theo tác giả của nó đi chu du thiên hạ trở về, nằm xếp chõng ngay ngắn. Lê Quý Đôn với lấy bộ *Thánh mô hiền phạm*, và yên lặng đọc trang giấy mới được đóng thêm vào đầu sách, làm lời tựa:

“Tất cả các kinh sử tử tập và những lời bàn thêm của tiên nho, của những bậc thầy kỳ cựu, đều được xem rộng mà rút lại (ở sách này). Việc dụng công đáng gọi là siêng năng, chí hướng cũng gọi được là chính vậy. So với Trịnh Mông Chu của nước Cao Ly¹⁷⁶, đi đầu nông sâu cao thấp chưa thể biết được, nhưng chủ yếu là ông đã truyền giữ thật kiên trì những lời

hay, việc tốt của thánh hiền, cũng không thẹn là bậc tổ Lý học của phương Nam...”.

Lời tựa này, trình trọng ký tên Chu Bội Liên, quan Đê học của Thanh tri châu.

Lê Quý Đôn lại với lấy bộ *Quần thư khảo biện*. Cuốn sách đồ sộ, giờ đây dày thêm đến ba bài tựa mới viết. Ngoài Chu Bội Liên với lời tán phục: “Tuyệt vời thay luận thuyết của ông ! Cái tài của bậc hào kiệt, đạo học của bậc thánh hiền, đâu tìm thấy ở cả sách này chẳng ?”, còn có Tân Tri châu Vu, tiến sĩ Lễ bộ của Thanh tri châu, khiêm nhường mà công nhận: “Việc mà Quế Đường (Lê Quý Đôn) làm được (ở đây) thì tôi, với kiến thức hẹp hòi, phần nhiều quên lãng, thực có chí mà cũng không làm được”. Còn bài tựa thứ ba là của Trạng Nguyên Hồng Khải Hi, Chánh sứ Tri châu Tiên:

“... Chọn lấy trong thư tịch các đời mà khảo đính, biện luận, trên dưới vài nghìn năm, cái được cái mất, ai tài ai thua, như thế này thì an, không như thế này thì nguy, không đi đâu nào là không soi xét và tính đến ; lật đật những xét đoán đã định trước đây cũng có, phê phán những kẻ thừa tiếp mà sai lầm cũng có, cách lý giải tinh diệu tràn đầy trên giấy mực...”

Những công trình tạo tác của nhà bác học trẻ tuổi, vậy là đã không thẹn tiếng “mang chuông đi đấm nước người”. Và đây mới chỉ là những công trình đầu tay.

III

Những công trình quan trọng chính của đời mình, Lê Quý Đôn đã dồn sức để chuẩn bị vào những năm ông cáo quan về làng, đóng cửa viết

sách¹⁷⁷. Hai bộ *Vân đài loại ngữ* và *Kiến văn tiểu lục*, một bộ gồm 9 đề mục và 967 đề đầu bàn luận về triết học, địa lý, thiên văn, lịch sử, nông nghiệp, văn học..., và một bộ gồm 9 thiên, 12 quyển, đề cập đến các vấn đề về luật pháp, chế độ, bờ cõi, phong tục, dân tộc, tôn giáo...., sẽ còn phải một số năm nữa mới có thể ra đời¹⁷⁸. Nhưng ngay từ bây giờ, những túi gấm chất chứa các tài liệu sưu tầm và ý kiến phác thảo, sau khi được phân loại, sắp xếp và giao cho các tiểu đồng cất giữ, đã ngồn ngộn, ngồn ngang¹⁷⁹.

Sau mỗi buổi làm việc trước thuật, tạm rời đồng sách vở giấy má bề bộn, Lê Quý Đôn lại khép cửa thư phòng, đi ra đầu làng hóng gió. Thời gian gần đây, nhà bác học từ quan đóng vai ẩn sĩ, có thói quen như vậy. Quán trọ đầu làng là nơi ông thường có những cuộc gặp gỡ bất ngờ đầy thú vị. Tiếng tăm của ông lúc này đã vang dội đến mức người ta truy tìm tụng với nhau: “Thiên hạ vô tri, vấn Bảng Đôn!”¹⁸⁰. Và để tìm Bảng Đôn thì cứ chiêu chiêu, đến quán trọ ngoài làng ông là có thể gặp. Kính cẩn chấp tay vái chào ông, có một người đã mang theo cả hai mẫu chữ viết sẵn: “𠂇” và “口” để hỏi ông xem là chữ gì. Đúng là hai chữ chưa thành chữ, nên không thể đọc được. Lê Quý Đôn phải hỏi lại: “Anh thấy hai chữ này ở đâu?”, Người này nói: “Tôi lấy ở trên đầu những chiếc xà nhà mới làm...”. “À, thế thì có thể đọc được rồi - Lê Quý Đôn cười xòa - Chữ “𠂇” là chữ “Tiền” (侯), còn chữ “口” là chữ “Hậu” (後). Người ta viết tắt để đánh dấu mà phân biệt trước, sau khi làm nhà!”. Và ông vui vẻ dặn thêm: Từ rày, muốn thuộc các chữ này, anh cứ nhớ là “Tiền sừng bò, Hậu cò lội”. Đấy, có phải chữ “𠂇” giống sừng bò và chữ “口” giống dấu chân cò lội trên bùn không nào?”¹⁸¹.

Lê Quý Đôn thường phải giải đáp cả những câu hỏi đại loại như vậy. Nhưng ông cũng đã học lại được ở những người đến hỏi mình vô khối điếu. Một chiếc túi gấm đang cất giữ trong thư phòng của ông, chứa đến gần 200 tấm thẻ, ghi rõ từng tên gọi, cách gieo tròng và những điếu lợi, hại của đủ các thứ giống lúa tẻ, nếp, chiêm, mùa... chính là do ông thu thập được từ kiến thức của những người chân lấm tay bùn như thế¹⁸².

Nhưng chiều hôm nay, trên đường ra chơi nơi quán trọ, Lê Quý Đôn đã gặp phải chuyện không may. Một bậc đường quan bộ vệ trên chiếc cang đôi, có một tên lính huyện vác roi đi trước và một tên lính khác vác tráp theo sau, đã bắt gặp nhà bác học trong bộ áo cánh giản dị đang thơ thẩn trên đường.

– Bay đâu, bắt tên kia vào khiêng cang thay cho thằng phu ồm đỏi này để quan đi nhanh hơn một chút !

Thế là lập tức, Lê Quý Đôn bị tóm ngay vào làm chân phu khiêng cang cho quan huyện - chắc là một vị tân quan tới được bổ nhậm về miền này. Chiếc cang bị thúc chạy gần về phía quán trọ đầu làng. Nhưng vừa đến cạnh chiếc hồ rộng trước quán thì người phu cang mới bị bắt hầu quan, bỗng đi đứng chệnh choạng, rồi trượt chân ngã phệt xuống, hất luôn tấm thân phì lộn của quan huyện rơi ùm xuống hồ. Tiếng la hét chí chóc nổi lên. Quan huyện ngoi ngóp mãi mới được hai tên lính hầu liều mạng xông pha chốn nước bùn lầy dìu bước lên bờ.

– Bay đâu, trói ngay tên phu cang lão xược kia vào cột quán để quan hỏi tội...

Huyện quan vừa cuống quít vượt nước trên đầu trên mặt và rũ quần rũ áo, vừa quát tháo om xòm. Chủ quán và đám khách khứa trong nhà nghe tiếng náo động, vội vã chạy ủa cả ra xem chuyện lạ. Và tất cả đều sững sờ

xanh mắt khi thấy người mà huyện quan định bắt trói lại chính là Lê Quí Đôn. Hấp tấp ngăn mấy tên lính đang xun xoe xắn quần, xắn áo sửa soạn ra oai, chủ quán vội vã chạy tiếp tới gần quan huyện, ghé vào tai nói nhỏ mấy câu. Lập tức, huyện quan há hốc mồm, đứng sững tựa trời trờng !

Trước cảnh tượng ấy, Lê Quí Đôn ung dung sửa lại y phục, đoạn nghiêm sắc mặt, bảo quan huyện:

– Làm quan thì phải thương dân, đừng có hống hách!

Nói xong, ông lẳng lặng bỏ đi, thẳng một mạch về nhà¹⁸³. Khi ấy, quan huyện mới định thần được. Và, bỗng nhiên quan lúng túng cuống cuống, nửa muốn chạy theo, nửa lại không dám, trong khi mồm miệng lắp bắp mãi không thốt ra được một câu :

– Hạ quan... hạ quan xin trình...

Chủ quán vội giúp huyện quan gỡ lại tình thế :rước quan vào trong quán nghỉ tạm. Và trước vẻ mặt bần thần hoảng hốt của quan, chủ quán nhẹ nhàng thưa gửi :

– Bẩm quan lớn, chắc là quan vừa về trị nhậm huyện nhà nên mới không rõ quan Bảng nhãn làng chúng tôi, chứ còn khắp vùng này thì ai mà chẳng một lần nghe tiếng, biết hình Bảng Đôn! Ngay quán chúng tôi đây cũng còn được quan Bảng một lần ra tay giúp cho, chứ không thì còn khổn to...

Và thế là câu chuyện mà chủ quán đã hàng trăm lần kể cho tất cả các khách khi có dịp ghé quán nghe, bây giờ lại đến tai huyện quan mới trị nhậm. Chuyện kể rằng, có một lần, Bảng Đôn ra quán chơi, gặp hôm quán vắng khách, không có người để trò chuyện, bèn vớ lấy quyển sổ ghi nợ của chủ quán đọc lướt một lượt – “Ấy, quan Bảng Nhãn làng tôi một khi đã

thấy ở đâu có giấy, có chữ mà lại để lọt khỏi mắt là không thể chịu được”- Chủ quán thêm vào cho câu chuyện kể ở đoạn này lời bình ấy- Không ngờ ít hôm sau, quán gặp hỏa hoạn, chủ quán mãi chạy đờ đạc, quên khuấy mất sổ nợ trong đám lửa. Lo sợ mất nợ đến phát ốm, vì con nợ quá nhiều, không biết ai ăn chịu bao nhiêu để mà đòi, chủ quán chỉ còn biết nhăn nhó thở than với Bảng Đôn. Nào hay Bảng Đôn liền bảo đóng ngay một quyển sổ mới, rồi cứ thế mà đọc từng tên và số tiền nợ của từng người cho chủ quán chép lại. Nhìn lại những chữ và số dày đặc cả cuốn sổ, chủ quán lúc đầu còn không dám tin, vì Bảng Đôn chỉ mới tình cờ đọc chơi quyển sổ cũ, làm sao mà nhớ đúng, nhớ hết được! Ấy thế mà, khi cứ chiếu sổ đòi nợ thì khách nào cũng răm rắp trả đúng như in...

Đám lính huyện nghe ngóng câu chuyện của chủ quán, và nhìn bộ mặt mỗi lúc một ngờ ngẩn thẩn thờ của huyện quan, vội bấm nhau lui ra ngoài mà thì thào:

– Thế có chết không! Huyện quan vừa tiếp được tờ *Chỉ* từ phủ Chúa, truyền phải mời gấp cho được quan Bảng nhận về triều nhậm trọng chức mới...

IV

Chiếc cang đưa Lê Quý Đôn đi trị nhậm nơi xa, thông thả tiến trên đường cái quan vào Nam. Nhìn lại đoàn tùy tùng của mình, chỉ gồm có mấy chú tiểu đồng, đang chia nhau mang vác các hành trang của thầy, gồm toàn là sách, Lê Quý Đôn thấy hài lòng.

“Bụng không chứa ba vạn quyển sách, mắt không nhìn thấy khắp núi sông thiên hạ thì vị tất đã làm được văn hay”-Lê Quý Đôn thường dạy các

học trò của mình như vậy. Và tự thực hành đi đầu ấy, ông đã tìm mọi cách để vừa lo chọn việc công, vừa đọc sách, lại vừa đi được đến tận Yên kinh của Trung Quốc ở phía Bắc, Trấn Ninh của nước Lào ở phía Tây. Trên đất nước mình, ông đã ra tới biển Đông mà ghi chép về bờ biển, dân biển và sản vật biển; đã vượt “trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh” để mà tận mắt quan sát các phong tục, cư dân và đường đi lối lại trên núi rừng Tây Bắc. Là người chuyên chở không mệt mỏi tất cả kiến thức của hàng nghìn năm quá khứ và thấu tóm sâu rộng tất cả hiểu biết của thời đại mình, Lê Quý Đôn chỉ còn ân hận một điều là chưa đến được xứ Đàng Trong của đất nước nhà. Bởi đã hàng trăm năm, các chúa Nguyễn đã dựa vào hàng rào sâu hiểm của sông Gianh và lũy Thầy mà cát cứ ở đó. Nhưng bây giờ thì điều đau lòng ấy đã bắt đầu được giải tỏa. Chúa Trịnh đã vừa cất quân đi lấy lại được đất Thuận Quảng¹⁸⁴ và cử ông vào trông coi đất ấy¹⁸⁵. Đường vào Nam như vậy là đã mở trước mắt nhà bác học.

Trời đã ngả về chiều trên con đường cái quan dài hun hút. Và dịch trạm Cổ Lộng thành¹⁸⁶ đã hiện ra ngày một rõ. Lê Quý Đôn truyền cho đoàn tùy tùng của mình sửa soạn dừng chân nghỉ lại.

Trưởng dịch trạm Cổ Lộng thành nghe tin có Bảng Đôn, trên đường vào làm quan Hiệp trấn Thuận Quảng, vừa ghé vào trạm mình, vội vã khăn áo chỉnh tề chạy ra chào đón. Đây cũng là một trong đám nghìn vạn học trò mà Lê Quý Đôn, dù có trí nhớ tuyệt vời đến mấy cũng không thể biết hết được.

– Trình thầy, hỡi gần chiều, gặp mưa, thầy trú ở đâu ?

Nghĩa vụ của kẻ dưới với quan trên, tình nghĩa của học trò đối với thầy, giục người trưởng trạm vội vã sẵn sóc hỏi han thành kính.

– Mưa rào, nên ta cũng chỉ cần tạm lánh vào một quán nhỏ bên đường thôi...

Vừa trả lời, Lê Quý Đôn vừa đảo mắt xem xét cách bày biện nơi dịch trạm, và bất chợt chú ý đến một thanh kiếm gỉ nát đặt trên án thư trong góc nhà. Trưởng dịch trạm vội giải thích:

– Trình thầy, sau cơn mưa, có người đem bỏ ra cày cánh đồng sau trạm, và cày lên được thanh kiếm ấy...

– À... - Lê Quý Đôn bất giác thốt lên – Di tích của một cõi chiến trường đã mấy trăm năm rồi mà vẫn còn thấy !

Trong lòng bỗng rộn lên một cảm xúc kỳ lạ, Lê Quý Đôn hỏi trưởng dịch trạm:

– Anh đưa ta ra xem nơi tìm thấy cổ kiếm có được không ?

– Dạ, xin hầu thầy...

Hai thầy trò cùng đám tiểu đồng thông thả bước ra ngoài cánh bãi. Là Quốc Sử quán tổng tài¹⁸⁷, biên soạn bộ *Lê triều thông sử* dày đến 30 quyển, mở đầu bằng việc khởi nghĩa đánh quân Minh của Thái tổ Cao hoàng đế Lê Lợi, Lê Quý Đôn đã từng đọc và tra xét biết bao tài liệu nói về những trận đánh Cổ Lộng thành, nhưng bây giờ ông mới tình cờ đặt chân lên chính chiến trường Cổ Lộng xưa. Tòa thành đồ sộ mà quân Minh đã tốn bao công của để xây đắp ở đây, ngay khi vừa đánh bại được các vua Trùng Quang và Giản Định của nhà Trần, dùng làm nơi trấn ngự giữa Tây Đô¹⁸⁸ và Đông Đô¹⁸⁹, đến nay đã không còn nhận ra được hình thù gì nữa. Nghĩa quân Lam Sơn đã san nó thành bình địa, để cho bây giờ chỉ thấy xanh mướt những vườn dưa, giàn đỗ dân dã. Có chăng, chỉ còn lòng đất

mới là nơi lưu giữ được những vết tích ngày xưa như thanh kiếm cổ ở nơi dịch trạm khi này.

Trong lòng dạt dào một niềm hoài cổ, Lê Quý Đôn vừa đi xem xét kỹ lưỡng khắp miền, vừa say sưa giảng lại cho những người xung quanh về cá tính và tội lỗi của tên chủ tướng nhà Minh xâm lược là Mộc Thạnh, về kẻ sách bành trướng cỡi bò của nhà Minh sang đất đai Đại Việt từ mấy trăm năm trước. Ông cũng không quên nhắc cho họ nhớ là từ thuở các vua Nghiêu, vua Thuấn, tiên tổ của Minh triều cũng chỉ có đất đai chín châu ở vùng Hoàng Hà phía Bắc để lập quốc mà thôi...

Đêm hôm ấy, đám tiểu đồng thấy Lê Quý Đôn chong đèn thức rất khuya. Trăng sáng và tiếng chim khắc khoải bên tòa thành cũ, phải chăng đang thức dậy hồn thơ trong nhà bác học?

Đúng như dự đoán của lũ tiểu đồng, thi phẩm “Qua thành Cổ Lộng” của Lê Quý Đôn đã được hoàn thành trong đêm ấy: .

“Lũy hoang tường sập bốn trăm năm

Dừa, đậu bò lan mượt vẻ xuân

Cỏ biếc khôn che thẹn Mộc Thạnh

Nước trong đã rửa hận vua Trần

Bò cày sau mưa được kiếm cũi

Chim kêu trăng lạnh mái lâu tàn

Cỡi bò cần chi siêng mở thế?

*Chín châu Nghiêu Thuấn đủ làm ăn!”*¹⁹⁰

*

* *

Cách châm biếm chính trị sắc sảo như đã thể hiện ở hai câu kết của bài thơ làm lúc ghé qua thành Cổ Lộng, Lê Quý Đôn lại sử dụng khi đến Thuận Quảng, xem xét cái cơ đồ đồ nát mà các chúa Nguyễn đã để lại ở đây. Ông đã ghi vào một tấm thẻ, nhận xét riêng về chế độ quan lại của bộ máy triều chính vừa rạn vỡ :

“Triều nhà Trần, trong nước chia làm 24 lộ, vua Minh Tông còn bảo : sao một nước như cái bàn tay mà đặt quan nhiều thế ! Quảng Nam, Thuận Hóa chỉ có hai trấn thôi, mà họ Nguyễn đặt quan lại, thuộc tù, hương trưởng, kẻ hàng nghìn, những lạm quá lắm. Tất cả bổng lộc đều lấy ở dân, dân chịu sao được ?”¹⁹¹

Chính Lê Quý Đôn hiện đang phải dốc sức để sửa chữa tình trạng khốn đốn ấy, trên miền đất mà ông vừa được cử vào trấn trị¹⁹². Buổi sáng hôm nay, trời còn tờ mờ, mà từ ngoài cổng dinh quan Hiệp trấn đã nghe dội vào tư thất một hồi trống gấp gáp. Lê Quý Đôn đã cho đặt chiếc trống này, ngay từ khi nhận chức Hiệp trấn, để nhờ âm thanh của nó mà nhắc mình khỏi cách biệt những ai đang có việc muốn nhờ cậy quan trên. Quả nhiên, một ông già râu tóc bạc phơ đã chực sẵn ở ngoài dinh không biết tự bao giờ rồi.

Gặp được quan Hiệp trấn, cụ già xưng là dân tổng Bái Trời, thay mặt cho khắp hạng dân cư ở miền đất xa ấy mà về để hỏi xem có phải quan trên đã vừa cho định lại thể lệ của triều đình về tiền điền dầu sơn mà ông hương trưởng vừa sức cho dân phải theo hay không. Cứ như đơn trình của ông già Bái Trời thì bỗng nhiên, viên hương trưởng ở trong tổng lại truyền cho dân chúng rằng, theo lệnh quan mới trị nhậm, từ nay tất cả thuế má về dầu sơn ở trong miền dầu qui thành tiền, mỗi “lường” dầu sơn phải nộp 5 quan tiền, không nhận thuế bằng sản vật là dầu sơn như cũ nữa.

Lê Quý Đôn đã lập tức cho lục tìm các văn bản của triều cũ về thuế dầu sơn. Đọc lại những thể lệ này, quan Hiệp trấn từ xa đến mới biết được rằng, cây dầu sơn vốn là đặc sản của tổng Bái Trờì, huyện Minh Linh. Nguồn lợi ấy đã bị các chúa Nguyễn hút lấy, bằng cách lệnh cho dân phải lập ra hai đội phu, gọi là “đội dầu sơn”, chuyên làm việc cho chúa để nộp lên mỗi năm 256 “lường” dầu, không đủ số ấy thì phải đền một “lường” là 3 quan tiền.

Biết được thể lệ ấy, Lê Quý Đôn giật mình kinh ngạc. Bởi ông chưa hề có một lệnh mới nào bắt dân phải nộp tiền thay cho nộp sơn, mà lại phải nộp đến 5 quan một lường! Lại nữa, trong kho của công, lâu nay cũng không thấy có một giọt dầu sơn nào, bởi một lẽ giản dị: chính quan Hiệp trấn cũng không biết là ở tổng Bái Trờì vốn có đặc sản ấy. Rõ ràng là tên hương trưởng đã lợi dụng buổi giao thời tranh tối tranh sáng để nhiều dân mà thu riêng tất cả nguồn lợi dầu Sơn ở Bái Trờì!

Quan Hiệp trấn họ Lê lập tức sức cho viên hướng trưởng cường quyền những lạm phải về ngay dinh để hậu kiện. Trát quan đã truyền đi, nhưng con người bác học trong quan Hiệp trấn thì vẫn cảm thấy chưa yên tâm.

– Cụ hãy cho ta biết cái cây dầu sơn ở vùng cụ nó như thế nào ? Thân nó ra sao, lá thế nào, cả quả nữa !

Thấy quan Hiệp trấn mà cũng quan tâm đến sản vật cỏ cây của vùng mình, ông già Bái Trờì phấn chấn thưa trình :

– Dạ bẩm, nó giống như cây ổi, lá tựa lá trầu mà dày hơn, lại có ba khía nhọn sắc, còn quả thì như quả hồng mà da thì xù xì...

– Mỗi quả có bao nhiêu hột?

– Dạ bẩm, quả nào cũng chỉ có bốn hột!

– Thế chế dầu sơn thì làm thế nào?

– Dạ bẩm, cứ đầu mùa xuân thì hái quả, lấy hột, giã cho nhỏ, chưng qua loa, rồi ép thành dầu. Dầu ấy, đem chưng thành cao, trộn với trần hoàng thì thành sắc vàng, trộn với ngân châu thì thành sắc son...

– Trần hoàng với ngân châu thì lấy ở đâu ?

– Dạ bẩm, chúng tôi phải mua ở các tàu buôn Trung Quốc chở đến...

Quên hẳn địa vị quan Hiệp trấn, Lê Quý Đôn cứ thế mà mãi mê hỏi han về thứ đặc sản ở miền đất xa này. Bộ óc mẫn tiệp của ông đã không bỏ sót một chi tiết nào cần biết về thứ cây quý ấy, để cho đến lúc này, sau một ngày lo việc quan, ông lại có thể tiếp tục công việc của nhà bác học. Ngọn đèn trong thư phòng của quan Hiệp trấn khơi cao ánh sáng trong đêm đen, Lê Quý Đôn bắt đầu ghi chép vào một tấm thẻ:

“Gỗ dầu sơn, sản ở tổng Bái Trời, huyện Minh Linh. Do dân trồng. Cây giống như cây ổi, lá tựa lá trầu mà dày, có ba khía nhọn sắc ; quả như quả hồng, da xù xì, có bốn hột. Đầu mùa xuân thì hái, bóc lấy hột, giã nhỏ, chưng qua, rồi ép thành dầu, sắc vàng mà sáng, chuột bỏ không dám ăn”.

Lấy một tấm thẻ khác, Ông ghi tiếp:

“Có dùng để sơn đồ vật thì chưng lại như cao, cho trần hoàng vào (trần hoàng do tàu Trung Quốc chở sang) thì thành vàng; cho ngân châu vào thì thành sắc son; trộn với vôi và vỏ tre non cạo nhỏ mà giã thành cao, lấy giẻ lưới rách nhào lẫn vào, dùng để khảm lỗ thuyền rò thì rắn như đá, côn trùng không thể đục được”.

Và ông ghi vào một tấm thẻ thứ ba:

“Họ Nguyễn trước đặt hai đội dầu sơn, gồm 60 người, lấy ở địa phương xung vào. Cho miễn các tiền sai dư, cước mễ và sưu dịch, nhưng

bắt nộp sơn bằng 256 lường”...

Ông cẩn thận chua thêm:

“Cái lường giống như cái thưng mà hơi cao. Giá đên một lường là 3 quan”.

Với lấy một chiếc túi gấm thẫm, chuyên đựng những tấm thẻ ghi chép về các sản phẩm ở trong miền, Lê Quý Đôn cất những tấm thẻ vừa hoàn thành vào túi. Tiện tay, ông rút ra một tấm thẻ đã chép được từ trước:

“Thuận Hóa có nhiều khoai. Có thứ gọi là “khoai sáp đường”, nấu lên thì hơi vàng, mềm dẻo như sáp, có thứ gọi là “khoai đầu hùm”, nơi nào cũng có trồng, tháng Tư trồng thì tháng Một đào, củ to như cái vò, nấu ăn như mùi “khoai đông” của xứ Kinh Bắc; có thứ gọi là “khoai gừng”, sắc trong, mềm dẻo ; có thứ gọi là “khoai nửa”, củ sinh từng bụi rất nhiều, dọc nó có thể muối dưa”.

Đọc lướt lại một lần những ghi chép ấy, ông thấy vừa lòng, bèn cất đi. Và lấy ra những tấm thẻ đã ghi được về các giống trâm hương và kỳ nam ở mãi xa về phía Nam. Ghé sát vào ngọn đèn, Lê Quý Đôn đọc lại:

“Kỳ nam hương xuất tự đầu núi các xã thuộc hai phủ Bình Khang và Diên Khánh, xứ Quảng Nam, là thứ tốt nhất; xuất tự Phú Yên và Qui Nhơn, là thứ hai. Hương ấy là do ở ruột cây gió kết thành. Gió có ba loại: “gió lười trâu” thì thành “khô trâm”, “gió miệt” thì thành trâm hương, “gió bầu” thì thành “kỳ nam hương”. Người ta thấy cây già, lá vàng và nhỏ, thân cây nhiều u bướu, thì biết ngay là có hương, chặt chỗ để lấy. Họ Nguyễn trước đặt đội am sơn, hàng năm cứ tháng hai thì đi tìm kiếm, tháng sáu thì trở về, số được nhiều ít không nhất định. Lấy sắc sáp trắng là tốt nhất, sắc xanh đầu vịt là thứ hai, sắc sáp xanh là kém hơn, sắc sáp vàng lại kém nữa, sắc như vắn hổ thì kém nhất. Lấy chất mềm như phấn đông, có

thể cắt thành miếng, là hạng tốt nhất; bần rần là hạng xấu. Tục ngữ nói: “Nhất bạch, nhị thanh, tam hoàng, tứ hắc”.

Lê Quý Đôn chăm chú đọc tiếp một tấm thẻ khác:

“Muốn phân biệt trâm hương với kỳ nam thì lấy hình chất khí vị mà phân biệt. Trâm hương thì cứng, nặng, ít thơm, sắc nhạt, vị đắng; kỳ nam thì mềm nhẹ, có hơi dầ, thơm mát, vị gồm đủ cay, chua, ngọt, đắng. Đốt trâm hương thì khói kết xoáy r ồi sau mới tan, đốt kỳ nam thì hơi khói lên thẳng mà dài”.

Đặt các tấm thẻ xuống án thư, Lê Quý Đôn yên lặng suy nghĩ h ồi lâu. Xoay người về phía giá sách chất ngất sau lưng, ông lục tìm một lúc, r ồi lấy ra hai quyển *Sự văn loại tụ* và *Bản thảo bị yếu*¹⁹³. Dò tìm chương “Hương phồ” của sách *Sự văn loại tụ*, ông đọc kỹ một đoạn r ồi hấp tấp lấy một tấm thẻ, chép nhanh:

“Xét sách *Sự văn loại tụ*, “Hương phồ” chép rằng: Trâm hương giống như cây thông, cây gạo, có nhiều mắt, muốn lấy thì trước chém gốc cây, r ồi để lâu năm, vỏ và thân đều nát, ruột và mắt không nát là trâm hương. Cành nhỏ, cứng chắc, là thanh quý. Đen mà chìm xuống nước là trâm hương. Nửa nổi nửa chìm là kê cốt hương, thô là tiên hương. Trâm hương sản xuất không phải ở một nơi. Ở Chân Lạp là tốt nhất, ở Chiêm Thành thứ nhì, ở Bót Nê là kém nhất. Lấy trâm hương Chân Lạp mà kể thì có ba bậc: Lục dương là tốt nhất, Tam lạc là thứ nhì, Bọt la cương là kém nhất. Sắc đen rần là tốt nhất, sắc vàng là thứ hai. Có thứ hình trạng như sừng tê, có thứ như miệng én, có thứ như phụ tử, có thứ như cái thoi”.

Chép miệng lắc đầu một mình, Lê Quý Đôn c ầm lấy bút, ghi tiếp xuống ngay phía dưới:

“Nay hỏi những người đi lấy hương ở Thuận Hóa và Nghệ An, mới biết thuyết này là không đúng”.

Cần tiếp cuốn sách *Bản thảo bị yếu* lên tay, Lê Quý Đôn lại sao chép một đoạn sách ấy ra thẻ :

“Lại sách *Bản thảo bị yếu* nói rằng : Trầm hương cay đắng, tính ôn. Các gỗ đều nổi, chỉ trầm hương là chìm. Cho nên hay hạ khí mà sa đờm rãi, hay giáng khí mà cũng hay thăng khí, hương khí vào tỳ, cho nên trị được các khí mà đi đầu hòa, sắc đen thể thơm, cho nên vào mạnh môn hữu thận, ẩm tinh tráng dương, trị lòng bụng xói đau, cấm khẩu, độc lỵ, uất kết, tà khí, sợ gió lạnh, bệnh tê, bệnh lỵ. Sắc đen mà chìm xuống nước là tốt, thơm ngọt thì tính bình, cay thì tính nóng. Có vân như đốm da da thì gọi là hoàng trầm, đen như sừng trâu thì gọi là giác trầm, nhấm mềm mà gọt quăn thì gọi là hoàng lap trầm (thứ này khó được). Nổi thì gọi là tiền hương, nửa chìm thì gọi là tiền hương kê cốt hương, tuy chìm mà lòng rắn thì cũng không dùng được”

Và ông ghi nhanh thêm nhận xét của mình:

“Trộm ngờ kỳ nam hương tốt nhất là hoàng lap trầm, hạng thứ hai là hoàng trầm”.

Những tấm thẻ đã thấy nằm ngổn ngang trên án thư. Đêm đã khuya lắm¹⁹⁴. Nhìn những tấm thẻ và những túi gấm chứa thẻ đã căng đầy, Lê Quý Đôn hài lòng tưởng tượng đến một cuốn sách mới nữa, có thể lấy chất liệu từ đấy mà hoàn thành. Trong khi phác trong óc các chương mục của cuốn sách mới này, một cuốn sách đầu tiên ghi chép mọi mặt tình hình ở miền đất phía Nam của non sông, ông cũng nghĩ luôn đi một nhan sách để đặt cho công trình của mình. Có lẽ nên lấy tên sách là *Phủ biên tạp lục* - công trình ghi chép tổng hợp trong quá trình làm quan ở nơi cõi xa¹⁹⁵.

Trống canh ba đã điểm. Lê Quý Đôn xếp lại các tấm thẻ của mình rồi thổi tắt ngọn đèn thư phòng. Thanh thản đặt lưng xuống giường, trước khi nhắm mắt chờ giấc ngủ đến sau một ngày làm việc hết mình, khóe miệng của ông thoáng một nét cười. Nhà bác học nghĩ rằng ông đã không đến nỗi để uổng phí quãng thời gian phải lo các công việc triều chính ở chốn này...

196

VĂN LANG

BÙI THỊ XUÂN

I

Tiền ch ồng đem quân vào Diên Khánh đánh giặc Ánh tháng trước thì tháng sau Bùi Thị Xuân hay tin: gặp năm mất mùa dân đói, nhiều phủ huyện ở trấn Quảng Nam sinh loạn. Trấn thủ Quảng Nam khi ấy bất lực không kìm chế nổi. Vua Cảnh Thịnh lập tức triệu qu ần th ần tìm một người có tài trị nước vào thay trấn thủ Quảng Nam, để vỗ yên xã tắc. Tri ều th ần tiến cử Bùi Thị Xuân, một tướng tài đảm đương trọng trách ấy. Vua Cảnh Thịnh không nghi ngờ gì về tài c ần quân của Bùi Thị Xuân. Bởi vì, nữ tướng đã từng xông pha trăm trận, lập được công to từ thời vua cha còn sống. Nhưng Cảnh Thịnh còn nửa tin nửa ngờ về tài trị nước của Bùi Thị Xuân. Vua cho vời Bùi Thị Xuân tới, hỏi:

– Trấn Quảng Nam không yên, trăm rất lo, Nữ tướng sẽ làm thế nào trị được nạn trộm cướp, giúp dân an cư lạc nghiệp?

Cặp mắt đen lay láy của Bùi Thị Xuân thoáng bu ền :

– Tâu Hoàng thượng ! Vì mất mùa dân đói, quan lại không hết lòng thương dân nên sinh loạn.

Vị vua trẻ tuổi cắt ngang:

– Nữ tướng trước hãy đánh diệt bọn cướp rồi làm cho dân yên.

Bùi Thị Xuân vội đáp:

– Tâu Hoàng thượng! Người xưa nói: ai được nhân tâm thì hưng thịnh, ai mất nhân tâm thì tan vỡ. Ai cậy vào đức thì hùng cường; ai cậy vào sức

thì sẽ mất. Xem vậy, cần quân dẹp loạn không phải là kế hay mà tuyển dụng người hiền tài để dân được yên mới là điều nên làm..

Sửng sốt trước lý lẽ của Bùi Thị Xuân, vua Cảnh Thịnh tươi nét mặt:

– Trẫm nghe rất vừa ý. Việc cần kíp, nữ tướng hãy một phen vất vả vì trẫm. Cần gì, trẫm sẵn lòng giúp đỡ.

Bùi Thị Xuân từ tốn:

– Tâu Hoàng thượng! Trị loạn cũng như gỡ tơ rối không thể gấp. Thân thiếp chỉ xin các quan Thái sư, Ngự sử chớ lấy văn pháp mà cản trở thân thiếp được tùy nghi làm việc.

Ít ngày sau, Bùi Thị Xuân đem quân vào Quảng Nam. Viên Trấn thủ Quảng Nam cũ trước lúc bị cách chức đã nói nhỏ với Bùi Thị Xuân về mối lo dân chúng không còn tin tưởng vào triều đình nữa. Chính viên Trấn thủ già nua ấy đã thẳng thắn khuyên Bùi Thị Xuân hãy tránh xa triều đình Cảnh Thịnh để giữ lấy mình. Bùi Thị Xuân hiểu tâm trạng viên quan già nhưng chẳng đồng tình. Sự thật thì triều Tây Sơn sau khi vua Quang Trung băng hà đã nhanh chóng đi vào cái róp xấu : nạn bè phái tranh chấp, giết hại lẫn nhau. Cảnh Thịnh nối ngôi cha, còn ít tuổi, chỉ ham chơi bời. Quyên chính triều đình về tay Thái sư Bùi Đắc Tuyên, anh cùng cha khác mẹ với vua Cảnh Thịnh. Tuyên tác oai tác phúc làm cho mọi người oán giận. Lợi dụng cơ hội ấy, Nguyễn Phúc Ánh chia quân làm nhiều mũi tiến đánh Phan Ri, Nha Trang, Diên Khánh, Bình Khang, Phú Yên rồi thừa thắng kéo ra cửa Thị Nại. Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc sai thái tử là Nguyễn Bảo đem quân ra chống cự. Nguyễn Bảo thua trận phải chạy về Quy Nhơn. Quân bộ, quân thủy của Nguyễn Ánh liền kéo đến vây đánh Quy Nhơn¹⁹⁷. Nguyễn Nhạc cầu cứu vua Cảnh Thịnh. Cảnh Thịnh sai Phạm Công Hưng và Đặng Văn Trấn đem quân thủy, bộ cùng tiến vào Quy Nhơn. Nguyễn

Ánh hoảng hốt rút lui. Giải vây cho Quy Nhơn, Phạm Công Hưng ra lệnh tịch thu kho tàng và binh khí của vua Thái Đức. Nguyễn Nhạc uất giận thò ra máu mà chết. Nuôi chí chiếm Quy Nhơn, Cảnh Thịnh phong cho Nguyễn Bảo (con Nguyễn Nhạc) là Hiếu Công và cắt cho huyện Phù Ly làm thực ấp, và lần lượt cử bọn Bùi Đắc Trụ (con Bùi Đắc Tuyên) Nguyễn Văn Huấn và Lê Trung thay nhau trấn giữ Quy Nhơn, giám thị Nguyễn Bảo. Mẹ Nguyễn Bảo thấy thế tức giận bảo con: “Khai thác đất nước là công của cha mày, nay mày ăn lộc một huyện và chịu nhục, chẳng thà chết đi cho rồi”. Biết được ruột gan Nguyễn Bảo, Nguyễn Ánh xui giục Nguyễn Bảo làm phản chống lại triều Tây Sơn. Về sau, nhân nội tình triều Cảnh Thịnh lục đục, Nguyễn Bảo nổi lên chiếm Quy Nhơn, Phú Yên rồi viết thư xin đầu hàng Nguyễn Ánh, nguyện xin làm tướng tiên phong đánh quân Tây Sơn. Được tin ấy, Nguyễn Ánh vội sai Nguyễn Văn Thành đem quân đi tiếp ứng Nguyễn Bảo.

Nhưng quân Nguyễn Văn Thành chưa kịp tới thì Nguyễn Bảo đã bị quan Cảnh Thịnh kéo vào vây bắt ở Quy Nhơn rồi giết chết. Lê Trung là trấn thủ Quy Nhơn cũng bị giết. Trong lúc triều Cảnh Thịnh suy đốn, như thế, thì bọn quan lại ở các trấn đua nhau bóc lột, đục khoét nhân dân, lấy nê trấn áp cự đả họ Nguyễn ở Đàng trong và họ Lê ở Đàng ngoài, chúng thẳng tay hà hiếp, có khi tàn phá cả làng. Nhiều nơi, binh sĩ Tây Sơn trở thành nỗi kinh hoàng của dân chúng.

Đau lòng trước hiện trạng triều Tây Sơn, ôm nặng nỗi lo về nguy cơ suy vi của triều Cảnh Thịnh nhưng không giống viên cự trấn thủ Quảng Nam bê trễ, lảng tránh việc triều chính. Bùi Thị Xuân sẵn sàng đảm đương trọng trách, mong giữ vững kỷ cương phép nước, chỉnh đốn bộ máy quan lại, chăm lo sức dân, thu phục nhân tâm. Nội tình triều Cảnh Thịnh khiến

người chính trực đau lòng, nhân tâm ly tán. Nhưng Bùi Thị Xuân định ninh rằng dân chúng Quảng Nam không dễ quên công đức trời biển của hoàng đế Quang Trung xưa. Nếu vậy chẳng lẽ dân chúng lại không tha thiết gắn bó với triều Tây Sơn, không lo lắng cho vận nước, trong lúc quân Nguyễn Ánh ở Đàng trong, được bọn Tây Dương giúp tàu đò, binh khí sửa soạn đem đại quân đánh nhà Tây Sơn ?

Phải trấn yên xã tắc, thu phục lòng dân, với mong giữ được nước, bảo vệ được cơ đồ mà hoàng đế Quang Trung đã gây dựng. Nghĩ vậy nên ngay sau khi nhậm chức trấn thủ Quảng Nam, đốc suất đội quân 5 nghìn người phòng giữ thành phủ, Bùi Thị Xuân quyết định làm một việc mà chưa một viên Trấn thủ Tây Sơn nào dám làm, là tự mình đi thị sát khắp hạt để nghe ngóng tìm hiểu dân tình, cứu đói, chấn chỉnh việc coi quân trị dân của các viên quan phủ, huyện. Quế Sơn là huyện đầu tiên nữ tướng chú ý đến. Hôm về huyện, Bùi Thị Xuân và viên tướng tùy tùng đến địa phận Quế Sơn, viên huyện quan thân đem binh lính đón. Bùi Thị Xuân liếc cho lính trở về Đến huyện lỵ, Bùi Thị Xuân ra lệnh bãi bỏ các cuộc truy lùng bọn cướp và tuyên cáo: Hễ ai vác cây bừa, nông cụ được coi là dân lành, quan lại không được hỏi. Ai mang binh khí bị coi là trộm cướp, sẽ bị nghiêm trị. Đồng thời Bùi Thị Xuân mở kho phát chẩn cho dân đói. Ai già cả tật bệnh cho gấp đôi. Thấy viên huyện quan có hành động mờ ám, chiếm công vi tư, ăn của hối lộ, Bùi Thị Xuân thẳng tay cách chức, chọn người tài đức lên thay.

Bằng sự quyết đoán táo bạo: cách chức bọn quan lại thối nát, bãi bỏ các cuộc truy lùng bọn cướp, tỏ cho bọn cướp biết mình không bị coi là trộm cướp, mở đường cho dân lần đường trở về với đời sống lương thiện, thẳng tay trừng trị những ai cố tình gây rối, nạn trộm cướp ở Quế Sơn đã

chấm dứt, dân chúng yên ổn, vui vẻ làm ăn. Bùi Thị Xuân còn đặc biệt nêu cao gương kiệm ước, khuyến khích dân tăng gia, trồng màu, bắt mỗi nhà phải nuôi lợn, nuôi gà. Vì vậy, cả vùng Quế Sơn vui theo nghề nông, mùa màng bội thu, nhà nào cũng có thóc chứa. Tiếng tăm quan tâm trăn thủ biết thương dân, có đức rộng rãi lan rộng khắp Quảng Nam, Uy danh, tài trí của Bùi Thị Xuân trở thành niềm tin yêu và tự hào của dân chúng Quảng Nam. Được một người xuất chúng như thế trị nhậm, trấn Quảng Nam được yên.

*

* *

Trở về thành Quảng Nam sau chuyến đi thị sát dài ngày. Bùi Thị Xuân bỗng nhận được tin dữ: triều Cảnh Thịnh sinh đại biến. Người báo tin ấy cho Bùi Thị Xuân chính là viên phó tướng mà Bùi Thị Xuân phái về kinh thành Phú Xuân¹⁹⁸, hồi tháng trước để lo đề phòng ảm cho binh sĩ. Viên phó tướng kể lại rằng: triều Cảnh Thịnh trở nên xấu khi thái sư Bùi Đắc Tuyên¹⁹⁹ chuyên quyền gọi Đại tư đồ Vũ Văn Dũng ở Bắc hà về Phú Xuân và cho Đại Tư mã Ngô Văn Sở ra thay. Vũ Văn Dũng về đến trạm Hoàng Giang thì gặp Trần Văn Kỷ bị đày ở đó. Kỷ đang căm tức Bùi Đắc Tuyên, liền khuyên Dũng kéo quân về Phú Xuân bắt Tuyên. Vốn nghi ngờ Tuyên hại mình, Vũ Văn Dũng nghe lời Kỷ, đem quân về Phú Xuân bắt toàn bộ gia quyến Bùi Đắc Tuyên. Dũng lại làm chiếu giả cho người ra Bắc hà đòi Ngô Văn Sở về và cho quân vào Quy Nhơn bắt con trai Bùi Đắc Tuyên là Bùi Đức Trụ đang giữ chức lưu thủ ở đó. Vũ Văn Dũng kết tội những người thuộc phe cánh đối địch với mình là phản bội rồi lần lượt bỏ rọ dìm

xuống sông cho chết hết. Sau đó Dũng cho mời Trần Văn Kỷ ở Hoàng Giang về giữ chức trung thư lệnh như trước.

Kể lại đầy đủ, rành mạch câu chuyện đã xảy ra, viên phó tướng của Bùi Thị Xuân nói thêm:

– Mưu độc của quan Đại Tư đồ chắc không chỉ có vậy. Tôi ngờ rằng đối với chủ tướng và quan thiếu phó Trần Quang Diệu, quan đại tư đồ vì sợ mà chưa dám hành động. Vậy chủ tướng nên tìm kế đề phòng kéo nguy hại đến tính mạng.

Đôi mắt to đen rất đẹp của Bùi Thị Xuân rực lửa:

– Cảm ơn nữ tướng đã cho ta hay một tin hệ trọng. Cũng không phải bây giờ ta mới biết bụng dạ lũ người ấy. Chỉ buồn là giặc Ánh thì quý quyết, đang mưu lật đổ cơ nghiệp nhà Tây Sơn mà triều đình lại chẳng thuận hòa. Đã vậy, vua lại không quyết đoán, thường dùng người thiên lệch. Nếu ta cũng chỉ lo việc kết bè đảng, không lo việc đánh giặc, húc đầu vào sát phạt nhau thì họa mất nước thực chẳng còn xa.

Viên phó tướng giọng buồn buồn:

– Lo giữ nước là việc hàng đầu nhưng xin chủ tướng chớ quá coi thường phái quan đại đô đốc.

Bùi Thị Xuân phác một cử chỉ kiên quyết:

– Ta đã không chết khi theo tiên đế đánh Nguyễn diệt Trịnh cả phá giặc Xiêm, giặc Thanh, lẽ nào ta lại chết trong tay lũ phản nghịch – chẳng lẽ Hoàng thượng không áp chế nổi lũ bất nhân khi chính Hoàng thượng đã trao binh quyền cho vợ chồng ta? Nhược bằng hoàng thượng dõng dạc nghe bọn người ấy bắt ta phải chết thì chính ta xin được chết trước trận tiền, trước ba quân để báo đền ơn nước.

Mặc dù nói vậy nhưng thực sự tình thế đặt Bùi Thị Xuân ở hoàn cảnh khó xử. Vốn là cháu quan thái sư Bùi Đắc Tuyên, và cũng như chồng, ít nhiều đứng về phía Bùi Đắc Tuyên cho nên lấy phái mình bị diệt, Bùi Thị Xuân vô cùng căm giận. Nhưng trước họa giặc Ánh đang lâm le đánh ra nhiều nơi, Bùi Thị Xuân cân nhắc nên ở lại giữ thành Quảng Nam phòng giặc bất thần đánh ra hay đem quân hồi triều hỏi tội lũ rã rối triều chính? Suy đi tính lại, Bùi Thị Xuân thấy rõ, đem quân hồi triều lúc này là trái lệnh vua. Vả, việc làm ấy sẽ kinh động triều đình, lòng dân dễ nản. Xét cho cùng, nếu cuộc đụng độ ấy phải xảy ra thì kẻ có lợi lại chính là giặc Ánh. Cho nên, một mặt Bùi Thị Xuân gấp cho người đi Diên Khánh báo tin cho Trần Quang Diệu; mặt khác, nữ tướng thân lên mặt thành đôn đốc việc canh phòng và phái đội thám mã săn sóc về hướng giặc.

Quả nhiên, lợi dụng triều Cảnh Thịnh lục đục, Nguyễn Ánh cử Nguyễn Văn Thành, Võ Tánh đem quân đánh Phú Yên, còn tự mình đôn đốc xuất quân thủy, bộ ra đánh Quy Nhơn. Đến Quy Nhơn, thấy lực lượng quân Tây Sơn còn mạnh, Nguyễn Ánh bỏ Quy Nhơn, xuất kỳ bất ý đem quân đánh Quảng Nam. Vì đã chú ý đề phòng nên đội thám mã của Bùi Thị Xuân đã phát hiện được quân Ánh từ khi chúng còn ở Bản Tân.

Giữa lúc đang tính kế đánh Nguyễn Ánh thì một việc khẩn cấp lại xảy đến. Ngay ngày hôm ấy, viên nữ tướng Tây Sơn nhận được chiếu chỉ của vua Cảnh Thịnh thúc phải hồi triều.

– Việc gì đã xảy ra ở kinh đô. Bùi Thị Xuân nâng chiếu chỉ đặt trên án thư, hỏi viên tướng tùy tùng - Việc triệu hồi này có phải là mưu Vũ Văn Dũng định hại ta chăng?

Viên tướng tùy tùng, giọng ái ngại:

– Có thể nào chủ tướng cũng thoái thác không về vội, phòng bất trắc.

Bùi Thị Xuân nóng nảy:

– Trong tay có đội nữ binh thiện chiến, dốc lòng vì vua vì nước, lũ gây rối triều đình chỉ như cá nằm trên thớt, mà kẻ cậ̀n đao lại là ta. Song ta bận tâm về chuyện khác. Người không hay biết Nguyễn Ánh đã đem quân ra đó sao? – Chợt Bùi Thị Xuân hỏi: phó tướng còn trong quân doanh không?

– Thừa chủ tướng! nữ tướng Lộc vừa ra ngoài thành theo lệnh của chủ tướng.

– Vậy, người triệu các đội trưởng lại ngay.

Chỉ một lúc sau, các đội trưởng, về mặt căng thẳng đã đến đủ. Bùi Thị Xuân lướt nhìn các khuôn mặt thân thiết, những cặp mắt dò hỏi, giọng chắc nịch:

– Nội nhật ba ngày nữa, vâng theo chiếu chỉ của Hoàng thượng, chúng ta phải đem binh trở về Phú Xuân. Vậy các người hãy chào dân, thu xếp lương ăn, lau chùi binh khí sẵn sàng đợi lệnh ta.

Một đội trưởng không kìm được sự sửng sốt :

– Thừa chủ tướng chúng ta bỏ thành này và...

– Phải theo lệnh Hoàng thượng – Bùi Thị Xuân không muốn để viên đội trưởng nói đến việc đánh giặc Ánh, nên cắt ngang - nếu không thì còn gì là kỷ cương nữa.

Các đội trưởng hiểu rõ phong cách đối xử bất thường của chủ tướng họ ạ̉n một cái gì hệ trọng chưa thể tiết lộ được, nên đã kìm nổi bản khoăn ra về. Đọc được những ý nghĩ ấy trong cái nhìn ngơ ngàng, nhưng biết tự kìm chế của các đội trưởng, Bùi Thị Xuân thấy lòng ạ̉m ạ̉p, hơn thế, một nỗi xúc động tràn ngập đến trào nước mắt. Chính tình thương yêu, sự gắn bó, nỗi cảm thông của các viên đội trưởng và tất cả nữ binh, đã nâng bổng

tâm hồn viên nữ tướng, khích lệ viên nữ tướng ném tất cả sự khôn ngoan, sáng suốt và táo bạo để đánh thắng kẻ thù. Bây giờ cũng vậy, trước kẻ thù nham hiểm, lọc lõi, trước sự dồn ép của mệnh lệnh từ triều đình Cảnh Thịnh, chính tình thương yêu đồng đội bắt ngu ồn từ nghĩa lớn: mưu cảnh thịnh trị, thái bình, trong ấm ngoài êm cho muôn họ, đã tiếp cho Bùi Thị Xuân đủ sự thông minh để quyết định trong một thời gian ngắn nhất sẽ làm được cả hai việc: đánh Nguyễn Ánh và hỡi triều. Trong khốn khó mới tỏ được trí khôn. Một kế đánh táo bạo đã nhanh chóng được xếp đặt trong đầu viên nữ tướng.

Có tiếng chân người gấp gáp, bước tới. Viên phó tướng của Bùi Thị Xuân, mặt đỏ gay tiến vào hỏi:

– Thừa chủ tướng! Chủ tướng định đem quân hỡi triều sao ?

Bùi Thị Xuân từ ngạc nhiên đến thích thú trước sự nổi nóng bất thường của viên phó tướng:

– Vậy, ý nữ tướng khác thế chẳng?

– Xin chủ tướng nghĩ lại. Tướng ở ngoài triều có quyền tự ý hành động. Chúng ta không thể mang tiếng hèn nhát chạy giặc.

Bùi Thị Xuân bật cười:

– Nữ tướng cũng hiểu lầm bụng ta. Vậy, trận này giặc Ánh tất phải mảnh giáp không còn. Ta muốn làm kiêu lòng giặc mà tuyên ngôn vậy thôi.

Chợt hiểu, phó tướng Lộc ngượng ngập cúi đầu.

*

* *

Quả như dự đoán của Bùi Thị Xuân, sau khi biết tin viên nữ tướng Tây Sơn sửa soạn đem binh h ồi tri ầu, Nguyễn Ánh cho là Bùi Thị Xuân không phòng bị, lập tức hành quân gấp tiến đánh Quảng Nam. Nhưng trận ác chiến đã diễn ra hoàn toàn đảo ngược với những tính toán của Nguyễn Ánh. Trên đường quân Ánh tiến tới thành Quảng Nam, chúng đã bị đội quân thiện chiến của viên nữ tướng Tây Sơn phục đánh đúng chỗ mà Bùi Thị Xuân đã chọn.

Trận ấy, Nguyễn Ánh đi đoạn hậu may mắn thoát chết. Nhưng mỗi nhục thua cả trí lẫn tài người nữ tướng Tây Sơn đã khiến cho Nguyễn Ánh lòng lộn tức tối. Dem tàn quân rút về đến Gia Định, Ánh nói phao lên rằng quân hấn vì hết lương nên không cốt chiếm Quảng Nam, giấu biệt trận thua đau bất ngờ. Lập được công lớn, tên tuổi Bùi Thị Xuân nổi lên như sóng c ần. Những kẻ ghen ghét Bùi Thị Xuân ở tri ầu thấy vậy tìm cách gièm pha, cốt hại Bùi Thị Xuân. Quan Thiệu Bảo Nguyễn Văn Huấn sau khi được Vũ Văn Dũng phải đi ám hại Trần Quang Diệu không thành đã nhân cơ hội ấy, vu khống với vua rằng: Bùi Thị Xuân cậy có chút công với tiên đế, ý quy ền trấn thủ Quảng Nam đi kinh lý các nơi tha hồ lộng hành cách chức người chính trực, mưu kết bè đảng, xem ra hành động có phương lược lắm. Đã thế, Bùi Thị Xuân lại tự phụ, cưỡng mệnh Hoàng thượng không chịu h ồi tri ầu. Người như vậy phải trừ đi, phòng hậu họa.

Vua Cảnh Thịnh cả nghe Nguyễn Văn Huấn, lần thứ hai xuống chiếu triệu Bùi Thị Xuân h ồi tri ầu.

Chiếu chỉ của vua Cảnh Thịnh tới Quảng Nam thì Bùi Thị Xuân lại được tin dữ : Trần Quang Diệu đã đem quân từ Diên Khánh về dàn trận đánh nhau với Vũ Văn Dũng ở Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh phải thân ra

khóc lóc, dàn xếp mới tránh cuộc xung đột đổ máu giữa hai viên hõ tướng triều đình.

Bùi Thị Xuân để lại ba nghìn quân do phó tướng Lộc ở lại giữ thành, còn mình đem hai nghìn quân trở về Phú Xuân.

II

Về đến kinh thành, hay tin quan Thiều phó Trần Quang Diệu và quan Đại tư đồ Vũ Văn Dũng vì nước đã xóa bỏ hiềm khích, và được vua Cảnh Thịnh cử đem đại quân tiến vào khôi phục thành Quy Nhơn vừa bị mất, Bùi Thị Xuân lo lắng vào chầu vua ngay.

Vừa thấy Bùi Thị Xuân, vua Cảnh Thịnh làm mặt giận:

– Vẫn biết tướng ngoài triều không cần phải theo mệnh vua. Nhưng triệu khanh về là vì việc quân quốc trọng sự. Vậy nhà trẫm phải đêm ngày thấp thỏm lo lắng, là nghĩa làm sao ?

Bùi Thị Xuân sụp lạy :

– Muôn tâu Hoàng Thượng! Thần thiếp tài hèn đức mỏng, xin khầu đầu trước bệ rồng chịu tội.

Vua Cảnh Thịnh nổi giận:

– Bọn khanh cậy có chút công với tiên triều nên có bụng tự phụ cho mình là tài giỏi, khinh thường các đại thần, xem nhẹ lệnh trẫm ?

Bùi Thị Xuân ngõ ngàng:

– Tâu Hoàng thượng. Thần thiếp mà có bụng ấy xin không được trông thấy mặt rồng một lần. Huống hồ, thần thiếp đã làm gì nên công. Thần

thiếp ngỡ rằng lũ xấu bụng đã tâu lên Hoàng thượng những điếu dối trắng thay đen để làm hại người ngay thẳng.

Vua Cảnh Thịnh nổi nóng:

– Người hãy trả lời ta, từ ngày cử người vào trấn thủ Quảng Nam, có phải người chỉ lo cố kết bè đảng, mua chuộc lòng dân, tạo uy tín cho riêng mình hay không? Người đem binh về chằm là vì có gì? Người biết ta nể vì bọn người nên lên mặt quá trớn chăng ?

Bị oan ức nhưng Bùi Thị Xuân không phải là người nói giỏi, càng không phải là người nói khéo. Hơn thế, cũng như chồng, nữ tướng không muốn vì để minh oan lại làm tổn hại đến việc mình đang theo đuổi là tạo nên sự đồng tâm nhất trí trong triều đình, nhằm đối phó với giặc. Vì vậy, sau một phút yên lặng, nữ tướng nước mắt rơm rớm tâu:

– Thần thiếp được Hoàng thượng phó thác cho việc coi quân trị dân đâu dám không rủ lòng thương yêu muôn dân, không theo đạo nhân nghĩa của Hoàng thượng để biến ý đáng tối thượng thành ý dân. Thiết nghĩ, nếu thần thiếp làm việc theo ý mình, trái lòng người, che ác với vua, kết bè đảng, vụ lợi cho riêng mình, không thích nghe thích xét mọi nguyện vọng của muôn dân, để dân oán triều đình, ấy mới là tội. Thần thiếp lo cố kết lòng dân, khuyến khích lòng trung quân ái quốc của trăm họ chính là để tạo cho thế nước ở đỉnh cao ngàn trượng, đủ sức tự giác chứ đâu phải thần thiếp không biết xả thân vì vua vì nước.

Lại nữa, trong lúc quân giặc do đích thân Nguyễn Ánh tiến đánh thành Quảng Nam, thần thiếp lo đánh tan giặc rồi hỡi triều, tưởng cũng là việc nên làm chứ đâu phải dám xem thường thượng lệnh.

Vua Cảnh Thịnh ngẩn người:

– Khanh nói sao? Nguyễn Ánh tiến binh ra bao giờ ?

– Trước lúc thần thiệp đem binh hỡi triều, mấy nghìn quân của Ánh đã áp đánh thành Quảng Nam, thần thiệp ân hận đã để Ánh và lũ tàn quân chạy thoát.

Vua Cảnh Thịnh sửng sốt, dịu giọng:

– Lạ thật! Chuyện thế mà sao khanh không tâu ngay để trẫm rõ đầu đuôi sự thật ?

Vừa nói xong không đợi trả lời, vội rời ngai vàng đi bách bộ trong tòa điện lớn. Dường như ông vua trẻ sao nhãng việc triều chính suy nghĩ lung lắm. Một lúc lâu, vua dừng lại ngắm nhìn Bùi Thị Xuân, giọng nhẹ nhàng:

– Khanh có biết trẫm triệu khanh về vì có gì không ?

Bùi Thị Xuân lặng lẽ cúi đầu.

– Bọn giặc Ánh đang sửa soạn đại binh đánh ra, mà thực là khanh đã đánh lui giặc. Ánh đặc chỉ được bọn Phú-lăng-sa²⁰⁰ trợ giúp binh sĩ, tàu đồng, vũ khí tưởng có thể nuốt trôi được ta. Chúng dám to gan mưu lấy đất Quy Nhơn, gây mối lợi về sau. Bởi thế, trẫm đã phái quan thiếu phó cùng Đại tư đồ Vũ Văn Dũng đem đại binh tiến vào Quy Nhơn. Triệu khanh về là để giữ kinh thành, phòng giặc liều mạng đánh ra.

– Muốn tâu Hoàng thượng !Thần thiệp đêm ngày lo đi đầu ấy. Nhưng giữ kinh thành là việc lớn, phận nữ nhi đâu có đáng được !

– Khanh quá nhún mình. Trẫm nghĩ kỹ rồi, làm tướng bản triều không ai hơn được khanh. Giao cho khanh việc lớn là để đền ơn tiên đế và báo ơn cho trẫm vậy.

– Muôn tâu Hoàng thượng !Nước mạnh không cần xây nhiều thành trì. Bởi thành trì kiên cố nhất lại chính là lòng dân. Trước họa giặc Ánh, cốt

quân dân một lòng, trên dưới thuận hòa mới là kế giữ nước lâu bền. Làm nên công lớn đâu phải sức một người, huống hồ là thần thiếp!

Vua Cảnh Thịnh hỏi Bùi Thị Xuân:

– Bây giờ giặc Ánh to gan, vận nước như trứng về đầu dằm. Vậy Khanh có hiến kế gì để yên lòng trăm không?

Bùi Thị Xuân tâu:

– Trăm họ ai cũng có lòng trung quân ái quốc, một lòng nhớ ơn tiên đế, sẵn lòng sống chết cho triều Tây Sơn. Nhưng bao năm chinh chiến, sức dân đã kiệt, quan lại không hết lòng thương dân nên không tránh khỏi tiếng oán than triều đình. Bởi vậy, đi đâu cốt yếu lúc này phải khoan nói sức dân. Những kẻ cư quan nhiệm chức trong triều, ngoài trấn đã cốt vì thiên hạ giết giặc tàn ác thì nên ăn ở theo lối mộc mạc để tỏ cái đức của mình, mới mong làm gương cho dân chúng. Thứ nữa, Hoàng thượng nên truyệ̀n hịch kẻ tội giặc Ánh hai lần rước voi về giày m̀, khích lệ trai tráng đầu quân thì chẳng mấy chốc, Hoàng thượng sẽ có một đạo binh lớn, hết lòng vì nước, giặc Ánh phỏng làm được gì ?

Vua Cảnh Thịnh h ồ hỏi:

– Khanh đã vén cho trăm một đám mây mờ. Trăm sẽ truyệ̀n hịch cho dân chúng. Khanh là tướng nên dốc lòng giúp trăm chuyển binh, luyện quân cho tinh.

Bùi Thị Xuân mệt mỏi cáo lui.

*

* *

Triều Tây Sơn phạm phải một sai lầm về chiến lược. Vì cay cú quyết chiếm bằng được thành Quy Nhơn vừa bị mất, nên Cảnh Thịnh đã cho Trần Quang Diệu đem 10 vạn tinh binh, Vũ Văn Dũng mang hầu hết chiến thuyền của Tây Sơn vào bao vây Quy Nhơn. Phú Xuân vì vậy, bỗng trở nên sơ hở. Bùi Thị Xuân thấy được sai lầm ấy nhưng vì không có toàn quyền hành động nên viên nữ tướng lo lắng tuyển quân, huấn luyện tân binh, sẵn sàng bước vào trận thử lửa.

Giữa một ngày đang luyện quân, Bùi Thị Xuân kinh hoàng hay tin thành Quảng Nam bị tướng giặc Tôn Thất Hội đem quân tiến đánh. Lo lắng cho tính mạng hàng ngàn nữ binh thân yêu của mình ở đó, Bùi Thị Xuân xin vua hành quân thần tốc vào cứu viện. Diệt được giặc, nhưng trên đường trở về Bùi Thị Xuân được tin Nguyễn Ánh, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành thống lĩnh 1.000 chiến thuyền vượt biển đang đánh vào cửa Thuận An²⁰¹. Lập tức Bùi Thị Xuân thúc quân tiến gấp. Tin dữ do thám mã báo về, quân Tây Sơn do Phò mã trị trấn của Thuận An đã bị vỡ. Vua Cảnh Thịnh hiện đang thân đốc suất quân Tây Sơn cự giặc ở ngoài thành Phú Xuân. Rồi vua Cảnh Thịnh bị hãm trong vòng vây của quân giặc. Kịp về đánh tập hậu vào đội hình quân giặc, cứu vua thoát chết, nhưng rồi chính Bùi Thị Xuân và đội nữ binh thiện chiến lại bị quân Ánh trùng trùng điệp điệp bủa vây.

Bị thua trận, lại mất tướng tài, Vua Cảnh Thịnh sau đấy, bỏ chạy ra Thăng Long.

*

* *

Từ ngày vua Cảnh Thịnh đem tàn quân chạy ra Thăng Long, ở các phố phường, các chợ bồng lan truyền một bài thơ :

Trên trời có đám mây xanh

Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng

Trong cơn sóng gió phũ phàng

Ai người chèo lái vững vàng hỡi ai.. ?

Bài thơ hàm ý lo cho vận nước ấy khiến vua Cảnh Thịnh càng buồn phiền. Bởi vì đã mấy tuần trôi qua, ông vua trẻ cùng đám cận thần bạc nhược ấy chưa biết xoay sở, cứu vãn tình thế bằng cách nào. Cực chẳng đã, Cảnh Thịnh quyết định thiết đại triều để bàn kế giữ nước. Giữa lúc hiệu lệnh thiết triều nổi lên thì từ phía Nam thành, một đội nữ kỵ sĩ mặc võ phục đỏ đang phóng tới. Người chủ tướng của đội nữ binh ngồi trên bành con voi độc ngà, tay trái bị thương đã được băng bó. Đến khu vực hoàng thành, viên nữ tướng cho quân dừng lại nghỉ ngơi rồi một mình xốc kiếm đi vào hoàng cung. Vừa tới cửa cấm, viên nữ tướng bị quân canh ngăn lại. Làn da mịn màng trên khuôn mặt đôn hậu và thông minh của viên nữ tướng bỗng đỏ bừng:

– Ta vào bệ kiến Hoàng thượng bàn kế đánh giặc.

Toán lính cấm vệ cười ngặt nghẽo:

– Bản triều chỉ có một nữ tướng, kiệt tài tên là Bùi Thị Xuân thì người ấy đã liêu minh cứu vua rồi. Nhà người định dọa chúng ta phải không?

– Chính ta là Bùi Thị Xuân đây. Nữ tướng đồng dạ đáp.

Nghe vậy toán quân cấm vệ ngậy người sừng sốt. Bùi Thị Xuân sai những bước dài đi qua toán quân cấm vệ. Vừa đến thềm điện, Bùi thấy hai hàng đại thần vẻ mặt nghiêm trang, thành kính đang hướng về phía vua

Cảnh Thịnh. Ngự trên chiếc ngai bằng gỗ tứ thiết bóng lộn như sừng, vẩy rờng lấp lánh ánh bạc dát vào, vua Cảnh Thịnh tư lự đăm chiêu nhưng vẫn không giấu được nét trẻ trung hơn cả tuổi 20 của mình. Sau một giây cân nhắc, Bùi Thị Xuân lấy lại tự nhiên, tiến về phía vua.

Tiếng xì xào bỗng nổi lên. Vua Cảnh Thịnh xoay người.

– Muôn tâu Hoàng thượng – Bùi Thị Xuân quỳ xuống-Thần thiếp từ Phú Xuân xin vào ra mắt Hoàng thượng.

Sau phút kinh ngạc, vua Cảnh Thịnh vỗ ngai đứng dậy, thân đỡ Bùi Thị Xuân, giọng lạc đi:

– Khanh vẫn còn sống đó ư ? Trăm đêm ngày thương tiếc. Nếu không có khanh đem quân cứu giá hôm ấy, trăm đã nguy khốn rồi. Chuyện đầu đuôi thế nào mà người ta tâu với trăm khanh bị vây hãm rồi bị giết.

– Tâu Hoàng thượng! Sau lúc cố sức đánh không để giặc xúc phạm tới Hoàng thượng, thần thiếp cùng đội nữ binh ra sức cự địch ngăn không cho giặc chiếm kinh thành, chờ viện binh tới. Về sau, được tin Hoàng thượng đã ra Bắc Hà, thần thiếp liệu sức mình không cự nổi nên cũng thu quân. Giặc Ánh cậy có mấy nghìn lính Phú-lãng-sa trong tay, điều võ dương oai vậy thôi, chứ võ nghệ lũ ấy xem ra cũng rất thường.

Vua Cảnh Thịnh an ủi:

– Thôi, còn tướng, còn quân sĩ là còn có cơ khôi phục kinh thành. Trong lúc quốc nạn này- Cảnh Thịnh tiếp-các khanh phải vì trăm nghĩ kế giữ nước. Trăm lâu nay, ngày quên ăn đêm quên ngủ cũng vì việc lớn còn canh cánh bên lòng.

Một viên đại thần bước ra tâu :

– Cứ theo ý ngu thần thì một khi đã dời đô ra Thăng Long này thì đất Thuận Hóa khó mà giữ được. Lúc lâm chung, tiên vương dặn các tướng phải sớm giúp Hoàng thượng dời đô ra Phụng Hoàng trung đô²⁰². Xem vậy, ngay cả tiên vương cũng không trọng đất Thuận Hóa. Lại nữa, Thuận Hóa vốn xưa không phải là đất triều Lê. Các vua Lê phí bao nhiêu của cải mới lấy được xứ ấy rồi lại vẫn không giữ được. Cho nên mất cũng là may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đem quân trấn giữ Nghệ An và phái người giao hoạt đi gặp Nguyễn Ánh phân rõ cương vực từ đất ấy. Nếu ta lấy sự mất đất Thuận Hóa làm may, ắt Ánh phải coi sự lấy đất của ta làm điếu đáng ngại. Đó là kế vẹn toàn nhất.

Viên đại thần nói xong lui xuống, về tự đắc. Nhưng y đã sầm mặt lại khi bắt gặp cái nhìn nảy lửa tỏ rõ sự khinh bỉ của Bùi Thị Xuân. Cùng lúc ấy, một đại thần khác, tâu :

– Lời tâu của vị đại quan vừa rồi khác nào cú đầu hàng giặc. Giặc Ánh đã đánh Phú Xuân, tất ngày một ngày hai sẽ đánh Nghệ An rồi đánh cả Thăng Long này nữa. Cho nên, muốn giữ được nước phải nghĩ kế phá giặc. Muốn phá giặc phải dụ chúng đến chỗ mình muốn đánh. Điều kế để đánh được giặc Ánh là dụ chúng ra Bắc Hà. Thử hỏi, nếu ta có cả chục vạn quân dàn đầy xung quanh Thăng Long, lại cử các tướng đốc lĩnh các quân thủy đạo chặn giặc từ sông Luộc. Khi ấy, thế giặc kéo ra Bắc Hà chỉ như thế muỗi đội núi, tránh sao khỏi bị diệt.

Nhiều tiếng xì xào nổi lên. Vua Cảnh Thịnh tỏ rõ sự lúng túng trước những lời tâu ấy. Còn Bùi Thị Xuân, viên nữ tướng thấy máu nóng chảy rần rập khắp người. Và, trong nỗi giận không kìm được, Bùi Thị Xuân cất giọng lạnh lạnh:

– Muôn tâu Hoàng thượng! Thần thiếp chưa biết các vị văn quan này được Hoàng thượng sủng ái đến bậc nào nhưng thần thiếp xin mạo muội tâu rằng: vị trước thì hiển kế dâng đất cho giặc, vị sau thì nói đến phá giặc nhưng thực là không dám cự giặc. Trong lúc vận mệnh đất nước ngàn cân treo sợi tóc, giặc thì quỷ quyết hung hãn, kế sách ấy khác nào giờ giáo đón giặc. Cho nên, thần thiếp cúi đầu xin Hoàng thượng bỏ ngoài tai những lời tâu không đúng phẩm giá của người trượng phu trong đạo thờ vua giúp nước.

Cả cung điện im lặng đến căng thẳng.

Viên đại thần tâu lúc đầu, giọng khinh khỉnh:

– Tâu Hoàng thượng ! Thần xem ra cách ăn nói của Bùi nữ tướng có vẻ tự đắc và hàm hồ vậy đấy !

Bùi Thị Xuân xoay người, nhìn thẳng vào mặt viên quan rồi ngược lên nhà vua :

– Thần tiếp xin Hoàng thượng hãy truyệ̀n hịch động binh, vời lính các trấn vệ̀ họp sức tiến vào Phú Xuân quyết chiến với giặc. Để chắc thắng, Hoàng thượng nên mật sai người truyệ̀n lệnh cho quan Thiệu phó và quan Đại tư độ̀ cùng đem binh từ Quy Nhơn đánh ra. Bị kẹp giữa hai đạo binh lớn, Nguyễn Ánh và bọn Phú lạ̃ng sa có phép tàng hình cũng không thoát chết. Việc khẩn cấp, xin Hoàng thượng quyết đoán một lần.

Lý lẽ sắc bén của Bùi Thị Xuân đã cảm hóa được đa số các văn quan võ tướng. Vua Cảnh Thịnh cũng lộ rõ sự thiện cảm đặc biệt đối với viên nữ tướng bỗng dưng có tài hùng biện. Bởi vậy, vua truyệ̀n:

– Ngay ngày hôm nay, trẫm sẽ truyệ̀n hịch phủ dụ dân chúng và điệ̀u binh các trấn vệ̀ họp sức chờ ngày xuất quân đánh giặc. Trẫm cũng kịp

phái lính cảm tử đem mật chiếu báo cho đạo quân ở Quy Nhơn biết mà phối hợp đánh về Các khanh hãy vì trẫm dẹp mối hiềm khích, dốc lòng dốc sức cho việc lớn mau thành. Được như vậy cũng là phúc lành cho dân vậy.

Nói rồi vua Cảnh Thịnh truyền lệnh bãi triều.

*

* *

Cũng từ sau buổi thiết đại triều ấy, lần đầu tiên Bùi Thị Xuân được vua Cảnh Thịnh trọng dụng, giao cho nắm giữ binh quyền như một đại tướng. Vua lưu Bùi Thị Xuân ở ngay trong cung để tiện bàn bạc. Và đầu mùa đông năm ấy, một kế đánh quy mô thu hút hơn 3 vạn quân thủy bộ đã được Bùi Thị Xuân phác họa, vua Cảnh Thịnh chuẩn y. Đạo quân ấy do Bùi Thị Xuân làm tướng tiên phong, vua Cảnh Thịnh thân đốc suất trung quân. Đạo quân này sẽ đánh thẳng vào quân bản bộ của Nguyễn Ánh ở lũy Trấn Ninh²⁰³. Đạo quân thủy do Đại Đô đốc Nguyễn Thận thống lĩnh sẽ đem chiến thuyền đánh thủy quân giặc ở sông Gianh. Hai đạo quân ấy rời Thăng Long đầu tháng Một năm 1801.

*

* *

Được bọn đạo trưởng Phú-lăng-sa ở Bắc Hà thông báo kịp thời mọi hành động của quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh vội chiếm lũy Trấn Ninh và

đi đầu đến lũy một đạo quân còn đông hơn quân Tây Sơn. Vốn là người có kinh nghiệm cầm quân, Ánh để Đặng Trần Thường trấn giữ mặt Tây, Nguyễn Văn Thành giữ mặt giữa, còn đích thân Ánh thống lĩnh đại binh giữ mồm xung yếu nhất ở Trấn Ninh. Hơn một nghìn lính Phú lãng sa tăng cường cho đạo quân của Ánh. Trên Sông Gianh ken đặc thuyền chiến và tàu đồng, tướng giặc giỏi thủy trận Tường Quang hầu đích thân đốc suất. Quân Ánh chẳng những không bị bất ngờ mà còn sẵn sàng giáp chiến với quân Tây Sơn.

Sáng ấy, khi Ánh cùng đám vệ sĩ lên ngựa đi lại đầu lũy thì trời đã sáng rõ. Ánh dừng lại bên một khẩu thần công, căng mắt quan sát phía trước. Ánh bỗng kêu lên:

– Quân Tây Sơn.

Nghe tiếng kêu của Ánh lại thấy quân Tây Sơn trùng trùng điệp điệp kéo tới, một võ sĩ của Ánh hốt hoảng đánh rơi kiếm.

Quay nhìn tên võ sĩ, Ánh rít giọng hỏi:

– Người sợ phải không ?

– Tâu Chúa thượng !...

Tên võ sĩ chưa nói hết câu, Ánh đã vung kiếm chém đứt đầu. Đạp vào cái xác đầm đìa máu, Ánh đi đến tận, mặt lạnh như tiền quay lên nhìn. Quân Tây Sơn đã tản ra dàn hàng ngang đông đặc ven đồng. Máy chục khẩu thần công chĩa nòng lên lũy cũng đang thận trọng tiến lên.

Cụm quân Phú lãng sa bỗng nhốn nháo. Những tên hăng máu xô xô chỉ trở. Bọn chỉ huy đã phải dùng đến súng, cùi tay để giữ kỷ luật. Ánh bắn pháo hiệu rồi nhìn khắp loạt từng dãy quân sĩ của hắn đã ken đặc trên từng bậc lũy.

Bên Tây Sơn, trận địa cũng đã được phân rõ. Vua Cảnh Thịnh đốc suất gần hai vạn quân men theo cánh đồng, đánh vào giữa lũy. Bùi Thị Xuân thống lĩnh một vạn quân đánh vào mặt lũy kiên cố nhất, giáp làng Trấn Ninh, nơi Nguyễn Ánh đang trấn giữ. Nguyễn Ánh ra lệnh cho mấy chục khẩu thần công bắn thị uy khi thấy viên nữ tướng Tây Sơn cưỡi voi trận dẫn đầu dòng thác quân Tây Sơn đang ào ào tiến về phía hấn. Đạn quân Ánh rơi xuống trước quân Tây Sơn. Đất đá tung lên rào rào. Trên bình voi chiến, Bùi Thị Xuân tốt kiếm chỉ lên mặt lũy. Cờ lệnh quân Tây Sơn chúc hấn xuống²⁰⁴. Quân Tây Sơn theo sau voi chiến của chủ tướng, lớp lớp xông lên.

– Các người.- Ánh hét giật giọng - Ai bắn chết nữ tặc tướng, ta thưởng công đầu. Thần công, điểm hỏa !

Hàng chục phát đạn xe không khí lao vút vào đội hình quân Tây Sơn.

Bên Tây Sơn, theo lệnh Bùi Thị Xuân, mấy chục khẩu thần công căn hàng nhích lên. Đằng sau dãy súng, bộ binh Tây Sơn, áo và khăn đầu đỏ rực, binh khí tua tủa, đông như kiến cỏ cũng thận trọng tiến lên theo.

Quãng cách giữa hai đội quân càng ngắn lại. Một loạt thần công của Ánh lại khạc lửa, quét ngang một vệt trước đầu voi Bùi Thị Xuân. Trong khói súng mờ mịt, tiếng Bùi Thị Xuân lạnh lạnh:

– Thần công phát hỏa !

Tường lũy quân Ánh rung lên trong cơn bão lửa. Nhiều chỗ nào bị phá, những cọc không bị giáp nát. Dứt tiếng súng, quân Tây Sơn ào ạt xông lên.

Súng quân Ánh không kịp chỉnh nên làn đạn vượt qua đầu các xạ thủ Tây Sơn. Được dịp, các cỗ súng Tây Sơn đã tiến gần đến chân lũy. Súng hai bên thi nhau nổ. Trong khói súng mờ mịt, Bùi Thị Xuân chợt nhìn thấy

hai đoạn lũy đã bị vỡ. Bùi Thị Xuân vội nổ pháo hiệu: lập tức các nam nữ binh Tây Sơn, tay cầm mộc che thân, tay cầm hỏa hổ đã được châm lửa, hoặc cầm giáo dài lớp lớp xông lên. Một cơn mưa đá giội xuống. Các khâu thần công của giặc Ánh cũng chúc nòng gần thét. Phút chốc hàng ngũ quân Tây Sơn nghiêng ngả. Nhưng theo gót chủ tướng, quân Tây Sơn lại ùn ùn xông lên. Ở hai khoảng lũy vỡ, hàng loạt quân giặc cố sức vác gỗ chèn lại đã bị chết trước mũi giáo quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn giẫm lên xác giặc Ánh, trèo qua những thân gỗ, nhảy lên mặt lũy đông như bầy chim sẻ, một cuộc ác chiến khủng khiếp diễn ra trên lũy. Giặc Ánh không chịu nổi hỏa hổ của quân Tây Sơn phải lùi dần. Lính Phú lãng sa bị bỏng, bỏ cả vũ khí, rống lên như bò bị chọc tiết. Những bó đuốc của quân Tây Sơn được chuyển tay đưa lên mặt lũy. Rồi, rùng thang bay về tường lũy, chọc thẳng lên pháo đài quân giặc. Doanh trại giặc bốc cháy ngùn ngụt. Ở đây, xác binh sĩ giặc Ánh và các binh sĩ Tây Sơn nằm đè lên nhau quần quai. Trận địa náo động, tiếng rên la, gào thét, tiếng súng nổ, tiếng gươm khua, náo động rung trời chuyển đất cùng tiếng reo hò của hàng vạn binh sĩ Tây Sơn. Trước cảnh hỗn chiến, Bùi Thị Xuân xuống voi, cầm kiếm vượt lên lũy tiếp sức quân sĩ. Một tên Phú lãng sa to như hộ pháp, chưa kịp nổ súng, đã bị Bùi Thị Xuân đưa một mũi kiếm bén ngọt vào bụng.

Thần công của giặc Ánh đã cầm bật. Quân Tây Sơn đã chiếm được một đoạn lũy dài và đang đánh dồn binh lính Nguyễn Ánh chạy giạt ra. Vừa lúc ấy, từ giữa lũy binh lính của Ánh bỗng dồn lại như thác lũ. Bùi Thị Xuân lo lắng nghĩ thầm : Trận địa vua Cảnh Thịnh vỡ rồi chẳng ? Chỉ một lúc sau, cánh quân Bùi Thị Xuân đã bị đánh bật trở lại. Trên mặt lũy, máu quân Tây Sơn và quân Ánh nhuộm thấm cả đất, ngấm xuống cả tường lũy.

Thấy vậy, Bùi Thị Xuân đành ra lệnh cho quân mình vừa đánh vừa chuyển các thương binh ra ngoài. Dân chúng ở Trấn Ninh và các vùng lân cận túc trực ở đó, đã vây quanh các thương binh Tây Sơn với những chậu nước pha muối, giẻ lau, băng phèn chua, rượu. Họ hiểu như thế nào thì liền chữa vết thương như thế ấy.

Trận địa dần dần im lặng. Bùi Thị Xuân thấy nghẹn nghẹn ở cổ, nước mắt muốn trào ra. Hốt hộp nhìn sang trận địa vua Cảnh Thịnh, Bùi Thị Xuân kinh hoàng thấy ở đó không còn một bóng người. Một nữ binh phóng ngựa chạy lại, hốt hoảng :

– Thừa chủ tướng !vua Cảnh Thịnh đã cho lui quân từ lâu rồi.

– Trời ơi ! Bùi Thị Xuân kêu lên thất vọng, sắc mặt đỏ gay vì nắng và mệt. Bùi Thị Xuân trao quyền cho phó tướng vội vã lên yên ngựa. Sau khi vượt qua bao nhiêu binh sĩ, Bùi Thị Xuân mới nhìn thấy vua Cảnh Thịnh, chiến bào sạm khói súng ở phía trước.

– Xin Hoàng thượng dừng lại. Bùi Thị Xuân gò mình trên lưng ngựa, gọi to.

Vua Cảnh Thịnh ngoảnh nhìn lại và dù đã nhận ra Bùi Thị Xuân nhưng vẫn cho ngựa phi nước đầu²⁰⁵.

– Hoàng thượng dừng lại, thần thiếp xin tâu bày. Cuối cùng Bùi Thị Xuân đã đuổi kịp, níu lấy áo hoàng bào của vua, van vãn.

Cảnh Thịnh buộc phải dừng ngựa, nhưng lộ rõ sự khó chịu :

– Đánh đến nửa ngày không thắng thì phải lui quân. Vả, lũy lại kiên cố, giặc biết trước đã phòng bị chu đáo.

– Tâu Hoàng thượng - Bùi Thị Xuân đã xuống ngựa, quỳ xuống - trận đánh chưa phân thắng bại. Hơn thua ăn nhau ở bên nào dám liều mình cự

chiến đến phút chót. Vả, quân của thần thiếp đã vượt lên mặt lũy, Hoàng thượng nữ lòng nào vội thoái chí, sớm lui quân?

– Ta sẽ về Thăng Long huy động đại binh mã. Nguyễn Ánh sẽ phải bỏ xác ở đó.

– Muôn tâu Hoàng thượng - Bùi Thị Xuân nước nở - Nếu vậy cơ đồ nhà Tây Sơn hỏng thật sao? Không chặn được giặc ở đây, lòng quân sẽ nản, giữ sao được Thăng Long ?

– Binh sĩ cũng không còn lòng dạ nào đánh nữa. Khanh thấy rồi đó.

Bùi Thị Xuân lại quỳ xuống, hai tay dâng kiếm:

– Khi trước tiên nhân nói: nếu bề hạ muốn hàng thì trước xin hãy chém đầu thần đi đã. Nay, thế trận chưa ngã ngũ, quân sĩ ai nấy vẫn một lòng quyết chiến. Vậy nếu Hoàng thượng muốn lui quân xin cũng chém đầu thần thiếp đi.

Cảm động trước tấm lòng sắt đá của đấng trung thần, vua Cảnh Thịnh đành quay ngựa trở lại chiến lũy.

Nhưng đến chiều ông vua bạc nhược ấy lại đơn độc rút lại lần nữa²⁰⁶. Bởi thế, lần thứ hai, thế trận quân Nguyễn Ánh bị vỡ, cánh quân của Bùi Thị Xuân đã vượt được lên mặt lũy, lại bị đánh bật trở lại.

Trong cơn giận dữ xen lẫn đau xót đến tột độ, Bùi Thị Xuân muốn đuổi theo vua để hỏi cho ra lẽ. Nhưng mệt mỏi, chân chường sau cả ngày xung trận, lại lạc voi chiến, nữ tướng lên ngựa đi chặn hậu cho quân mình rút về Nghệ An.

Những người hiểu được chí lớn và lòng son sắt của Bùi Thị Xuân, viên nữ tướng xuất chúng triều Tây Sơn, nhân vật được truyền tụng trong dân

gian về đức độ tài ba và lòng dũng cảm không thể không nhớ lại những sự kiện xảy ra sau đó :

Vua Cảnh Thịnh chạy ra Thăng Long, nhận được sớ của Bùi Thị Xuân, nhưng không huy động binh mã kéo vào Nghệ An hợp sức với nữ tướng chống giặc, mà lại nghe bọn đại thần ngu xuẩn, tham sống sợ chết, bày trận ở Thăng Long chờ giặc đến.

Cùng lúc ấy, ở Quy Nhơn, sau nhiều ngày bị vây hãm, giặc hết lương, lâm vào nạn đói, phải đầu hàng quan Thiều phó Trần Quang Diệu. Trần Quang Diệu tức tốc đem quân về đánh Phú Xuân. Nhưng không đề phòng nên vừa ra khỏi Quy Nhơn thì bị giặc chặn đánh. Diệu thua phải lần đường núi sang Ai Lao rồi về Nghệ An. Bùi Thị Xuân hay tin, đem một cánh quân nhỏ đi đón chồng. Trên đường trở về, giặc dùng mưu giả làm dân thường đem trâu rượu ra úy lạo và bắt sống được Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và cả đứa con gái nhỏ. Mất hai tướng trụ cột của triều đình, Cảnh Thịnh hết người đối địch với Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh sau khi lấy được Bắc Hà, đặc ý lên ngôi hoàng đế đem quân về Phú Xuân, mang theo cả những chiếc cũi đỏ, nhốt vợ chồng Bùi Thị Xuân và đứa con gái nhỏ chờ ngày hành hình để thị uy dân chúng.

III

Suốt dọc đường từ cửa Nam tới pháp trường, nơi hành hình các tướng Tây Sơn, như bố cáo của đề đốc kinh thành dán la liệt ở những chốn đông người cho hay lính canh đứng ken thành một hàng rào dày đặc. Con đường dẫn tội nhân đi hành hình và cũng là con đường vua Gia Long Nguyễn Ánh ngự ra pháp trường này, cấm chỉ dân chúng qua lại. Xung quanh pháp

trường, việc canh phòng càng cẩn mật bội phần. Đề đốc kinh thành đã chiếu binh thư, bày một trận “bát quái”, ngay trên pháp trường. Các cơ đội vệ binh, vòng trong vòng ngoài, quay tròn lấy bãi hành hình tội nhân, binh khí tua tủa, đến một con chuột chạy qua cũng không lọt. Các viên đội trưởng, trưởng cơ trấn giữ các cửa trận, xem xét việc vào ra pháp trường. Dân chúng qua lại đều phải im lặng, cúi đầu. Người nào có dáng điệu khả nghi, lập tức bị bắt giữ ngay.

Gian nhà rạp lọt vào chính giữa trận bát quái. Dây cờ đại bái²⁰⁷, đủ màu sắc lòe loẹt rủ lá, chết đứng xung quanh rạp. Hai hàng giáp sĩ, cấm vệ gươm tuốt trần, dàn trước nhà rạp. Mọi sự sắp đặt ở đó, hoàn toàn theo ý muốn của Nguyễn Ánh và đã được đề đốc kinh thành đôn đốc lính vệ binh cùng dân phu làm.

Ngay từ sáng sớm, pháp trường đã đông nghịt người. Dân chúng tụ tập quanh pháp trường, nét mặt lo lắng, nhìn chăm chăm vào nơi hành hình tội nhân.

Khi Nguyễn Ánh và bầy quan lại tùy tùng lục tục kéo vào gian nhà rạp giữa pháp trường thì đã tới giờ Tý. Một cảnh ồn ào, náo động diễn ra trong đám đông dân chúng. Trước nhà rạp, loa thét giật giọng. Quân lính vung binh khí hăm dọa, dõng dục ép khối người quanh pháp trường phải ngã xuống. Bởi vì, dân chúng đã thấy từ sau nhà rạp, một toán lính cấm vệ xúm xít vây quanh ba chiếc cũi lớn, đang được khiêng ra giữa pháp trường.

Tiếng loa nối nhau truyền đi những câu xướng họa đứt quãng. Bài chiếu của Nguyễn Ánh chỉ nghe thấy câu được câu chăng:

– Vì chín đời mà trả thù... Chợt nửa chừng gặp lúc gian truân, để ngoan dân gây nên biến loạn... Giống giặc bắt xong, tội nhận được hết...

Yết tế thái miếu, làm lễ hiến phù... Phan xác tán xương, để trả thù cho miếu xã, rửa hận cho thần nhân...”

Nhưng không mấy ai chú ý nghe. Mọi cặp mắt đổ dồn vào mấy chiếc cũi đỏ. Dân chúng nhận ra vợ chồng Bùi Thị Xuân và đứa con gái nhỏ. Chính là để được nhìn lại lần nữa những vị tướng hằng được ngưỡng mộ này mà dân chúng lớp lớp kéo đến đây.

Bùi Thị Xuân đã được tháo cùm. Nhìn thấy chiếc cũi nhốt đứa con gái được đưa đến gần cây cột có dây thòng lọng và bức tường đá học, Bùi Thị Xuân hiểu ngay được mưu độc của Nguyễn Ánh. Nữ tướng đau xót nhìn con. Cô bé xanh rớt, ngổ tựa vào chiếc cũi, đáng một mồi. Những tháng ngày bị đày đoạ trong nhà tù của giặc Ánh đã cướp đi vẻ hồn nhiên, khẩu khinh của cô. Con đang nghĩ gì ? Bùi Thị Xuân tự hỏi - Con có biết giặc sắp đem giết hại cả tía má và con không ? Giặc sẽ giết con như thế nào? Bùi Thị Xuân đau đớn như đứt từng khúc ruột.

Chợt cô bé dướn người, áp mặt vào cũi, đảo cặp mắt to đen rất giống mẹ nhìn khắp bốn phía. Mắt cô bé bừng sáng khi nhìn thấy mẹ. Mắt cô chớp chớp. Đôi môi đỏ mấp máy. Cô muốn gọi mẹ nhưng nghĩ thế nào, lại đưa tay lên vuốt ngực. Hiểu được cử chỉ nén lòng để khỏi bật khóc ấy của con, Bùi Thị Xuân thấy mũi lòng. Con ngoan của má – Bùi Thị Xuân thầm gọi, mắt không rời khuôn mặt yêu thương của con - con dũng cảm lắm. Má tự hào về con đó.

Một bọn đao phủ mặt mày hung tợn tiến vào pháp trường. Quan thiếu phó Trần Quang Diệu được tháo cùm. Nhìn thấy chồng chỉ còn da bọc xương, lòng Bùi Thị Xuân thổn thức, mắt cay xè. Chao ơi! Còn đâu vóc dáng vạm vỡ, vẻ đẹp võ tướng của người chồng thân yêu từng vào sinh ra tử có nhau, từng gắn bó bao nhiêu kỷ niệm yêu thương sâu sắc từ buổi lấy

nhau. Vị tướng tài của hoàng đế Quang Trung xưa, vị quan võ trụ cột của triều đình Cảnh Thịnh với bao nhiêu chiến công hiển hách, khiến giặc nghe uy danh đã khiếp hãi. Con người vừa năm trước còn tung hoành ở Quy Nhơn, diệt tan hai vạn quân Ánh, bắt sống tướng giặc, đã tìu tụy đến vậy sao ? Bùi Thị Xuân căng mắt nhìn chồng như muốn ghi khắc lại hình ảnh yêu dấu của chồng lần cuối. Nhìn dáng chồng ngời vừng vàng, mắt ánh lên những tia sáng giận dữ khi bọn đao phủ tiến đến, Bùi Thị Xuân yên lòng.

Tiếng loa truyền đọc chiếu chỉ vẫn đơn điệu câu được, câu chăng. Rồi nhận được hiệu lệnh của Đề đốc kinh thành, bọn đao phủ đã dùng búa phá chiếc cũi nhốt Trần Quang Diệu. Giặc sẽ giết chồng ta, con ta ! Bùi Thị Xuân cần cào lo lắng và căm giận. Tướng công hãy chết cho ra chết – Bùi Thị Xuân thì thầm nói với chồng. Và, bên nỗi căm giận, Bùi Thị Xuân bỗng cảm thấy một niềm an ủi nho nhỏ. Ta sẽ được chết cũng với người chồng chung thủy và đưa con thân yêu của mình. Lòng đã nhủ, Bùi Thị Xuân thấy thanh thản lạ.

Dân chúng bỗng ồn ào. Bùi Thị Xuân quay về phía sau: binh lính Phú-lăng-sa mặc lễ phục, hàng ngũ chỉnh tề kéo vào pháp trường. Chúng dàn hàng trước gian nhà rạp của Ánh. Nhiều tiếng bình phẩm nổi lên trong đám đông dân chúng. Họ thấy rõ chân tướng của Nguyễn Ánh: chỉ để giết các tướng tài Tây Sơn, Gia Long Nguyễn Ánh phải mượn cả binh lính Phú-lăng-sa bảo vệ mình.

Sau phút ồn ào, dân chúng lại đổ dồn sự chú ý về phía các tướng Tây Sơn. Bùi Thị Xuân xoay khắp phía, đón lấy cái nhìn triu mến của dân chúng. Nữ tướng thì thầm hỏi: sao có nhiều nét mặt quen thuộc, thân thiết đến thế. Nét mặt ấy, cái nhìn ấy như tiếp thêm sức mạnh và nhắc nhở Bùi Thị

Xuân phải chết cho thật anh hùng, lắm liệt. Từ đáy lòng, nữ tướng thấy một niềm thương yêu mệnh mông, dạt dào dâng lên mạnh mẽ. Phải chi vua Quang Trung chưa khuất ? Con người áo vải dựng cờ đào làm nên sự nghiệp lớn lao ấy sẽ đưa muôn dân lên con đường ấm no, sung sướng. Quang Trung hoàng đế còn sống thì sự thế sẽ khác đi bao nhiêu. Lũ tiểu nhân đắc chí Nguyễn Ánh kia chắc chắn sẽ chẳng còn một mảnh đất dung thân. Tiếc thay hổ phụ mà chẳng sinh hổ tử. Quang Toàn nối ngôi cha mà chả nối được chí cha nên nước dần tới cảnh bi đát này. Bùi Thị Xuân lại nhìn khắp lượt dân chúng. Trong niềm yêu thương rộng lớn, nữ tướng thêm muốn được chạy xô lại ôm lấy đứa con nhỏ lần cuối, được nhìn lại gương mặt yêu thương của người chồng chung thủy, đồng thời là bạn chiến đấu can trường và được ng ồi giữa khối dân trung thành với nhà Tây Sơn đang tụ tập kín cả pháp trường kia.

Tiếng loa truyền đọc chiếu chỉ đã dứt lúc nào chẳng ai hay. Mấy tên đao phủ to lớn xúm lại chiếc cũi thứ nhất. Quan Thiệu phó Trần Quang Diệu bị dẫn ra đầu tiên.

Pháp trường lặng ngắt. Dân chúng nín thở. Quan Thiệu phó mặc dù bệnh hoạn và sự đầy đoạ của giặc Ánh đã cướp đi h ầu tận sức lực, nhưng ai nấy đều ngạc nhiên khi thấy vị tướng trí dũng vô song của tri ều Tây Sơn đã đẩy hai tên đao phủ định dìu mình đến bên cây cọc được chôn từ trước. Đao phủ tung dây để trối. Nhưng vị tướng tài Tây Sơn khoát tay ra hiệu không cần và tự cong người ra cho chém. Bọn đao phủ sau phút lúng túng, li ền vung đao trảm quyết ngay.

Dân chúng xô động ầm ầm. Chứng kiến cái chết của chồng, Bùi Thị Xuân đau đớn. Nhưng ngay sau đó, một nét cười thoáng ở trên môi nữ

tướng. Bởi vì cho đến lúc chết, Trần Quang Diệu vẫn giữ được khí tiết của tướng Tây Sơn.

Bọn đao phủ mở chiếc cũi thứ hai. Đứa con nhỏ của Bùi Thị Xuân chưa kịp định thần đã bị một tên đao phủ túm lấy, nhấc bổng đến cây cột tròng cạnh bức tường đá học. Cô bé giãy giụa, vung nắm tay bé nhỏ dấm vào mặt tên đao phủ. Vừa đến bên chiếc cột tròng cạnh tường đá học, bắt chước cha, cô bé hiên ngang cong người chờ chém ngang lưng. Nhưng bọn đao phủ không diễn lại cảnh vung gươm trăm quyết. Hai tên đao phủ xông đến túm lấy cô bé. Rất nhanh và thuần thực, cô bé bị chúng buộc ngay vào dây dòngh thẳng từ đỉnh cột tới lưng chừng đất, lủng lẳng, đu đưa, vẻ mặt căm giận và đau đớn. Dân chúng quanh pháp trường thấy cảnh ấy chột hiệu. Cả rừng người bỗng nhốn nháo trong một cơn bất bình khủng khiếp. Thế trận bát quái của viên đề đốc kinh thành lại một phen chuyển động. Roi, gậy và binh khí lăm lăm dồn dân chúng vào cảnh im lặng. Hiệu nổi nguy khốn của con, Bùi Thị Xuân nuốt từng nổi đau vào tim; bàn tay bóp chiếc cũi tê dại, sắp bật máu. Đột nhiên từ gian nhà rạp, một viên nội giám cần cò tiết mao²⁰⁸ chạy thẳng đến toán lính cấm vệ đứng xúm xít quanh mấy chiếc cũi: lệnh Nguyễn Ánh truyền cho khiêng chiếc cũi nhất người mẹ lại gần hơn nữa đứa con gái sắp bị hành hình. Ánh trả thù Bùi Thị Xuân vì mấy lần giáp chiến bị thua. Hạ xong mệnh lệnh độc ác ấy, Nguyễn Ánh ngả người trên chiếc ghế chạm trổ trong gian nhà rạp, vẻ mặt lạnh lùng thản nhiên, nhưng đôi mắt lấp lánh những tia sáng thích thú man rợ. Ánh tập trung theo dõi mệnh lệnh của mình đang được thi hành. Khi thấy chiếc cũi của Bùi Thị Xuân đã được đặt gần chiếc cột buộc đứa con nhỏ, Ánh nhấc tay, sẽ vẫy về phía trước. Đề đốc kinh thành rình đón từng cử chỉ của Ánh thấy hiệu lệnh, bước ra ngoài.

– Con không khóc đâu má ạ! Con sẽ bắt chước tíá²⁰⁹.

– Con ngoan lắm! Con gan góc lắm! Bùi Thị Xuân cắn chặt môi đến bật máu, đáp lại.

Cô bé vung vể đưa tay cõ với sợi dây thòng lọng buộc quá chặt ở ngang người:

– Bọn ác trói con đau quá má à.

Bùi Thị Xuân kìm nổi nghẹn ngào, vổ vể

– Con gắng chịu đau, con ngoan của má.

Tiếng loa bỗng nổi lên. Nghe hiệu lệnh ấy, tên đao phủ đứng cạnh cây cột, nhanh như cắt, nắm lấy sợi dây buộc cô gái nhỏ, kéo về phía sau lấy đà rồi nhằm vào bức tường đá học trước mặt, vung tay lăng mạnh.

Tiếng kêu nổi lên khắp pháp trường. Dân chúng phần nộ lao về phía trước như muốn túm lấy tên đao phủ khi thấy hắn lại vồ lấy sợi dây vừa bật ra.

Nhìn xác con phút chốc bị giập nát, đầm đìa máu, Bùi Thị Xuân nghiêng chặt răng để khỏi bật kêu thành tiếng.

Phút kinh hoàng nhanh chóng trôi qua. Trong nỗi đau rỉ máu, trong sự hờn căm ngút trời, Bùi Thị Xuân bỗng thấy tự hào, một niềm tự hào chưa từng có, chưa hề trải qua: chồng và con đã chết thật gan góc. Cái chết thảm thê mà khí phách, cái chết làm rạng danh triều Tây Sơn, làm đẹp lòng người nghèo.

Trong gian nhà rạp, Nguyễn Ánh vẫn ngà người trên chiếc ghế chạm rồng chăm chú thưởng thức cách hành hình của mình. Ánh không trông thấy bọn do thám đội lốt đạo trưởng Phú-lăng-sa luôn tay làm dấu, miệng lầm nhảm đọc kinh.

Ánh lại nhắc tay ra hiệu. Bốn tên đao phủ hấp tấp tháo chiếc cũi cuối cùng, lối xốc viên nữ tướng Tây Sơn ra ngoài. Bùi Thị Xuân vẫn còn nghiến chặt răng, nét mặt rắn đanh lại. Nữ tướng không làm dữ khi bọn đao phủ bắt đầu giăng xé, lột sống áo mình. Hơn thế, một vẻ đắc ý còn thoáng qua trên khuôn mặt bừng bừng giận dữ. Và, dân chúng khắp pháp trường đang ngây người trong cơn kích động vì những cảnh hành hình dữ dội, bỗng như bừng tỉnh lại, ồn ào, náo động. Họ vừa thấy Bùi Thị Xuân khắp người đỏ rực màu lụa thắm, hiện lên như tướng nhà trời. Lũ đao phủ bỗng thấy lúng túng, luống cuống tìm cách gỡ những vuông lụa đỏ, thì từ phía sau nhà rạp, con voi trận độc ngà khổng lồ, được luyện để dùng vào việc hành hình tội nhân đã xồng xộc chạy tới gần, cong vòi, chìa ngà đón đợi. Nhìn đà chạy của voi dữ, bọn đao phủ vội vã hò nhau tung bổng miếng mồi đỏ rực về phía trước.

Những tiếng kêu hốt hoảng bật lên từ trong đám người quanh pháp trường. Nhưng dù tay còn bị trói, chỉ một thế uốn người nhẹ nhàng, Bùi Thị Xuân đã tránh thoát được chiếc vòi của voi dữ, bật người lộn một vòng, đứng vững chãi trên thảm cỏ. Cả pháp trường lại ầm ầm chuyển động. Các cơ, đội vệ binh trấn giữ pháp trường đã phải dùng đến gươm giáo để giữ thế trận bất quáí đang chực vỡ,

Trong gian nhà rạp, Nguyễn Ánh cũng bật dậy, chồm về phía trước.

Ngay lúc ấy, Bùi Thị Xuân chỉ tay về phía Nguyễn Ánh thét lớn:

– Tên giặc Ánh, quân rước voi giày mồi kia ! Ta bảo cho người biết, nhờ người Phú-lăng-sa, người có thể giết được ta. Nhưng ngàn đời, người cũng không thể xóa được cơ nghiệp của Hoàng đế Quang Trung. Hỡi quân bán nước cầu vinh, đời đời nhân dân sẽ phỉ nhổ chúng bay.

Sau phút im lặng nghe Bùi Thị Xuân nói, dân chúng quanh pháp trường bỗng dậy lên tiếng ồn ào như sấm động. Ai nấy hứng chí xuyết xoa, xô động ầm ầm. Trong lúc đó, Nguyễn Ánh bị làm nhục, lặng người, ngắc nhiên, miệng há hốc. Đều đốc kinh thành hốt hoảng về lấy loa, hét lạc cả giọng :

– Quân tượng! Mày hành hình !

Viên quân tượng vất vẻo trên đầu voi vừa hực mồi, nghe loa giục, luống cuống thúc con vật khổng lồ quay lại tìm mồi. Con vật ngoắt lại, tung vôi. Bùi Thị Xuân hả dạ nhìn cảnh hỗn loạn của quan quân Nguyễn Ánh, vẫn đứng thẳng người giữa bãi, bình tĩnh như không. Thốt nhiên, chiếc vôi khổng lồ của con voi đang lao về phía Bùi Thị Xuân ngừng phất lại quờ quạng rồi uốn cong lên trời. Con voi rung mình, rống lên một tiếng dữ dội rồi khụy hai chân, quỳ phủ phục trước mặt nữ tướng Tây Sơn²¹⁰. Bùi Thị Xuân sau giây lát ngắc nhiên, bỗng sáng bừng nét mặt. Nữ tướng đã nhận ra con voi độc ngà của mình bị lạc từ trận Trấn Ninh. Phải, không ngờ con voi khét tiếng dữ tợn nhưng lại rất mực tinh khôn, nhớ chủ, lại được Nguyễn Ánh làm chọn vào việc hành hình này.

Không kịp được nổi xúc động bất ngờ, Bùi Thị Xuân chạy xô lại phía con voi, mỉm cười, vuốt ve nó.

Cảnh náo loạn đã lên đến tột đỉnh. Dân chúng chứng kiến cảnh ấy, từ chỗ kinh ngạc chuyển sang cảm động thực sự. Lữ quan quân Nguyễn Ánh càng nhốn nháo, cuống cù ồng. Trong gian nhà rạp, Nguyễn Ánh mặt đỏ bừng vì giận dữ, râu áo đứng dậy, lồng lộn, nghiêng răng kèn kẹt.

Viên đạo trưởng đứng sau Ánh, lấp bắp:

– Bệ hạ ! Xin bệ hạ cho thay voi! Xin cho voi xé xác nữ tặc như xé xác Cảnh Thịnh.

Lời tâu ấy khác nào như lửa đổ thêm dầu, khiến cơn giận của Ánh nổ bùng ra. Ánh muốn gia hình thảm khốc Bùi Thị Xuân để trả thù và răn đe dân chúng. Nhưng Bùi Thị Xuân chẳng những không chết thảm mà lại giữ được oai phong凛冽. Chính Ánh không thể hiểu nổi một người đàn bà như Bùi Thị Xuân, bị đẩy ra pháp trường, giữa cái chết thảm khốc kề bên, lại giữ được sĩ khí, tiết tháo và oanh liệt đến thế. Ánh đâu ngờ pháp trường của Ánh lại là nơi để “nữ tặc” tỏ rõ khí phách mình. Còn dân chúng, Ánh đã tận mắt nhìn thấy vẻ bất kính của họ đối với quan quân và nổi xúc động, thiện cảm của họ đối với Bùi Thị Xuân. Bởi vậy, khi nghe tên đạo trưởng làm nhảm bên tai, nổi giận dữ trong Ánh dâng lên ngùn ngụt, Ánh quên cả giữ gìn tư cách đấng thiên tử:

– Các người đã làm nhục ta– Ánh gầm lên - theo lệnh ta, lập tức bắt Đề đốc kinh thành hạ ngục vì tội c ầm trọng binh mà không giết nổi một mục đàn bà. Và, thôi không dùng voi nữa, bắt nữ tặc phải chết thiêu.

Lệnh Ánh được thi hành ngay. Viên Đề đốc kinh thành lập tức bị quân cấm vệ lôi từ trên mình ngựa xuống, trói gô lại.

Từ sau gian nhà rạp, một m ỗi lửa tẩm dầu đã được đưa ra giữa pháp trường. Nhưng dân chúng kinh thành không đợi đến hết buổi hành hình, đã kéo ùa khỏi trận bát quái ra về. Họ vô cùng cảm kích trước hành động anh dũng tuyệt vời của Bùi Thị Xuân, hỏi lòng hỏi dạ được chứng kiến giây phút cuối cùng, tràn đầy khí phách của nữ tướng Tây Sơn ngay trước mặt Ánh và cả ngàn vạn quân hấn²¹¹.

QUỲNH CƯ

PHAN HUY CHÚ

I

Quan Thám bận đi ăn giỗ ở làng bên nên không kịp về đúng giờ dạy học. Đã thành lệ, mỗi khi quan Thám về muộn, trưởng tràng phải dùng hết quyên lực, thậm chí bằng cả roi - như thầy học cho phép-mới bắt được gần năm chục học trò yên lặng ôn bài cũ. Phan Huy Hạo²¹², ít tuổi nhất lớp nhưng là cậu bé duy nhất không hề tỏ ra sợ hãi trưởng tràng. Cậu vẫn nhấp nhồm ngoái cổ qua cửa sổ ngó ra sân, trêu chọc đám trẻ, lợi dụng quan Thám đi vắng, đến xem học. Mấy lần ngọn roi trong tay trưởng tràng vung lên nhưng rồi lại hạ xuống, không may mắn động đến cậu bé có gương mặt thông minh và bướng bỉnh ấy. Cũng như quan Thám, trưởng tràng nể Phan Huy Hạo không chỉ vì cậu là con Lễ bộ thượng thư Phan Huy Ích mà còn vì phục tài cậu. Thực vậy, bản tính Phan Huy Hạo nghịch ngợm nhưng tài học của cậu sớm nổi tiếng cả vùng, khó học trò nào địch nổi.

Xuất thân từ một gia đình dòng dõi khoa bảng, ông nội, cha và chú ruột đều đỗ tiến sĩ, làm quan to và đều là những nhà soạn sách có tài²¹³ nên Phan Huy Hạo từ bé đã được rèn luyện, dạy dỗ cẩn thận về thi thư. Vốn thông minh lại sớm có chí tìm tòi nên Phan Huy Hạo chẳng những chỉ nhớ sách mà còn hiểu sâu nghĩa sách đến mức dám tranh luận với thầy học và có lúc dằn thầy học vào thế bí. Một lần, luận về lịch sử nước nhà, quan Thám dựa vào các sách đương thời, coi nhà Triệu là vương triều chính thống của nước Việt. Phan Huy Hạo nhờ đọc rộng, hiểu sâu đã mạnh bạo bác ý thầy học gán quốc thống cho nhà Triệu là sai. Cậu chứng minh:

– Triệu Đà nổi lên ở Long Xuyên, dựng nước ở Phan Dương, mở mang bờ cõi, kiêm tính nước ta để có hai đô, đặt giám chủ để cai quản, chưa từng làm vua nước ta. Nếu ta nhận y là vua nước Việt ta, thì sau đó là Lâm Sĩ Hoằng nổi lên ở Bà Dương, Lưu Nghiễm nổi lên ở Quảng Xuyên, cả hai đều xưng là Nam Việt Vương, ta cũng phải biên vào nội kỷ trong lịch sử nước ta hay sao? Người xưa lầm lẫn vì không phân biệt được nước Việt ở quận Nam Hải và quận Quế Lâm không phải là nước Việt ở ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.

Lớp học lặng đi trong giây lát. Mọi người lo lắng sợ quan Thám sẽ dùng dùng nổi giận vì sự vô lễ của Phan Huy Hạo. Nhưng trái lệ thường, người thầy học nổi tiếng hay chữ ấy sớm nhận ra tài năng đặc biệt của con trai Lễ bộ thượng thư tân tri ²¹⁴. Hơn thế, ông giật mình trước lý lẽ sắc bén, khả năng tìm tòi và những suy nghĩ táo bạo rất đúng của cậu bé. Bởi vậy, quan Thám chẳng những không quở trách mà còn khen ngợi Phan Huy Hạo. Từ đây, ông càng mến và nể Phan Huy Hạo hơn.

Lớp học bỗng trở nên ồn ào. Một đứa nào đó cất giọng oang oang:

– Vắng chúa nhà, gà mọc đuôi tôm. Nhân thầy chưa về, chơi cho thỏa thích, anh em ơi!

– Ủ phải đấy. Học mãi mờ cả mắt, anh trưởng ạ! Phan Huy Hạo mặt bừng sáng phụ họa.

– Chơi cái gì bây giờ?

Vẫn Phan Huy Hạo liến láu:

– Chơi hờ xách khố; cớ: đâm lưng; nhĩ: bẹo tai; tu: bẹo cằm; tâm: bẹo bụng; mục: bẹo mắt; lệ: bẹo mũi; khẩu: bẹo miệng nhé! Nào chơi đi ²¹⁵.

Cả lớp nhao nhao hưởng ứng ồn ã như chợ vỡ. Trưởng tràng c ãn roi vội nhảy lên sập, lớn tiếng quát tháo:

-Chúng mày không học lại còn phá đám hả? Rủi thầy về thì ai chịu lỗi. Muốn tốt thì học đi!

Trông thấy ngọn roi lăm lăm trong tay trưởng tràng, đứa nghịch ngợm nhất cũng chùng hững ng ẫ xuống. Trưởng tràng đắc chí cười tùm tùm rồi làm ra vẻ thông cảm dịu giọng:

– Nếu các cậu chán học thì chơi đố chữ vậy. Chơi đố chữ thầy về cũng không quở phạt.

-Phải đấy! Hay đấy. Hôm nay phải cho thằng Hạo tịt mít.

– Bắt đầu đi. Một cậu bé được thể hét lớn.

– Tôi đố trước – trưởng tràng đồng dặc - Hai chú thập rập chú viết, chú nguyệt đứng trông, là chữ gì?

Cả lớp đều nhăm lại câu đố, ngẫm nghĩ rồi đua nhau:

– Chữ H ò

– Không phải!

– Chữ Minh

– Cũng không phải

– Hạo ơi, giảng đi!

Phan Huy Hạo vừa được một cậu bé đến xem học đái một bắp ngô nướng vàng ươm, thơm phưng phức nên không để tâm đến chuyện đố chữ. Bởi vậy, khi bị gọi đích danh, cậu đứng đơ ra.

-Thằng Hạo tịt r ẫ, tịt thật r ẫ. Cả lớp cười khoái chí. Trưởng tràng sức học vốn thua Hạo, được dịp lên nước:

-Câu đố dễ thế mà cũng không giảng được. Đây là chữ triêu (朝). Chữ triêu gồm chữ thập ở trên, một chữ thập ở dưới, ép lấy chữ viết ở giữa, một bên có chữ nguyệt, rành rành là gì?

Từ cuối lớp một cậu bé dặng hắng rỗi đọc :

– “Chim chích mà đậu cành tre”, “thập trên, tứ dưới, nhất đề chữ tâm”, là gì?

Lần này Phan Huy Hạo chú ý nên giảng ngay:

– Dễ thế mà cũng đố! Chữ “đức” (德)

Cả lớp nhao nhao:

– Giỏi lắm.

Đến lượt Phan Huy Hạo đứng dậy :

– Cô kia đội nón chờ ai, là chữ gì?

– Chữ an (安). Trưởng tràng hớn hờ đáp.

– Giỏi! Tôi đố tiếp – Cặp mắt Hạo sáng long lanh -Đất này là đất bùn ao, Ai cắm cây sào mà cắm chẳng ngay. Con ai lại đứng ở đây? Đứng thì không vững vịn ngay vào sào?

Cả lớp rì rầm nhắc lại câu đố. Thấy chúng bạn có chiêu bí, Phan Huy Hạo khích lệ:

– Cứ thông thả mà nghĩ, tìm ra từng chữ rỗi ghép dồn lại là thành chữ giảng.

– Thôi đi, đừng có lên giọng. Cậu bé ngỗ gần Hạo không chịu được thái độ làm bộ, làm vẻ của Hạo, công phần.

Nhưng rỗi chính cậu ta lúc sau lại kêu lên:

– Chịu!

Nhiều tiếng xuýt xoa, thất vọng nổi lên:

- Chịu đấy!
- Đây cũng chịu. Trưởng tràng ngán ngẩm, đáp sau cùng.

Phan Huy Hạo nói khích:

- Kém thế! Dễ nhất.
- Thôi giảng đi, hay cũng tịt nột ?
- Chữ hiếu mà không biết à? (孝)

Không khí lớp học như vỡ tung ra. Trưởng tràng đợi một hồi rồi nói to:

- Sao lại là chữ “hiếu” nhỉ?

Phan Huy Hạo cười rất tươi:

-Thổ trên là đất, nét phẩy là cái sào cắm nghiêng, chữ tử là con, rõ chưa?

- Hay lắm, giỏi lắm. Cả lớp nắc nỏm khen.

Chợt có một chú bé hấp tấp từ cổng chạy vào:

- Thầy về đây! Sắp đến rồi!

Tức thì ai nấy vội cặm sách nhanh chóng ngồi thành hàng, cạnh những chiếc chiếu căn liền thành dãy rồi mở sách, làm ra vẻ chăm chú học. Trưởng tràng để gọn nghiên son, ống bút cho thầy rồi cũng cặm lấy sách.

Ngay sau đó, cả lớp nhận ra bước chân quen thuộc của thầy đồ đang tới gần.

*

* *

Càng lớn lên, Phan Huy Hạo càng tỏ rõ có năng khiếu đặc biệt về khả năng tìm tòi, nghiên cứu. Nhờ có một trí nhớ kỳ lạ, lại được thừa hưởng cả một gia tài sách vở hàng vạn quyển của gia đình tích trữ từ bao đời, kể cả gia tài sách của ông ngoại²¹⁶ một gia đình nho học nổi tiếng, liên bảy đời sản sinh những nho sĩ có tên tuổi, Phan Huy Hạo có điều kiện đọc nhiều và dường như đã thấm tẩm được đầy đủ đầu mỗi điển chương, tinh hoa của mọi sách vở. Vì vậy Phan Huy Hạo sớm nổi tiếng người học rộng, hiểu sâu. Quê Phan Huy Hạo, xã Thanh Khuê, huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai (Sơn Tây cũ) có chùa Phật tích (còn gọi là Sài Sơn) là một danh thắng nổi tiếng. Nơi đây núi cao thanh vắng, cây cỏ u nhã, có hang sâu, có hồ rộng nên chẳng mùa nào không có khách văn thơ đến viếng thăm. Đã đến Sài Sơn không có văn nhân nào lại không tìm đến ra mắt cậu công tử có tài ứng đối con quan Lễ bộ thượng thư Phan Huy Ích, cháu Binh bộ thượng thư Ngô Thì Nhậm²¹⁷. Bằng những cuộc tiếp xúc ấy, Phan Huy Hạo thấy rõ lối học cử nghiệp chỉ đưa các văn nhân đến chỗ sình hư văn mà ít để tâm tới việc kinh luận. Cho nên, cũng từ rất sớm, Phan Huy Hạo xem thường lối học ấy và chủ trương: “văn chương phải kết hợp chặt chẽ với sử cổ và chính sự đương thời”. Bởi vậy, ngoài việc học ở trường, Phan Huy Hạo giữ được thói quen say mê đọc sách, nghiên ngẫm nghĩa sách không kể giờ giấc. Trong việc đọc sách, Phan Huy Hạo chọn cho mình lối đọc có suy nghĩ: đọc không chỉ để thừa nhận nó mà luôn luôn tìm ra cái hay, cái dở trong từng cuốn sách. Đọc xong mỗi cuốn sách, thậm chí sau từng chương sách, Phan Huy Hạo bao giờ cũng ghi lại lời bình phẩm của mình vào cuốn sổ riêng. Cuốn sổ ấy được giữ gìn rất cẩn thận. Cho nên, ngay từ lúc còn đi học, Phan Huy Hạo đã ghi chép đầy đủ những bài thơ được coi là tinh hoa của các đời kèm theo đôi lời bình luận ý vị, sâu sắc làm nổi được cái hay

cái đẹp của các tác giả và phong cách của từng người. Ví như, Phan Huy Hạo khen thơ Trần Nhân Tông²¹⁸“phóng khoáng, thanh nhã”, thơ Trần Quang Khải²¹⁹“thanh thoát, nhàn nhã, xem thơ có thể thấy được phong thái của người”, thơ Nguyễn Trãi²²⁰“ôn nhã, trung hậu, lời đặt chỉ cần khí phách, không cần chải chuốt... Tình tứ, thâm thía, không thể đem từng chữ từng câu ra bàn được”²²¹.

Một lần, đọc kỹ những lời bình phẩm ấy, Phan Huy Ích nói với con:

– Những lời bàn của con sâu sắc lắm, thật đáng khen. Vào tuổi con, cha chưa làm được như thế. Chẳng hay con cũng có ý định soạn sách mà chăm chỉ biên chép làm vậy?

– Thưa cha! Quả là con có ý định ấy.

Giật mình trước chí hướng của con, Phan Huy Ích răn dạy:

– Đọc sách để bình phẩm hoặc lĩnh hội nghĩa sách thì dễ nhưng soạn sách thì không phải ai cũng làm được. Cha không sợ sức học của con không đủ là sợ con thiếu bền bỉ để làm công việc hao tổn tinh thần ấy.

Phan Huy Hạo tươi nét mặt:

– Thưa cha! Ngược lại, con chỉ sợ lực học của con còn nông cạn chứ không sợ thiếu bền gan làm việc lớn.

– Cha sẽ giúp con. Nhưng người có tài trước thuật hơn cả vẫn là quan Binh bộ thượng thư Ngô Thì Nhậm. Là chỗ người nhà, con nên cậy nhờ quan bác chỉ giáo cho buổi đầu.

– Con xin ghi nhớ lời cha dặn.

*

* *

Nuôi hoài bão trở thành người đọc rộng hiểu sâu, làm đẹp thêm truyền thống gia đình, dòng họ, Phan Huy Hạo khổ công rèn luyện cho mình cách học có kết quả nhất. Tấm gương lao động miệt mài để soạn sách của cha chú, nhất là, phong cách làm việc cẩn cù, thận trọng của Ngô Thì Nhậm, đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng cậu học sinh có chí ấy.

Nhưng thời cuộc rối ren lúc ấy đã làm cho Phan Huy Hạo bối rối, thất vọng. Bởi vì, từ sau khi vua Quang Trung mất, triều đình Tây Sơn chẳng những đã thiếu một người cầ đầu kiệt xuất mà lại còn đi sâu vào cái róp xấu của những tri ều đại trước: bè đảng tranh chấp, sao lãng dân tình, ăn chơi sa đọa v.v... Các sĩ phu Bắc Hà, kể cả những người đã có công lớn như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, do nạn bè phái tranh chấp ấy, cũng không được vua Cảnh Thịnh tin dùng. Trong lúc ấy, ở hàng trong, Nguyễn Ánh được bọn người Tây dương giúp tàu đ ồng, binh khí, đang ra sức chiêu nạp từ những tên cường hào đến những tên du thủ, lăm le dòm ngó Bắc Hà, tìm cách chiếm lại ngôi chúa tể. Nhận thấy không còn cơ cứu vãn thời thế, cũng như không còn dịp thi thố tài năng, nhiều sĩ phu đã ân hận theo vua Tây Sơn. Binh bộ thượng thư Ngô Thì Nhậm, Lễ bộ thượng thư Phan Huy Ích đều phải lui về quê. Bộ óc lớn của các danh sĩ ấy sau những năm phục vụ Tây Sơn chỉ còn biết tập trung cho việc trước thuật để lãng quên thực tế bi đát.

Theo dõi diễn biến của thời cuộc, đọc được nỗi phiền muộn, trên khuôn mặt đăm chiêu, mái tóc nhanh bạc của cha, Phan Huy Hạo đêm ngày lo nghĩ, suy tư. Linh tính như báo cho Phan Huy Hạo những điềm chẳng lành sẽ xảy đến trong gia đình. Ý tưởng đem việc học ứng dụng cho đời không còn nữa. Tuy thế, Phan Huy Hạo vẫn miệt mài đọc hết sách này đến sách khác và siêng năng ghi chép những đi ều đã đọc được vào những cuốn sổ

khác nhau. Còn ở tuổi thiếu niên, nhưng khác với chúng bạn cùng lứa tuổi, Phan Huy Hạo ít đàn đúm chơi bời; ngược lại, cậu ưa sự yên tĩnh và suy ngẫm. Theo gương cha, Phan Huy Hạo dồn sức vào việc đọc sách. Đọc sách đối với cậu là để mở mang kiến thức, và lúc này, cũng là cách quên đi những vụ sát hại nhau ở triều Cảnh Thịnh²²².

Một ngày nhân đến thăm Phan Huy Ích, thấy Phan Huy Hạo mãi mê đọc sách, Ngô Thì Nhậm cười, hỏi:

- Ta nghe nói cháu là “loại” một sách? Chuyện ấy là có thật?
- Thừa quan bác-Phan Huy Hạo lễ phép-Cái tinh vi của lòng nghĩ ngợi, lo toan đều gửi gắm vào trong văn chương sách vở. Cho nên xem văn chương để hiểu thấu đường đời. Văn minh loài người đều chứa trong sách vở vậy²²³.

Ngô Thì Nhậm gật đầu, cười hỏi tiếp:

- Ta còn được biết nhiều cuốn sách xem xong, cháu không hài lòng. Cháu có biết như vậy là kiêu ngạo không?

Phan Huy Hạo đỏ mặt, lúng túng:

- Học vẫn còn nông cạn cháu đâu dám có ý ấy. Nhưng quả là đời Lý, đời Trần về trước, điển cũ mất cả, sử chép rất đại lược. Nhà Lê sáng nghiệp, lúc trung hưng, từng đi đâu từng chương hầy còn nhưng chép tản mát, không có hệ thống gì cả. Cháu nhận xét như thế chính là để chú ý tìm tòi sau này kê cứu, đâu phải chê bai bậc tiền bối?

-Hỏi cháu là để muốn hiểu cháu hơn, ta đâu có ý khuyên cháu xem cái xưa đâu là phải, đâu là đầy đủ hợp lý cả. Ví như “việc binh, việc hình, việc lễ, việc nhạc, thánh nhân đâu có luật”, “Công việc tu, tề trị, bình, cũng đều

có phép tắc”, nhưng mỗi thời ứng dụng một khác. Ấy là các vĩ nhân “biết nắm lấy thực tiễn làm cốt tử” chứ không khép mình bắt chước thánh hiền.

– Đội ơn quan bác đã rộng lòng nhận xét và khuyên bảo. Chẳng mấy khi quan bác đến thăm, cháu còn muốn thổ lộ đi đâu bấy lâu hằng bận tâm: Lâu nay vua Cảnh Thịnh không tin dùng các sĩ phu Bắc Hà như thuở vua Quang Trung còn trị vì. Noi gương cha ông, cháu muốn đem việc học ứng dụng cho đời, nhưng gặp cảnh ngộ này cháu nên hành động ra sao?

Câu hỏi của đứa cháu thông minh khiến cho trái tim vị quan già nhói đau. Bình thường Ngô Thì Nhậm tìm cách lảng tránh không trả lời, nhưng vì mến tài cháu, ông không thể không bày tỏ tư tưởng mình:

-Cháu là người có chí, ta không thể vô tâm. Theo ta, người quân tử phải có bản lĩnh, có chí khí, có lòng gan dạ sắt, tìm đâu hợp với nghĩa thì theo. Ví như bấy lâu ta theo phò Quang Trung hoàng đế thì dầu thời thế có đổi thay, phải giẫm lên đuôi hổ cũng không sao cả. Dõi theo thời cuộc và bằng cả đời chứng nghiệm, ta nhận ra rằng: phàm một người muốn đem sức mình thi thố được cho đời phải biết “thời”, “biến” và “đạo”. Trước khi hành động phải biết thời. Khi xuất, khi xử, khi nói, khi im, đều đúng với “thời” tựa như mưa thuận thì ruộng đồng dào dạt, chỉ một cái cày là xong nghìn khoảnh. Trong hành động, phải biết biến hóa, thay đổi cho hợp với thời, phải biết cương, nhu, biến, thông, phải cùng thời mà biến hóa. Rồi khi đã hành động thì phải quyết, phải theo đúng “đạo”. Nghĩa là biết cái đang tiến triển mà làm cho nó tiến triển lên, có thể đạt tới chỗ cơ trí vậy! biết cái đang kết thúc mà làm cho nó kết thúc, đó có thể bảo tồn chữ nghĩa vậy. Nói gọn lại, xúc tiến cái đang tiến triển và đẩy nhanh cái đang kết thúc, đạo chính là ở đấy²²⁴.

Lắng nghe những lời khuyên đầy trí tuệ ấy, Phan Huy Hạo vô cùng cảm kích. Suy nghĩ hồi lâu, cậu lễ phép nói:

– Thưa quan bác, cháu sẽ nhớ mãi những lời giáo huấn của quan bác. Cháu hiểu rằng triền đại nào cũng luôn luôn diễn ra cuộc đối chọi dai dẳng giữa cái tốt và cái xấu. Người quân tử phải quả quyết đứng về phía cái tốt dù thời cuộc đổi thay đến đâu!

Như muốn kết thúc cuộc đàm đạo bất đắc dĩ, Ngô Thì Nhậm ưu tư nhìn cháu:

– Khuyên cháu cũng chính là ta tự nhủ lòng. Thói thường, đối với chuyện người khác, ta rất sáng suốt. Con người ta thường có đủ can đảm để chịu đựng nỗi đau của người khác đó sao.

Thoáng thấy những giọt nước mắt vừa trào ra từ khóe mắt con người mà tên tuổi gắn liền với những chiến công cực kỳ hiển hách thời vua Quang Trung Nguyễn Huệ, nay bỗng dưng bị Cảnh Thịnh bỏ rơi, Phan Huy Hạo lặng lẽ cúi đầu.

II

Một toán quân sắc phục lạ, mặt mày hung tợn ập vào nhà Phan Huy Ích giữa lúc ông đang cặm cụi soạn sách trước án thư. Bọn đầu trâu mặt ngựa ấy sau khi nhận ra người cần bắt, đã xông lại tóm lấy, đè sập xuống rồi đóng gông, đeo xiềng đẩy vào cũi.

Nhìn thấy cha mái đầu bạc trắng bị hành hạ, Phan Huy Hạo liền tách đám đông gia nhân đang sợ chết khiếp, liều mạng xông lại cứu. Lập tức Phan Huy Hạo bị một tên lính đập mạnh ngã khụy xuống. Đến khi nén

đau gượng dậy, chiếc cũi nhốt cha đã được khiêng ra tới cổng. Phan Huy Hạo lại chạy đuổi theo. Khi gần tới nơi, chàng trai 21 tuổi ấy bỗng dừng lại bởi tiếng gọi giật giọng của cha :

– Hạo! Con hãy trở về!

Phan Huy Hạo chưa dứt cơn kích động:

– Người ta sẽ hành hạ cha đến chết mất!

Giọng người cha ngùi ngùi:

– Mấy năm nay cha đã lường trước cơ sự này rồi. Cha biết trước sẽ đến lúc cha chỉ còn tấm lòng cô trung của cha mà thôi.

Cho đến lúc trở về, nhìn thấy tập bản thảo “Bang giao tập” của cha bị bọn lính Nguyễn Ánh vứt rơi lả tả trên sàn gạch, Phan Huy Hạo mới bật khóc rưng rức. Phan Huy Hạo xót xa nghĩ đến bước hoạn lộ của cha. Cũng giống như Ngô Thì Nhậm, cha là người thức thời đã biết gắn bó với phong trào Tây Sơn và sự nghiệp cứu nước nên đã tạo ra được những đóng góp thật xuất sắc đối với thời thế lúc ấy. Chính cha là người cùng Ngô Thì Nhậm chuyên lo việc bang giao với nhà Thanh và là tác giả đã đi đầu khiến việc đưa Phan Công Trị giả làm vua Quang Trung sang nhà Thanh năm 1799, hoàn thành xuất sắc việc ngoại giao cần kíp lúc ấy. Được rèn luyện từ những năm đất nước trải qua những cơn sóng gió và chuyển mình lớn lao, dưới sự trị vì của vị vua anh kiệt, cha đã thực sự được đem tài năng ứng dụng cho đời, lưu được tiếng thơm trong sử sách. Đến khi bị triều Cảnh Thịnh bạc đãi, bỏ rơi, tự thấy không còn cơ cứu vãn thời thế, cha lui về quê nhà, cố tìm cách lãng quên bằng công việc trước thuật. Nhưng nay, triều Tây Sơn thế là đã sụp đổ. Nguyễn Ánh lấy được Bắc Hà liền nghĩ cách trả thù các danh sĩ Tây Sơn, nhân thế trấn áp các nho sĩ ngoài Bắc. Ngoài cha ra, còn những ai sẽ là đối thủ Nguyễn Ánh trừng trị? Cần cào lo

lắng, Phan Huy Hạo quyết định phải về kinh thành ngay để nghe ngóng tin tức.

*

* *

Phan Huy Hạo đã trải qua nỗi đau thương chưa từng có khi tận mắt chứng kiến trận đòn thù hãn học theo đúng thể lệ trừng phạt của chế độ phản động nhà Nguyễn đối với những người có đạo học mà lại mắc “tội theo giặc” ở Văn Miếu. Đặng Trần Thường, phải, chính là kẻ từng cầu cạnh, nhờ vả Ngô Thì Nhậm nhưng bị cự tuyệt, đã vào Gia Định theo phò Nguyễn Ánh, nay leo lên được chức phó tổng trấn Bắc thành, thân đứng ra đi đầu khiến cuộc hành hạ bỉ ổi ấy. Ngô Thì Nhậm, con người mẫn tiệp đã thắng thế trong cuộc giao chiến trên trường văn trận bút với tên Thường đắc chí tiểu nhân, đã phải bỏ mình sau trận đòn 100 trượng ngay trước Văn Miếu²²⁵. Còn cha, sau trận đòn thù ấy, tuy may mắn thoát chết nhưng ốm liệt giường mấy tháng sau mới khỏi hẳn. Hờn căm, uất ức kẻ đã sát hại, hành hạ tàn nhẫn người thân, nhưng Phan Huy Hạo thấy rõ triều Nguyễn Ánh đã được thiết lập trên sự mục nát, bẽ phái của triều Cảnh Thịnh, khó có thể lực nào đương nổi. Trong không khí khủng bố, trấn áp của triều Gia Long Nguyễn Ánh, Phan Huy Hạo chỉ còn biết sống an phận ở quê hương, lấy việc đọc sách làm vui.

Nhưng rồi những biến động của thời cuộc khiến Phan Huy Hạo không dễ an tâm với cuộc sống của mình. Nguyễn Ánh sau khi lên ngôi vua, diệt trừ tận gốc các tướng sĩ Tây Sơn, đã mở khoa thi chọn nhân tài, cũng là cách xoa dịu các sĩ phu Bắc Hà. Không ít người khuyên Phan Huy Hạo đi

thi. Nhưng Phan Huy Hạo còn dửng dăng chưa quyết. Bởi vì, Phan Huy Hạo chưa dễ quên mối thù của tân triêu²²⁶ đối với cha và bác mình. Cũng xung quanh việc thi cử này mà hai anh em Phan Huy Thực²²⁷ Phan Huy Hạo đã nảy ra cuộc tranh luận gay gắt.

Ấy là sau khi đi thi đỗ cử nhân ra làm quan cho Gia Long, Phan Huy Thực bảo em:

– Chú là người học rộng, hiểu biết thời thế cả bề rộng lẫn bề sâu, hẳn phải biết tùy thời mà hành động, chẳng nên vùi đầu vào sách vở mãi như thế. Trước khi nhắm mắt, cha đã chẳng khuyên tôi và chú phải thức thời sao?

Phan Huy Hạo đi kèm đạ:

– Cha hẳn vậy là vì thương con cái. Vì tình thương, vì thất thế, lời khuyên ấy không phải vì lý. Cũng không phải em chỉ sợ miệng thế chê cười đi phò tá cho kẻ đã hành hạ cha mình.

Phan Huy Thực cướp lời:

– Bất luận thế nào, mọi cái hiện tại đều phải, đều hợp lý. Tốt hơn hết là chú phải tỉnh táo, sáng suốt chọn cho mình con đường vinh thân và giữ được tiếng thơm của dòng họ. Chẳng nên cứ bo bo giữ lấy cái hủ hậu, lỗi thời, không để làm gì ấy!

– Điêu này anh nói đúng - Phan Huy Hạo thừa nhận - Ta chẳng nên khư khư giữ lấy cái đạo học đã lỗi thời, khép mình vào trong giáo lý cứng nhắc. Khi ấy, nếu là điêu phải thì sá gì những dư luận rơm rác. Nhưng thực lòng em thấy tân triêu không thu phục được nhân tâm. Thói thường, ai cậ vào sức thì bền lâu sao được?

– Thâm ý chú không phục tân triêu?

– Chẳng những thế, chắc gì họ tin dùng ta, con một danh sĩ Tây Sơn? Bởi vậy, dẫu có thi cử chắc gì đã đỗ đạt cao? Khi ấy chẳng phải chuốc lấy tiếng cười của thiên hạ sao?

– Tôi thực tài không bằng chú nhưng cũng đỗ đạt, được bổ dụng đó sao?

– Ấy là chỗ khôn ngoan của tân triều. Nhưng không phải vì một việc ấy mà bước đường hoạn lộ của bác thông đờng bén giọt đâu!

– Có thể chú nói đúng. Nhưng dẫu sao thì cũng là cách bảo toàn được mình, tránh được sự dòm dò, truy bức một khi chú khăng khăng bất hợp tác với họ. Vậy nên, khoa này chú cũng nên ứng thi. Cổ nhân nói: biết mà không làm được đi đâu mình biết, ấy là không biết vậy.

Hồi lâu suy nghĩ, Phan Huy Hạo miễn cưỡng:

– Anh đã chân tình khuyên vậy, em lẽ nào không nghe lời.

*

* *

Do nhiều nguyên nhân: vì không toàn tâm toàn ý cho việc đi thi, vì lối học của Phan Huy Hạo cốt ứng dụng cho đời chứ không chuyên chú gọt giũa thơ văn nhớ điển tích, còn vì không ít người ghen ghét tài năng xuất chúng của Phan Huy Hạo, đồng thời triều đình ngại e con một danh sĩ có công với triều Tây Sơn, nên hai lần đi thi, cả hai lần Phan Huy Hạo chỉ đỗ tú tài. Vì quê hương Phan Huy Hạo ở làng Thày nên từ đó nhân dân gọi ông là “Kép Thày”.

Dẫu không đỗ đạt cao nhưng Phan Huy Hạo chẳng mấy bận tâm suy nghĩ về kết quả thi cử của mình. Ông gác ngoài tai mọi lời đàm tiếu khích bác. Ông đau xót nhận ra rằng, việc ông không đỗ đạt cao là cái có để nhiều nho sĩ thường giao du với ông, nay bỗng dưng vắng bóng. Cái gì khiến cho họ cần thân để rồi lại xa lánh ông? Phan Huy Hạo tự hỏi - Phải chăng, ông không đứng trong hàng đại khoa, và do đó, không được triều đình ban cho quyền cao chức trọng? Lòng người đen bạc vậy thay. Bởi thế, Phan Huy Hạo càng thêm quý những nông phu chân thật xung quanh ông và ngày càng gắn bó thông cảm với họ. Việc Phan Huy Hạo không đỗ đạt cao cũng là cái có để ông đoạn tuyệt hẳn những tư vương về công danh, hoàn toàn yên tâm để bắt tay vào công việc đã dự định từ buổi thiếu thời. Muốn xa lánh mọi sự xa hoa phù phiếm để hoàn toàn tĩnh tâm cho công việc mà ông biết phải làm trong nhiều năm, Phan Huy Hạo làm hẳn một ngôi nhà trên núi Sài Sơn, kiên quyết tạ khách, nguyện sống hết mình cho việc trước thuật. Không hiểu được hoài bão ấy của Phan Huy Hạo, nhiều người lầm tưởng con đường “quay về núi” của ông là hành động của kẻ chán ngán, gặp biến thì lánh đời, hoặc quay về với thiên nhiên để được “nằm trên đá, ngủ dưới hoa”, “đi thung dung, về ngắt ngửng” như một số nho sĩ lúc ấy đã làm. Trước sau Phan Huy Hạo không một lời thanh minh.

*

* *

Tự nguyện tách mình ra khỏi những bon chen trên đường công danh lợi lộc để hóa thân cho việc trước thuật với hoài bão để lại cho đời một bộ sách đồ sộ, bao gồm đủ các mặt của đời sống xã hội, Phan Huy Hạo đã

thực hiện một nếp làm việc bền bỉ, khắc khổ và với sự cố gắng phi thường. Hàng ngày Phan Huy Hạo thức khuya dậy sớm, mải mê đọc sách, cẩn thận ghi chép, khảo xét, đính chính và viết lời bàn về các mặt tài liệu và phân loại các tài liệu ấy theo từng mục, từng vấn đề đã định trước. Ấp ủ một hoài bão lớn, Phan Huy Hạo cũng làm việc với lòng háo hức và tự tin thực hiện hoài bão đó. Vốn đã thu tóm được đầy đủ đầu mối điển chương, tinh hoa của từng loại sách của gia đình, lại mượn được nhiều cuốn sách quý trong kho sách của dòng họ Ngô Thì ở làng Tó²²⁸, Phan Huy Hạo sớm hoạch định được từng bộ môn cần khảo xét để sắp xếp một cách có trình tự, có hệ thống. Theo sự phân loại, sắp xếp ấy, bộ sách mà Phan Huy Hạo sẵn sàng dành cả đời để làm, gồm có mười bộ môn, còn gọi là mười chí, có quan hệ với nhau và đều là những vấn đề cốt yếu của quốc gia:

Địa dư chí: khảo về đất đai, phong thổ và lịch sử địa lý Việt Nam qua các đời.

Nhân vật chí: nói về tiểu sử từ vua chúa, tướng sĩ đến những người trung thần, tiết nghĩa có công với nước.

Quan chức chí: xét về chế độ quan lại ở Việt Nam.

Lễ nghi chí: khảo sát các quy định, thể chế, phẩm phục của vua chúa, quan lại cùng các nghi lễ trong triều đình.

Khoa mục chí: nói về chế độ giáo dục, khoa cử đời xưa.

Quốc dụng chí: viết về chế độ thuế khóa, tài chính qua các triều.

Hình luật chí: xét về pháp luật các đời.

Binh chế chí: khảo về quy chế tổ chức và việc luyện binh qua các đời.

Văn tịch chí: nói về tình hình sách vở nước Việt xưa.

Bang giao chí: khảo về việc giao thiệp, nghi lễ đón tiếp sứ thần các nước qua các đời.

Tự thấy dung lượng sách rất lớn; việc làm sách vì vậy, rất công phu, nhưng Phan Huy Hạo phấn chấn, hăm hở làm việc quên mình.

*

* *

Tiếng trống Hội xuân ở làng Thây nổi lên từng hồi giục giã, có sức hấp dẫn lạ thường. Nghe những âm thanh vang vang náo nức ấy, Phan Huy Hạo thoáng mỉm cười, dừng bút. Không trở về làng vào những ngày Hội vui vì không muốn làm gián đoạn công việc trước thuật nhưng Phan Huy Hạo vẫn biết đó là tiếng trống gọi dân làng khi cuộc thi vật sắp sửa bắt đầu. Vốn là người thích xem đấu vật từ thuở nhỏ, nghe tiếng trống hấp dẫn ấy, Phan Huy Hạo thấy bồn chồn chẳng yên. Ngoài kia mặt trời đã nhô cao. Những khóm lá dầm sương đêm tiếp tục bốc hơi. Gió pha lẫn nắng và hơi sương lùa vào căn phòng khiến Phan Huy Hạo thoáng rùng mình. Bị không khí Hội xuân lôi cuốn mấy lần, Phan Huy Hạo buông bút rồi lại dần lòng vội vàng cầm lấy bút. Ông muốn quên đi tất cả, quên đi cả âm thanh gọi cảm để chép lại những trang bản thảo đã được sửa chữa rất cẩn thận. Nhưng rồi không tự kìm chế được mình, tay vẫn cầm bút, ông miễn cưỡng đứng dậy bước ra ngoài. Trước mặt Phan Huy Hạo, cả Sài Sơn hùng vĩ nhuộm một màu vàng óng ả. Cây Hoàng đàn ngay trước căn nhà đơn sơ, tỏa bóng rợp cả mặt sân. Lá cây lay động làm cho những chấm nắng vàng nhảy nhót nô giỡn trên áo, trên cả mái tóc sớm điểm bạc của ông. Không biết đã bao năm, Phan Huy Hạo tự nguyện xa lánh bằng hữu, xa lánh những lạc thú,

dành tất cả sức lực và sự hăm hở, say mê cho việc soạn sách trong căn nhà quen thuộc và quá ư tĩnh mịch này. Cũng trong bao năm ấy, ông đã đọc đi đọc lại hàng vạn sách, ghi chép rồi nát óc suy nghĩ viết ra hàng chục vạn trang giấy, để rồi bắt đầu từ hai tháng nay, miệt mài chép lại từng chữ đã thảo xong sau bao lần sửa chữa công phu. Trên đầu ông, tóc đã điểm bạc, người ông tiều tụy nhưng tâm hồn ông xiết bao sáng khoái. Ông không ngờ công việc trước thuật lại khó khăn đến thế. Trong những năm soạn sách, ông bỗng hiểu một điều tưởng như bình thường mà lại không dễ dàng: nghĩ được điều hay, ý đúng đã khó, diễn đạt những ý đã có trong đầu ấy ra trang sách lại càng khó hơn. Ông tự hào đã vượt qua bao lần vì ngại khó định bỏ dở công việc để ép mình ngả vào án thư, cần lấy bút, khi đầu óc ông muốn vỡ tung ra vì căng thẳng. Ông tự hào đã không tiếc công sức đi sâu tìm hiểu căn kẽ từng bộ môn. Hơn thế, bao quát, hệ thống các kiến thức trong từng bộ môn, đặt nó trong quan hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau bằng sự hiểu biết uyên thâm và bằng tấm lòng yêu dân, yêu nước của mình. Ông tự hào đã bằng công trình sưu tầm, khảo xét quy mô, tìm trong hàng đống sự kiện bẽbỏn sự thực lịch sử cốt lõi, bỏ thô lấy tinh, đẽ đòng lời dày công kê cứu bổ sung những tìm tòi của mình để viết ra từng chữ, mỗi chữ lại chia ra từng mục, chép riêng từng tập, nối liền với nhau gọi là: *Lịch triều hiến chương loại chí*. Ông tự hào đã công minh xem xét, đánh giá từng triều đại, ghi chép tiêu sử những người có công với dân nước, nêu gương cho hậu thế. Sau hết, ông vui mừng vì thấy mình đã bày tỏ được tấm lòng thương dân, thông cảm số phận của người nghèo. Lòng thương dân ấy được thấm nhuần qua cách nhìn nhận, đánh giá từng sự kiện, từng việc đã ghi trong sử. Chẳng hạn, đối với vấn đề ruộng đất, khác với các nhà soạn sách trước, Phan Huy Hạo có cách nhìn nhận hoàn toàn mới mẻ. Theo ông “chính sách nuôi dân không gì bằng làm cho dân có tài sản; mà

muốn cho dân có tài sản, chủ yếu là việc quân điền. Bởi tai họa trong một nước do chỗ ruộng đất không quân bình. Nếu tài sản mọi người được bình thường thì nhân dân tất nhiên được đầy đủ. Chế độ ruộng đất Bắc Hà từ trước đến nay, sổ sách thiếu sót không thể kê cứu được. Nhưng đại thể, ruộng đất của nhân dân để mặc cho bọn cường hào chiếm đoạt. Hơn một ngàn năm nay, những người làm vua làm chúa trong nước không ai khôi phục lại chế độ ruộng đất của đời cổ để trừ bỏ tai vạ cho dân”...

Tiếng trống trong ngày Hội xuân lại từng đợt từng đợt vọng tới, cắt đứt mạch suy nghĩ của Phan Huy Hạo. Phóng tầm mắt nhìn về hướng ấy, ông ngơ ngàng trước vẻ đẹp quyến rũ của núi rừng Sài Sơn. Nhưng rồi, nghĩ tới khối lượng công việc đang làm, ông phác một cử chỉ dứt khoát, trở lại án thư, lần giở tập bản thảo. Phan Huy Hạo đọc lại đoạn văn vừa chép vào giấy đẹp: “Của báu một nước, không gì quý bằng đất đai. Nhân dân và của cải do đấy mà sinh ra...”.

Đúng vậy - Phan Huy Hạo dừng lại suy nghĩ. Mỗi lần luận về cương vực núi sông, luận về công lao xây dựng, bảo vệ giang sơn của tổ tiên, bao giờ Phan Huy Hạo cũng thấy tâm hồn mình lâng lâng phấn chấn. Cho nên, khảo sát về cương vực, phong thổ, xem xét sự thay đổi về địa lý qua các đời, Phan Huy Hạo không quên ghi lại lịch sử đấu tranh vẻ vang của dân tộc vốn có quan hệ mật thiết mật còn đối với vận mạng của Tổ quốc. Ông hào hứng đọc tiếp: “... Nhà Đinh nổi lên gây nên thống nhất. Tiễn Lê nổi sau mở rộng thêm ra, bờ cõi nước Việt ta bây giờ mới định hẳn. Sau đến Lý, Trần thay nhau đứng lên chống chọi với Tống, Nguyên. Lê Thái Tổ nổi dậy quét sạch giặc Minh, vận hội đến lúc thịnh, cõi đất ngày rộng ra”.

Phan Huy Hạo lại dầm bút vào nghiên mực, sửa lại thế ngòi cho ngay ngắn, chép tiếp tập Địa dư chí.

*

* *

Vừa gương dậy được sau trận ốm dài ngày vì làm việc quá sức, Phan Huy Hạo đã lại hăm hở bắt tay vào công việc. Và buổi sáng ấy, sau khi chép xong phần lời tựa chung cho bộ sách, Phan Huy Hạo hân hoan xếp lại từng chỉ để đóng. Vừa khi ấy, vợ ông tay bưng bát thuốc dẫn theo đưa con gái trạc 10 tuổi từ nhà dưới đi lên. Thấy chường có nước da xanh tái, cặm cùi bên chường sách, thiếu phụ ái ngại đến bên chường, giọng không vui:

– Thầy nó chưa khỏe hẳn, chẳng nên gắng gương như vậy. Thuốc sắc đã được rồi đây, xin thầy nó chịu khó uống cho chóng lại sức.

Nhanh nhẹn đón lấy bát thuốc, Phan Huy Hạo âu yếm nói với vợ:

– Bu nó vừa phải làm lụng nuôi nấng con cái, trông nom nhà cửa vừa phải đi lại hai nơi nuôi chường. Tôi thực vô dụng.

Cặp mắt rất đẹp của thiếu phụ chợt long lanh:

– Đạo vợ chường kể chi chuyện ấy. Thấy thầy nó bao năm lao tâm khổ tứ, tôi những giận mình đầu óc ngu tối, chẳng san được nổi vất vả, khó nhọc cho chường.

– May thay công việc đã hoàn tất. Chỉ còn đóng lại từng tập nữa mà thôi.

Ngắm nghía chường sách đồ sộ, xếp cao ngất trên án thư, vợ Phan Huy Hạo không giấu nổi lòng kính phục. Vốn là người có chút ít học vấn, hiểu được lòng chường, hơn thế, hiểu được sự nghiệp cao cả của chường, giọng thiếu phụ xúc động:

– Thôi, thầy nó hãy đi nghỉ ngơi. Việc gì không giúp được thầy nó chứ đóng sách, hẳn tôi làm được.

Cảm kích trước tấm lòng của vợ, Phan Huy Hạo vui vẻ:

– Nếu không có bu nó giúp rập, tôi đâu soạn được ngân ấy sách.

Thiếu phụ mặt đỏ bừng:

– Thầy nó nói như thế làm gì? Thầy nó vui là lòng tôi vui. Thấm thoát đã hơn 10 năm rồi còn gì.

Sực nhớ ra đứa con gái đang tha thân chơi ngoài hiên, thiếu phụ gọi con vào và nói với chồng:

– Khi thầy nó vào đây, con bé mới lọt lòng. Nay nó đã hơn mười tuổi mà cha con chẳng mấy lúc được gần nhau.

Đứa bé đến bên cha giọng rụt rè pha chút nũng nịu:

– Nay mai bố sẽ về hẳn ngoài làng với chúng con, phải không bố? Thôi, bố đừng ở trong núi nữa, con nhớ bố lắm.

Phan Huy Hạo vụng về kéo con vào lòng. Những đi đâu vợ con ông vừa nói không có hàm ý trách móc nhưng đã khơi dậy trong ông nỗi vui buồn xen kẽ. Vui vì ông đã bỏ ra trọn mười năm hoàn toàn hiến thân cho việc trước thuật để viết được 49 tập sách bao gồm 10 bộ môn lưu lại đời sau. Vui vì ông đã đổi những năm tuổi trẻ và bằng nghị lực phi thường để thực hiện trọn vẹn hoài bão của ông từ buổi thiếu thời. Buồn vì trong bao năm ấy, ông không giúp đỡ được vợ con, phó mặc hoàn toàn mọi việc trong gia đình cho vợ. Ông khổ tâm khi nghĩ rằng, vì sự nghiệp trước thuật của ông, người vợ mà ông rất mực yêu quý và chịu ơn đã chịu bao thiệt thòi, hy sinh để gánh vác mọi công việc, tự nguyện hứng chịu bao vất vả để ông

yên lòng đèn sách. Và còn đưa con gái bé bỏng này nữa. Ông tự thấy như có đi đầu gì chưa phải. Nghĩ vậy, ông vuốt tóc con:

– Ngày mai, bố sẽ về ở hẳn với con. Bố sẽ dạy con học.

Quả như lời Phan Huy Hạo nói với con. Sau khi soạn xong “Lịch triều hiến chương loại chí” - bộ sách đồ sộ gồm 49 tập mà người đời sau xem như một công trình nghiên cứu đánh dấu bước phát triển cao của thành tựu khoa học nước nhà, bộ sách mà nhờ nó, tên tuổi Phan Huy Hạo được tôn sùng, nhân dân gọi ông là nhà bác học, nhà soạn bách khoa toàn thư của Việt Nam - ông đã trở về đoàn tụ với gia đình. Phan Huy Hạo đâu ngờ, sau đó không lâu, tài năng ông lan truyền khắp nước và đời ông bước sang một khúc ngoặt hoàn toàn bất ngờ. Vua Minh Mệnh hay biết, năm 1821 đã xuống chiếu vời ông về kinh.

III

Được vua Minh Mệnh vì chuộng tài, trao cho chức biên tu trường Quốc Tử Giám, nhất là sau khi dâng “Lịch triều hiến chương loại chí”, được nhà vua khen thưởng²²⁹, Phan Huy Chú²³⁰ phần nào vơi được nỗi băn khoăn bấy lâu. Trong sự suy tưởng của ông, Minh Mệnh tuy tự phụ, độc ác nhưng có thể là vị vua biết quý trọng nhân tài. Nếu quả vậy, ước mơ đem việc học ứng dụng cho đời, đem vốn hiểu biết đã tích lũy được bao năm, làm lợi cho dân nước của Phan Huy Chú sẽ có cơ thi triển được. Ý nghĩ ấy thôi thúc Phan Huy Chú nghiên cứu tìm ra con đường trị đời cứu nước. Về mặt này, Phan Huy Chú có nhiều thuận lợi. Do học rộng, ông có cái nhìn bao quát. Từng sống ở thôn dã, ông hiểu được nỗi khổ và ước nguyện của dân nghèo. Ý nghĩa muốn được đem tài năng giúp đời khiến Phan Huy Chú lưu

tâm tìm hiểu cơ sở trị nước của triều Nguyễn, tìm hiểu lẽ thịnh suy của các triều đại trước, mong có dịp dùng đến.

Bởi ấp ủ tấm lòng ưu ái vì dân nước, năm 1823, khi được thăng chức Lang trung bộ Lại, Phan Huy Chú đã mạnh dạn dâng sớ đi đầu trần về bốn việc:

Trước hết, Phan Huy Chú khuyên vua hãy xem dân là gốc của nước. Gốc có vững, xã tắc mới yên. Muốn vậy, triều đình phải thư sức cho dân, phải bớt sưu thuế, bớt lính và bớt những phiền hà khác.

Thứ hai, Phan Huy Chú khuyên vua thực hiện chế độ quân điền. Theo ông, mục đích của việc quân điền này là làm thế nào cho dân từ một tấc đất đều được khai khẩn, mọi người đều có ruộng làm, chữa khỏi các bệnh đau khổ của người nghèo, dập tắt được nạn lấn chiếm của bọn cường hào lý dịch. Khi dân đã có tài sản bình thường để cải thiện đời sống, họ sẽ ra công cấy cày, làng xã được yên vui, tiến lên làm việc dạy dân chúng xây dựng phong tục.

Thứ ba, Phan Huy Chú khẩn thiết khuyên vua bãi bỏ những cuộc hành binh dẹp loạn. Theo ông, dân nổi loạn là vì đói rét mà sinh ra. Nếu không giúp dân được no đủ thì mần loạn chẳng thể nào dẹp yên được.

Cuối cùng, Phan Huy Chú khuyên vua hãy nghiêm trị bọn quan lại sâu mọt chuyên đục khoét lương dân. Ông lập luận: tự mình tu đức để giáo hóa dân thì sâu hơn mệnh lệnh, dân bắt chước người trên thì nhanh hơn pháp luật; pháp luật mà không thi hành được lại do người trên phạm.

Thảo xong bản đi đầu trần gói gọn những ý trên, Phan Huy Chú vội dâng lên vua. Ông hy vọng nếu vua nghe theo những lời tâu ấy, họa hoạn sẽ dứt, nước sẽ thịnh, dân sẽ giàu. Ông vui mừng vì đã thực làm được một việc

nghĩa. Một vị vua anh minh không thể không lưu tâm nghe những lời khuyên của ông.

*

* *

Vừa bãi triều, vua Minh Mệnh²³¹ sửa soạn về cung riêng thì viên phụ chính vội vã bước vào.

– Trẫm biết khanh không được khỏe. Vậy có việc gì cần tâu bày mà khanh vất vả vậy?

– Muôn tâu Thánh thượng - viên phụ chính quỳ tâu-thần đã xem bản sớ dâng Thánh thượng của Lang trung bộ Lại Phan Huy Chú. Xét thấy tờ sớ có nhiều ý tưởng mới lạ, thần vội làm lễ triều kiến dâng Thánh thượng.

Vua Minh Mệnh đáng không vui:

– Phan Huy Chú! Trẫm nhớ rồi, người đã dâng “Lịch triều hiến chương loại chí” và đã được trẫm ban thưởng!

– Muôn tâu Thánh thượng! Chính là con người có thực tài ấy.

Cho viên phụ chính được bình thân, vua Minh Mệnh cầm lấy tờ sớ chăm chú đọc. Nét mặt vua biến đổi theo những việc viết trong bản đi đầu trên. Đến khi đọc xong, cặp mắt sắc của vua bỗng long lên, khóe môi rần rật. Vua vỗ ngai quát:

– Khanh đã đọc kỹ tờ sớ này chưa?

Hoảng hốt trước cơn thịnh nộ bất ngờ của vua, viên phụ chính lúng túng:

– Lệ thường, thần đã xem qua. Thật là một con người táo bạo.

– Sao? - Vua Minh Mệnh mặt tái đi – Khanh không thấy hấn viết những điếu ngông cuồng bậy bạ, có ý dạy đời đó hay sao?

Viên phụ chính lấp lửng:

– Thần cũng thấy như có điếu gì không phải.

Thích thú thấy bầy tôi luống cuống, Minh Mệnh bật cười:

– Huy Chú cần tiến thân mong được trăm cất nhắc như bọn Mao Toại tự tiến²³². Con người ấy thật lắm tham vọng.

Viên phụ chính lộ vẻ hân hoan:

– Tâu Thánh thượng! Mao Toại là người có tài trí. Nhờ được trọng dụng mà nước Triệu trở nên có thanh thế.

Vua Minh Mệnh giọng khinh khỉnh:

– Vua nước Triệu thấp mưu ít mẹo mới phải dùng Mao Toại. Còn trăm, trăm đâu cần phải nghe một viên tiểu quan như Chú.

Vốn thần phục Phan Huy Chú về tài năng, lại dám khẳng khái tâu rõ hiện tình đất nước loạn lạc²³³ việc mà chưa một viên quan nào, kể cả các đại thần dám tâu vua, đồng thời nhận thấy bản điếu trần của Phan Huy Chú không phải không có những ý sắc sảo, nhưng biết vua tự phụ, viên Phụ chính chỉ lặng im không nói.

Trong lúc ấy, lần nữa đọc thoáng qua bản điếu trần của Phan Huy Chú, vua Minh Mệnh trì triết:

– Phan Huy Chú là con một đại thần của Tây ngụy²³⁴. Nhờ có chút học vấn, trăm không nỡ hẹp lượng mà trọng dụng hấn. Ai dè hấn không biết mình biết người, muốn trèo cao bay xa, ăn nói như một kẻ mất trí. Hãy

xem, trong lúc giặc cỏ nổi lên làm loạn, hấn khuyên trăm bãi binh dẹp loạn? Trong lúc trăm ban thưởng ruộng đất cho kẻ có công, hấn khuyên trăm chia ruộng cho dân đen? Nếu trăm không muốn mang tiếng ác, riêng những việc sàm tấu này cũng đủ giao hấn cho hình quan xét xử.

Viên Phụ chính can vua:

– Thần xét thấy Phan Huy Chú nghĩ viễn vông vậy chứ không cố ý phạm thượng. Vậy đề răn đe Chú, lưu được tiếng nhân đức, Thánh thượng chỉ cần trả lại tờ sớ cho họ Phan là đủ²³⁵.

Vua Minh Mệnh dụ giọng:

– Nể Khanh, trăm bỏ qua cho hấn một lần.

*

* *

Cái tin Phan Huy Chú dâng sớ đi đầu trần bốn việc bị vua Minh Mệnh quở trách, trả lại, đã không cánh mà bay, lan nhanh trong giới quan trường ở kinh đô. Hay tin ấy, Phan Huy Thực lật đật tìm em, giọng không vui:

– Chú là người học rộng mà sao cặn nghĩ vậy? Chú không biết vua thường sợ và nghi kỵ kẻ có tài, nhất là các sĩ phu Bắc Hà; cho nên luôn luôn xét nét, kiểm cớ răn đe quan lại đó sao? Chú phải cẩn trọng kẻo mang vạ!

Phan Huy Chú than thở:

– Em những tưởng đã cốt vì thiên hạ thì phải không sợ chết để đem cái học vấn của mình phụng sự cho dân nước. Người xưa đã chẳng nói: lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm. Thuốc đắng uống khó

chịu nhưng chữa được bệnh. Nói khó nghe là thuốc, nói ngọt là bệnh tật đó sao? Em đâu ngờ sự thế này!

Phan Huy Thục trách:

– Chú bao năm vùi đầu vào trước thuật không còn biết lẽ sống ở đời. Chú quên rằng, khi đã bình được thiên hạ, các bậc đế vương ưa dùng bọn xu nịnh hơn là các trung thần đó sao? Họa, phúc lại chính bởi từ đấy mà sinh ra.

Phan Huy Chú chua chát:

– Thật là một ngàn lời khuyên không bằng một cái gai kinh nghiệm. Có lẽ em cứ giả câm giả điếc là hơn.

– Tùy chú, nhưng nói thẳng mà sinh họa thì có ích gì? Trí địch muôn người mà không hiểu người thì cũng như người ngu vậy!

Bị trách móc nặng nề nhưng Phan Huy Chú không giận anh. Ngược lại, ông thấy rõ nhân cách của vua Minh Mệnh và tự thấy thương mình.

Phan Huy Chú không vội từ quan nhưng cũng giống như nhiều bậc tài trí khác thời ấy, ông không bao giờ được vua thực bụng tin dùng. Từ sau lần bị Minh Mệnh đối xử thô bạo, ông trở nên rất kín đáo. Không vội từ quan vì sợ mang lụy, nhưng Phan Huy Chú không còn những hăm hở buổi đầu nữa. Trí giúp dân dựng nước, ý muốn đem tài kinh luân thi thố cho đời, vì vậy, chỉ còn là những tâm sự u uất. Cho nên, hơn 10 năm làm quan dù có lúc được thăng Hiệp trấn Quảng Nam, từng hai lần đi sứ, nhưng ông vẫn luôn bị vua trách phạt²³⁶.

Cuối cùng, chán ngán cuộc đời làm quan, Phan Huy Chú vin cớ đau yếu, xin từ quan về nhà mở trường dạy học. Sống ở quê, thoát ra khỏi vòng vây ngọt ngào của triều đình Minh Mệnh, Phan Huy Chú thấy thanh

thản trở lại. Đêm đêm ông lại chong đèn viết sách không mỏi²³⁷. Một ngày thu năm 1840, Phan Huy Chú đã mất ngay cạnh chõng bản thảo vừa hoàn thành, thọ 58 tuổi.

QUỲNH CƯ

Cùng bạn đọc thân mến

Qua bốn tập “Những vì sao đất nước”, chúng tôi đã nhận được rất nhiều ý kiến xây dựng về nhiều mặt khác nhau của đông đảo bạn đọc. Xin chân thành cảm ơn các bạn.

Trở lại mục đích của Nhà xuất bản ra loại sách này là nhằm thông qua một số danh nhân lịch sử để thanh niên ta học tập tinh thần giữ nước và dựng nước của ông cha xưa, đến nay, phần lớn công việc của đợt đầu đã được thực hiện, chúng tôi tạm ngừng lại ở tập 5.

Rất mong được bạn đọc tiếp tục đóng góp cho nhiều ý kiến bổ ích để chúng tôi sửa chữa, nâng cao thêm, chờ khi có điều kiện đầy đủ, việc tái bản “Những vì sao đất nước” sẽ được hoàn hảo hơn.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NHỮNG VÌ SAO ĐẤT NƯỚC
(TẬP V)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Biên tập: PHAN XUÂN

Sửa bài: NGUYỄN MÃN

Trình bày: TRẦN NGỌC QUỲ

In 29.200 cuốn tại Nhà máy in Thống Nhất - 24 Lý Quốc Sư, Hà-nội

Khổ 13 x 19 - Số in 36 - Số XB 25

In xong ngày 20-6-1978

Nộp lưu chiểu tháng 6-1978

tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Các sách, cổ: *Việt điện u linh*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Hoàng Việt địa dư*...
đầu chép: Lý Thường Kiệt là người phường Thái Hòa ở kinh thành Thăng Long, từng làm nhà ở phường Thái Hòa.

Có thuyết nói: ở phía bắc vườn Bách Thảo (Hà Nội) hiện nay. Có thuyết nói: ở khu vực phố Hàng Cỏ (ga xe lửa Hà Nội).

Chức tước của Lý Thường Kiệt: quan võ đứng đầu triều đình.

Con nuôi của vua.

Được mang họ của vua.

Sử cũ chép: mới 13 tuổi, Lý Thường Kiệt đã ngày tập bắn cung, cưỡi ngựa, lập doanh trại, bày trận đồ đêm đọc binh thư, binh pháp của Tôn tử, Ngô Khởi...

Chức quan võ nhỏ trong đội quân cưỡi ngựa của vua.

Sử cũ chép: vua Lý Thánh Tông thấy Lý Thường Kiệt dung mạo đẹp đẽ, tài năng khác thường, mới khuyên ông tự thiến mình đi để tiện việc gần gũi nhà vua trong cung cấm. Lý Thường Kiệt thuận theo.

12 năm.

Nay là thành Nam Ninh ở Quảng Tây (Trung Quốc).

Sử phong kiến Trung Hoa, các sách *Tống sử* và *Tục tử trị thông giám trưòng biên* đầu chép việc nhà Tống h ồi thế kỷ 11, ra lệnh đề phòng thám tử của nhà Lý cải trang thành nhà sư để hoạt động trên đất Tống.

Sách *Đông di bút lục* chép việc đời Tống, viết: năm 1074, để chuẩn bị xâm lược nước Đại Việt, Tống triều đã cử Lưu Di hay Thẩm Khởi đứng đầu tỉnh Quảng Tây vì nghi Khởi trù trừ trong việc chuẩn bị xâm lược.

Nay là cả miền Nghệ-Tĩnh.

Tư tưởng chiến lược xuất sắc này của Lý Thường Kiệt - tấn công để phòng ngự-sách *Việt điện u linh* đã ghi lại được nguyên văn: “Ngồi chờ giặc đến, không bằng đem quân ra trước để phá cái thế mạnh của nó”.

Sách *Vân đài loại ngữ* chép rằng Thái Diên Khánh là một viên quan nhà Tống, học được phép hành quân của nhà Lý (do Lý Thường Kiệt xây dựng), đã đem trình lên vua Tống, được vua Tống rất khâm phục.

Đây là tư tưởng của Nho gia mà sử thần Ngô Sĩ Liên cũng đã phản ánh nguyên văn trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Năm 1077.

Để ngăn chặn quân xâm lược Tống, trong các năm 1076 - 1077, Lý Thường Kiệt đã cho xây dựng một phòng tuyến dài khoảng 80km, lấy dòng sông Cầu làm hào, dùng đê nam ngạn sông Cầu làm thành lũy.

Tên một đơn vị quân đội thường trực thiện chiến của triều đình nhà Lý.

Nay là miền Quảng Ninh, Hải Phòng.

Số liệu lấy trong sử của nhà Tống, sách *Tục tư trị thông giám trường biên*.

Sách của nhà Tống: *Nhị Trình di thư*, bàn về sự thất bại trong cuộc viễn chinh năm 1076 - 1077 của Tống binh trên đất Đại Việt cũng đã phải than thở: “Quân vào sâu quá trong đất địch”!

Tức là bến Ngọt, một bến sông quan trọng ở huyện Yên Phong tỉnh Hà Bắc ngày xưa, cũng có lúc được dùng để gọi tên cả dòng sông Cầu.

Sử phong kiến Trung Hoa, sách *Đàm Phố* cũng chép một câu tương tự như vậy.

Hồ Đàm đàm thời Lý, tức Hồ Tây ở Hà Nội bây giờ.

Phường có nghề dệt và làm giấy nổi tiếng của kinh thành Thăng Long ở phía bắc Hồ Tây.

Bài thơ được coi như “Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất” của dân tộc này, tạm dịch (theo cụ Hoa Bằng):

“Sông núi nước Nam, vua Nam coi

Rành ràng định phận ở sách trời.

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?

Bay sẽ tan tành chết sạch toi!”

Đó là thần Trương Hống, Trương Hát - những anh hùng cứu nước từ thời Tiền Lý (thế kỷ thứ 6) – mà suốt dọc sông Cầu, cho đến nay vẫn còn nhiều đền thờ.

Sử cũ, sách *Việt điện u linh* chép : “Đang đêm, nghe tiếng vang trong đền đọc bài thơ ấy, quân ta đều phấn khởi, quân Tống sợ táng đởm, không đánh đã tan”.

Lính do thám và truyền tin.

Theo Phan Huy Lê...: *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Hà Nội, 1976.

Bờ sông Cầu, trên quốc lộ 1, gần thị xã Bắc Ninh ngày nay

Sách *Đàm Phõ* của phong kiến Trung Hoa chép với giọng khâm phục: Hoàng Chân có một đội thân quân thiện chiến gồm 500 người. Họ đều cần mỗi người một chiếc thẻ vàng để làm hiệu riêng. Khi thuyền của họ bị chìm, tất cả đều vẫn nắm giữ vững những thẻ vàng mà chết.

Khoảng 12 giờ đêm.

Sách *Đại Việt sử lược* chép: trận này, Lý Thường Kiệt đã giết đến năm sáu phần mười quân Tống.

Ở nơi đã diễn ra trận đánh này của Lý Thường Kiệt-xã Mai đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc-đến nay vẫn còn những di tích thảm bại của giặc, mang những tên gọi: Gò Xác, Đồi Xác, Chùa Xác... (Phạm Thị Tâm: Những chiến tích vẻ vang bên dòng Như Nguyệt, in trong sách *Hà Bắc nghìn năm văn hiến* tập III).

Phong kiến nhà Tống đã phải trả giá rất đắt cho trận xâm lược Đại Việt bị thất bại này: 10 vạn quân chiến đấu chỉ còn sống sót 2 vạn trở về 20 vạn lính hậu cần cũng chỉ còn 12 vạn, nếu tính cả những tổn thất ở trận Ung Châu thì tất cả có 30 vạn quân Tống đã bị tiêu diệt. Chiến phí của giặc bị mất, tất cả cũng lên tới hơn 5 triệu lạng vàng!

Tấm bia chùa Linh Xứng dựng vào thời Lý đã viết về Lý Thường Kiệt trong thời gian trị nhậm ở Thanh Hóa như sau: “Ông, trong tỏ khoan minh, ngoài thì ân huệ. Sửa đổi tục xấu cho dân, không quản khó nhọc. Làm việc thì cốt tránh phiền cho dân, sai dân thì cốt dỗ dân vui lòng làm việc, vì đó mà dân được nhờ. Dem bụng khoan thứ cứu dân, lấy lòng nhân ái yên dân, vì đó mà dân kính phục...”

Miền Vân Nam (Trung Quốc) bây giờ.

Đại Việt sử ký toàn thư chép: Năm 1096, vua ngự hồ Mù Sương xem đánh cá, chợt thấy mây mù nổi lên, trong đám mù nghe có tiếng thuyền bơi đến gần, tiếng mái chèo rào rạo. Vua lấy giáo ném, mù liền tan, nhưng thấy hiện ra một con hổ trên thuyền. Mọi người sợ tái mặt đi, nói rằng: Nguy lắm rồi! Người đánh cá là Mục Thận vội lấy tấm lưới quăng trùm lên con hổ, thì ra là Thái sư Lê Văn Thịnh.

Sử về đời nhà Lý, sách *Đại Việt sử lược* chép: Năm Mậu Dần (1098) có động đất.

Đại Việt sử lược chép: Năm Canh Thìn (1100) có dịch lớn.

Nay là làng Đại Yên thuộc khu phố Ba Đình, Hà Nội.

Miền Bình Trị Thiên ngày nay.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép việc này.

Ngoài việc đánh Tống, Lý Thường Kiệt còn làm nguyên súy dẫn đại quân đi đánh Chiêm thành vào các năm 1069–1070, bắt sống được vua nước ấy.

Những câu nói của Vua Nhân Tông và của Lý Thường Kiệt ở đây là dựa theo sách *Việt sử thông giám cương mục*, đoạn chép việc năm 1103 của triều Lý.

Đình làng Đại Yên hiện nay vẫn còn thần tích và câu đối ca ngợi Nàng Hoa mới chín tuổi đã lập được chiến công rất lớn trong trận đi theo Lý Thường Kiệt đánh Chế Ma Na năm 1104.

Tên tướng Nguyên cầm đầu cuộc xâm lược Việt Nam năm 1257 - 1258.

Trần Thái Tông làm vua từ năm 1225-1258.

Trần Thánh Tông làm vua từ năm 1258-1278.

Trần Quốc Tuấn sinh vào khoảng từ 1231 - 1234, mất năm 1300.

Như trên đã nói, Trần Thủ Độ là người cưỡng bức vua Trần Thái Tông cướp vợ của anh. Bởi thế khi Thủ Độ giáng hoàng hậu Chiêu Thánh xuống làm công chúa, Thuận Thiên có mang ba tháng lên thay, chính vua Thái Tông đã bất mãn, đang đêm trốn ra khỏi thành đến núi Yên Tử ở với Quốc Sư Phù Vân. Sáng hôm sau, Thủ Độ đem quần thần đi đón ngự giá về kinh đô. Vua Thái Tông bảo:

- Trẫm còn thơ bé, chưa kham gánh được sự ký thác nặng nề Phụ hoàng đã vội lìa bỏ, trẫm sớm mất chỗ nương tựa. Bây giờ không dám ở ngôi vua để làm nhục xã tắc.

Thủ Độ hai ba lần nài nỉ không được liền bảo mọi người:

- Phàm hoàng thượng ở đâu thì triều đình ở đó.

Bèn dâng biểu xin dọn trong núi làm chỗ thiết triều. Hay tin ấy, Quốc sư Phù Vân nói với vua :

- Xin bệ hạ nên mau hồi loãn chứ đừng để làm hại đệ tử nơi rừng núi.-Trần Thái Tôn liền quay về kinh.

Khi Trần Liễu đến thuyên vua xin hàng, Trần Thủ Độ hay biết, đến thẳng thuyên ngự rút gươm quát :

- Giết tên bất nghĩa !

Vua Thái Tôn giấu Trần Liễu ở trong thuyên, bảo Thủ Độ:

- Phụng Kiền Vương (tước hiệu cũ của Trần Liễu ở thời Lý) đến hàng đó thôi.

Trần Thủ Độ vẫn muốn giết Trần Liễu. Thủ Độ giận quá, quăng gươm xuống sông, nói:

- “Ta là con chó săn thôi. Chưa biết đâu anh em bay, ai thuận ai nghịch”.

Vua Thái Tôn hòa giải mãi mới xong.

Bình Than thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương cũ.

Tên vua nước Nguyên khi ấy.

Trần Di Ái là sứ giả nhà Trần sang Nguyên - Vua Nguyên kiếm cớ xâm lược bằng cách phong cho Ái là An Nam quốc vương thay vua Trần rồi cùng Sài Thung đem 5.000 quân Nguyên về Đại Việt.

Cơ quan cai trị nước An Nam.

Chuyện xảy ra ở Thăng Long-Trần Quốc Tuấn đóng giả một vị sư đầu trọc vào yết kiến Sài Thung. Tên này ngạo mạn sai lính chọc vào đầu Trần Quốc Tuấn.

Sách Hoàng Thạch Công nói, xưa có một vị tướng giỏi gặp người biếu một giỏ rượu cái, ông đem đổ xuống sông rồi bảo các tướng sĩ đón dòng nước mà uống, ba quân do đó mà liều chết đánh giặc.

Ngô Khởi giỏi dùng binh, một người lính có nhọt, Ngô Khởi ghé mồm hút máu, làm cho người có nhọt ấy cảm kích mà ra sức.

Bút song chu là bút đỏ.

Nước ta lúc đó có chừng 6 triệu dân.

Phá giặc mạnh, báo ơn vua.

Hán Cao Tổ (206–195 trước công nguyên) bị Hạng Vũ vây gấp. Tín bên giả làm Hán Cao Tổ ra hàng Sở. Tín bị Hạng Vũ đâm chết, còn Hán Cao Tổ trốn thoát.

Sở Chiêu vương bị giặc lấy giáo đâm. Do Vu chìa lưng mình ra che đỡ cho Sở Chiêu.

Dự Nhượng người nước Tấn, đời Chiến Quốc (481–221 trước công nguyên) thờ Trí Bá. Khi Triệu Tương Tử và Hàn Ngụy diệt Trí Bá, Nhượng bèn sơn mình như quỷ, nuốt than làm câm đi giết Tương Tử để báo thù cho Trí Bá. Nhưng hai lần đều bị Tương Tử bắt được. Lần trước được Tương Tử thả ra, lần sau Nhượng đòi cái áo của Tương Tử mà đánh để tỏ ý trả thù cho Trí Bá rồi tự sát. (Dự Nhượng đã long bào).

Tề Trang công bị Thôi Trữ giết (548-trước công nguyên). Phàn Khoái là kẻ giữ việc lấy cá ăn, được sủng ái, cũng chết theo.

Theo bản dịch của Bùi Kỳ.

Quân trình sát.

Thuộc vùng Quảng Yên ngày nay.

Thoát Hoan được Hốt Tất Liệt phong là Trấn Nam Vương.

Trận xảy ra bên bờ sông Cái thuộc địa phận Hưng Yên, Hải Hưng ngày nay.

Khi sa vào tay giặc, Trần Bình Trọng đã nêu một tấm gương hy sinh anh dũng tuyệt vời. Giặc dò hỏi việc nước, Trần Bình Trọng không nói. Giặc muốn dùng tước vị, lợi lộc để mua chuộc. Chúng hỏi: Muốn làm vương đất Bắc không? Ông quát to lên rằng: “Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc”. Giặc tức giận, trói ông vào cọc chôn giữa sông, đợi nước thủy triều lên, phải chết. Có sách chép ông bị chúng chém đầu.

Về sau Trần Kiện bị gia nô của Trần Quốc Tuấn là Nguyễn Địa Lô bắn chết.

Khúc sông Cái thuộc Nam Xang (Lý Nhân) Hà Nam.

Trần Ích Tắc là con thứ tư vua Thái Tôn. Sau khi hàng giặc, hắn được phong “An Nam quốc vương”. Hắn đã bị chết nhục ở đất Nguyên.

An Tư công chúa là em út thượng hoàng Thánh Tôn.

Thuộc Ninh Bình.

Thuộc Nam Định, Nam Hà.

Thuộc Nam Định, Nam Hà.

Chỗ cửa sông Luộc nối với sông Hồng.

Khúc sông Hồng chảy qua xã Hàm Tử, Khoái Châu, Hưng Yên cũ.

Trong trận này bắt được cả tế thần Chiêm Thành là Ba-lậu-khê và cả bọn 30 người theo Toa Đô. Về sau, vua Trần trả họ về nước, Phạm Ngũ Lão cắt đầu Toa Đô dâng vua Trần.

Ô Mã Nhi lần này trốn thoát.

Cuốn sách này đã bị thất lạc.

...

Năm 1287, Hốt Tất Liệt lại cử Thoát Hoan đem quân sang xâm lược Đại Việt. Trần Quốc Tuấn lại được vua Trần cử làm Tiết chế thống lĩnh quân dân Đại Việt chống giặc. Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Trần Quốc Tuấn, quân dân Đại Việt lại lần nữa đại thắng giặc. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 thể hiện thiên tài quân sự của Trần Quốc Tuấn, đã được lịch sử đánh giá là một kỳ công của dân tộc.

Sau ba lần chỉ huy quân, dân Đại Việt đánh thắng giặc, vua Trần tiến phong Trần Quốc Tuấn làm Thái sư Thượng phụ Thượng quốc công bình Bắc Đại nguyên súy Hưng Đạo Đại vương, cho phép khi vào chầu được ng ưỡn, tâu không phải xưng danh.

Làng Dựng Tú, huyện Lương Giang là quê của Lê Lai, nay là xã Kiến Thọ, huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa.

Lam Sơn thuộc huyện Lôi Dương, quê của Lê Lợi, căn cứ đầu tiên của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nay thuộc xã Xuân Lan, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

Túc Sông Chu.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư” của Ngô Sĩ Liên. Bản dịch của nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 1968. Q. X.

Theo sử cũ, tổ tiên Lê Lai đời đời làm phụ đạo vùng này.

Ba con trai của Lê Lai về sau đều là tướng soái quan trọng của nghĩa quân Lam Sơn. Lê Lô bị tử trận ở Nghệ An năm 1425 về sau được truy tặng thiếu úy. Lê Lộ bị tử trận cuối năm 1424, sau được truy tặng thiếu úy. Lê Lâm có công lớn trong cuộc kháng chiến, năm 1428, được xếp vào hạng ba trong số những công thần theo khởi nghĩa từ đầu.

1416.

Nghiên cứu lịch sử số 105 - Bài “Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú” của Đặng Nghiêm Vạn.

1418.

Phía thượng du sông Chu, trên Lam Sơn.

Giữa hai huyện Thường Xuân và Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Theo Lam Sơn thực lục trong “Nguyễn Trãi toàn tập 9 - Nhà XBKH Hà nội, 1969.

Theo Lam Sơn thực lục.

Theo Lam Sơn thực lục.

Năm 1419.

Nguyên văn theo lời dịch “Lam Sơn thực lục.”

Nguyên văn theo lời dịch từ “Lam Sơn thực lục”.

Các sách Đại Việt thông sử chép Lê Lai bị bắt giải về Đông Quan. Lam Sơn thực lục chép Lê Lai bị bắt và bị giết: “Giặc liền vây và bắt trói đem vào trong thành xử bằng cực hình, khác hẳn các hình phạt thường dùng”. Cương mục chép Lê Lai bị bắt và bị giết.

Thuộc Chương Mỹ - Hà Sơn Bình bây giờ. Đây là chiến trường của trận “Tốt Động” xảy ra vào sáng 7-11-1426 tức 8-10 Bính Ngọ.

Tức Thăng Long.

Tên huyện thuộc miền núi Cẩm Thủy - Bá Thước, Quan Hóa, Thanh Hóa ngày nay.

Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn ngày 2-1 Mậu Tuất, tức là ngày 7-2-1418.

Tức là Minh Tuyên Tông, con Minh Thành Tổ, lên ngôi vua năm 1424.

Kinh đô Bắc Kinh Trung hoa ngày nay.

Theo “Lam Sơn thực lục”, Lê Lợi sinh ngày 6-8 Ất Sửu tức là 10-9-1385, khởi nghĩa lúc 33 tuổi, lúc này, 1427, đã 42 tuổi.

Thuộc Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Thuộc Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

Theo “Lam Sơn thực lục” - Giặc Minh đào hài cốt của bố Lê Lợi, nhằm buộc Lê Lợi đầu hàng. Lê Lợi sai Trịnh Khả, Bùi Bị tìm cách lên thuyền giặc cướp lại hài cốt mang về chôn vào đất cũ, tiếp tục chống giặc.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Theo “Lam Sơn thực lục” và “Đại Việt Sử ký toàn thư” Trần Cảo có tên là Hồ, mạo xưng là con cháu nhà Trần.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Theo “Lam Sơn thực lục”.

Minh sử (theo Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn trong “Khởi nghĩa Lam Sơn”.

Không thành thực thì sự vật gì cũng không được.

Xem việc làm như thế nào, xét lý do tại sao mà làm, nhận thấy có vui vẻ mà làm hay không?

Theo lời dịch trong “Quân trung từ mệnh tập) Nguyễn Trãi toàn tập.

Thuộc xã Phú viên, Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

Dịch từ “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Một chức võ quan cao cấp sau hàng Thái úy.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”, Lê Lợi phong chức này cho Nguyễn Trãi sau khi chuyển bản Doanh về dinh Bồ Đề

Theo “Đại Việt Sử ký toàn thư”.

Theo văn bia Vĩnh Lăng, trong trận Chi Lăng, quân ta bắt sống bọn Hoàng Phúc, Thôi Tụ hơn 300 người và hơn một vạn quân sĩ.

Thư cho Vương Thông Xem “Quân trung từ mệnh tập” của Nguyễn Trãi.

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Lời thề ở Lũng Nhai chép trong gia phả giòng họ Lưu Nhân Chú ở xã Vân Yên, huyện Đại Từ, Bắc Thái.

Trích bài văn hội thề ở trong “Quân trung từ mệnh tập” của Nguyễn Trãi.

Thuộc Đông Sơn, Thanh Hóa.

“Bình Ngô đại cáo”.

“Có” và “Không”.

Một trong Ngũ Kinh (5 bộ sách giáo khoa cao cấp ngày xưa).

Lê Quý Đôn sinh năm Bính Ngọ, 1726.

Chữ “Đại” (nghĩa là to) viết theo Hán ngữ (大) tự dạng giống hình người giang tay xoạc chân.

Chữ “Thái” (cũng có nghĩa là to), Hán ngữ viết (太) (hình người giang tay xoạc chân, nhưng thêm cả... cái giống !).

Thể thơ 8 câu, mỗi câu 7 chữ.

Sách Việt sử thông, giám cương mục chép: “Con người của Lê Quý Đôn lúc nào cũng đưa đẩy lia lịa”.

Nước Trâu và nước Lỗ (ở Trung Quốc cổ đại) là quê của Mạnh Tử và Khổng Tử, thường cũng được dùng để chỉ hai nhân vật nổi tiếng này. Ở đây lại dùng để chỉ thân loại rắn hổ trâu.

Tiến sĩ Lê Hữu Kiêu (chú của Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác) về sau là bố vợ của Lê Quý Đôn.

Nghĩa là “bốn mắt”.

Nghĩa là “ba sông”. Chữ “Tam”(三) viết quay dọc lại, cũng là chữ “xuyên” (川).

Những giai thoại về tuổi nhỏ của Lê Quý Đôn, ở đây viết theo các sách *Nam hải dị nhân liệt truyện*, ông Bảng Đôn... và lời kể dân gian. Riêng câu đánh giá về tương lai của Lê Quý Đôn là chép theo *Lê Quế Đường tiên sinh tiểu sử*. Tài liệu này nói lẽ câu này là của Chu Nguyên Lâm, một bạn cùng học của tiến sĩ Lê Trọng Thứ.

Nay là thôn Phù Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Các cơ quan chính trị và văn hóa của Nhà nước phong kiến trung ương.

Năm 1743.

Cử nhân, đỗ đầu, người ở Sơn Nam là Lê Quý Đôn, 18 tuổi.

Năm 1752.

Đỗ đầu thi Hội (tiến sĩ) và thi Đình (do nhà vua, làm chủ khảo).

Năm ấy, triều đình không lấy đỗ Trạng nguyên, chỉ phong học vị thứ hai cho người đỗ đầu là Bảng nhãn.

Các chức vị hành chính, đứng đầu cấp huyện, tỉnh.

Tiến sĩ Trần Danh Lâm là người đã viết về Lê Quý Đôn : “Không sách nào không đọc, không sự vật gì không suy xét tới cùng. Ngày thường nghĩ được điều gì đâu viết ngay thành sách. Sách chất đầy tủ đầy bàn, kể ra khôn xiết...” (Lời tựa viết cho sách *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn).

Giữa thế kỷ 17.

Ý này, Lê Quý Đôn có viết trong phần *Thiên chương* và *Tài phẩm* của sách *Kiến Văn tiểu lục*.

Còn gọi là sách *An nam chi nguyên*, của Cao Hùng Trưng, đời nhà Minh.

Năm 1411.

Khoảng năm 1470-1497.

Câu này, Lê Quý Đôn về sau có viết lại trong sách *Kiến văn tiểu lục* của ông.

Về sau, Lê Quý Đôn sẽ hoàn thành việc này. Bộ *Toàn Việt thi lục* gồm 20 quyển và bộ *Hoàng Việt văn hải* gồm 10 quyển của ông là những công trình toàn tập, rất quý giá đối với các thời đại.

Những công trình này, Lê Quý Đôn hoàn thành vào khoảng năm 1757, khi ông 30, 31 tuổi. Trên sách có ghi rõ : “Niên hiệu Càn long 22... đất Duyên Hà, hiệu Quế Đường, Lê Quý Đôn, tự Doãn hậu, viết ở Kinh nghĩa đường, tại quốc đô”.

Viết sách, nêu được nguyên tắc chỉ hướng.

Nguyên văn trong sách *Bắc sứ thông lục* của Lê Quý Đôn.

Năm 1760.

Tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) bây giờ.

“Quan nước mọi rợ đã đến !”.

Việc này, Lê Quý Đôn có trình bày trong tờ Khải báo cáo lên chúa Trịnh, và viết bằng chữ Nôm, chép trong sách *Bắc sứ thông lục*.

Giai thoại này viết theo sách *Nam hải di nhân liệt truyện*.

Nam Hoài Nhân là tên Trung Quốc của giáo sĩ nước Bỉ Ferdinandus Verbiest, tác giả cuốn *Khôn dư đô thuyết* và Thanh Nhượng Vọng là tên Trung Quốc của Schall Von Bell, người Đức, tác giả các sách *Lịch pháp Tây truyền* và *Tân pháp biểu dị*. Cả hai đều đến Trung Quốc hồi giữa thế kỷ 17.

Tức là thành Bắc Kinh ngày nay.

Dẫn trong tài liệu *Lê Quế Đường tiên sinh tiểu sử*.

Sau khi đi sứ về, Lê Quý Đôn được thăng làm Học sĩ ở Bí thư các. Bài *Khải* của ông về chuyến đi sứ, chép trong bộ *Bắc sứ thông lục*, là áng văn xuôi chính trị bằng chữ nôm đầu tiên tìm được trong lịch sử nước ta.

Tức là Triều Tiên.

Các năm 1765-1767.

Vân đài loại ngữ viết xong vào năm 1773, khi Lê Quý Đôn 47 tuổi và *Kiến văn tiểu lục* hoàn thành năm 1777, khi ông 51 tuổi.

Lê Quý Đôn viết : “Tôi vốn là người nông cạn, lúc còn bé thích chứa sách, lúc trưởng thành ra làm quan, xem lại sách đã chứa trong tủ, vâng theo lời dạy của cha, lại được giao du nhiều với các bậc hiền sĩ đại phu. Thêm vào đấy, phụng mệnh làm việc công, bốn phương rong ruổi... đi đến đâu cũng

để ý, tìm tòi, phàm việc gì mắt thấy tai nghe đều dùng bút ghi chép, lại phụ thêm lời bình luận sơ qua, giao cho tiểu đồng đựng vào túi sách...” (Lời tựa, sách *Kiến văn tiểu lục*).

“Dưới gầm trời này có gì không biết thì hỏi Bảng Đôn”.

Theo tài liệu của Phạm Đình Duật và Hoàng Lê (Tạp chí Văn học số 1 năm 1977).

Trong phần “Phẩm vật” của sách Vân đài loại ngữ, Lê Quý Đôn sẽ đưa vào những tài liệu nông học đặc sắc này.

Giai thoại này, viết theo Phạm Đình Duật và Hoàng Lê (sách đã dẫn). Về Lương Thế Vinh, cũng có một giai thoại tương tự (Xin xem: *Những vì sao đất nước*, tập I, truyện Lương Thế Vinh).

Miền Bình Trị Thiên trở vào.

Lê Quý Đôn được cử làm Hiệp trấn Thuận Quảng năm 1776.

Ở huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam Ninh bây giờ.

Lê Quý Đôn được cử giữ chức đứng đầu Quốc sử quán vào năm 1781.

Nay là miền Thanh Hóa.

Hà Nội bây giờ.

Nguyên văn chữ Hán. Bản dịch dựa theo Đào Phương Bình.

Nhận xét này, Lê Quý Đôn đã đưa vào sách *Phủ biên tạp lục*, quyển 3.

Lê Quý Đôn viết :“Chỉ mong sao vớ về trăm họ an cư một phương” (Lời tựa, sách *Phủ biên tạp lục*).

Sách cổ của Trung Quốc, ghi chép về các sản phẩm và cây cỏ.

Lê Quế Đường tiên sinh tiểu sử viết: “Ông tính ham đọc sách. Tuy làm đến khanh tướng mà vẫn đọc sách đến nửa đêm”.

Sách *Phủ biên tập lục* hoàn thành chỉ trong thời gian 6 tháng làm Hiệp trấn của Lê Quý Đôn ở Thuận Quảng. Nhà trí thức tên tuổi ở thế kỷ 18 là Ngô Thì Sĩ, cha của Ngô Thì Nhậm, đã đánh giá :“Sách này chép về hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam, ghi rõ: núi sông thành ấp, ngạch linh, thuế má, nhân tài, sản vật, cùng là họ Nguyễn đời nọ nối đời kia, đầu đuôi thay đổi về việc đánh dẹp, đóng quân, rõ ràng dễ thấy như nhìn ngón tay trên bàn tay...”

Sử gia lớn nhất thế kỷ 19 là Phan Huy Chú viết về Lê Quý Đôn:“Ông tư chất khác đời, thông minh hơn người và giữ tính nết thu ần hậu, chăm học không biết mỏi, tuy đỗ đạt vinh hiển mà tay vẫn không rời quyển sách”.

Trong trận này, Nguyễn Ánh đã dùng phép thả diều lửa do bọn sĩ quan Pháp bày cho để đột phá Quy Nhơn.

Tức Huế ngày nay.

Bùi Đắc Tuyên là anh cùng cha khác mẹ với vua Cảnh Thịnh, là cậu Bùi Thị Xuân.

Chỉ giặc Pháp.

Cách Huế 12 km.

Miền Nghệ An ngày nay.

Ở Nam Quảng Bình ngày nay.

Mệnh lệnh quyết chiến.

Chính sử có ghi việc Bùi Thị Xuân đuổi theo, níu áo vua đòi đánh.

Vua Cảnh Thịnh được tin thủy trận quân Tây Sơn trên sông Nhật Lệ bị vỡ nên đã đơn độc rút lui.

Cờ dừng trong những ngày lễ.

Cờ làm bằng lông tượng trưng hiệu lệnh của vua.

Từ cô chỉ cha, bố.

Bọn cô đạo Pháp chứng kiến cuộc hành hình Bùi Thị Xuân đã ghi lại đầy đủ chi tiết này.

Sau khi Bùi Thị Xuân chết, nhân dân đã làm bài về đề ca ngợi công đức và cái chết lẫm liệt của nữ tướng.

Bài về có đoạn:

“Chủ tướng ta

Thét voi xông trận ào ào

Suối sâu, sá kễ, sông, rao vượt qua !

Giặc trên núi đá tai mèo

Sườn dốc cheo leo

Voi trèo voi trượt

Ngựa treo ngựa trượt

Quân ta khí nộ xung thiên

Bủa vây kín khắp bốn bên trùng trùng...”

Phan Huy Chú thuở nhỏ tên là Hạo. Sau vì tránh tên húy của Minh Mạng phải đổi thành Chú.

Phan Huy Ích viết các sách sau: *Cúc đường bách vịnh thi tập; Tinh xa kỷ hành; Dụ am thi văn tập, Bang giao tập*. Phan Huy Ôn viết: *Nghệ An tỉnh chí; Khoa bảng tiêu kỳ; Chi Minh toán pháp; Liệt truyện đăng khoa lục*.

Chỉ tri ầu Tây Sơn.

Cách chơi như sau : Cứ hai người mở sách ra, nhanh mắt đọc lướt trang sách của mình (trang li ền phía mình) xem có những chữ kê trên không r ồi

lại nhìn sang trang của đối thủ, vớ được chữ nào là thực hành ngay đi đâu đã quy định: H ồ, xách khố hoặc cố thi đấm lưng v.v...

Phan Huy Ích lấy con gái Ngô Thì Sĩ.

Ngô Thì Nhậm là con cả của Ngô Thì Sĩ.

Trần Nhân Tông (1279-1293).

Trần Quang Khải (1241–1294).

Nguyễn Trãi (1380-1442).

Trên cơ sở những ghi chép này, sau này Phan Huy Hạo viết phần “Văn tịch chí”.

Ví như Ngô Văn Sở, một người có công lớn thời Quang Trung, lúc này bị bỏ rọ dìm xuống sông đến chết.

Quan điểm này được Phan Huy Hạo nhắc lại trong bài tựa *Văn tịch chí* !

Đây là những suy nghĩ biện chứng, khoa học của Ngô Thì Nhậm.

Xem Ngô Thì Nhậm, tập I “Những vì sao đất nước”.

Chỉ tri ều Gia Long.

Phan Huy Thục, anh ruột Phan Huy Chú từng làm tổng tài (chủ biên) bộ Thục lục trong quốc sử quán tri ều Nguyễn. Năm 1817, ông từng giữ chức phó sứ sang nhà Thanh. Ông là tác giả các sách:

- Tinh thi ều kỳ hành (văn)
- Hoa thi ều tập vịnh (văn)
- Mộng đương tập tư (văn)
- Nhân nguyệt vấn đáp (nôm).

Tên tục chỉ làng Tả Thanh Oai (Hà Tây) quê hương của Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm v.v..

Minh Mệnh thưởng cho tác giả 30 lạng bạc, một chiếc áo sa, 30 cái bút, 30 thoi mực.

Vì tránh tên húy của Minh Mệnh, Phan Huy Hạo đổi tên thành Chú.

Minh Mệnh làm vua từ năm 1820 đến 1840.

Mao Toại là người tài tử, làm môn hạ của Bình Nguyên Quân nước Triệu thời Xuân Thu - Chiến quốc, đã ba năm mà không ai khen ngợi, tiến cử. Sau Mao Toại phải tự tiến cử mình với Bình Nguyên Quân và được dùng. Quả nhiên Mao Toại đã làm cho nước Triệu có thanh thế, được tôn trọng.

Thời Minh Mệnh có 234 cuộc khởi nghĩa nông dân.

Chỉ tri ầu Tây Sơn.

Chính sử có ghi việc này.

Ít nhất Phan Huy Chú cũng bị giáng chức 3 lần:

Lần thứ nhất (1829) đang làm Hiệp trấn Quảng Nam bị giáng chức gọi về Huế nhận chức Thị độc viện Hàn Lâm.

Lần thứ hai (1830) đi sứ, do cả sứ bộ phạm “tội lộng quyền”, Phan Huy Chú bị cách chức.

Lần thứ ba (1832), Phan Huy Chú bị Minh Mệnh bắt đi công cán ở Giang-lưu-ba (thuộc In-đô-nê-di-a). Xong nhiệm vụ, ông được cử giữ chức Tư vụ bộ Công. Nhưng chán ngán cuộc đời làm quan, ông vin có đau yếu, xin từ quan về nhà dạy học.

Ngoài *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú còn viết:

Hoàng Việt dư địa chí (địa sử)

Hoa thi ầu ngâm lục (văn)

Hoa thi ầu tục ngâm (văn)

Lịch đại điển yếu thông luận (sử)

Mai Phong du Tây thành dã lục (văn)

Hải trình chí lược (sử - địa)